

THOMAS BERNHARD

TẠO DÀN

Văn chương kinh điển

THOMAS
BERNHARD

dồn
hạ

đồn hạ

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Hoàng Đặng Lanh dịch

TẠO DÀN

Đốn hạ

THOMAS BERNHARD
Hoàng Đăng Lĩnh *dịch*

BlueRose @ vctvegroup

2024-01-29

Âu cũng vì ta không đủ tài làm con người khôn ngoan hơn, mà ta ưa được sung sướng khi ở xa họ.

Voltaire

Trong lúc ai nấy đều nóng ruột ngóng chờ lão diễn viên vốn đã buông lời hứa đến dùng bữa tối ở ngõ Grentz sau buổi trình diễn vở *Vịt trời* khoảng mười một giờ rưỡi, thì tôi lại ngồi chính trên chiếc ghế bành mà trước đây, vào đầu những năm năm mươi, gần như ngày nào tôi cũng ngồi, để đưa mắt dõi nhìn theo vợ chồng nhà Auersberger và nghĩ bụng: việc mình nhận lời mời của vợ chồng y quả là một sai lầm tai hại. Suốt hai chục năm qua chẳng lần nào tôi gặp hai vợ chồng Auersberger nữa, thế mà đúng ngày Joana, người bạn chung của cả tôi và của vợ chồng họ qua đời thì tôi lại gặp hai vợ chồng nhà đó trên phố Graben và đã không ngần ngại nhận ngay lời mời đến nhà dự bữa ăn tối mà vợ chồng y vẫn gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ* ấy. Ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ bụng, hai chục năm ròng mình chẳng thêm đoái hoài gì đến cặp vợ chồng Auersberger này, suốt hai chục năm trời, mình cũng không một lần gặp lại vợ chồng nhà này, thậm chí trong suốt cả hai chục năm ấy, chỉ cần ai nhắc đến tên vợ chồng Auersberger thôi là mình đã phát buồn nôn, thế mà bây giờ vợ chồng nhà ấy lại đặt mình vào thế phải ngồi đối diện với những năm năm mươi của cả bọn họ lẫn của mình. Tôi thầm nghĩ, hai chục năm tôi tránh mặt vợ chồng nhà Auersberger, hai chục năm trời tôi không một lần gặp họ, thế mà đúng bây giờ đây tôi lại đụng phải họ ở phố Graben; đúng ngày hôm nay mà lại đặt chân lên phố Graben thì quả

là ngu xuẩn hết sức, đã thế lại còn theo một thói quen tôi có hồi từ London về lại Vienna đến giờ, là đi tới đi lui trên phố Graben, đoạn phố mà nhẽ ra tôi phải cảm chắc rằng thế nào mình cũng *phải* một lần chạm trán vợ chồng nhà Auersberger, và chẳng những chỉ chạm trán với riêng hai vợ chồng nhà ấy không thôi, mà còn chạm trán tất tậ những người tôi từng lánh mặt suốt mấy chục năm qua, những người mà vào những năm năm mươi, tôi từng duy trì mối quan hệ khăng khít, như vợ chồng lão Auersberger thường vẫn gọi là *quan hệ nghệ sĩ* ấy - mối quan hệ mà tôi đã cắt bỏ từ một phần tư thế kỷ nay, đúng vào thời điểm tôi từ bỏ vợ chồng nhà Auersberger để té sang London, bởi vì như thiên hạ vẫn bảo, tôi đã cắt đứt mọi liên hệ với đám người thành Vienna hồi ấy và chẳng muốn gặp lại, cũng như hoàn toàn không muốn dây dưa dính líu chút nào với họ nữa. Ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ bụng, đi dạo dọc phố Graben thì có khác nào đâm thẳng vào sào huyệt của giới thượng lưu thành Vienna và chạm trán với chính những kẻ tôi không muốn gặp, những kẻ mà chỉ cần đột ngột xuất hiện cũng khiến người tôi nổi các cơn đau thắt đủ kiểu cả về tinh thần lẫn thể xác, và cũng chính vì vậy mà những năm gần đây, mỗi khi từ London về thăm Vienna, tôi đều tránh sang đường khác, không đặt chân lên phố Graben, cũng như không qua chợ Kohlmarkt nữa, và dĩ nhiên, không bén mảng lên phố Kärntner; tôi tránh không vào ngõ Spiegel cũng như lảng xa ngõ Stallburg hay ngõ Dorotheer, đồng thời, tránh thật xa những tuyến luôn luôn làm tôi kinh hãi là phố Wollzeile hay ngõ Opern, nơi tôi thường sa bẫy của chính những kẻ xưa nay tôi vẫn ghét cay ghét đắng ấy. Song - ngồi yên vị trong ghế bành, tôi nghĩ bụng - mấy tuần gần đây tôi bỗng dừng lại nổi cơn hứng, muốn đi dạo cả trên phố Graben lẫn phố Kärntner cho bằng được, do bầu không khí

ở đó trong lành, cũng có thể do tôi đột nhiên cảm thấy dễ chịu khi được hòa mình vào đám đông buổi sáng, ở ngay trên các khu phố ấy, chính ngay trên phố Graben và phố Kärntner chứ chẳng đâu xa, và có lẽ còn do tôi rất cuộc cũng dứt khoát muốn trút bỏ cảnh sống cô đơn hàng tháng trời trong căn hộ ở khu Währing, muốn nhanh chân thoát khỏi cuộc sống biệt lập đang làm đầu óc tôi sắp ngu si mù mịt đến nơi rồi. Mấy tuần trở lại đây tôi luôn cảm thấy dễ chịu và khoan khoái, cả về thể xác lẫn tinh thần, mỗi khi hết xuôi phố Kärntner sang phố Graben, rồi lại ngược phố Graben quay về phố Kärntner; đi ngược đi xuôi như thế làm đầu óc tôi dễ chịu thế nào, thì cũng làm thân xác tôi khoan khoái y như vậy, và cứ như thế tôi không cần gì hơn ngoài việc đi tới đi lui trên hai phố Graben và Kärntner ấy nữa cả, trong mấy tuần vừa qua, *ngày nào* tôi cũng ngược phố Kärntner lên phố Graben rồi lại xuôi trở xuống; đi trên phố Kärntner cũng như phố Graben như thế, thật tình mà nói, sau mấy tháng ròng suy hồn bại lực, bỗng dưng tôi cảm thấy hồi tâm tĩnh sức trở lại, và mỗi lần ngược phố Kärntner lên phố Graben rồi quay về, tôi lại thấy tươi tỉnh; vừa đi tôi vừa tự nhủ *chỉ cần mỗi chuyện đi ngược đi xuôi thế này thôi*, nhưng tôi biết thực ra không phải chỉ có vậy; lòng dạ tôi một mực khẳng khẳng chỉ cần mỗi chuyện đi ngược đi xuôi thế này thôi, và đúng thực, đi như thế buộc tôi phải suy tư trở lại, đi như thế thật sự bắt tôi phải triết lý trở lại, buộc tôi phải bận tâm trở lại với cả triết học lẫn văn học, là những thứ từ khá lâu đã bị đè nén, vâng, thậm chí dập chết, trong lòng tôi. Ngồi trên ghế bành, giờ đây tôi thầm nghĩ, phải, chính cái mùa đông dài đằng đằng và sinh bệnh gây hoạn này, cái mùa đông tôi vô phúc trải qua ở Vienna - chứ không phải ở London như mấy năm trước - đã dập chết mọi thứ thuộc về văn chương lẫn triết lý ở trong tôi, và bây giờ,

nhờ có những chuyến đi đi lại lại qua phố Graben đến phố Kärntner này, tôi đã tự làm chúng hồi sinh, tôi có thể thẳng thừng coi trạng thái tinh thần của tôi ở thành Vienna này - trạng thái tinh thần mà có lẽ tôi sẽ được phép gọi là *trạng thái cứu rỗi tinh thần* ấy - là kết quả của biện pháp trị liệu liên phố Kärntner-Graben, một biện pháp trị liệu tôi tự kê cho mình từ giữa tháng Giêng đến giờ. Tôi nghĩ bụng chính cái thành Vienna đáng tởm này, chính thành phố đã đẩy tôi rơi sâu vào tuyệt vọng và lại một lần nữa xô tôi đến chỗ cùng đường hết lối này, bỗng nhiên lại biến thành động cơ khiến tôi động não trở lại, khiến thân xác tôi hồi sinh; ngày này qua ngày khác tôi quan sát sự hồi sinh của tất tậ những gì suốt mùa đông qua đã tắt lịm trong tôi, một cuộc hồi sinh không ngừng diễn ra trong đầu óc và thân thể tôi; trước đây tôi đổ cho mùa đông thành Vienna cái tội làm tinh thần và thể xác tôi chết dần chết mòn thế nào, thì giờ đây cũng chính thành Vienna là nơi tôi phải mang ơn về sự hồi sinh. Thế đấy, bây giờ ngồi trên ghế bành, tôi ca ngợi cả phố Kärntner lẫn phố Graben, tôi cảm chắc nguyên nhân đưa đến sự hồi phục về tinh thần và thể xác của tôi chỉ nằm trong biện pháp trị liệu dạo hết phố Kärntner sang phố Graben mà thôi, chứ chẳng còn nguyên nhân nào khác nữa, đồng thời, tôi tự nhủ, cũng là sự đương nhiên thôi, khi tôi sẽ phải trả giá cho biện pháp trị liệu đó, và tôi nghĩ bụng cái giá phải trả cho sự nhiệm màu này chính là cuộc chạm trán vợ chồng nhà Auersberger trên phố Graben, và tôi lại nghĩ, cái giá phải trả này tuy rất cao đây, nhưng biết đâu cái giá lẽ ra tôi phải trả có khi còn cao hơn nhiều cũng nên, bởi vì có thể ở phố Graben tôi đã phải gặp những kẻ còn tồi tệ hơn nhiều so với hai vợ chồng nhà Auersberger, bởi vì nói gì thì nói, hai vợ chồng nhà Auersberger dù sao cũng chưa phải là những tên tồi tệ nhất, hay ít ra, cũng chưa phải là

những tên tồi tệ tột cùng hết nước; ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ mặc dù phải chạm trán đúng hai vợ chồng nhà Auersberger này trên phố Graben, âu cũng đã là đủ tồi tệ lắm rồi, chứ không phải vừa. Tôi nghĩ một người mạnh mẽ, có bản lĩnh, hẳn đã từ chối phắt lời mời của vợ chồng nhà ấy rồi, nhưng con người tôi đã không mạnh mẽ, bản lĩnh lại chẳng cao cường gì, thậm chí ngược lại, con người thì yếu đuối, bản lĩnh lại thấp hèn, và chẳng ít thì nhiều, bao giờ cũng bị mọi người trong thiên hạ dễ dàng bóp mũi. Rồi tôi lại nghĩ tiếp, quả thật tôi đã hết sức sai lầm khi nhận lời mời của hai vợ chồng nhà Auersberger, bởi chẳng gì thì cả cuộc đời, tôi đã nguyện không còn dây dưa gì với nhà ấy nữa, thế mà tôi lại dạo qua phố Graben cho bằng được để bị bọn họ bắt chuyện, hỏi rằng không biết tôi đã hay tin Joana mất chưa, bảo tôi rằng Joana treo cổ chết, và tôi lại còn cứ thế mà gật đầu nhận lời bọn họ mời nữa chứ. Tôi nghĩ thầm, thì ra trong giây lát, tôi đã tỏ ra đa sầu đa cảm đến mức nhục nhã, và vợ chồng nhà Auersberger đã chớp ngay thời cơ lợi dụng phút đa sầu đa cảm đó, còn hơn thế, bọn chúng còn lợi dụng ngay cả vụ người bạn chung của cả tôi lẫn của họ tự sát để đưa ra lời mời mà tôi lập tức nhận ấy, mặc dù nếu khôn ngoan hơn, lẽ ra tôi phải từ chối lời mời đó mới phải; thế nhưng ngồi trên ghế bành mà nghĩ tiếp, tôi đã chẳng kịp khôn ngoan được như vậy, bởi vì bọn họ *nói với từ phía sau lưng* tôi để báo cái tin tôi đã biết từ trước, rằng Joana treo cổ tự sát, ở Kilb, ngay trong nhà bố mẹ nàng, rồi bọn họ mới cất tiếng mời tôi đến dùng bữa tối, *một buổi dạ tiệc thuần nghệ thuật*, nói như hai vợ chồng nhà Auersberger lúc ấy cố tình nhấn mạnh, rồi để thêm, *chỉ toàn bạn bè hồi xưa thôi*. Tôi nhớ lại lúc cất tiếng mời, thì thật tình, bọn họ đã cất bước đi tiếp rồi kia, và đúng vậy thật, bọn họ đã đi được vài bước ra xa rồi thì tôi mới lại lên tiếng

đáp *vâng*, tức là *vâng* để nhận lời mời đến dự bữa ăn tối tại chỗ họ ở ngõ Gentz, trong căn hộ đáng tởm đáng lợm ấy. Lúc đó hai vợ chồng nhà Auersberger đang xách trên tay một lô một lốc những hộp to hộp nhỏ gói trong giấy bọc hàng ghi nhãn các cửa hiệu danh tiếng trong nội đô và trên người họ vẫn khoác hai chiếc áo măng tô kiểu Anh mà từ ba chục năm nay họ vẫn mặc mỗi khi vào trung tâm mua sắm, *vâng*, nói như người ta vẫn nói, mọi thứ trên người họ đều đã *sờn mòn một cách quý phái*. Nói cho thật đúng thì lúc đứng ở phố Graben, chỉ có con mẹ Auersberger là mở miệng nói thôi, còn thằng chồng mù, *một tay nhạc sĩ thấy bảo thuộc loại môn đồ của Webern*, suốt buổi không nói năng gì với tôi - bây giờ ngồi trên ghế bành đây, tôi nghĩ bụng - bởi có lẽ y muốn lặng yên như thế để làm tôi khó chịu cũng nên. Mụ ta bảo vợ chồng mụ chưa biết thời điểm mai táng Joana ở Kilb. Còn chính tôi, bữa nay, ngay trước khi bước ra phố, đã nghe người bạn gái từ thời ấu thơ của Joana ở Kilb báo tin Joana treo cổ tự sát rồi; lúc đầu, bà bạn này - là chủ hàng tạp hóa ở Kilb - không muốn nói thẳng qua điện thoại rằng Joana *treo cổ tự sát* đâu, bà ta chỉ nói qua ống nghe rằng Joana đã *mất*, nhưng tôi cứ thế là nói toạc móng heo ra với bà ta rằng không phải Joana *mất*, mà *tự sát*, bằng cách nào thì bà ta, đã là bạn, chắc chắn phải biết rất rõ, chỉ có điều bà không muốn nói lộ ra cho tôi biết thôi; bởi vì, không như dân thành thị, dân ở quê vẫn còn giữ cái thói ngại ngần mỗi khi phải thông báo *một ai đó đã tự sát*, và khó nói nhất đối với họ vẫn là nói cho rõ, tự sát bằng cách nào; chứ như tôi đây, lúc vừa nghe tin, tôi đã nghĩ ngay Joana tự treo cổ, và quả thật, tôi cũng cứ thế mà nói tuột ra qua điện thoại với bà bán hàng tạp hóa, rằng *Joana treo cổ tự tử*, khiến bà bán hàng tạp hóa ngớ cả người, chỉ biết đáp gọn lỏn, *vâng*. Tôi nói qua điện thoại

rằng những người như Joana bao giờ cũng chết do tự treo cổ, họ sẽ chẳng dám đầu xuống sông hay buông mình rơi từ tầng lầu thứ tư xuống đất đâu, không, họ sẽ tìm một sợi dây thừng, khéo léo thắt nó thành thòng lọng, rồi thản nhiên tự chui đầu vào đó mà thả mình rơi xuống. *Các nữ nghệ sĩ ba lê, hay các nữ tài tử*, tôi nói qua điện thoại với bà bán hàng tạp hóa, họ bao giờ cũng *tự treo cổ* mà chết. Tôi vẫn ngồi trên ghế bành mà nghĩ cái việc đã lâu rồi chẳng nhận được tin tức gì của Joana, đã làm tôi nghi nghi, đã khiến tôi gần đây hay nghĩ, không chừng đến hôm nào đấy, nàng - người đàn bà bị phản bội, bị bỏ rơi, bị giễu cợt ấy - lại tự sát cũng nên. Thế nhưng, trước mặt hai vợ chồng nhà Auersberger ở phố Graben, tôi cứ *làm bộ* như không hay biết gì về chuyện Joana tự sát, đã thế, tôi lại còn đóng cho họ xem vẻ bàng hoàng sửng sốt, mặc dù lúc mười một giờ trưa ở phố Graben ấy, tôi chẳng còn chút bàng hoàng sửng sốt nào do tai họa đó nữa, bởi vì tôi đã nhận hung tin này từ lúc bảy giờ sáng, và quả thật, bằng cách nhiều lần đi tới đi lui trên các phố Graben và Kärntner, tôi đã *chịu đựng* được, vâng, đã nuốt trôi được chuyện Joana tự sát, trong bầu không khí trong lành và mát lạnh ở phố Graben ấy. Nhẽ ra tôi không nên giả bộ bàng hoàng sửng sốt trước cái tin Joana tự sát do vợ chồng nhà Auersberger nói ra mới phải, đáng ra tôi phải nói ngay là đã biết tin Joana tự sát từ lâu rồi, thậm chí còn biết nàng tự sát *như thế nào*, thì tốt hơn, tôi tự nhủ, nhẽ ra tôi phải nói để hai vợ chồng biết rõ chuyện đã xảy ra trong hoàn cảnh như thế nào mới phải để bọn họ không còn có mà vênh vang đắc thắng có cơ hội được báo hung tin cho tôi nữa - sự hả hê đắc thắng họ phô ra một cách đều giả, như tôi nhận thấy, lúc đứng với tôi ngay trước cửa hiệu Knize; bằng cách giả bộ làm như không biết gì về cái chết của Joana cũng như trong vai một kẻ bị

bất ngờ đến mức sững sốt và choáng váng trước cái tin khủng khiếp kia, tôi đã để hai vợ chồng Auersberger được mê mẩn, say sưa với một vai trò bất chợt rơi vào tay họ, tức là vai hai kẻ được loan báo tin dữ; vâng, mặc dù đó tất nhiên không phải ý định của tôi, nhưng chính sự vụng về, chính lối giả bộ chưa biết, chưa nghe tí gì về vụ tự sát của Joana lại dẫn đến tình huống đó; suốt thời gian đứng trò chuyện với hai vợ chồng nhà Auersberger, tôi cứ một mực giả ngây giả ngô, trong khi thực ra tôi đã ít nhiều biết rõ về vụ Joana tự sát. Tôi không rõ do đâu hai người biết Joana treo cổ tự tử, chắc họ cũng nghe qua lời bà bán hàng tạp hóa ở Kilb thôi, và có lẽ, bà bạn ở Kilb cũng đã kể cho họ nghe y như đã kể cho tôi vậy, có điều, tôi nghĩ bụng chắc không kể *nhiều như kể cho tôi*, tôi tự nhủ, nếu không hai vợ chồng Auersberger hẳn còn tuôn ra nhiều chuyện nữa kia, nhiều hơn cả những gì họ đã phun ra về việc Joana tự sát. Mụ Auersberger bảo tất nhiên họ sẽ đến Kilb dự đám ma của Joana, và tôi nghĩ bụng mụ nói với vẻ như thể việc đi dự đám tang Joana không phải là việc đương nhiên mà tôi sẽ làm vậy, mụ nói với giọng như thế ngay bây giờ mụ đã chê trách, rằng tôi *mặc dù cũng kết bạn thân thiết với Joana từ nhiều năm nay, vâng, thậm chí hàng chục năm như mụ*, rất có thể sẽ *không* đi dự đám tang Joana, rằng tôi vì ngại, vì thấy bất tiện nên thậm chí có thể bỏ dự đám tang Joana, *người bạn của cả vợ chồng mụ lẫn của tôi*, và cả cái kiêu, cái lối nói năng của mụ ta, một đường thì hẹn gặp tôi tại đám ma Joana ở Kilb, đường khác lại mời tôi, ngay lúc đang đứng ở phố Graben nữa chứ, tối thứ Ba, tức là tối hôm nay đây, đúng ngày đưa đám Joana, đến nhà mụ dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* ở ngõ Gentz, tôi nghĩ bụng, quả là cái lối con mẹ này dùng để lãng mạ tôi. Nói cho đúng ra thì tôi làm quen với Joana qua nhà Auersberger thật, hơn ba

chục năm về trước, trong lễ sinh nhật của chồng nàng tổ chức ở Quảng trường Sebastian, Quận Ba; đó là một bữa tiệc gọi là *nghệ yến* mà gần như tất tât đám nghệ sĩ ít nhiều có tên tuổi ở thành Vienna đều đến dự. Chồng Joana vốn là một nghệ nhân chuyên về thảm, nói nôm na ra là thợ dệt thảm, gốc xưa hơn nữa là họa sĩ và vào giữa những năm sáu mươi từng có lần giật giải nhất cho một tấm thảm của mình ở sự kiện nghệ thuật Biennale tại São Paulo. Đứng ở phố Graben, hai vợ chồng Auersberger bảo chuyện gì thì chuyện, chứ Joana tự sát thì họ không thể ngờ, và trước khi cất bước đi tiếp cùng bấy nhiêu thùng với hộp, họ bảo tôi là *họ đã mua tất tât sách của Ludwig Wittgenstein*, để sắp tới đây họ *sẽ chỉ chìm đắm trong Wittgenstein mà thôi*. Tôi nghĩ thầm, có lẽ họ nhét Wittgenstein trong cái hộp bé nhất mà con mẹ Auersberger đeo ở tay phải kia. Tôi lại nghĩ quả là sai lầm tai hại khi nhận lời mời của vợ chồng nhà Auersberger, do tôi vẫn ghét cay ghét đắng những lời mời kiểu như thế và từ mấy chục năm nay rồi tôi đều tránh, không nhận các lời mời dự *dạ tiệc nghệ sĩ* nữa, bởi cho đến khi tôi bước sang tuổi bốn mươi, tôi đã quen quá đủ với loại dạ tiệc như thế, để biết ở đời hiếm có gì đáng ghê tởm hơn. Tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, quả thật những buổi tiếp tân kiểu này ở nhà Auersberger chẳng thay đổi gì, vẫn hệt như các buổi tiếp tân vào những năm năm mươi, tức là ba mươi năm về trước, các bữa tiệc rốt cuộc chẳng những đã làm tôi chán ngán đến ươn thây thối xác, mà còn khiến tôi gần phát điên phát rồ. Tôi ngồi trên ghế bành và tự nhủ, phải, hai chục năm ròng, người ghê tởm hai vợ chồng nhà Auersberger, nhưng rồi người chỉ gặp bọn chúng trên phố Graben thì chẳng những người nhận ngay lời mời, mà người còn vác mặt rất đúng giờ đến ngõ Gentz nữa chứ. Mặc dù biết hết thảy đám khách được mời đến dự dạ

tiệc là bọn nào, mà người vẫn dẫn xác đến. Và tôi nghĩ, giá tối nay, hay suốt cả đêm nay đi, đem Pascal, Gogol, hoặc Dostoyevsky hay Chekhov ra mà đọc thì có phải hay hơn là đến dự cái buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* đáng tởm ở ngõ Gentz này không. Hai vợ chồng nhà Auersberger đã chẳng phá hoại cuộc đời, đã chẳng hủy hoại mạng sống người đó sao; vào đầu những năm năm mươi bọn chúng chẳng từng đẩy người vào tình trạng suy hồn liệt xác, từng xô người vào cảnh sống dở chết dở, từng đưa người đến cùng đường tuyệt vọng, đến nỗi hồi ấy, rốt cuộc người phải nhập viện tâm thần Steinhof đấy thôi; thế mà người vẫn mò đến. Hồi ấy, tôi nghĩ bụng, nếu người không kịp chọn đúng lúc mà quay lưng lại với chúng, thì chúng làm tiêu đời người rồi còn đâu. Có thể chúng đã xé tan xác người, rồi tiêu hủy người từ lâu, nếu đến phút chót mà người chưa kịp tẩu thoát. Ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ bụng, dạo ấy chỉ cần lưu lại thêm vài ngày nữa trong căn nhà của chúng ở Maria Zaal thôi, chắc chắn đời tôi đã tiêu mất rồi. Hẳn chúng đã vắt kiệt người đi, rồi vứt bỏ, tôi tự nhủ. Phải, trên phố Graben, người gặp lại những kẻ khốn kiếp từng hủy hoại, thậm chí giết hại người, thế mà chỉ trong một giây phút yếu lòng mũi dạ, chẳng những để mặc chúng mời mọc, người còn dẫn xác đến ngõ Gentz nữa chứ, tôi vẫn ngồi trên ghế bành mà nghĩ ngợi. Vậy mà, tôi nghĩ tiếp, nhẽ ra bây giờ ngồi đọc Pascal hay Gogol hay Montaigne của tôi, hoặc chơi một bản Satie hay Schönberg nào đấy trên chiếc đàn dương cầm tuy cũ kỹ và lệch tông của tôi thì có phải hơn không. Người dạo bước trên phố Graben, những toan hít thở khí trời trong lành cho tươi người tỉnh ngợm, thì người lại rơi ngay vào tay những kẻ đang tâm triệt hạ, phải, những kẻ hủy hoại người năm xưa. Thế mà, người thậm chí còn mở mồm trơ trên bảo rằng người thật vui mừng được đến dùng bữa tối,

vâng, *buổi dạ tiệc nghệ sĩ* ở nhà bọn chúng, một bữa tiệc cùng lắm cũng chỉ nhàm chán nhạt nhẽo y như các buổi dạ tiệc, các bữa ăn tối khác người từng dự ở nhà chúng mà thôi chứ gì. Ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ bụng, phải thằng nào đầu óc đã ngu muội, bản lĩnh lại nhu nhược lắm mới nhận một lời mời như thế. Đã ba chục năm trôi qua - tôi vẫn ngồi yên trên ghế bành mà nghĩ ngợi - kể từ ngày chúng dụ người chui vào cạm bẫy, và chính người, người còn tự nguyện chui đầu vào cạm bẫy của chúng. Ba chục năm đã qua đi, kể từ dạo bọn chúng ngày ngày làm nhục người, còn người thì hèn hạ quy lụy chúng, tôi nghĩ bụng, ba chục năm trời, từ ngày người không nhiều thì ít đã tự *bán mình* cho chúng một cách đốn hèn nhất. Ba chục năm rồi, tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, ba chục năm rồi kể từ dạo người làm con rối cho chúng. Và cũng đúng hai mươi sáu năm rồi, kể từ lúc người thoát khỏi tay chúng (vào giây phút chót). Hai chục năm rồi người không còn gặp chúng nữa, thế mà bỗng dưng, người tí tởn, ngậy ngô lên phố Graben dạo, rồi cứ thế đâm ngay vào nanh vuốt chúng, để cho chúng mỗi chài đến ngõ Gentz, tôi ngồi trên ghế bành miên man ý nghĩ, và người còn mở miệng bảo người mừng được đến dự *dạ tiệc nghệ sĩ* của chúng nữa chứ. Con mụ Auersberger luôn mồm khen lão diễn viên *xuất chúng*, lão diễn viên mà chính qua vở *Vịt trời* này đã vươn tới đỉnh cao công danh của lão vậy, và mụ cũng không ngớt, cứ mười mười lăm phút, lại xách hết chai sâm panh này đến chai sâm panh khác, đon đả rót vào các ly rượu do đám khách ít nhiều tởm lợm kia chìa ra cho mụ - đám khách khứa mới mười giờ đêm đã kéo hết cả về đây rồi ấy. Mụ mặc chiếc váy dài màu vàng trên người, chiếc váy trước đây tôi từng biết, tôi nghĩ bụng, mà không chừng vì *mình* mà mụ mặc chiếc váy màu vàng này cũng nên, bởi ba chục năm trước bao giờ tôi

cũng khen mẹ mặc váy này đẹp, chiếc váy hồi ấy mẹ mặc quả có làm tôi thích thật, nhưng cũng bộ váy ấy mẹ mặc lúc này tôi không ưa chút nào, thậm chí tôi còn thấy nó, với cổ áo bằng nhung màu đen thay cho cổ áo màu đỏ ba chục năm trước đây, sao mà trơ trẽn, vô duyên thế. Mẹ Auersberger lặp đi lặp lại những từ ngữ kiểu như diễn viên *xuất chúng* hay vở *Vịt trời mê hồn* với cái giọng ba chục năm trước từng làm tôi gai cả người, có điều hồi ấy, tức ba chục năm trước, tôi cứ tưởng giọng nói làm tôi gai cả người ấy là giọng nói thú vị, nhưng bây giờ thì tôi chỉ thấy giọng mẹ ta nói thật thô lỗ và đáng tởm mà thôi. Bây giờ, nghe cái kiểu con mẹ Auersberger nói về *tài tử đáng kể nhất từ xưa đến giờ* cũng như về *diễn viên sinh thời vĩ đại nhất*, tôi chỉ còn thấy buồn nôn. Tôi chưa bao giờ ưa giọng mẹ ta, thế nhưng bây giờ, do giọng mẹ đã trở nên già cỗi và phều phào, yếu ớt, lại luôn luôn chen các âm sắc điên điên dại dại, hay như người ta vẫn nói, khi giọng đã tàn phai và cạn kiệt, thì tôi thấy chối không chịu được. Tôi nghĩ bụng, mẹ Auersberger đã có lần hát Purcell và các bản trong *Tập ca khúc tặng Anna Magdalena Bach* bằng cái giọng này, còn chồng mẹ - từng là bạn tôi và cũng là nhà soạn nhạc mà các chuyên gia vẫn thường xếp vào trường phái Webern - đệm dương cầm Steinway cho mẹ, khiến tôi, thực tình mà nói, cứ ứa cả nước mắt. Hồi ấy, tôi mới hai mươi hai tuổi đầu và say sưa mê mẩn với tất tột những gì thuộc về Maria Zaal và ngõ Gentz; đã thế, tôi còn làm thơ nữa chứ. Hiện giờ tôi tự lấy làm kinh tởm nhớ lại những trò đáng ghét mà ba chục năm trước tôi chẳng chút ngượng ngùng góp tay. Hồi đó, cứ hai tuần một lần, tôi lại theo vợ chồng Auersberger từ Maria Zaal chuyển về ngõ Gentz rồi ngược lại, cứ thế hết năm này sang năm khác, tôi ngồi trên ghế bành mà nghĩ và chẳng mấy chốc đã cạn mấy ly sâm panh. Ngồi trên

ghế bành nhìn theo mục Auersberger, tôi nghĩ bụng chính *mục* chứ không phải lão chồng, đã bắt chuyện người ở phố Graben và người nhận lời mời ngay. *Hai vợ chồng họ gọi người từ phía sau*, tôi nghĩ thầm, không khéo bọn họ đã *theo dõi người từ phía sau từ bao giờ rồi và bám theo người*, chờ đúng lúc thì chớp nhoáng bắt chuyện. Nhiều năm trước, tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, chính tôi đã từng bám theo tay Auersberger - gã đàn ông từ ba chục năm nay lúc nào cũng say khướt ấy - theo dõi y suốt phố Rotenturm với một người đàn bà tôi không quen mặt, trạc tuổi tứ tuần, nhác trông biết ngay thuộc hạng chơi bởi phóng đảng, bộ dạng trông rõ bê tha, tiêu tụy, đầu để tóc dài, chân mang ủng da mòn gót; tôi bám theo y, theo dõi y và người đàn bà lạ mặt kia sát sao, và suốt cả đoạn đường tôi cứ dẫn đo, không biết có nên bắt chuyện với y hay không, nhưng rốt cuộc lại thôi, *không* bắt chuyện nữa, bởi linh tính bảo tôi, người không được bắt chuyện lúc này, nếu người bắt chuyện, y khắc phun ra câu gì đó độc địa khiến người điều đứng suốt mấy ngày liền cho mà xem, nghĩ vậy nên tôi dẫn lòng, không bắt chuyện với y, chỉ theo y xuống tận Quảng trường Thụy Điển - nơi y cùng người đàn bà kia biến vào một ngôi nhà cũ kỹ, ọp ẹp, sắp bị giật sập đến nơi. Suốt đoạn đường, tôi nhìn như dán mắt vào cặp chân đáng ghê tởm xỏ trong đôi tất len màu xám đan thô đan kệch và kéo cao tận đầu gối, vào dáng đi nhịp nhàng đến tởm lợm, cũng như mái đầu hói sạch tóc phía sau của y. Ngồi trên ghế bành, nhớ lại lúc ấy tôi đã bụng bảo dạ, bộ dạng y sao mà tương xứng với người đàn bà đồng hành tiêu tụy của y đến thế, một người chắc hạng nghệ sĩ nghệ siếc gì đây, lúc ấy tôi đã nghĩ thầm, thứ ca sĩ hết thời hay tài tử thất nghiệp gì đó cũng nên. Tôi nhớ, do quá tởm lợm, thấy hai người kia biến vào căn nhà sắp đổ trên Quảng trường Thụy

Điễn, tôi liền quay ngoắt người đi về phía Quảng trường Stephan; vâng, sự tỏm lợm của tôi đối với hai người dưng cao đến mức tôi phải quay mặt vào bức tường trước quán cà phê *Aida*, toan nôn thốc tháo; nhưng đúng lúc đó, thế nào mà tôi lại nhìn thấy mình phản chiếu qua một trong số gương treo của quán *Aida* và gương mặt lẫn thân hình hốc hác tiều tụy của chính mình lại còn làm tôi ghê tởm nhiều hơn với gã Auersberger và kẻ đồng hành của y, khiến tôi lại quay phắt đi và bước thật nhanh về phía Quảng trường Stephan sang phố Graben, vượt chợ Kohlmarkt rồi rớt cuộc chui vào quán cà phê *Eiles* để vùi đầu ngay vào đồng báo chí ở đấy - ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại - cốt sao quên cho nhanh cả cuộc gặp gỡ Auersberger với bạn đường của y lẫn cuộc đối đầu với chính mình qua gương vừa rồi. Cái mẹo chui quán *Eiles* bao giờ cũng thành, bởi cứ bước vào đấy, lôi chồng báo chí ra cầm đầu đọc là tôi bình tâm trở lại. Cũng không nhất thiết phải là quán *Eiles* đâu, quán *Museum* hay *Bräunerhof* đều được cả. Để nghỉ ngơi thư thái đầu óc, ai kéo nhau ra vườn hoa hay vào rừng thì kéo, chứ tôi cả đời chỉ chui quán cà phê. Vâng, hẳn hai vợ chồng Auersberger đã theo dõi tôi rất lâu trước khi bắt chuyện với tôi, tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, giống hệt như dạo ấy tôi theo dõi gã Auersberger suốt dọc phố Rotenturm vậy, có lẽ cũng với một sự trơ trẽn, đê tiện và tàn nhẫn y hệt nhau như thế. Ta sẽ học được nhiều điều, nếu quan sát người khác từ phía sau lưng mà họ không biết ta đang theo dõi họ, quan sát họ càng lâu càng tốt và cứ giữ tư thế theo dõi tàn nhẫn và đê tiện đó càng lâu càng tốt trước khi bắt chuyện, tôi ngồi trên ghế bành mà nghĩ, và thậm chí tự kiểm chế được mình, để không những tuyệt nhiên không bắt chuyện, mà còn đủ tài diễm nhiên quay đi, và nói toạc móng heo ra, bỏ mặc họ rồi chuồn, y như tôi dạo nọ, ở đoạn

cuối phố Rotenturm và Quảng trường Thụy Điển, đã đủ mạnh dạn và ranh ma để quay người, bỏ mặc họ, rồi mình cứ đường mình mà xéo. Cách thức theo dõi đó ta cần lôi ra sử dụng cho cả những ai ta yêu quý lẫn những kẻ ta căm ghét, ngồi trên ghế bành, tôi vừa nghĩ vừa dõi theo con mẹ Auersberger đang chốc chốc lại xem đồng hồ và tìm cách trấn an đám khách khứa lúc này chắc đang sốt ruột chờ lão diễn viên xuất đầu lộ diện để buổi dạ tiệc rồi cuộc sẽ được khai mạc. Mấy năm về trước, thật ra, tôi đã có lần xem lão diễn viên mà mọi người đang nóng lòng chờ đợi lúc này đây diễn tại Nhà hát kịch Burgtheater, trong một vở hài kịch Anh đáng tởm - vở hài kịch mà sự ngu xuẩn của nó sở dĩ ít nhiều chịu đựng được, chỉ vì đó là sự ngu xuẩn kiểu Anh chứ không không phải ngu xuẩn kiểu Đức hay Áo - và được diễn đi diễn lại với độ đều đặn đến kinh người suốt hai mươi lăm năm gần đây tại Nhà hát kịch Burgtheater, bởi vì chính trong suốt hai mươi lăm năm gần đây ấy, Nhà hát kịch Burgtheater đã biến sự ngu xuẩn Anh quốc đó thành đặc sản và đám khán giả thành Vienna của Nhà hát này cũng quen với thứ đặc sản ấy rồi; và từ dạo ấy, quả thực lão lưu lại trong trí nhớ tôi như một diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, vâng, một diễn viên thuộc loại con cưng của khán giả thành Vienna, một thứ dĩ được của Nhà hát kịch Burgtheater, một lão có biệt thự riêng ở Grinzing hay Hietzing và đủ tài làm cò mồi, dẫn mồi cho một thứ sân khấu ngu xuẩn kiểu Áo về cắm chân tại Nhà hát kịch Burgtheater suốt hai mươi lăm năm qua; lão chính là một trong số những kẻ to mồm dần dần nhất, cái bọn được hết đời giám đốc này qua đời giám đốc khác của Nhà hát suốt hai mươi lăm năm qua tiếp tay biến chốn này thành nơi hủy hoại sân khấu, thành nhà thương điên cho bọn tội đỉnh ngu si dần dần hò hét. Nhà hát kịch Burgtheater đã phá sản về mặt

nghệ thuật từ lâu lắm, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, lâu đến mức chẳng ai còn biết sự phá sản ấy bắt đầu từ bao giờ nữa, và cánh tài tử hăng tối vẫn múa may diễn trò trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater ấy, rốt cuộc đều là bọn tài tử phá sản cả mà thôi. Thế nhưng, đối với một cặp vợ chồng như nhà Auersberger ở ngõ Gentz đây - ngồi trên ghế bành, vừa quan sát vợ chồng nhà Auersberger và đám khách khứa của họ, tôi vừa nghĩ thầm - việc họ mời được một kẻ to mồm tham hại như thế trong số tài tử mặt vắn kia đến nhà mình ăn tối, vâng, đến dự cái gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ* này vẫn là một kỳ tích kiểu Áo, hay nói cho đúng hơn - như tôi nghĩ lúc ngồi trên ghế bành - một niềm vinh hạnh quá đỗi rất chi là Áo, và niềm vinh hạnh ấy của vợ chồng Auersberger đặc biệt đến mức nào thì tôi nhận ra nhờ một sự thực là ai nấy đều phải đợi thêm một tiếng đồng hồ so với giờ đã định thì dạ tiệc mới bắt đầu được, tức là lúc lão diễn viên kia đúng mười hai rưỡi đêm mới kéo chuông cửa, và vừa bước vào căn hộ vợ chồng nhà Auersberger vừa cất tiếng họ ông ổng trơ trên vốn có của tụi diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater. Từ xưa đến giờ, tận trong lòng, tôi vốn sẵn ghét tất tật bọn diễn viên lẫn tài tử, mà bọn tài tử của Nhà hát kịch Burgtheater thì càng ghét tợn - dĩ nhiên trừ các diễn viên vĩ đại như Wessely hay Gold là những người tôi suốt đời chân thành yêu mến - cho nên thằng cha diễn viên của Nhà hát mà hai vợ chồng Auersberger mời đến ngõ Gentz đêm nay là thằng cha đương nhiên phải nằm trong số đáng kinh tởm nhất tôi từng gặp ở đời rồi. Theo như những gì tôi có lần đọc được thì hẳn sinh ra ở xứ Tirol, nhờ liên tục thủ vai trong các bi kịch của *Grillparzer* suốt ba chục năm qua mà *dần dà hẳn chiếm gọn con tim dân chúng thành Vienna*, nhưng dưới mắt tôi, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, hẳn chỉ là nguyên mẫu điển hình của một tên phản

nghệ sĩ chính cống, là nguyên bản cho một loại hề sân khấu ngớ ngẩn cả trong lẫn ngoài và đần độn từ đầu đến chân, một thứ mà tại Nhà hát kịch Burgtheater và ở Áo nói chung người ta vẫn yêu chuộng, là một trong số những tên suốt suốt ủy mị kinh tởm hằng tối vẫn kéo đàn kéo lũ lên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater, và trong những bộ trang phục quê mùa quái đản cũng như diễn xuất thô thiển tàn bạo, chúng xông vào các vở kịch được trình diễn ở đó, thẳng tay đập phá hủy hoại. Từ hàng chục năm nay, tất tậ mọi thứ đều bị lũ người này tại Nhà hát kịch Burgtheater dùng thứ vũ lực giễu nhại của chúng hủy hoại, tôi ngồi trên ghế bành mà nghĩ ngợi, chẳng những Raimund dịu dàng, chẳng những Kleist nhạy cảm, đến cả Shakespeare vĩ đại cũng trở thành nạn nhân của bọn đồ tể Nhà hát kịch Burgtheater kia, chính cái nơi mà thiên hạ những tưởng là chốn nường nấu vĩnh viễn cho toàn bộ nền nghệ thuật sân khấu ấy. Thế nhưng ở đây, trên đất nước này - tôi ngồi trên ghế bành nghĩ thầm diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater được xem như đẳng siêu phàm tối thượng, và đối với dân Áo, nhất là dân thành Vienna, thì chỉ được làm hàng xóm láng giềng, chung đường cùng ngõ với một tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nào đấy thôi, đã là niềm vinh hạnh lớn lao không gì bì nổi rồi, chứ nói gì được một vị như thế đến nhà dùng bữa tối - ngồi trên ghế bành tôi nghĩ - trong khi, tôi bao giờ cũng chỉ thấy dân Áo, nhất là dân thành Vienna, nhố nhăng, lỗ bịch đến tởm lợm, khi nghe họ khoe mình quen biết vị diễn viên nào đó của Nhà hát kịch Burgtheater, hay vênh vang kể lể vị diễn viên này, vị diễn viên nọ của Nhà hát đến dùng bữa tối tại gia. Đám diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater thật ra chỉ là một lũ bù nhìn tiểu tư sản, không chút hiểu biết gì về nghệ thuật sân khấu, và từ lâu, đã biến Nhà hát kịch Burgtheater thành

một thứ nhà thương chứa chấp căn bệnh mê kịch nghệ hời hợt của họ. Chẳng phải ngẫu nhiên mà ngay từ những năm năm mươi, tôi đã chọn chiếc ghế bành này để ngồi, chiếc ghế từ dạo ấy đến giờ vẫn được kê nguyên chỗ cũ, bởi ngồi trên chiếc ghế bành mà vợ chồng Auersberger đã cho bọc lại này, tôi có thể nhìn thấy, cũng như nghe thấy tất tậ mọi sự diễn ra xung quanh, vâng, tôi nghĩ ngồi ở đây thì không có bất cứ thứ gì lọt khỏi tai mắt tôi cả. Trên người vẫn còn nguyên bộ đồ đen gọi là bộ *tang phục* hôm nay tôi đã mặc tại buổi lễ mai táng Joana diễn ra ở Kilb và kéo dài đến tận chiều tối mới kết thúc, cũng là bộ tang phục tôi sắm ở Graz đúng ba mươi hai năm về trước trên đường đi Triest, và hiện giờ đã trở nên quá chật đối với mình, tôi lại ngồi vào đúng chỗ này và nghĩ bụng, đúng vào lúc tôi nhận, chứ không từ chối, lời mời của vợ chồng Auersberger đến nhà họ dùng bữa tối, đúng vào giây phút tôi mềm lòng yếu sức và tự dối lòng mình ở phố Graben, khi tôi không những chỉ mất cả chí khí mà còn đảo lộn từng phèo mọi thứ trong con người tôi đêm nay, thì đó cũng chính là những lúc tôi tự phản lại mình và tự biến mình thành đứa bần tiện đến cáng. Chỉ có việc Joana tự tử mới khiến tôi bị chập mạch tai hại như thế này thôi; nếu tôi không bị sững sờ, choáng váng đến tột cùng như thế trước vụ tự tử của Joana, tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, thì tất nhiên, tôi đã chối phắt ngay lời mời của vợ chồng nhà Auersberger rồi, khi ở phố Graben, họ buông lời mời tôi bằng cái kiểu hỏi thẳng thừng bất chợt và lắc cắc cố hữu, cái lối mà từ xưa đến giờ lúc nào tôi cũng lấy làm ghê tởm ấy. Hầu như tất cả khách khứa đến dự dạ tiệc đều vẫn còn mặc nguyên tang phục - ngồi trên ghế bành tôi để ý - chỉ có một, hai người kịp thay bộ cánh khác, cho nên mọi người ai nấy đều đóng đồ đen kịt, và cũng như tôi, ai nấy đều mệt lả do

phải chịu cơn mưa xối xả suốt lễ mai táng ở Kilb. Câu chuyện mà tôi chỉ nghe được lờ mờ giữa họ với nhau, tất nhiên chẳng xoay quanh chuyện gì khác ngoài đám ma của Joana, về *bi kịch cuộc đời nàng*, tức là chuyện gã chồng nàng bảy hay tám năm trước khi nàng tự tử đã bỏ nàng, chuồn sang Mexico. Đây đó trên tường nhà vợ chồng Auersberger vẫn còn treo đôi ba tấm thảm của chính thằng cha chồng nàng, thằng cha mà như lời thiên hạ vẫn kháo nhau, chính là thằng cha *phải chịu án lương tâm* vì đã khiến cho Joana đâm đầu tự sát ấy mới phải; những tấm thảm treo sờ sờ ra đó, như để lên án chủ nhân của chúng, làm cho khung cảnh trong căn hộ, vốn đã tối mò mò do dăm ba ngọn đèn leo lét nhái kiểu Empire, càng tối tăm và ảm đạm thêm. Trong cảnh tranh tối tranh sáng của căn phòng ở ngõ Gentz, tôi đã nghe kháo nhau nhiều lần rằng thằng cha nghệ nhân dệt thảm đó, theo chân ai chẳng theo, lại theo đúng người bạn gái thân nhất của vợ mình để chuồn sang tận Mexico và bỏ *Joana bất hạnh* một mình ở lại. Chuồn đi đâu chẳng chuồn, lại chuồn sang đúng Mexico và đúng ngay vào thời điểm chắc chắn phải giáng cho Joana một đòn *chết người* chứ không vừa. Người đàn bà năm mươi hai tuổi ấy trở trối một thân một mình trong xưởng dệt thảm trên Quảng trường Sebastian, không chút tiền nong vốn liếng gì, nghĩa là tay trắng. Người ta thì thào rằng thật đáng ngạc nhiên khi Joana không treo cổ tự tử trong xưởng dệt thảm ở Quảng trường Sebastian mà lại ở Kilb, trong nhà bố mẹ nàng, vâng, không phải ở đô thành mà ở quê nhà. Nỗi nhớ quê hương, nhớ quê cha đất mẹ đã thôi thúc nàng quay về Kilb, tôi cứ nghe người ta nói với nhau mãi như thế, khiến nàng phải bỏ Vienna về Kilb, tức là bỏ chốn *thị thành lầy lội rác rưởi* về với *đồng quê thơ mộng*. Tôi quả có nghe ai đó trong phòng nói như thế thật, *thị thành lầy lội rác rưởi* và *đồng*

quê thơ mộng, với giọng mang đầy ý thâm hiểm đáng ghét; tôi nghĩ có lẽ là thằng cha Auersberger thì phải, tôi nghe hắn nói đi nói lại mấy lần những lời như thế, trong khi tôi ngồi trên ghế bành, đưa mắt nhìn theo vợ hắn đang chốc chốc phá lên cười man rợ, gặng tìm cách mua vui cho đám khách khứa đang nóng lòng chờ lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater xuất đầu lộ diện. Căn hộ ở ngõ Gentz này nằm trên tầng ba, có khoảng bảy, tám phòng gì đó và kê la liệt các loại đồ gỗ kiểu Josephine và Biedermeier; trước đây, căn hộ này bố mẹ mẹ Auersberger ở; bố mẹ vốn là một lão thầy thuốc dân dòn, từ Graz về mở phòng khám ở ngõ Gentz đây, nhưng chẳng bao giờ gây dựng được một y nghiệp tử tế, còn bà mẹ mẹ Auersberger - vốn xuất thân từ một gia đình quý tộc nông thôn hạng xoàng xứ Steiermark - là một mẹ đàn bà dị tướng kì hình, hai má mồm ma mồm mồm, và do hậu quả từ liều thuốc chống cúm mà lão chồng đích thân kê cho mẹ, mới bốn chục tuổi mẹ đã mãi mãi rụng sạch tóc trên đầu, nên từ lâu không mấy khi lộ mặt ra ngoài để giao thiệp với đời nữa. Đúng ra thì bố mẹ mẹ Auersberger sống ở ngõ Gentz dựa hết cả vào cửa của cái thừa kế của *bố mẹ bà ta* tại Steiermark. Chi tiêu mọi thứ đều một mình bà ta lo, chứ lão chồng bác sĩ cả đời có kiếm nổi đồng kỉnh nào đâu. Nhưng lão giao thiệp rộng, dạng “công tử bột”, và cứ vào kỳ hội hóa trang là lại có mặt ở các buổi vũ hội đình đám nhất thành Vienna, và suốt đời xoay sở che đậy được sự ngu thộn sau, hay dưới, vỏ ngoài mảnh khảnh tự tin của mình. Suốt một đời chung sống với người chồng như thế, bà mẹ mẹ Auersberger nào có sung sướng gì, thế nhưng bà ta cũng tự bằng lòng với địa vị khiêm tốn của mình, một địa vị thật ra chẳng mấy quý tộc, mà tiểu thị dân thì đúng hơn. Gã con rể bà - ngồi trên ghế bành tôi bỗng nhớ lại - tùy hứng của gã, bất kể ở ngõ Gentz hay Maria Zaal vùng

Steiermark - thỉnh thoảng lại giở trò nghịch ngợm, đem giấu biến bộ tóc giả của bà đi, khiến bà già tội nghiệp không rời nhà ra phố được nữa. Y khoái lắm, mỗi khi giấu tóc giả làm bà mẹ vợ - nói như ở Áo người ta vẫn nói - *phát điên phát khùng*; ngay cả đến khi y đã xấp xỉ tứ tuần rồi mà vẫn cái trò mẹ vợ hờ bộ tóc giả nào là giấu biến bộ ấy đi mà nghịch - bởi gì thì gì, bà ta cũng lo xa, sắm sẵn vài bộ - thì bản tính vừa trẻ con vừa quái gở ở con người y quả là không giấu vào đâu được nữa cả. Ở Maria Zaal cũng như ở ngõ Gentz, chính tôi cũng nhiều lần chứng kiến cái trò này, và thật lòng mà nói, tôi cũng chẳng ngượng ngùng gì để lấy đó làm trò vui. Nhất là vào những dịp hội hè, lễ lạt thì bà mẹ vợ gã Auersberger lại buộc phải ngồi nhà, bởi thằng con rể đã giấu biến bộ tóc giả của bà ta mất rồi. Hứng chí lắm, y mới lôi bộ tóc giả từ nơi y giấu ra ném thẳng mặt bà ta. Ngồi trên ghế bành, tôi vừa dõi theo y lúc đó đang ở cuối phòng hòa nhạc, vừa nghĩ bụng, rõ ràng y khoái làm nhục mẹ vợ y, cũng như thêm được hưởng niềm hân hoan quái đản khi làm nhục được bà ta. Cái cảnh gã Auersberger đang dạo thử đàn dương cầm, ngẩng cao mái đầu với gương mặt do ngấm rượu đậm ra nhợt nhạt, đờ đẫn và ngây thộn, lại còn thè đầu lưỡi bắt đầu đổi màu xanh xanh tím tím ra khỏi cái miệng nhỏ tí kia càng làm tôi tởm lợm. Tôi nghĩ bụng, đã thế y còn chọn một bản Giovanni Gabrieli mà dạo vào cái lúc bệnh hoạn này nữa chứ. Rồi tôi chợt nhớ lại cái thời tình bạn của mình với hai vợ chồng Auersberger còn thân mật, vâng, thậm chí rất mặn nồng là đằng khác, tôi thường hay đứng bên chiếc đàn dương cầm Steinway kia của vợ chồng y để ca những bản aria lẫn các ca khúc của Ý, Đức hay Anh bằng một cung cách mà bây giờ nhớ lại quả là cung cách của một kẻ tự cao tự đại vô lối về tài năng ca sĩ thật sự của mình, bởi vì, mặc dù có theo học cái gọi là Đại học

âm nhạc và nghệ thuật trình diễn Mozarteum ở Salzburg thật, nhưng tôi hát hỏng nào có ra gì, và sau khi tốt nghiệp Đại học đó với bằng ca sĩ giọng nam *bass-bariton* trầm, tôi nào có nghĩ đến chuyện sẽ thành ca sĩ chuyên nghiệp lên sân khấu biểu diễn bao giờ đâu. Song, các buổi chiều ở Maria Zaal dạo đó vốn bao giờ cũng dài, mà các buổi chiều lẫn tối tại ngõ Gentz cũng dài không kém, cho nên tay Auersberger gần như ngày nào cũng ngồi xuống bên đàn dương cầm, còn tôi đến đứng bên cạnh đàn, rồi hai chúng tôi - ngồi trên ghế bành ở đây tôi nhớ lại - vâng, hai chúng tôi, kẻ đệm đàn, người lên giọng, cứ thế tuần này sang tuần khác, chơi hết các bản aria cổ điển này đến các ca khúc khác của Ý, của Đức rồi của Anh. Gã Auersberger - có dạo tôi từng gán cho y danh hiệu *Novalis của âm thanh* - vốn là một trong những tay chơi dương cầm hạng nhất, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, và bây giờ cũng vậy, mặc dù say khướt, có lẽ y chỉ cần đôi ba phút ngồi bên chiếc đàn Steinway là đủ trở cho thiên hạ biết tài nghệ mình thế nào. Song y tàn tạ lắm rồi - ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ miên man - do nghiện rượu, năm này qua năm khác, y để mặc cho mọi tài năng trong con người y, kể cả năng khiếu âm nhạc y từng nâng niu nhất ấy, rơi vãi sạch sành sanh. Hàng chục năm ròng ta có thể vẫn biết một ai đó trong số bạn bè thân thiết của mình là một kẻ lố bịch, nhưng phải hàng chục năm sau, ta mới đột nhiên *trông thấy* con người ấy lố bịch, nhớ nhăng thật - tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng - giống như tôi lúc này tự dưng thấy rõ ràng rành rành trước mắt, rằng gã Auersberger, một kẻ được gọi là người kế tục Webern ấy, quả là một gã nhớ nhăng thật, vâng, rằng chính gã Auersberger không bao giờ tỉnh rượu kia, từ xưa đến nay, bao giờ cũng lố bịch theo kiểu của y, cũng như chính vợ y từ xưa đến giờ luôn luôn là một con mẹ lố bịch.

Thế mà người đã từng đem lòng yêu mến chính những kẻ lỗ bịch đó, vẫn ngồi nguyên trên ghế bành, tôi nghĩ thầm, phải, người từng yêu mến, thậm chí phải lòng đúng những kẻ lỗ bịch, nham hiểm và hèn hạ kia, những kẻ sau hai chục năm mới bất ngờ gặp lại người mà đã chọn đúng ngay phố Graben và chọn đúng ngay ngày Joana tự sát để bắt chuyện rồi mở miệng mời người đến dự dạ tiệc nghệ sĩ có mặt lão diễn viên nổi tiếng của Nhà hát kịch Burgtheater của chúng. Sao mà chúng nhố nhăng và đê tiện thế, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ vậy, nhưng rồi tôi cũng nghĩ tiếp ngay, song chính mình cũng thật nhố nhăng và đê tiện, khi nhận lời bọn chúng mời, và bây giờ lại còn thản nhiên, như thể chẳng hề có chuyện gì ghê gớm xảy ra, thả mình ngồi vào chiếc ghế bành trong căn hộ ở ngõ Gentz này, thông dong duỗi căng, gác chân này lên chân kia và cạp cũng phải ba, bốn ly sâm panh rồi chứ không ít, và tôi chợt nghĩ, thật ra mình còn đều cáng và đê tiện hơn hai vợ chồng nhà Auersberger kia nhiều - những kẻ thừa cơ lúc mình không đề phòng để tuôn lời mời xỏ xiên ra, lời mời mà rồi chính mình cũng nhận lời ấy. Mọi người có mặt ở đây tiếng là đang đợi lão diễn viên đến thật, nhưng thực ra, ai nấy đều đang bị ám ảnh bởi cái chết của Joana, và rõ ràng cảnh tượng đám ma lúc chiều nay dường như vẫn còn vương vấn trong đầu óc mọi người có mặt. Đến cả chính tôi, suốt quãng thời gian ngồi trên chiếc ghế bành này - cũng như mọi người khác, bị giữ chân đến nửa đêm để chờ lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nọ - phải, suốt cả thời gian đó, chính tôi cũng chỉ độc một ý nghĩ về buổi đưa tang Joana, trong đầu chỉ loanh quanh những dẫn đo về các tình huống dẫn đến đám ma kinh khủng đó, cũng như những day dứt về nguyên do hành động tự kết liễu tuyệt vọng như thế ấy. Ngồi trên ghế bành này, bao giờ tôi cũng được yên thân, bởi nó

được kê ngay sau cánh cửa ra vào mà khách đến đều bước qua và trong khoảng tranh tối tranh sáng bao giờ tôi cũng có thể ngồi muốn nghĩ gì thì nghĩ về những chuyện làm tôi quan tâm; tôi ngồi đây, nếu khách khứa bước vào thì phải đi qua rồi họ mới nhìn thấy tôi, mà cũng chỉ nhìn thấy nếu họ ngoái đầu quay lại, nhưng mấy ai ngoái lại đâu, phần đông họ đều bước nhanh qua gian tiền sảnh - tức là nơi tôi ngồi trên chiếc ghế bành - để bước ngay vào cái gian gọi là phòng hòa nhạc mà cửa bao giờ cũng mở toang; đúng thể thật, tôi nhớ cánh cửa dẫn từ gian tiền sảnh vào phòng hòa nhạc không bao giờ đóng lại cả, ngay cả những khi chỉ còn vợ chồng Auersberger với một mình tôi trong nhà thôi cũng vậy, tôi vẫn nhớ như thế, họ cũng không bao giờ đóng cánh cửa dẫn vào phòng hòa nhạc, chỉ vì một lẽ đơn giản là cánh cửa ấy phải mở ra thì gian phòng mới có được âm thanh tuyệt vời mà gã Auersberger hết sức coi trọng - âu cũng là thường tình đối với một nhà soạn nhạc như y thôi. Ngồi trên ghế bành, tôi nhìn thấy hết đám khách khứa trong phòng hòa nhạc, nhưng họ thì ngược lại, không trông thấy tôi. Xưa thế nào thì tối nay cũng vậy, khách khứa bước qua cửa vào căn hộ là đi ngay sang phòng hòa nhạc, nhưng hôm nay tôi còn có cảm giác dường như ai nấy đều hấp tấp bước vào, rồi đứng là xồng xộc xông vào phòng hòa nhạc ngay, tức tốc bước đến chỗ nơi con mẹ Auersberger đang đứng dang tay chờ đón họ, như thể *mụ* là người phải đứng ra nhận lời chia buồn về cái chết của Joana vậy, phải, như thế lúc này *mụ* đang lợi dụng cái chết của Joana cho các mục đích *mụ* theo đuổi trong buổi tiếp tân tối nay. Bởi phần đông khách tối nay đều vừa mới gặp nhau lúc chiều ở Kilb, cho nên họ chỉ ôm nhau qua loa, chào hỏi hờ hững rồi mỗi người cầm một ly sâm panh trên tay, chọn một chiếc ghế kê trong phòng hòa nhạc mà ngồi.

Trong khi mục Auersberger luôn mềm nhắc đi nhắc lại về tay diễn viên vĩ đại, vâng, thậm chí vĩ đại nhất, đặc biệt nhất, thiên tài kiệt xuất nọ, thì trong đám khách khứa hầu như suốt buổi chỉ nghe thì thào nhắc tới tên Joana mà thôi, một cái tên quả thật bao giờ nghe cũng êm tai, nhưng âu cũng chỉ là nghệ danh của cô gái đồng quê Elfriede Slukal từ Kilb ra phố, một nghệ danh mà rốt cuộc cũng chẳng ích gì cho nàng, bởi vì Elfriede Slukal tuy có mong ước mượn cái tên Joana để dễ leo lên đường công danh ở Vienna thật, nhưng chẳng bao giờ nàng leo nổi; số là một tay cựu vũ công kiêm biên đạo viên gì đó - nghe đâu từng làm biên đạo cho một vở ba-lê ở Nhà hát Opera Quốc gia nữa kia - đã khuyên cô gái quê Elfriede ngây thơ vừa chân ướt chân ráo từ Kilb đến Vienna - mới đầu ao ước làm diễn viên kịch nói, sau chuyển sang múa ba-lê cho bằng được ấy - rằng ở Vienna, cô nhất thiết phải mang nghệ danh lạ tai là Joana mới được, một lời khuyên mà Elfriede bé bỏng - như mẹ nàng vẫn gọi nàng - vâng theo ngay tức khắc, với ước vọng mang nghệ danh Joana nàng sẽ công thành danh toại, chứ giữ nguyên cái tên Elfriede quê mùa ngớ ngẩn - lại còn Elfriede Slukal nữa chứ - thì đừng có mà hòng. Song, mọi tính toán của nàng đều sai, sai từ đầu đến cuối, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, có mang đến cả nghệ danh Joana thì đường danh vọng của Elfriede Slukal cũng chẳng đi đến đâu, như ai nấy đều biết, nhưng ở đây, vào buổi tối ở ngõ Grentz này, ai nấy trong đám khách đến dự dạ tiệc nghệ sĩ đều nhắc đến tên Joana với một giọng như thể đang nhắc đến một nhân vật kỳ tài. Như tôi ngồi trên ghế bành đây có thể nghe thấy được, thì mọi người chỉ nói đến cái chết của Joana, chứ không ai bảo nàng tự sát, cũng như tôi không nghe thấy ai bảo nàng thắt cổ hay treo cổ cả. Đến lúc này, cũng phải mười sáu hay mười bảy người gì đó đã có mặt

để dự *dạ tiệc nghệ sĩ*, tôi ngồi trên ghế bành và nhăm tính, phần lớn trong số họ tôi đều quen, và vẫn ngồi trên ghế bành, tôi khẽ gật đầu chào, nhưng năm hay sáu người khác, trong đó hai người đáng đập như hai văn sĩ trẻ, thì không. Cũng phải nói rằng tôi có biệt tài biết cách xử sự làm sao đó khiến thiên hạ để mặc tôi một mình mỗi khi tôi muốn, và lúc ngồi trên chiếc ghế bành này là khi tôi vận dụng cái nghệ thuật làm sao để được yên thân một cách lão luyện; cũng có người này người kia nhận ra tôi giữa cảnh tranh tối tranh sáng ở phòng ngoài, và muốn bắt chuyện với tôi thật, song tôi làm họ mất hứng ngay, bằng cách cứ ngồi nguyên trên ghế bành, và làm ra bộ không hiểu họ định nói gì với tôi, rồi sau đó, vào đúng một giây khắc thích hợp thì đưa mắt nhìn xuống đất chứ không nhìn vào mặt họ, vâng, tối nay tôi cứ làm ra vẻ như chưa hết bàng hoàng trước cái chết bi thảm của Joana vậy, và mỗi khi có nguy cơ sắp bị vị khách nào đó đến hỏi han - là điều tối nay tôi phải tìm mọi cách tránh cho bằng được ấy - thì ngồi trên ghế bành đây, tôi lại giả bộ rất thành công rằng mình đang thần thờ cực độ, không còn biết ai với ai nữa cả. Thậm chí tôi bất chấp, dù người ta có muốn bảo tôi không đáng mền, như dân thành Vienna vẫn quen nói, hay khinh khỉnh, thậm chí đáng ghét thì cũng mặc thôi; thật tình mà nói, bản tính tôi không bao giờ muốn tỏ ra bất nhã trước bàn dân thiên hạ cả, nhưng tối nay - tôi cứ nói thẳng ra như thế - tôi muốn tỏ ra bất nhã, khinh khỉnh, vâng, thậm chí hằn học như thế đấy. Tính cách kỳ cục, lạ lùng, quái đản của tôi - vâng, *tính cách lập dị nguy hiểm* ấy hẳn cũng đã đến tai một vài kẻ trong số khách ở đây - tính cách ấy đã trở nên *điên rồ kinh khủng* trong suốt giai đoạn tôi sống ở London, như người ta vẫn bảo; chúng căm ghét tôi cùng tất tạt những viết lách của tôi và hễ gặp tôi là lại kéo bè kéo cánh chống lại tôi một

cách đều cáng. Nhưng kể từ khi từ London quay về, tôi đã chống lại họ, cũng như chống lại tất cả bọn người tôi quen biết trước đây, nhưng trước hết là chống lại tất cả những kẻ gọi là *các nghệ sĩ của giai đoạn những năm năm mươi*, và đặc biệt chống lại đám người hôm nay kéo nhau đến dự *dạ tiệc nghệ sĩ* ở ngõ Gentz này. Bọn họ bước vào nhà và ít nhiều rơi ngay vào cái bẫy của tôi, bởi khi bước vào, họ làm ra vẻ không biết tôi đang theo dõi họ, trong khi tôi ngồi trên ghế bành và theo dõi họ kỹ càng đến từng ly từng tí. Họ bước gấp về phía mẹ Auersberger đang đứng đón ở ngưỡng cửa phòng hòa nhạc rồi ôm hôn mẹ. Bọn họ, không ngoại trừ ai, suốt lượt đều là các diễn viên kịch tuyệt vời và ai cũng biết cách tận dụng vụ *Joana* này ở mức tối đa. Vợ chồng Auersberger, ít ra cũng bề ngoài mà xét, vốn là hai vị *chủ nhà tốt bụng* và bao giờ cũng hào phóng cuồng nhiệt hơn người trong cơn đam mê hội hè đàn đúm, trong cơn cuồng say nghệ thuật và văn hóa, thế cho nên họ cũng rất ham hố sẵn đón lẫn kết thân với các nhân vật danh lừng tiếng nổi. Song, cũng cần phải nói thêm rằng, dù hai vợ chồng này có đáng ghét, đáng tởm đến đâu, ở họ vẫn có nét để gọi là *nét duyên dáng kiểu Áo*. Song, không phải vì nét *duyên dáng kiểu Áo* ấy, tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, đã khiến tôi nhận lời mời của vợ chồng nhà Auersberger, mà lại chính là cung cách xác xược khi chúng cất lời mời tôi ở phố Graben, tôi tự nhủ, trong khi mắt vẫn không rời quan sát gã Auersberger, lúc đó đang ngồi bên cây đàn Steinway, và do cận thị, phải nhướn lên phía trước và cúi người lật lật tập nhạc mà rốt cuộc hóa ra là tập *Album Anton von Webern* vốn rất quen thuộc với tôi; lúc này gã Auersberger đang sắp xếp lại tập nhạc cho vợ y hát thử giọng. Kể cũng lạ là ở cái tuổi mà người ta phần đông đều bị viễn thị mỗi ngày một nặng thì tôi vẫn giữ được đôi mắt mình tinh tường,

tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng, vâng, cứ qua tuổi tứ tuần một cái là thiên hạ ai nấy mắt đều kém đi, ai nấy đều nhận ra rằng họ phải đưa tờ báo ra xa đến nửa thước mới hòng đọc được, còn tôi lại may mắn, chẳng những được trời tha, vẫn để cho tinh mà chưa bắt chịu cảnh mắt mũi kèm nhèm, tôi nghĩ bụng, vâng, tinh tường, sắc sảo, trâng tráo hơn bao giờ hết, hay nói cách khác, vẫn giữ được đôi mắt dân thành London. Thứ sâm panh nhà Auersberger tối nay đem ra đãi khách, tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng, không phải là loại tuyệt hảo, nhưng cũng thuộc hạng đắt tiền thứ ba, thứ tư gì đó thứ mà chắc họ nghĩ là xứng tầm với lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater. Trong đám ma Joana, tất nhiên tôi bị đổ mồ hôi khá nhiều và do chẳng buồn thay quần áo để đến dự *buổi dạ tiệc nghệ sĩ* này, tôi bèn xịt nước hoa Eau de Cologne lên quần áo, nhưng của đáng tội, xịt hơi nhiều, tôi nghĩ bụng, và tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho mình về cái tội nồng nặc mùi Eau de Cologne đáng tởm này cả. Thế nhưng tối nay, tôi cũng chẳng nhận ra cái mùi hôi nồng nặc đó, bởi vì-cứ mùi vị trong căn hộ nhà Auersberger mà suy thì tôi dám cầm chắc mọi người, trước khi đến đây, ai nấy cũng đều tưới nước hoa lên quần lên áo mình cả. Chốc chốc mù đầu bếp nhà Auersberger lại ló đầu qua khe cửa nhìn vào phòng hòa nhạc, như tôi đoán, hẳn là để xem đã dọn tiệc được chưa, song vị diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nào đã đến. Con mẹ Auersberger ngồi trên chiếc ghế kiểu Empire mảnh mai - chiếc ghế mà lưng tựa chính là một chiếc đàn Lia chạm trổ hết sức khéo léo từ gỗ cây óc chó - và tìm cách vỗ về khách khứa. Số này phần đông đều đang nhẩn nha hút thuốc, hoặc cũng như tôi, nhấm nháp sâm panh hay nhấm nhá bánh nướng mà mẹ Auersberger cũng cho xếp đầy trong những chiếc đĩa con con bằng sứ Herend cổ và bày ra khắp nhà; cạnh

chỗ tôi ngồi cũng có một chiếc đĩa sứ Herend như thế, nhưng tôi xưa nay vẫn ghét cay ghét đắng các loại đồ sứ Herend cùng các kiểu nhấm nhá như thế, nên tôi chả động đến, vả lại, tôi cũng chưa bao giờ ưa bánh nướng, bánh nướng rắc muối lại càng không, chứ đừng nói đến bánh nướng rắc muối kiểu Nhật mà mấy năm gần đây đã thành mốt tại các buổi tiếp tân ở thành Vienna. Bắt cả đám khách phải chờ lão diễn viên nọ, tôi nghĩ bụng, hay hạ thấp đám khách khứa, kể cả tôi, xuống thành phong nền cho lão diễn viên nào đó của Nhà hát kịch Burgtheater - nói cho cùng - là sự hỗn láo xấc xược. Gã Auersberger chột nói gọn lỏn, y rất ghét sân khấu. Cứ bao giờ y nốc nhiều hơn một chút so với vợ y cho phép, tôi phải nói thẳng ra như thế, thì y lại bất thần phơ hết ruột gan mình ra ngoài. Bây giờ cũng vậy, y bỗng quay ra nhieếc mắng lão diễn viên, mặc dù lão vẫn chưa có mặt, y gọi Nhà hát kịch Burgtheater là *cái chuồng lợn*, một danh hiệu mà tôi thú thật, có mang cũng chẳng oan cho Nhà hát ấy, rồi y bảo gã diễn viên sắp đến đây là *kẻ vĩ cuồng rỗng tuếch*, thế nhưng y lập tức bị vợ mắng át đi; chỗ của ông ở bên cây đàn dương cầm kia, ông ra đó ngồi yên cho tôi, vâng, như người ta vẫn nói, mù quắc mắt mắng y. Hai vợ chồng Auersberger không thay đổi gì, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, con vợ chỉ lo sao cho buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* của mù diễn ra êm thấm, còn thằng chồng chỉ đe phá hỏng buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* đó. Thật ra, cả hai đều nhằm chung một đích cả thôi, và cái đích chung ấy là giới thượng lưu, duy có thằng chồng, vào lúc đêm đã về khuya thì muốn phá đám, vì sau vài ly sâm panh, có lẽ vậy, y chợt nhớ mình cũng là nghệ sĩ chẳng. Đúng vậy, cả hai trong đầu không nghĩ gì khác ngoài nghĩ tới giới thượng lưu, không có giới thượng lưu bọn y sẽ chẳng thiết tồn tại ở đời, vâng, tất nhiên là giới thượng lưu cao sang, bởi họ có bao giờ với đến hạng

cao sang nhất đâu, nếu không từ bỏ các tham vọng nghệ thuật, không cắt đứt mối liên hệ với nào những Webern, Berg hay Schönberg - những tham vọng, những nhân vật mà họ, bất chấp ham muốn điên cuồng được leo lên cao trong giới thượng lưu, luôn luôn thề thốt trung thành ở mọi nơi mọi chốn. Joana vốn không phải là bạn gái thân thiết nhất của gã Auersberger như đạo ấy thiên hạ vẫn xì xào đồn đại, nhưng chắc chắn là một trong những người bạn nghệ sĩ của y, tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng, và tôi - như đã nói qua y mà làm quen với nàng tại xưởng dệt thảm ở Quảng trường Sebastian. Joana vốn là cô gái nhà quê, được bà mẹ - vợ một ông thợ hỏa xa ở Kilb - nuông chiều quá độ; nàng muốn gì được nấy, và tôi nghĩ bụng, một trong những nguyên do khiến nàng tự sát cũng nằm ở *sự chiều chuộng quá mức* thường gặp ở các gia đình tiểu thương nhà quê, nhất là tiểu thương nhà quê vùng Hạ Áo. Làng Kilb đẹp biết bao, tôi thầm nghĩ, tôi từng ở đó bao nhiêu buổi chiều, bao nhiêu buổi tối, thậm chí qua đêm mấy bận liền, nhưng thường thường không ngủ đêm ở căn nhà nhỏ một tầng, tuy ẩm ướt nhưng rất ấm cúng của bố mẹ Joana - tức nhà của dòng họ Slukal - vì thiếu chỗ, mà trong nhà trọ *Zur Eisernen Hand*; tôi từng đi dạo hàng giờ liền với Joana và trò chuyện với nàng về cái gọi là *Phòng luyện cách vận động* của nàng ở Vienna và về nghệ thuật múa. Hồi còn nhỏ, đạo đang học tiểu học ở Kilb, Joana đã muốn về sau thành diễn viên sân khấu hoặc diễn viên múa ba-lê nổi tiếng, nhưng nói cho cùng, nàng cũng chẳng bao giờ thật dứt khoát mình sẽ thành diễn viên kịch hay diễn viên múa; rốt cuộc nàng tự xưng làm *nữ biên đạo viên* rồi xin được đóng vai trong một vở kịch dựng lại chuyện cổ tích tại các nhà hát nhỏ ở Vienna - vâng, các vai của nàng trong những vở kịch gọi là kịch bóng cũng được báo chí khen ngợi ra

trò - rồi, âu cũng là một lần, nàng được mở khóa *dạy cách đi đứng* trong Nhà hát kịch Burgtheater. Thế nhưng, quả thật là vợ vẫn để tin rằng nàng có thể dạy cho đám diễn viên không biết cách đi đứng của Nhà hát kịch Burgtheater biết đi biết đứng, bởi không ai có thể dạy cho đám diễn viên ấy biết cách đi đứng lẫn cách nói năng được. Ấy vậy mà vào khoảng giữa những năm năm mươi, nhờ một quan chức có máu mặt trong cái gọi Ban điều hành sân khấu liên bang làm môi giới, nàng được giao mở khóa học dạy cách đi cách đứng cho cánh diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mới tài. Khóa học thất bại, trước hết là do các diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater hoàn toàn thờ ơ, và về sau nàng chẳng thiết tha gì nữa. Thế nhưng, suốt một năm trời, nàng cũng được nhận một khoản thù lao đáng kể. Nói cho cùng thì nàng chẳng bao giờ dứt khoát mình sẽ thành diễn viên sân khấu hay diễn viên múa ba-lê, cho nên nàng cứ thế vừa nhảy nhót vừa đóng kịch suốt cả quãng đời thơ ấu của nàng, rồi nàng đến Vienna, thậm chí học nghệ thuật diễn xuất cao siêu và tốt nghiệp trường Reinhardt Seminar hẳn hoi, nhưng nàng chưa hề thủ một vai trên bất kỳ sân khấu nào hết. Tại cao trào của tình trạng thiếu quả quyết mà chính nàng vẫn luôn mềm gọi là *cuộc khủng hoảng nghệ thuật* đó, tôi ngồi trên ghế bành mà nhớ lại, nàng lấy tay chuyên nghề phác mẫu thắm, tức tay *nghệ nhân dệt thắm* như nàng vẫn gọi, làm chồng. Mười năm liền, Joana cùng tay nghệ nhân dệt thắm của nàng sống trong ngôi nhà có kiến trúc kiểu quý tộc xây từ năm một ngàn tám trăm tám mươi tám trên Quảng trường Sebastian ở Quận Ba, tức là trong xưởng vẽ rộng hơn chín mươi mét vuông trên tầng thượng, dưới ba vòm kính khổng lồ; chính ở đây đã ra đời những tấm thắm treo tường làm tay nghệ nhân dệt thắm nổi danh, không những chỉ ở châu Âu mà thôi. Tay họa sĩ

vốn xuất thân từ một gia đình Do Thái truyền thống và - như hẳn vẫn thế thốt - luôn coi nghệ thuật dệt nói chung và nghệ thuật dệt thảm nói riêng là *cứu tinh* của đời hẳn, và hẳn đã cặp đôi với Joana thật đúng lúc, bởi vì sắc đẹp cũng như sự trong sáng nguyên sơ ở nàng đã giúp cho xưởng vẽ của hẳn trên Quảng trường Sebastian chẳng mấy chốc trở thành một trong những trung tâm nghệ thuật cho giới thượng lưu thành phố Vienna lui tới; phải nơi đây, hẳn dệt ra thảm cho nàng đứng bán. Cái duyên của Joana khiến các tấm thảm của tay nghệ nhân dệt thảm của nàng nổi tiếng, mới đầu chỉ ở Vienna, sau nổi tiếng khắp châu Âu, rồi sang cả châu Mỹ, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, rồi đột nhiên nhớ lại, đúng vậy, ngay ở đỉnh cao của tiếng tăm (mà nhờ Joana mới có ấy) tay nghệ nhân dệt thảm cặp lại lặn một hơi sang tận Mexico với cô bạn gái thân nhất của Joana, người ta đồn vậy. Tay nghệ nhân dệt thảm cưới cô bạn này ở Mexico City làm vợ, nhưng một năm sau đã lại ly dị cô này để lấy một cô người Mexico (con gái vị bộ trưởng Mexico nào đó) và chung sống với cô này đến tận giờ. Từ lúc sinh ra đến khi qua đời, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, Joana quả là *đứa trẻ bất hạnh*. Bảo rằng tôi lên phố Graben rồi gặp vợ chồng Auersberger đúng vào ngày Joana tự sát chỉ là chuyện tình cờ thì tôi không tin được, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Suốt mười năm liền, tôi không còn đoái hoài gì đến Joana nữa, tôi tự nhủ, hàng năm trời tôi không hề gặp lại nàng, cũng không hề nhận được tin tức gì về nàng. Bây giờ quay lại Kilb tôi mới biết mấy năm gần đây nàng chung sống với một người gọi là *bạn đời*, một người bạn đời thứ hai của nàng, một người mà tôi từng có lần gặp ở quán trọ *Zur Eisernen Hand*, tôi nghĩ bụng, một gã đàn ông đến từ thành phố Salzburg tăm tối và luôn luôn cố nói một thứ tiếng Đức chuẩn, mà khốn nỗi, khi thốt

ra từ miệng gã, lại là thứ tiếng thảm hại nhất tôi từng nghe thấy. Đến dự đám tang bạn đời, gã khoác áo choàng đen, dài đến tận mắt cá chân và đội mũ rộng vành, cũng màu đen, thứ mũ gọi là Schlapput, hiện giờ đang trở lại thành một thịnh hành, nhất là trong đám diễn viên tình lẻ. Tất nhiên không thể chỉ dựa vào quần áo mà đánh giá con người ta được, tôi nghĩ thầm, tôi cũng chẳng bao giờ mắc sai lầm đó, thế nhưng, mọi thứ ở người bạn đời của Joana - một người thấy bảo đã chung sống với nàng tám năm liền ấy - đều làm tôi ghê tởm, từ cách nói năng đến kiểu đi lối đứng, nhưng trước hết, là cung cách ăn uống của gã trong quán *Zur Eisernen Hand*. Điều làm tôi xao xuyến bùi ngùi nhất là Joana rốt cuộc lại rơi vào tay một con người đã *suy đốn* đến mức này, một người mà sau khi trình diễn tại một nhà hát con con ở Josefstadt một thời gian đã chuyển sang làm đại diện thương mại, rong ruổi, loanh quanh ở các vùng lân cận để bán khuyên tai rẻ tiền nhập từ Hồng Kông về; ngay cả trong chân đại diện thương mại trông gã vẫn có vẻ bần tiện, khiến người ta liên tưởng đến một gã bán hàng rong, mà thứ hàng rong mạt hạng nhất đời, thì đúng hơn. Cái lối gã cất tiếng nói *salat khoai tây* với cô hầu bàn trong quán *Zur Eisernen Hand* làm tôi suýt nôn mửa tại chỗ, tôi nhớ lại, vẫn ngồi trên ghế bành đưa mắt quan sát đám khách khứa trong phòng hòa nhạc, trông giống như đám diễn viên đang múa may trên sân khấu phía trong và toàn bộ cảnh tượng trông tựa tựa một tấm ảnh động trong làn khói thuốc lá khách khứa nhả ra khắp phòng từ nãy đến giờ. Hai vợ chồng Auersberger đột nhiên xướng to, ta đợi thêm mười lăm phút nữa, rồi dùng bữa tối thôi; *cùng lắm đến mười hai rưỡi*, mẹ Auersberger nói vậy với nữ văn sĩ Jeannie Billroth mà mẹ trò chuyện suốt từ nãy đến giờ, thì dĩ nhiên, chỉ rặt chuyện về Joana thôi chứ chẳng chuyện

gì khác, vâng, người đàn bà bây giờ phì nộn, ục ịch, xấu xí đó chính là nữ văn sĩ Jeannie Billroth, người vẫn luôn luôn vênh vang tự coi mình là Virginia Woolf thành Vienna ấy, mặc dù tất cả những gì ả rặn ra mặt giấy trong các tiểu thuyết và truyện ngắn của ả cùng lắm cũng chỉ đưa ả đến ngang hàng với hạng văn sĩ ba hoa khoác lác, đa sầu đa cảm, rẻ tiền và rởm đời cực kỳ mà thôi. Nữ văn sĩ Jeannie Billroth, người đêm nay xuất hiện tại ngõ Gentz trong bộ váy len màu đen tự đan ấy, vốn cũng là bạn của Joana; nhà ả nằm đâu ở Quận Hai gần Đại lộ Praterhauptallee và hàng chục năm nay quả thật luôn luôn sống trong mối hoang tưởng tự cho mình là *nữ nhà văn*, *vâng nữ nhà thơ vĩ đại nhất nước Áo*, và tối nay, hay đúng hơn là đêm nay, tại ngõ Gentz cũng vậy, ả không chút ngại ngùng quả quyết với con mẹ Auersberger rằng trong cuốn tiểu thuyết mới nhất của ả, ả đã bước *xa hơn Virginia Woolf một bước dài*, phải; nhờ có đôi tai thính, càng về đêm càng thính, tôi nghe ả khoe quyển sách của ả vượt xa tác phẩm *Các đợt sóng* của Virginia Woolf; khoe khoang xong, ả châm thuốc hút rồi bắt chéo chân này lên chân kia. ả sẽ xem vở *Vịt trời*, vở kịch được báo chí khen ngợi hết lời ấy, *lần thứ hai*, vâng, ả bảo mẹ Auersberger, xem lại *cái tay Ibsen sâu sắc khó hiểu* ấy lần nữa xem sao, có điều, ả đã cất công tìm *mua* cho bằng được cuốn *Vịt trời* ở các hiệu sách thành Vienna mà không đâu có, không một hiệu sách nào trong nội đô còn dư cuốn *Vịt trời* trong kho, đến một phiên bản đại chúng rẻ tiền của nhà Reclam ấn hành cho học sinh sinh viên ả cũng không làm sao *kiếm* được. Song, đương nhiên ả biết vở *Vịt trời* chứ, ả ưa thích Ibsen mà, nhất là vở *Peer Gynt*, ả bảo thế, và tiếng ả lẫn vào làn khói thuốc dày đặc do chính mẹ nhả ra. ả ta nghiện thuốc lá nặng và do hút thuốc, nên giọng ả đậm khàn khàn đặc đặc, hơn nữa, do uống nhiều vang

trắng nên gương mặt mặt trông cũng phù nề bung bung. Dạo xưa, lúc tôi còn năng lui tới nhà vợ chồng Auersberger, tôi cũng đã từng rất hay tiếp xúc với nữ văn sĩ Jeannie Billroth đây, tiếp xúc hơi quá nhiều và quá thân mật là đằng khác - tôi nghĩ bụng - trong căn hộ khu nhà chung cư của ả, nơi ả sống chung với một tay chuyên nghề Hóa tên Ernstl, là người qua hàng chục năm trời không chịu lấy ả làm vợ, hay nói cách khác, cũng là người ả không chịu lấy làm chồng. Gã Ernstl đi làm kiếm tiền, còn Jeannie có danh có tiếng, câu nhử cả các nghệ sĩ lẫn ngụy nghệ sĩ, cả các nhà khoa học lẫn ngụy khoa học đến căn hộ của họ, tức là, nói như Jeannie thường khoe, *đem màu đem sắc nhuộm cho khu chung cư buồn rầu ảm đạm*, nhưng nhúc bợn tiểu thị dân này. Có điều, cả nữ văn sĩ Jeannie cũng chỉ là một tiểu thị dân không hơn không kém, tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng, một người mà tính cách tiểu thị dân đã làm tổ trong đầu óc tự bao giờ rồi. Sau cái chết của anh Josef Maria bạn tôi - người cũng treo cổ tự tử hết như Joana, và vốn là người đầu tiên sau chiến tranh, tức là vào đầu những năm năm mươi, cho ra tờ *tạp chí văn học* chính thức đầu tiên của nước Áo, gọi là *tạp chí Văn học thời đại chúng ta*, thì chính Jeannie lại là người đứng ra nhận vai chủ trì tạp chí đó, và kể từ đấy trở đi, tạp chí đó không còn ai đọc nổi nữa, hay nói cho đúng hơn, nó biến thành một thứ tạp chí vô giá trị, dấn độn, nhảm chán từ trong ra ngoài, tuy được cái nhà nước đáng ghét, đáng tởm và cực kỳ lẩn thẩn này tài trợ, đã thế nó lại chỉ đăng tải những thứ của nợ, nhạt nhẽo và dấn độn nhất đời, mà trước hết là các bài thơ của Jeannie Billroth, một con người chẳng những chỉ tưởng mình là kẻ kế thừa, thậm chí kẻ vượt lên trên Virginia Woolf không thôi, mà còn tự cho mình làm *người thừa kế trực tiếp và trội hơn* cả Droste nữa kia, con người đỉnh ninh mình đã viết nên *những*

văn thơ tuyệt nhất nước Áo. Nhưng thực ra ả chỉ viết nổi những bài thơ cực dở mà thôi, những bài thơ đã chẳng hề chứa đựng chút tình lẫn ý nào thì chớ, lại càng không có lấy chút giá trị văn chương nào cả ấy. Mười lăm năm liền ả chủ trì tờ *Văn học thời đại chúng ta* đần độn đó, và mãi đến khi người ta phải thề thốt cho ả hưởng lương hưu trọn đời thì mới có thể giật nó ra khỏi tay ả. Nhưng tờ tạp chí chẳng nhờ thế mà khá lên, tôi nghĩ bụng, thậm chí ngược lại, bởi tay chủ biên hiện giờ lại còn ngu ngốc hơn, kém cỏi hơn cả ả. Thật không may cho tôi là đúng vào ngày mười bốn tháng Ba này, tôi lại lên phố Graben với ý định tìm mua chiếc cravat ở Kohlmartk hay ngõ Nagler - bởi tôi bao giờ cũng mua cravat ở chợ Kohlmarkt hoặc ngõ Nagler - và vì thế mà vô tình rơi vào tay vợ chồng nhà Auersberger, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Có thể vợ chồng Auersberger cũng sẽ chẳng bắt chuyện tôi đâu, nếu họ không có cơ phải báo tin cho tôi về cái chết của Joana, giờ đây tôi nghĩ bụng, và tự tôi, chắc cũng không đời nào nhận lời họ mời đến dùng bữa tối, nếu tôi lúc đó không vì cái chết của Joana mà đâm ra *mất thăng bằng* như thế. Tất nhiên, qua điện thoại, tôi không nhận ra ngay người bán tạp hóa ở Kilb, vâng, không nhận ra giọng bà ta, bởi cái giọng ấy tôi chỉ từng nghe thấy ở Kilb mà thôi và ít nhất cũng phải hai chục năm rồi kể từ lần cuối cùng ở quán *Zur Eisernen Hand*, là nơi lần ấy tôi đưa Joana và cô bạn ở Kilb của nàng đến ăn xúc xích nguội - ngồi trên ghế bành giờ đây tôi nhớ lại rõ ràng ràng - trong một bầu không khí khá vui vẻ. Joana treo cổ chết vào khoảng giữa ba với bốn giờ sáng, qua điện thoại bà bán tạp hóa thuật lại như thế, theo lời viên bác sĩ, người nghe đâu đã đích thân cắt sợi dây cho xác Joana rơi xuống, sợi dây mà nàng đã tự tay buộc lên cây xà vắt ngang, ngay trên cửa dẫn vào gian tiền sảnh. Vâng, cánh bác sĩ ở quê

thường vẫn không kiểu cách, tôi nghĩ bụng. Tay bác sĩ này, một anh bạn thời thơ ấu của Joana, tôi cũng có trông thấy tại nghĩa trang Kilb. Đám ma lần này đúng là trò lơ bịch. Tôi bắt tàu hỏa đến Sankt Pölten trước, rồi chuyển sang tàu Maria-Zeller, tàu này đến Kilb lúc mười rưỡi. Để đến được Kilb vào lúc mười rưỡi - bởi đám ma dự định bắt đầu lúc một rưỡi chiều - thì bảy rưỡi sáng tôi đã phải có mặt ở ga Tây của Vienna rồi; bạn bè rủ tôi lên xe hơi cùng chạy đến Kilb nhưng tôi đều từ chối hết, bởi tôi vẫn coi trọng tự do hơn cả, và có lẽ, tôi không ghét trò gì hơn ghét cái trò phải cùng người ta chui chung vào một xe hơi rồi sống hay chết nằm trọn hoàn toàn trong tay họ. Phong cảnh vùng đất nằm giữa Sankt Pölten và Kilb thế nào tôi vẫn nhớ rất rõ; ngay cả lúc đau buồn như thế này cảnh đẹp ở đó cũng không làm tôi thất vọng. Suốt chuyến đi qua vùng cao nguyên miền Hạ Áo này, dĩ nhiên, tôi nhớ lại hồi trước tôi vẫn thường cùng chồng Joana, tức tay nghệ nhân dệt thảm, hoặc vợ chồng Auersberger về đây thăm nàng. Song, dạo còn sống ở Anh, vào các dịp về thăm Áo, thường tôi cũng hay về Kilb một mình; các chuyến xuyên miền đồng quê như thế về Kilb bao giờ cũng để lại những kỷ niệm vui tươi trong sáng. Bất kể rong ruổi xe cộ đi đâu, tôi đều thích được rong ruổi một mình, cũng như tôi chỉ thích *cuộc bộ* một mình vậy. Thế nhưng các chuyến đánh xe về Kilb bao giờ cũng làm tôi phấn chấn vì biết rằng, cuối chuyến đi, bao giờ tôi cũng sẽ gặp Joana trong căn nhà một tầng nhỏ bé của bố mẹ nàng. Bao giờ tôi cũng chỉ về Kilb vào mùa xuân và mùa thu, không đời nào về đây vào mùa hè, cũng không khi nào về vào mùa đông. Cứ đủ khôn đủ lớn là y như rằng các cô gái nông thôn đều ngong ngóng hướng về Vienna, về thủ đô - tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng - xưa thế nào giờ vẫn thế, và cả Joana cũng đòi về Vienna bằng

được, bởi nàng muốn bằng mọi giá phải làm nên *sự nghiệp*. Nàng nôn nóng, ngóng chờ một ngày nào đó sẽ đáp tàu vĩnh viễn về Vienna. Tuy nhiên, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, thành Vienna đã mang lại cho nàng nhiều rủi ro bất hạnh hơn là may mắn. Giới trẻ kéo nhau đến thủ đô và gặp nạn, đúng theo nghĩa đen của từ đó, ngay tại nơi mà họ gửi gắm biết bao nhiêu là hy vọng, vâng, gặp nạn do vấp phải sự bỉ ổi, sự tàn nhẫn của xã hội thượng lưu trong thành phố đó, nhưng cũng là do bản chất tự nhiên của họ, bản chất khiến phần đông trong số họ không thể sống sót ở đô thành Vienna sẵn sàng ăn tươi nuốt sống họ. Nói cho cùng thì gã Auersberger cũng từng muốn làm nên sự nghiệp ở Vienna, tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng, nhưng y cũng như Joana chẳng làm nên sự nghiệp gì ở Vienna cả, chỉ hăm hở chạy theo một sự nghiệp mơ hồ nào đấy - một sự nghiệp mà cho đến tận giờ y vẫn không sao nắm bắt được. Y nhầm tưởng mọi sự dễ dàng, tôi ngồi trên ghế bành tự nhủ, cũng như Joana đã nhầm tưởng mọi sự rất ngon ăn vậy, bởi vì, đã nói đến lập nghiệp tìm danh tại một thành phố lớn bất kỳ, chứ chưa cần kể đến Vienna, thì chẳng có gì là dễ dàng, ngon ăn cả. Đó chính là sai lầm của cả hai người, bây giờ tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng, khi họ tưởng thành Vienna vĩ đại sẽ, ôi giờ, nâng đỡ dịu dặt họ; thành phố ấy chẳng nâng đỡ, dịu dặt ai như người ta vẫn tưởng, mà ngược lại nó luôn luôn tìm mọi cách xua đuổi, hủy hoại, tiêu diệt những kẻ bất hạnh tìm đến nó hòng làm nên sự nghiệp, và quả nhiên, nó đã hủy hoại, nó đã tiêu diệt Joana như đã hủy hoại, tiêu diệt gã Auersberger vậy - một con người đã từng định ninh rồi mình sẽ trở thành nhà soạn nhạc lớn, có tầm cỡ, vâng, tầm cỡ thế giới, trong khi, nói cho đúng sự thật ra, thì ở Vienna, y chẳng những đã không thành tài, mà còn bị Vienna đè bẹp dí dẹt; sự thiên tài ba mươi năm trước y

mang theo mình từ Steiermark tới, đều nhanh chóng héo hon tàn lụi ở Vienna, thoát tiên bị vùi dập, sau đó thì căn cỗi, hết như vô vàn các bậc thiên tài - mà trước hết là các thiên tài âm nhạc - đặt chân đến Vienna trước y. Thành Vienna làm y héo hon teo tóp thành *môn đệ của Webern* và chìm y mãi mãi ở vai *môn đệ của Webern* ấy mà thôi. Cả Joana cũng suốt đời mơ thành vũ công ba-lê ở Nhà hát Opera, và về sau mơ thành diễn viên nổi tiếng của Nhà hát kịch Burgtheater; nhưng rốt cuộc, suốt đời nàng chẳng làm được gì hơn việc giữ vai một nữ diễn viên nghiệp dư cả về vũ đạo lẫn kịch nói, một nữ trị liệu viên mở khóa học tư, dạy cái gọi là cách đi cách đứng. Đã hai mươi lăm năm qua rồi, tôi nghĩ bụng, kể từ ngày tôi soạn cho nàng những màn kịch ngắn, để nàng diễn trước mặt tôi vào các buổi chiều hay các buổi tối tại căn phòng của nàng trên cao ốc ở phố Simmeringer Hauptstrasse và ghi vào băng ghi âm, để gọi là mãi mãi lưu lại cho muôn đời sau. Hàng chục màn kịch ngắn, với hai nhân vật thôi, được soạn ra, một là để nàng chứng minh tài năng của nàng lớn mức nào, hai là để tôi có cơ hội trở cho thiên hạ thấy cả tài diễn xuất, lẫn tài viết lách của tôi ra sao. Các vở kịch đó đều thất lạc hết cả; chúng chẳng có chút giá trị văn chương nào hết, song - giờ đây tôi ngồi trên ghế bành nghĩ lại - chúng là nguồn sống cho hai chúng tôi qua nhiều năm trời. Từ căn hộ của tôi ở Quận Mười tám, hàng năm trời liên tục, gần như đều đặn, cứ hai hay ba hôm một lần tôi lại nhảy *tàu điện số bảy mươi một* chạy ngược lên phố Simmeringer Hauptstrasse, ghé vào cửa hàng rượu Dittrich nằm đối diện với khu nhà cao ốc nơi Joana ở, để mua ba, bốn chai hai lít, thứ rượu vang trắng rẻ tiền nhất hạng rồi tha số vang trắng đó vào khu nhà cao ốc, bắt thang máy lên phòng Joana ở tầng mười một. Chúng tôi uống rượu và tập dượt, ít nhiều nhờ

những chai rượu vang đó để nhập tâm vào *nghệ thuật sân khấu toàn diện* bao gồm cả nghệ thuật diễn xuất lẫn nghệ thuật viết kịch bản - cho đến khi hoàn toàn kiệt sức. Đến lúc chúng tôi không còn đủ sức để thủ vai của mình nữa, chúng tôi liền bật các băng ghi âm chúng tôi vừa tự ghi lại đó rồi say sưa lắng nghe cho đến khuya, thậm chí đến tận sáng. Mỗi quan hệ của tôi với Joana, tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng, đã đóng vai trò khá lớn đối với sự trưởng thành của tôi, bởi chính Joana chứ chẳng phải ai khác đã kéo tôi quay lại với sân khấu, là món tôi không còn màng tới nữa sau khi tốt nghiệp đại học, vâng, tôi còn nhớ, tôi ra khỏi trường đại học với bằng tốt nghiệp trong tay và lúc xuống cầu thang tôi còn nghĩ trong đầu, thế là ta kết thúc môn học sân khấu và từ nay đến hết đời ta chẳng còn muốn dính dáng gì đến sân khấu nữa cả. Và quả nhiên, nhiều năm ròng rã, tôi không dính gì đến sân khấu nữa thật, cho đến khi thông qua gã Auersberger tôi làm quen với Joana. Ngay từ giây phút đầu tiên gặp nhau, Joana đã làm tôi nảy ra ý định viết cho nàng đôi vở kịch ngắn, vâng, đôi màn bi kịch, bởi nàng có giọng rất thích hợp cho những màn như thế. Đúng vậy, không phải *nhân sắc* mà cách nàng *nói năng* đã quyến rũ tôi. Và quả thật, chính mối quen biết, về sau trở thành tình bạn thân thiết ấy với Joana, đã khiến tôi - sau một thời gian dài cố tình cưỡng lại - lại đụng chạm, dính dáng tới nghệ thuật và đời sống nghệ sĩ. Đối với tôi, chính nàng, cũng như mọi sự liên quan đến nàng, đều là sân khấu rồi; hơn nữa, chồng nàng còn là dân hội họa, sự thật đó ngay từ đầu đã quyến rũ tôi, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Giá gặp may, nàng cũng có thể trở thành một trong những nghệ sĩ lớn rồi đấy, múa ba-lê hay sân khấu gì đó, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, nếu nàng không ngã ngay vào lòng tay nghệ sĩ Fritz của nàng - tay chồng họa sĩ, sau thành nghệ nhân

dệt thảm của nàng ấy - vâng, tức là nếu nàng không gục ngã ngay khi vừa gặp đôi trở ngại lớn đầu tiên. Gì thì gì, cũng phải nói thẳng ra rằng các bạn học của nàng ở Reinhardt Seminar, những người sau này dù có trở thành các diễn viên có tiếng ở Josefstadt hay Nhà hát kịch Burgtheater thật, xét cho cùng vẫn chỉ là các diễn viên ít nhiều lỗ bịch và vô dụng mà thôi, những người dù mỗi năm có một lần được sắm vai trong một vở Shakespeare, Nestroy hay Grillpatzer nào đấy thật, nhưng chắc chắn vẫn ngàn lần ngu độn hơn Joana. Buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* tiếng là được tổ chức mừng gã diễn viên, tôi tự nhủ, nhưng thực ra, nó chỉ là buổi lễ cầu siêu cho Joana không hơn không kém; mùi ngai ngái của đám tang chiều nay ở Kilb bỗng dưng thoang thoảng ở ngõ Gentz này, bầu không khí ngoài nghĩa trang Kilb bỗng tràn ngập căn hộ vợ chồng Auersberger. Đúng vậy, cái buổi gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ* này, tôi nghĩ bụng, thật ra chỉ là bữa cỗ sau tang lễ, trong đó duy có lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mà mọi người đang chờ đợi đây, theo tôi biết, là *không* quen Joana mà thôi. Từ trước khi Joana tự sát, buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* đã được hẹn trước, trước hết là hẹn với lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, một bữa tiệc mừng nhân dịp công diễn vở *Vịt trời* tại Nhà hát Viện Hàn lâm, như vợ chồng Auersberger đã đôi lần nhắc đi nhắc lại. Đối với họ, cái chết của Joana bất ngờ chen vào. Họ nói với khách khứa, bữa *dạ tiệc* này cốt là để mừng vị diễn viên, vâng, vị diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, rồi mới khẽ khàng kín đáo chữa thêm, dạ, cũng là để vĩnh biệt Joana nữa ạ. Vợ chồng Auersberger chỉ cần tay diễn viên yên chí định ninh buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* được tổ chức để mừng riêng lão là được, song - tôi ngồi trên ghế bành và nghĩ bụng - do nó trùng với ngày cử hành đám tang Joana, thì hai vợ chồng họ cứ coi việc tổ chức *dạ tiệc*

cũng là để tưởng nhớ Joana nữa. Tôi chợt nhớ, tự tôi hôm trước cũng đã định đọc lại *Vịt trời*, âu là để khi cần có thể đối đáp với lão diễn viên, và tôi đã cảm chắc, tôi chỉ cần mở mấy thùng sách của tôi là khắc lòi được cuốn *Vịt trời* ra ngay, nhưng hóa ra tôi đã nhầm; tôi chẳng hề có quyển *Vịt trời* trong tay, mặc dù tôi nắm chắc mười mười rằng tôi có quyển sách ấy, bởi dĩ nhiên tôi phải có quyển *Vịt trời* chứ, lúc mở thùng sách và định lòi cuốn *Vịt trời* ra, tôi đã tự nhủ như thế, bởi lẽ, trong đời tôi, tôi đã nhiều lần đọc *Vịt trời*, tôi đã nghĩ vậy và tôi còn nhớ như in tôi đọc nó vào lần tái bản nào nữa kia, nhưng hóa ra tôi không có quyển sách đó thật, và cũng như nữ văn sĩ Jeannie, vội tìm mua nó trong thành phố nhưng không tìm ra. Song, ngồi trên ghế bành tôi nhớ ra một nhân vật trong *Vịt trời* là *lão già Ekdal*, lão có anh con trai *Ekdal trẻ tuổi* làm nghề nhiếp ảnh. Và màn đầu tiên diễn ra tại nhà viên cố vấn Werle. Xưởng làm ảnh của Ekdal nằm ở tầng gác mái, tôi tự nhủ và dần dần nhớ lại toàn bộ vở kịch, cho nên thôi, không cần công tìm cuốn sách nữa. Gớm thật thôi, giá trị vở *Vịt trời* có là bao, nếu nó đã do Nhà hát kịch Burgtheater công diễn, tôi ngồi trên ghế bành nghĩ bụng rồi tôi lại nhớ đến quán *Zur Eisernen Hand* - cái quán mà vừa chân ướt chân ráo về đến Kilb tôi đã đưa bà bán hàng tạp hóa, mặc đồ đen xì từ đầu xuống chân, đến ngồi ăn. Tôi chỉ ghé nhanh vào quán tạp hóa để báo tin tôi đã về thì bà bán hàng vội choàng ngay tấm áo choàng đen lên người rồi cùng tôi đi ngay đến quán *Zur Eisernen Hand*, tức là đến phòng chỉ huy lễ tang Joana. Trong quán *Zur Eisernen Hand*, tôi cũng giống như bà bán hàng tạp hóa đều đặt món thịt hầm gulasch và cùng ngồi chờ gã bạn đời của Joana. Khoảng mười một rưỡi thì tay này đến quán rồi sà ngay vào bàn hai chúng tôi ngồi. Người ta, nếu đã đóng đồ đen, thì ai trông cũng nhợt nhạt hơn mọi ngày; tay bạn

traí của Joana (mà bà bán tạp hóa bao giờ cũng chỉ gọi là Elfriede) cũng có bộ mặt nhợt nhạt như vậy, khiến ai cũng có thể tưởng, gã sắp nôn thốc nôn tháo ra đến nơi rồi. Đúng vậy, lúc sà vào bàn chúng tôi, gã quả đang buồn nôn thật: bởi gã vừa từ nhà xác nằm cạnh nhà thờ đến thẳng đây; ở đó, trong nhà xác, theo như lời gã kể, gã thật sự kinh hãi do phải đột ngột chứng kiến cảnh tượng *thi thể Joana bị nhét trong một cái túi to bằng nhựa trong suốt*. Lão thợ đóng quan tài, như mọi khi, là lão thợ mộc ở vùng này, và do sáng nay, trước khi gã bạn trai của Joana vác mặt đến nhà xác, lão không nhận được lời chỉ dẫn cụ thể nào về cách thức khâm liệm xác người quá cố cả, cho nên - bằng cách rẻ tiền nhất - lão cứ thế nhét xác người chết vào túi nhựa và rồi để mặc cho nó nằm chình ình trên tấm gỗ mộc kê trên giá đỡ thô kệch trong nhà xác của nhà thờ Kilb. Theo như lời gã kể trong quán *Zur Eisernen Hand*, trước cảnh tượng xác Joana bị nhét túi nhựa như thế, gã phát run phát sốt, bèn giao cho người trông coi nhà thờ cho thi thể vào áo quan rồi đặt vào quan tài bằng gỗ dẻ gai, vâng, nhờ có gã góp tay nên mọi việc đó đều đã xong. Trong lúc gã cũng ăn món thịt hầm như chúng tôi, gã nói, gã không thể tả lại đầu đuôi chi tiết mọi đã sự diễn ra như thế nào, tức là từ lúc lôi xác Joana ra khỏi túi nhựa đến lúc mặc quần áo liệm lên xác nàng, bởi gã cảm thấy *kinh khủng* quá. Rốt cuộc gã chọn cái quan tài đắt tiền nhất còn lại trong kho lão thợ mộc vùng này cho Joana. Ăn hết nửa chỗ thịt hầm, gã đứng dậy đi ra cửa quán rửa tay; lúc gã quay lại, tôi thấy gã rơm rớm nước mắt. Gã bảo, Joana chẳng còn bà con thân thích gì nữa, từ lâu nàng đã coi như họ *chết cả* rồi, thành ra mọi thứ dính dáng đến đám tang đều *đổ lên đầu gã*. Gã đã tưởng, bà bán hàng tạp hóa sẽ lo toan mọi chuyện sau khi Joana tự tử, nhưng bà này chỉ lắc đầu quầy quậy

với lý do bà ta không thể rời cửa hàng bà nửa bước, và chính bà, bà lại nghĩ ông ta, tức gã bạn của Joana, sẽ ôm hết mọi việc. Chẳng biết thế nào mà lần. Gã bạn của Joana ngốn chỗ thịt hầm nhanh đến nỗi, tôi mới ăn được một nửa, thì gã đã xới gọn đĩa thịt của gã từ lâu. Gã để nước thịt bắn đầy lên chiếc áo sơ-mi hồ bột đang mặc, hay đúng hơn là chiếc yếm sơ-mi hồ bột màu trắng, bởi gã quả không mặc sơ-mi thật, mà - như tôi phát hiện ra - chỉ choàng yếm sơ-mi ra ngoài chiếc áo lót bằng len thôi, ngồi trên ghế bành, tôi nghĩ bụng. Cái yếm sơ-mi hồ bột đầy đầy nước thịt ấy ít nhiều càng làm mạnh thêm cảm giác của tôi, rằng gã bạn trai của Joana là một kẻ đã đến lúc suy đồi đến tận cùng rồi, ngồi trên ghế bành tôi bụng bảo dạ vậy. Ăn xong món thịt hầm, gã nôn nóng chờ bà bán hàng tạp hóa và tôi ăn xong; song chúng tôi không thể ăn nhanh hơn, mà chỉ ăn chậm rãi được thôi. Rốt cuộc tôi đành bỏ dở, không ăn nốt non nửa chỗ thịt hầm còn thừa lại, nhưng bà bán hàng tạp hóa đã xoay sở tọng nốt chỗ thịt hầm vào họng. Nếu không ai chịu bỏ tiền ra trang trải, gã bạn trai Joana nói, thì chỉ thế thôi, nhét xác chết vào túi nhựa là xong. Đoạn gã nói tiếp, trong nhà xác *hôi thối* kinh người. Qua cửa sổ quán trọ tôi thấy khá nhiều xe hơi, chở toàn người tôi quen chạy qua, rõ ràng họ đều về Kilb dự đám ma Joana, bởi xe nào xe nấy đều hướng cả về phía nghĩa địa mà chạy. Lúc trời đổ mưa, tôi nghĩ bụng, thật may là mình đã mang chiếc ô kiểu Anh quốc theo. Ngoài phố tối dần, trong quán càng tối hơn. Nữ văn sĩ Jeannie Billroth, cùng đoàn tùy tùng rất các thanh niên choai choai dưới hai chục tuổi, điếu qua bên ngoài. Quả là trong *khu nhà cao ốc* ấy tôi đã gặp Joana lần cuối cùng thật - ngồi trên ghế bành tôi nhớ lúc đó trong quán *Zur Eisernen Hand* tôi đã nghĩ thế - mặt nàng sừng húp húp, chân phù thùng búng beo. Nghe nàng nói, chắc

ai cũng sẽ bảo giọng nàng *lè nhè say*. Bên giường nàng nằm, một tấm thảm bám đầy bụi của người chồng cũ vẫn còn treo trên tường như để nhắc nhở, vâng, đã có thời, nàng từng sống sung sướng hạnh phúc cùng người đàn ông đó. Căn hộ nàng ngồn ngộn quần áo bẩn cùng mùi hôi hám. Chiếc máy ghi âm nàng để cạnh chiếc giường - như tôi thấy, có lẽ nàng nằm ườn suốt ngày trên đó - đã bị hỏng. Mọi thứ đều bụi bặm. Dưới nền nhà ngổn ngang cả chục chai rượu vang trắng đã uống cạn từ bao giờ. Tôi đã định nghe lại cuốn băng ghi các màn kịch ngắn ngủi, mà bốn, năm năm trước, lần tôi bất ngờ về thăm nàng trên cao ốc ấy, tôi với nàng đã tập cùng nhau, tôi thủ vai Vua, còn Joana vai Công chúa, nhưng không tìm đâu ra cuốn băng đó nữa, mà nói cho cùng, nếu chúng tôi có tìm được cuốn băng ấy đi nữa, thì cũng chẳng được tích sự gì, bởi làm sao nghe được băng khi máy đã hỏng. *Công chúa tất nhiên là khóa thân rồi*, tôi nói với Joana lúc đó đang nằm trên giường. *Còn anh là ông Vua trần truồng*, nàng đáp và đã định nhoẻn miệng cười, nhưng không nổi. Chuyển viếng thăm của tôi đã chẳng có gì đáng gọi là cảm động, chẳng ủy, cũng không mỉa thì chớ tôi chỉ thấy ghê tởm mà thôi, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ vậy. Trong phòng, các dấu tích của gã bạn trai nàng phơi ra rành rành, tôi ngồi trên ghế bành nhớ lại, chỗ này gói thuốc lá, chỗ kia cái cravat cũ, chiếc tất nhàu bẩn, vân vân. Nàng nói đi nói lại đến mấy lần rằng tôi đã làm nàng thất vọng; nàng không sao gượng ngồi dậy được, cố gượng mấy lần nhưng lại lăn quay ra ngay. *Làm em thất vọng, làm em thất vọng*, nàng lặp đi lặp lại mãi. Mấy năm gần đây, nàng sống nhờ vào việc bán được mấy tấm thảm treo tường mà tay Fritz, chồng nàng, để lại. Còn ngoài ra, nàng chẳng nhận được tin tức gì của Fritz nữa cả. Cả lũ người khác, ý nàng bảo *toàn bộ lũ nghệ sĩ*, nàng cũng chẳng nhận được tin

tức gì nữa, *chẳng có tin tức gì, của bất kỳ ai*. Nàng nhờ tôi xuống quán Dittrich dưới kia mua hai chai rượu vang trắng, mỗi chai hai lít. *Anh đi đi*, nàng nói, y hệt như hồi xưa. *Đi đi! Đi đi!* Nàng sai tôi và tôi ngoan ngoãn vâng lời như hai chục năm, như hai mươi lăm năm về trước tôi từng ngoan ngoãn vâng lời. Từ dưới quán Dittrich quay lên, tôi đặt hai chai rượu hai lít bên cạnh giường nàng rồi chia tay. Giá có chuyện trò thêm với nhau dăm ba câu nữa, thì cũng phỏng có ích gì, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ. Đạo ấy, tôi đã cảm chắc rằng đời nàng thế là hết. Ấy thế mà nàng còn sống nhiều năm nữa và đó chính là điều hiện giờ làm tôi kinh ngạc. Bởi thật sự là trước khi nghe tin nàng chết, tôi đã đinh ninh nàng đã chết từ lâu, từ nhiều năm nay rồi kia. Do nhiều năm liền tôi không nhận được tin tức gì của nàng, cũng chẳng gặp lại nàng, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, tôi đâm quên khuấy cả nàng. Quả có thể thật, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, có những người ta gấn bó đến mức ta cứ tưởng đó là sự gấn bó suốt đời, thế nhưng, loáng một cái, họ vẫn có thể bỗng dưng biến khỏi cả tầm mắt lẫn trí nhớ của ta dễ như bỡn. Cánh diễn viên đúng là có thói quen quái đản, ngồi trên ghế bành nhà vợ chồng Auersberger tôi bụng bảo dạ, cứ nửa đêm, thường thường còn *quá* cả nửa đêm họ mới ăn tối, và những ai muốn đánh bè kết bạn với họ đều bị vạ lây bởi thói quen kỳ quái đó của họ. Nếu ta có vào tiệm với cánh diễn viên để ăn tối, thì sớm nhất cũng phải mười một rưỡi, món súp khai vị mới được dọn lên bàn cho ta, và đến khoảng một rưỡi sáng, ta mới uống cà phê tráng miệng. Vở *Vịt trời* có thể gọi là khá ngắn, tôi tự nhủ, thế nhưng từ Nhà hát Viện Hàn lâm đến ngõ Gentz mất ít nhất cũng nửa tiếng, và nếu buổi diễn hạ màn lúc mười rưỡi, thì cũng phải mất nửa tiếng nữa để các diễn viên, sau khi hạ màn, cúi chào cảm tạ khán giả chán chê - ấy là chưa kể

vở *Vịt trời*, do khá thành công, nên màn vỗ tay sẽ còn kéo dài lâu hơn nữa - rồi các diễn viên mới có thời giờ mà thay quần thay áo và chùi son phỉa phấn, vì vậy, tay diễn viên - nhân vật chủ chốt của *dạ tiệc nghệ sĩ* này - không thể đến ngõ Gentz trước mười hai rưỡi đêm được. Vợ chồng nhà Auersberger mời khách lúc mười rưỡi là quá xấc xược, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ thầm, bởi vợ chồng nhà họ phải biết vở *Vịt trời* sẽ kéo dài đến mười một giờ đêm và nhân vật Ekdal của họ không thể có mặt ở ngõ Gentz trước mười hai rưỡi đêm được. Giá tôi cân nhắc cẩn thận từ trước, để biết lúc nào buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* này thật sự bắt đầu, thì chắc chắn mười mười là tôi đã chẳng mò đến ngõ Gentz này. Chỉ vì mãi đi tìm mua cravat trên phố Graben, mà rốt cuộc có mua được đâu, tôi nghĩ bụng, rồi chạm trán vợ chồng Auersberger vào một giây khắc oái oăm, để bây giờ sống dở chết dở thế này đây. Thời gian cứ như thế đã dừng lại vậy, tôi nghĩ bụng, tất cả khách khứa được mời đến dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* ở ngõ Gentz này chính là những bạn bè thân thiết và gắn bó nhất với vợ chồng nhà Auersberger từ ba chục năm trước, vâng, tức là từ những năm năm mươi, và tất tât những bạn bè đó, như tôi có thể nhìn thấy sờ sờ trước mặt đây, cho đến ngày hôm nay, chưa lần nào dứt tình với vợ chồng Auersberger cả, họ đã gìn giữ tình bạn đó với vợ chồng Auersberger, thấy bảo vậy, suốt hai chục, thậm chí ba chục năm qua, những năm tháng mà tôi không còn bất kỳ mối liên lạc nào với vợ chồng Auersberger nữa cả ấy. Tôi chợt có cảm giác như mình là kẻ đào ngũ, kẻ phản bội, phản bội vợ chồng Auersberger cũng như tất tât những gì ràng buộc tôi với họ, tôi nghĩ bụng, và hai vợ chồng Auersberger cũng như khách khứa của họ, tôi đoán chắc ai cũng đang nghĩ như tôi cả. Song điều đó chẳng làm tôi mảy may phiền lòng mà ngược lại, bởi thậm chí ngay cả

lúc này, lúc đang ngồi trên ghế bành của họ trong căn hộ của họ đây, tôi vẫn cảm thấy kinh tởm cả vợ chồng Auersberger lẫn khách khứa của chúng một cách ghê gớm, phải, tôi cảm ghét tất cả bọn chúng, bởi chúng *trái ngược* với tôi về mọi mặt ở đời, và trong lúc ngồi trong căn hộ vợ chồng Auersberger và nhăm nháp vài ly sâm panh nhằm tự làm mình mơ màng hòng xong chuyện cho nhanh, tôi có cảm giác mỗi ác cảm dành cho chúng thực ra luôn luôn là lòng căm ghét mới đúng, căm ghét tất tậ những gì dĩnh dáng đến chúng. Ta vẫn thường kết bạn với ai đó thật sâu sắc và ta vẫn thường thật sự tin tình bạn đó sẽ bền vững suốt đời, thế rồi bỗng nhiên, đến một ngày nào đó, ta bị chính những người ta vẫn đánh giá cao hơn ai hết, vâng, những người ta khâm phục, thậm chí yêu quý ấy làm thất vọng, và ta quay ra ghét bỏ họ, căm thù họ, và ta muốn tuyệt giao với họ - ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng - rồi sau đó, bởi ta không muốn căm thù họ suốt đời, như ta từng muốn suốt đời quý mến và yêu thương họ, ta liền xóa họ khỏi ký ức mình cho nhanh chuyện. Quả thật, tôi đã trốn tránh thành công hai vợ chồng Auersberger hơn hai chục năm liền vì tôi không bao giờ liều lĩnh ló mặt ở nơi nào có nguy cơ gặp mặt chúng, đó vốn là mưu mẹo do tôi nghĩ ra và xếp trước đặt sau mọi sự thật cẩn thận, cốt sao không bao giờ phải gặp lại *giống quỉ dữ* đó nữa - dạo đó tôi thậm gọi chúng như vậy - bởi vậy, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, không phải ngẫu nhiên mà hơn hai chục năm trời tôi không gặp mặt chúng lần nào; bây giờ, chỉ tại Joana tự sát mà bỗng dưng vâng, hết sức đột ngột, tôi chạm trán vợ chồng Auersberger trên phố Graben. Lời mời dự dạ tiệc mừng *vị nghệ sĩ Vịt trời* mà vợ chồng nhà Auersberger bất ngờ đưa ra cho tôi, cũng như cách nhận lời mời đột ngột của tôi, tôi nghĩ bụng, đều chỉ là các hành vi xảy ra khi đầu óc con người ta

chịu quá nhiều căng thẳng mà thôi. Nói cho cùng, dù đã nhận lời, nhẽ ra tôi vẫn có thể không đến đây, vả lại, tôi chưa bao giờ ngại ngần câu nệ khi nhờ có phải thất hứa và bỏ qua một cuộc thăm viếng nào đó. Quả thật, trong mấy ngày - từ lúc nhận lời mời đến dự *dạ tiệc nghệ sĩ* cho đến ngày dạ tiệc thật sự diễn ra - tôi cứ cân nhắc mãi xem liệu mình có nên đến nhà vợ chồng Auersberger hay không, vâng, lúc này tôi nghĩ bụng, tôi sẽ đến nhà Auersberger, lúc khác tôi lại nghĩ, tôi không đến nhà vợ chồng Auersberger, lần này tôi tự nhủ, tôi sẽ đến, lần sau tôi lại bảo, thôi, không đến, đến, không đến, cái trò nhùng nhằng đến, không đến làm tôi gần phát điên đó diễn ra suốt ngày trong đầu tôi, và ngay cả khi trời sập tối - tức là ngay trước khi tôi rút cuộc cũng quyết định đến ngõ Gentz thật - tôi vẫn chưa rõ, liệu tôi có đến ngõ Gentz hay không cơ mà. Chỉ đôi phút trước khi tôi rút cuộc rồi cũng dứt khoát sẽ đến đó, tôi vẫn còn nghĩ, ngay sau khi gặp lại bọn họ ở đám ma tại Kilb, người thấy hai vợ chồng Auersberger vẫn đáng ghét như trước đây, thì dĩ nhiên, người sẽ *không* đến đó; thật vậy, vợ chồng Auersberger là những kẻ đáng kinh tởm, *bọn chúng* đã phản bội người chứ không phải người phản bội chúng - đầu tôi chỉ quanh quẩn một ý nghĩ như thế suốt cả quãng thời gian tôi chui vào nhà tắm, xối nước lạnh như băng từ vòi chậu rửa mặt lên cổ tay cho mát mẻ, thậm chí chĩa cả mặt xuống dưới vòi nước chảy cho bớt nóng phừng phừng; phải rồi, suốt hai chục năm qua, hai vợ chồng Auersberger đã bằng mọi cách làm nhục người, bôi nhọ người, xuyên tạc tất tậ những gì liên can đến người, tôi nghĩ bụng, chúng luôn luôn vu khống người ở mọi nơi mọi chốn, bịa đặt hết chuyện này chuyện nọ về người, mà toàn chuyện láo toét từ đầu đến đuôi nữa chứ, chúng tung ra bao điều dối trá, những điều dối trá đều cáng, mỗi ngày một

nhiều, như người vẫn biết, hàng trăm, hàng ngàn chuyện dối trá về người trong suốt hai chục năm ấy, rằng *người* đã lợi dụng chúng, chứ không phải chúng lợi dụng người, ở Maria Zaal, rằng *người*, chứ không phải chúng, là kẻ láo xược nhất trần đời, rằng *người* vu khống chúng, chứ không phải chúng vu khống người, rằng *người* là kẻ phản bội chúng, chứ không phải chúng phản bội người, vân vân và vân vân. Đó là các lý lẽ tôi đưa ra nhằm cân nhắc xem có nên đến thăm vợ chồng nhà Auersberger hay không, và chẳng có lý lẽ nào bảo tôi sau hai mươi năm đứt liên lạc phải đến nhà chúng cả, thế mà mặc trong lòng tôi vẫn chứa đầy ác cảm, thậm chí mối hận thù ghê gớm, đối với cặp vợ chồng đó, tôi vẫn quyết định đến thăm chúng, khoác vội áo choàng, lên đường đến ngõ Gentz. Mặc dù tôi không hề muốn đến ngõ Gentz, thế mà tôi vẫn đến ngõ Gentz, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, cho dù mọi sự đều chống lại một cuộc viếng thăm như thế ở ngõ Gentz, chống lại *buổi dạ tiệc nghệ sĩ* nhớ những đó, thế mà tôi vẫn mò đến đó, *suốt cả quãng đường bước đến ngõ Gentz, tôi vẫn bụng bảo dạ, người phản đối cuộc viếng thăm ở ngõ Gentz này, người chống lại vợ chồng Auersberger, người chống tất cả những kẻ tham gia buổi dạ tiệc này, người căm thù chúng, người căm ghét tất cả bọn chúng, ấy thế mà người vẫn cứ tiếp tục bước sâu vào ngõ Gentz để cuối cùng đưa tay bấm chuông nhà Auersberger.* Mọi sự đều ngăn cản tôi bước vào ngõ Gentz, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, thế mà tôi vẫn bước vào ngõ Gentz. Rồi, tôi vẫn không dứt khỏi ý nghĩ rằng lẽ ra mình nên ngồi nhà đọc Gogol, Pascal và Montaigne, hay chơi vài bản Schönberg hay Satie, hoặc đơn giản hơn, cứ phở phờ thành Vienna mà đi dạo thì có phải hay hơn bao nhiêu không. Và quả nhiên, tôi nghĩ bụng, cứ xem cung cách mụ vợ nghênh đón tôi là đủ biết - qua cách

gã chồng đón tiếp tôi lại càng rõ hơn nữa - rằng vợ chồng Auersberger thật sự bất ngờ thấy tôi đến ngõ Gentz, bất ngờ còn hơn cả tôi. Ngay tại khoảnh khắc đứng trước mặt cụ Auersberger, tôi đã phải tự nhủ ngay, lẽ ra mình không nên đến ngõ Gentz đây mới phải, hành động của tôi rõ thật điên rồ, tôi nghĩ thầm, khi tôi định đưa tay bắt tay gã Auersberger, nhưng nắm tay tôi y cũng không buồn nắm - ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng - do y đã quá say, hay do y vừa quá say vừa bất nhả đến mức đều giả như thế, thì thú thật, tôi cũng chẳng biết nữa. Lúc ngỏ lời mời tôi, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, hẳn họ định ninh tôi sẽ không nhận lời, họ chắc chắn tôi sẽ không đời nào đến nhà họ, và chính họ, họ cũng chẳng biết vì cớ gì họ lại mời tôi đến ăn bữa tối, bữa ăn tối mà lúc ở phố Graben hai vợ chồng gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ*, và do đó, tôi nghĩ bụng, họ đã phạm sai lầm ngớ ngẩn, tự biến mình thành hai kẻ thật lố bịch trước mặt tôi. Thật ra, vợ chồng Auersberger cũng chẳng cần bắt chuyện với tôi trên phố Graben, tôi tự nhủ, nhẽ ra họ có thể lờ tôi đi như họ đã lờ tôi hàng chục năm qua, cũng hết như tôi hàng chục năm qua không thèm màng đến họ vậy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Người có lỗi gây ra chuyện mời mọc vớ vẩn này chính là Joana, tôi thầm nghĩ, chính nàng đã khiến tôi hành động điên rồ, tuy đã qua đời mà nàng vẫn mắc tội gây nên chuyện rắc rối trở trêu này đây, tôi vừa nghĩ vậy thì cũng nghĩ ngay, ý nghĩ đó của tôi thật hết sức phi lý, nhưng nó cứ luẩn quẩn mãi trong đầu tôi, rằng Joana, tuy đã khuất bóng, vẫn chính là người có lỗi gây ra vụ *chập mạch* của tôi ở phố Graben, vụ chập mạch rồi cuộc đã khiến tôi bất chấp mọi lý lẽ cưỡng lại trong lòng, vẫn mò đến ngõ Gentz dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* này. Chính cái chết của Joana đã khiến vợ chồng Auersberger - ngay trong giây phút nhìn thấy tôi ở phố Graben - quên

khuấy cả hai chục năm tuyệt giao với tôi để tuôn ra lời mời, và đồng thời, đó chính cũng là nguyên nhân khiến tôi nhận lời. Và vợ chồng Auersberger còn nói thêm rằng đây cũng là bữa tiệc mừng *vị diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, một diễn viên đã rất thành công trong vở Vịt trời*, vâng, đây là đúng y nguyên lời vợ chồng Auersberger ở phố Graben, thế mà tôi cũng nhận lời. Trong khoảng mười, mười lăm năm trở lại đây, tôi không bao giờ nhận lời mời dự một bữa ăn tối có diễn viên nào đó tham dự cả, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng không bao giờ tôi đặt chân đến nơi nào mà một diễn viên nào đó cũng đến, thế mà bây giờ, tuy nghe nói rằng một diễn viên, mà lại là diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nữa chứ, cũng sẽ đến dự bữa ăn tối, mà lại là bữa ăn tối ở nhà Auersberger tại ngõ Gentz chứ không phải nơi nào khác, thì bỗng dưng tôi lại vác mặt tới dự. Đã thế thì bây giờ có vò đầu bứt tai cũng chẳng nghĩa lý gì. Thật ra, tôi không hề che giấu mỗi ác cảm của tôi đối với bọn người ở đây, kể cả đối với vợ chồng Auersberger - ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ - ngược lại, mọi người có mặt ở đây đều biết tôi kinh tởm họ, căm ghét họ thế nào. Họ nhìn thấy tôi căm ghét họ, họ nghe thấy tôi căm ghét họ. Ngược lại, về phần tôi, tôi cũng có cảm giác tất cả bọn người này đều chống lại mình, ở tất tột những gì mắt tôi nhìn thấy ở họ, trong tất tột những gì tai tôi nghe thấy ở họ, đều là mỗi ác cảm, thậm chí hằn học, nhắm vào tôi. Vợ chồng Auersberger hận tôi, bởi họ đã nhận ra ngay rằng họ quả đã rất sai lầm khi vội vã mời tôi, kẻ có nguy cơ sẽ làm hỏng buổi dạ tiệc, và lúc này họ nơm nớp chờ cái giây phút mà vị diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bước vào và họ sẽ phải mời mọi người đến bên bàn, bắt đầu buổi dạ tiệc. Họ thấy rõ tôi là kẻ đang dò xét, quan sát họ, một kẻ đê tiện, chễm chệ ngồi trên ghế bành, và trong cảnh tranh tối tranh sáng

giờ trò bĩ ối, nói như người ta vẫn nói, lần lượt soi mói mỗi xẻ từng người một trong đám khách khứa nhà Auersberger. Từ xưa đến giờ, họ vẫn rửa tội về tội bao giờ cũng soi mói mỗi xẻ họ, soi mói mỗi xẻ ở mọi nơi, mỗi xẻ soi mói không chút thương tiếc, thế nhưng, bao giờ tôi cũng có cố để ít nhiều bào chữa; bởi tôi tự soi mói mỗi xẻ tôi còn chi tiết ghê gớm hơn nhiều, tôi không nương tay tự mỗi xẻ mình trong mọi tình huống, như người vẫn nói, thành *từng mẫu, từng đoạn*, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, theo một cách cũng sỗ sàng, cũng bĩ ối và tàn nhẫn như tôi mỗi xẻ họ. Sau mỗi lần mỗi xẻ như thế, tôi tự nhủ, ở tôi còn ít thứ được nguyên vẹn hơn ở họ. Chỉ còn mỗi một niềm an ủi cho tôi là không phải chỉ có riêng *tôi* tự xỉ vả mình, rằng tôi đã vác mặt đến ngõ Gentz này, rằng tôi đã ngu ngốc, đã thiếu bản lĩnh đến thế, mà cả vợ chồng Auersberger cũng phải *tự* xỉ vả mình vì tự họ, ngược lại, đã nhờ mồm mòi tôi đến đây. Thế nhưng, bây giờ tôi đã đến đây rồi, có muốn cũng chẳng thay đổi được gì nữa. Ba chục năm trước, tôi ra ra vào vào căn hộ này, như thế đây là căn hộ tôi ở vậy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ thầm và đưa mắt quan sát mọi sự đang diễn ra trong phòng hòa nhạc lúc này được thấp sáng choang khiến không chi tiết nào thoát khỏi mắt tôi, trong khi tôi này giờ vẫn ngồi chìm trong bóng tối, tức là ở vào một vị trí mà trong tình huống oái oăm này, đối với tôi, vẫn là vị trí thuận lợi nhất; cũng như vợ chồng Auersberger, tôi quen biết đám khách khứa đến dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* này từ lâu, ít gì cũng hàng chục năm nay rồi, chỉ có đám trẻ, nhất là hai tay văn sĩ trẻ, là tôi không quen thôi, nhưng họ cũng chẳng làm tôi để ý lắm, vâng, tôi không quen họ, và tôi hoàn toàn không có lý do gì để bận tâm đến họ, ngoài việc quan sát họ, tôi tuyệt nhiên không có chút nhu cầu, dù chỉ một lần thôi, đứng dậy, đi đến bên họ rồi chuyện trò với họ,

tranh luận với họ, có thể do tôi mệt quá rồi, bởi sự căng thẳng diễn ra suốt đám tang đã làm tôi hoàn toàn kiệt sức, phải, tất tậ những gì liên quan đến Joana tôi phải chứng kiến ở Kilb, nhất là những gì diễn ra *sau* tang lễ, tôi tự nghĩ, thật quá sức tưởng tượng, đến nỗi tôi phải mất khá lâu mới dần dần vờ nhẽ được; cho đến giờ đầu óc tôi vẫn chưa đủ thông suốt để thấu hiểu mọi sự và tôi đã tự nhủ, có lẽ trước hết mình phải ngủ một giấc cho thật đầy cái đã, thì đầu óc mới thành thoi được, và ngay lúc ngồi trên ghế bành tôi đã nghĩ, về đến nhà ta sẽ lăn ngay ra giường và nằm suốt ngày không dậy nữa, có khi cả đêm hôm sau, thậm chí cả ngày tiếp theo nữa cũng không thềm bò dậy, bây giờ ngồi trên ghế bành, tôi kiệt sức, tôi *rã rời* đến như thế đấy. Ta cứ tưởng ta mới hai mươi tuổi và cũng hành động như thế ta mới hai mươi thôi, nhưng thực ra ta đã hơn năm chục, nên ta hoàn toàn kiệt sức, tôi nghĩ bụng, ta cứ ngỡ mình mới hai mươi nên tự hủy hoại mình và ta đối xử với thiên hạ cũng như thế họ đều hai mươi, trong khi ai cũng năm chục cả rồi, và thực ra chẳng làm được trò trống gì nữa sất, ta cũng quên khuấy đi rằng ta mắc bệnh, nhiều bệnh một lúc là đẳng khác, những căn bệnh gọi là *nan y* mà từ lâu ta đã mang theo mình, nhưng cứ cố tình lờ đi, cố tình không để tâm đến chúng, trong khi chúng vẫn sờ sờ ra đó, mãi mãi, suốt đời bám riết lấy ta cho đến ngày sẽ giết chết ta, phải, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, ta đối xử với chính mình như thế ta còn đủ sức của ba chục năm về trước, trong khi đến một phần nhỏ của sức mạnh đó ta cũng chẳng còn, hay đúng hơn, ta chẳng còn tí ti nào nữa của sức lực ba chục năm về trước. Quả có thể thật, ba chục năm về trước, tôi nào có hề hấn gì khi hai, ba tối liền không ngủ, chưa kể suốt buổi nốc không ngót đủ thứ rượu hổ lốn, và tự biến mình thành một thứ công cụ giải trí; suốt ngày, suốt đêm làm trò mua

vui cho đủ hạng người - những người hồi đó tôi đều coi là bè bạn - mà không hề mệt mỏi, như người ta vẫn khao nhau, và quả thực, bây giờ tôi nhớ lại, suốt bao nhiêu năm trời liền, tôi cứ ba, bốn giờ sáng mới mò về nhà, vâng, tức là lúc chim chóc ríu rít buổi sáng mai mới lên giường ngủ, nhưng không vì thế mà đau ốm, bệnh tật gì. Ròng rã bao nhiêu năm trời, cứ khoảng mười một giờ đêm tôi mới lại tìm đến quán *Apostelkeller* dưới tầng ngầm, hoặc chui xuống bao nhiêu là quán ngầm khác ở nội đô, để rồi mãi ba, bốn giờ sáng mới ra về, và có thể nói, qua những đêm như thế bao giờ tôi cũng thả cửa, dốc hết sức đổ hết lực một cách vô tâm hết cỡ, theo đúng như cung cách vô tâm đến tàn nhẫn của tôi dạo ấy, thế mà, như bây giờ tôi nghĩ, hồi đó tôi có làm sao đâu. Và ngồi trên ghế bành tôi nghĩ thầm, chính là cùng với Joana, chứ không phải ai khác, tôi đã ba hoa, tôi đã say bét say nhè nhiều đêm, nhiều đến mức nàng chẳng đếm xuể được nữa. Thật ra, tiền tôi chẳng có, của cải cũng không, thế mà suốt bao nhiêu năm trời, tôi cùng Joana với chồng nàng, cùng với Jeannie Billroth và nhất là cùng vợ chồng Auersberger, có thể nói như thế, chuyện trò những cuội rồi say đứng say ngồi, hết huỳnh hoang khoác lác lại điên cuồng thác loạn đêm này qua đêm khác. Như mọi thanh niên ở tuổi tôi, hồi ấy tôi dồi dào sung sức, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại, và không ngại ngần lợi dụng triệt để những ai nhiều tiền, nhiều của hơn tôi chút đỉnh. Tôi chẳng có xu nào dính túi, nhưng tôi vẫn chơi bời, ăn tiêu xả láng, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng trong lúc mắt vẫn không ngừng quan sát khách khứa trong phòng hòa nhạc. Vâng, hàng bao nhiêu năm, phải thú thật vậy, ngày ngày, cứ khoảng chiều tối là tôi lại ngược phố Simmeringer Hauptstrasse đến chỗ Joana - trước khi lên nhà còn ghé quán Dittrich ôm mấy chai vang theo cái đã - rồi ở đó với Joana đến tận

sáng và bắt chuyến tàu điện *bảy mươi một* quay về trung tâm, hoặc cứ thế rời khỏi nhà nàng cuộc bộ ngược phố Simmeringer Hauptstrasse rồi theo Rennweg đi xuống, băng qua Quảng trường Schwarzenberg về Währing. Thời ấy, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại, là thời mà đêm đêm, xe ngựa vẫn dừng lại trước các cửa hàng sữa, và tôi vẫn còn có thể cứ lòng đường Rennweg mà đi, cứ nghênh ngang băng qua Quảng trường Schwarzenberg cũng như bước dọc theo đường Ring hoàn toàn trống trải mà không sợ phải đụng xe đụng cộ. Nếu họa hoằn có gặp ai đó dọc đường, thì cũng là một kẻ y như tôi, nghĩa là một kẻ đã say mềm, còn xe hơi chạy trong đêm hời đó thật vô cùng hiếm. Trong đời tôi, không bao giờ tôi còn ca nhiều bản *aria* Ý như dạo ấy, trên đường từ Simmeringer Hauptstrasse xuống Rennweg và băng qua Quảng trường Schwarzenberg về Währing, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Hồi đó tôi còn có sức *vừa đi vừa hát*, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, thế mà hiện giờ tôi chẳng còn sức để *vừa đi vừa nói*, chính đó là sự khác biệt giữa ngày xưa với ngày nay. Ba chục năm đã qua, kể từ ngày tôi vượt mười lăm kilomet trong đêm về nhà, tôi nghĩ bụng, vừa đi vừa hát, *thả hồn trong niềm say mê điên cuồng đối với Mozart và Verdi dạo ấy*. Ba chục năm đã qua, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, từ ngày tôi làm nên lịch sử Opera, phải, ba chục năm rồi, không phải ít. Sự thật là, bây giờ ngồi trên ghế bành tôi nghĩ, nếu không có Joana thì có lẽ đời tôi đã trôi theo con đường khác, và cứ theo luồng ý nghĩ này mà ngược lại thì, nếu tôi không làm quen với gã Auersberger, có thể cuộc đời tôi đã trôi theo hướng ngược hẳn lại cũng nên. Vâng, bởi vì làm quen với gã Auersberger, nói cho cùng, cũng có nghĩa là quay lại với những gì mang tính nghệ thuật, những gì mà tôi sau khi tốt nghiệp Mozarteum đã hoàn toàn và mãi mãi - như hồi đó tôi

vẫn tưởng - quay lưng lại; thật vậy, sau khi rời trường Mozarteum đột nhiên tôi không còn muốn dính dáng gì đến cái gọi là đời sống nghệ thuật nữa cả mà quyết định theo đuổi thứ trái ngược với những thứ mà tôi vẫn coi là mang *tính chất nghệ thuật*, nhưng cuộc gặp gỡ rồi làm quen với với gã Auersberger - bây giờ ngồi trên ghế bành tôi hồi tưởng - lại lần nữa gây ra sự quay ngoắt trong con người tôi. Rồi tiếp đến là sự gặp gỡ với Joana, tôi tự nhủ, một hiện thân của thế giới nghệ sĩ. Hồi đó, cách đây ba mươi lăm năm tôi đã dứt khoát lựa chọn *tính cách nghệ sĩ*, chứ không phải nghệ thuật chung chung, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, đúng vậy, *mặc dù tôi không hề biết tính cách nghệ sĩ là tính cách thế nào*; tôi dứt khoát lựa chọn cuộc đời nghệ sĩ, bất chấp cả việc tôi không hề biết cuộc đời nghệ sĩ ấy ra sao. Nói một cách đơn giản là tôi chọn gã Auersberger, chọn gã Auersberger ba mươi tư, ba mươi lăm năm về trước, hay đúng hơn nữa là ba mươi ba năm về trước, tức là *gã Auersberger nghệ sĩ*. Và tất nhiên, chọn Joana, *nàng Joana thuần túy nghệ sĩ* ấy. Và chọn thành Vienna. Cùng thế giới nghệ sĩ ở đó, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ. Tôi mang ơn gã Auersberger vì nhờ y mà tôi quay lại với thế giới nghệ sĩ, ngồi trên ghế bành giờ đây tôi nghĩ bụng, tôi cũng mang ơn cả Joana cùng mọi thứ hồi ấy - mọi thứ có dính dáng đến Auersberger và Joana cách đây ba mươi lăm năm cũng như ba mươi hai năm - vâng, đó là sự thật, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ. Đôi ba lần tôi cứ lâu bầu nói một mình *thế giới nghệ sĩ* hay *cuộc đời nghệ sĩ*, lâu bầu một mình thôi, nhưng thế nào mà lại đủ to, khiến mọi người trong phòng hòa nhạc phải nghe thấy, và quả nhiên, họ hẳn phải nghe thấy cả, bởi vì ai nấy bỗng dưng đều quay đầu nhìn từ phòng hòa nhạc ra phòng ngoài về phía tôi - cho dù, thật ra, họ không thể trông thấy tôi được - khi nghe tôi nói đi nói

lại nào *cuộc đời nghệ sĩ* với *thế giới nghệ sĩ*, và tôi nhớ lại, các khái niệm *thế giới nghệ sĩ* hay *cuộc đời nghệ sĩ* hồi ấy đã có ý nghĩa lớn lao như thế nào với tôi, và cho đến tận giờ vẫn lớn lao như vậy, nghĩa là ít nhiều bao trùm tất tậ, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ, và vợ chồng Auersberger quả là thất thố, trơ trẽn khi gọi bữa ăn tối, hay đúng hơn, như dân thành Vienna vẫn nói, bữa ăn đêm ở nhà họ là *dạ tiệc nghệ sĩ*. Vợ chồng Auersberger quả đã suy đốn hết mức, ngồi trên ghế tôi nghĩ bụng, vâng, chính vợ chồng Auersberger chứ không phải ai khác, dưới con mắt tôi đã suy đốn về tính cách nghệ sĩ lẫn tinh thần và thực ra cả về tâm hồn nữa, từ hàng chục năm nay rồi. Song, tất cả những người trong phòng hòa nhạc kia - khi nghe tôi thốt lên những tiếng như *thế giới nghệ sĩ* cũng như *cuộc đời nghệ sĩ* thì cũng giống như thể tôi nói *dạ tiệc nghệ sĩ* mà thôi, tựa như vợ chồng Auersberger có lẽ đã nói với họ vậy, nếu có khác thì âu cũng chỉ là người nói to người nói nhỏ - không thấy có gì bất thường cả, họ hoàn toàn không hiểu những cụm từ *cuộc đời nghệ sĩ* hay *thế giới nghệ sĩ* ấy đã có ý nghĩa như thế nào đối với tôi khi tôi thốt chúng lên như thế. Tất cả bọn người này, quả thực, đã từng là các nghệ sĩ, hay ít ra cũng là *các tài năng nghệ thuật*, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, nhưng bây giờ tất cả bọn họ chỉ còn là đám *cận bã nghệ thuật* mà thôi, chẳng còn điểm chung nào với nghệ thuật lẫn tính cách nghệ sĩ ngoài việc họ cùng dự bữa ăn tối này ở nhà vợ chồng Auersberger. Tất cả những con người này, những con người hôm xưa từng là các nghệ sĩ thật sự hay ít ra cũng từng mang tính cách nghệ sĩ ấy - ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ - hiện nay chỉ còn là mặt nạ, là vỏ bề ngoài của chính họ hôm xưa; tôi chỉ cần nghe những gì họ đang nói, tôi chỉ cần sát họ, tôi chỉ cần tiếp cận các tác phẩm hay công trình của họ, là tôi sẽ có ngay cái

cảm giác mà hiện giờ tôi đang có đối với buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* vô duyên trơ trẽn này. Tất cả bọn họ đã trở thành những kẻ như thế nào sau ba chục năm qua chứ, tôi nghĩ bụng, ba mươi năm qua tất cả bọn người này đã tự biến mình thành những kẻ như thế nào chứ. Và tôi tự hỏi, ba chục năm qua chính tôi đã tự biến mình thành kẻ như thế nào chứ. Ba chục năm qua bọn họ tự biến họ thành những kẻ như thế nào, và tôi đã tự biến mình thành một kẻ như thế nào, thì kết cục đều đến là thảm hại, vâng, tất cả những con người này đã biến các điều kiện và hoàn cảnh từng may mắn là thế thành quan những điều kiện và hoàn cảnh nào nề, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, họ đã làm mọi thứ trở nên thảm hại hoàn toàn và triệt để, họ đã khiến mọi niềm hạnh phúc trở thành nỗi bất hạnh, ngồi trên ghế bành, tôi nhớ tôi cũng đã biến niềm hạnh phúc của tôi thành thảm họa ra sao. Bởi vì, không phải nghi ngờ gì nữa, hồi đó, tức là cách đây ba chục, hay hai chục năm thôi, tất cả những con người này đã là những kẻ từng sung sướng, từng hạnh phúc biết bao, thế mà bây giờ họ chỉ còn là những kẻ sầu não, sầu não y hệt như tôi sầu não và bất hạnh, vẫn ngồi nguyên trên ghế bành tôi nghĩ thầm. Họ đã biến niềm hạnh phúc lớn lao thành tai họa ghê gớm, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ tiếp, đã biến niềm hy vọng vô bờ thành nỗi thất vọng vô biên. Vâng, sự thật quả là như thế, bởi khi nhìn vào phòng hòa nhạc, tôi chỉ nhìn thấy ngồn ngộn nỗi tuyệt vọng chứ không nhìn thấy cái gì khác, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, vâng, tôi chỉ còn nhìn thấy nỗi vô vọng của cả con người lẫn của nghệ sĩ. Vào những năm năm mươi, tức là ba chục, thậm chí bốn chục năm về trước, tất cả bọn người này đều đã từng đến Vienna, mang theo niềm hy vọng sẽ tiến xa, sẽ leo cao trên đường sự nghiệp, nhưng *thật ra* ở Vienna họ không tiến được tới đâu xa hơn mà cũng chẳng leo tới đâu

cao hơn vai trò các nghệ sĩ tinh lẻ chút ít thành đạt, và lời đáp cho câu hỏi, liệu ở một thành phố lớn nào đó khác, họ có tiến được xa hơn, leo được cao hơn không, thì tôi nghĩ, lời đáp sẽ là không, sẽ chẳng có nơi nào để họ thành công thành danh cả. Tuy nhiên, khi tôi nghĩ rằng ở Vienna họ chẳng thành công thành danh gì, hoàn toàn không nên công nên trạng gì, thì tôi vẫn biết rõ rằng chính họ, họ lại tuyệt nhiên không biết họ đã chẳng làm nên công nên trạng gì cả, tôi thầm nghĩ, bởi họ không hề để lộ dấu hiệu nào cho thấy họ tự biết họ đã chẳng làm nên công nên trạng gì, mà ngược lại, ai nấy đều ra vẻ như thể họ đã làm nên sự nghiệp ở Vienna, như thể họ đã thành công ở Vienna, như thể mọi ước nguyện họ đặt nơi thành Vienna, họ tưởng vậy, đều được toại nguyện cả, tôi bụng bảo dạ, hoặc chí ít ai nấy trong số họ suốt ngày suốt buổi đều tưởng họ đã thành đạt và suốt ngày suốt buổi một mực đĩnh ninh mình đã thành nhân vật này nhân vật nọ, mặc dù, tôi nghĩ bụng, họ có thành nhân vật quái nào đâu. Bởi họ đã *nổi danh nổi tuổi* và nhận *đủ loại giải thưởng*, đã cho in nhiều sách và bán được tranh cho bảo tàng này bảo tàng nọ, và bởi vì sách của họ được các nhà xuất bản danh tiếng nhất xuất bản và tranh của họ được lưu ở các viện bảo tàng nổi tiếng nhất và họ còn được cái nhà nước đáng ghê tởm này tặng không biết bao nhiêu giải thưởng và cài đủ loại huân chương lên ngực, nên họ tưởng họ đã toại đường công danh rồi, nhưng tôi tự nhủ, nào họ đã thành công thành danh gì đâu. Bọn họ, thấy bảo vậy, ai nấy đều là *các nghệ sĩ nổi tiếng, vâng, thậm chí lừng danh*, và họ giữ chân ủy viên trong cái gọi là *Ủy ban nghệ thuật*, rồi họ tự phong nhau làm Giáo sư và ngồi chễm chệ trên đủ các thứ ghế giảng viên trong Viện Hàn lâm của chúng ta, và lúc này được trường cao đẳng này, lúc khác lại được trường đại học khác mời thỉnh giảng, lúc

này họ thuyết trình ở hội thảo này, lúc khác ở hội thảo khác, rồi lúc này họ lên đường đến Brussel, lúc khác đến Paris hay đến Rome, sang Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ rồi sang Nhật, sang Liên Xô hay Trung Quốc, là những nơi tất cả bọn họ đã và sẽ được mời đến, để thuyết trình về chính họ và khai trương các cuộc triển lãm chính tranh của họ, nhưng thật ra, tôi nghĩ, họ vẫn chưa làm nên cơm nên cháo gì cả. Sở dĩ vậy, tôi nghĩ bụng, đơn giản chỉ là vì họ chưa leo lên được *tột đỉnh vinh quang*, trong khi, tôi tự nhủ, chỉ có đỉnh cao tột cùng ấy mới thật sự là *nơi mãn nguyện* mà thôi. Không phải các bản nhạc do gã Auersberger sáng tác không được trình diễn, bây giờ ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, không phải *tên tuổi nhạc sĩ Auersberger - người kế tục Webern - không được thiên hạ biết đến*, tôi nghĩ bụng, mà trái lại, bất cứ lúc nào cũng có thể nghe ai đó hát một ca khúc do y sáng tác, bất cứ lúc nào cũng có thể nghe một bản nhạc nào đó của y vang lên, hoặc được đánh lên, gảy lên, kéo lên hay thổi lên rộn rã (đích thân y đảm bảo chuyện này!), lúc ở Basel, lúc ở Zürich, lúc khác ở London hay Klagenfurt (đích thân y lo cho chuyện này!), nơi này bản song tấu, nơi khác tốp tam ca, chỗ này ban đồng ca dài bốn phút, nơi nọ trích đoạn opera mười hai phút, chỗ này bản cantata dài ba phút, đằng kia đoạn opera một giây, chỗ này ca khúc một phút, chỗ kia bản *aria* dài hai hay bốn phút; lần này y thuê nghệ sĩ người Anh, lần khác y rủ rê nghệ sĩ Pháp hay nghệ sĩ Ý, bữa này y dụ một nghệ sĩ vĩ cầm người Ba Lan, bữa khác y mời chào một nghệ sĩ người Bồ Đào Nha, hôm nay y tán tỉnh một nữ nghệ sĩ clarinet người Chile, hôm sau nài nỉ một nữ nghệ sĩ người Ý khác thổi các bản nhạc của y. Đặt chân tới thành phố này chưa ấm chỗ, y - người kế thừa Webern cuồn cuộn chân ấy - đã tính ngay đến chuyện đi thành phố khác, tôi nghĩ bụng -nhà soạn nhạc

Auersberger không ngừng chu du rong ruổi của chúng ta, người không ngừng sao chép Webern và Grafen của chúng ta, tay đã đục gốc miền Steiermark - kẻ chuyên thói học đòi làm sang, kẻ tham danh, háu mẽ của chúng ta ấy. Brückner hoành tráng đến mức không ai chịu nổi thế nào thì Webern cũng khốn khổ nghèo nàn đến mức không ai chịu nổi như thế, nhưng, trăm lần nghèo nàn khốn khổ hơn Anton von Webern khốn khổ nghèo nàn chính lại là gã Auersberger, một kẻ mà - nếu mượn lời đám chuyên gia văn học đần độn dám mệnh danh Paul Celan là thi sĩ *hầu như không lời* - thì phải được gọi là nhà soạn nhạc *hầu như không âm thanh* mới đúng. Vâng, không phải các sáng tác của kẻ mang gốc gác Steiermark chuyên nhại nhạc người khác này không được trình diễn, tôi nghĩ bụng song, ngay từ ba mươi năm về trước, tức là từ giữa những năm năm mươi, y đã chết cứng ở vai người kế tục Webern rồi; y chưa bao giờ tự viết nổi lấy ba nốt nhạc, tôi tự nhủ, hay làm nên sự nghiệp của riêng y. Cái mà các bản nhạc của Auersberger bị thiếu, tôi bụng bảo dạ, chính là cái riêng của Auersberger, cái gọi là âm nhạc cách ngôn của y (đó là cách của riêng tôi dùng để gọi thứ âm nhạc sao chép mà thiên hạ vẫn tưởng do y sáng tác vào những năm năm mươi ấy!) chẳng qua chỉ là thứ *âm nhạc nhại lại một cách thớ lợ thứ âm nhạc của Webern*, tức là thứ âm nhạc của một người, mà bây giờ tôi đã rõ, không hề là bậc thiên tài như ta tưởng, mà chỉ là con đẻ của một giây phút yếu lòng đột ngột, nhưng tuyệt vời, của lịch sử âm nhạc mà thôi. Thật ra, giờ đây ngồi trên ghế bành nhà Auersberger tôi cảm thấy tự hổ thẹn vô cùng khi nghĩ bụng, gã Auersberger chưa bao giờ là một thiên tài cả, cho dù vào những năm năm mươi tôi một lòng tin y là thiên tài, vâng, thật ra y chỉ là một gã tiểu tư sản tội nghiệp có chút ít tài năng, nhưng mới

đến Vienna được đôi tuần đã *tiêu dứt* hết vốn tài năng đó. Vienna quả là một cỗ máy đáng sợ chuyên hủy hoại các tài năng, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, một thứ công xưởng kinh khủng nghiền nát các đấng anh tài. Tất cả đám anh tài và tài năng bị hủy hoại và vùi dập mà tôi đang quan sát qua làn khói thuốc lá đáng tởm do chính họ phun ra kia, là những kẻ ba mươi hay ba mươi lăm năm trước đây đã kéo nhau đến Vienna với niềm hy vọng sẽ có ngày công thành danh toại, nhưng sự thực, họ - tất tậ những bậc anh tài và tài năng mà hàng năm vẫn được sinh ra nhưng nhúc hàng trăm, nếu không phải là hàng nghìn mống, trên đất nước Áo ấy - đều bị thành Vienna hủy diệt, ăn tươi nuốt sống. Tự họ rất có thể cho rằng họ đã làm nên sự nghiệp nào đó, thế nhưng ngồi trên ghế bành tôi quả quyết trong bụng, họ chẳng làm nên cớ nên cháo gì cả, bởi họ đã lưu lại ở Vienna, đã lấy làm hài lòng với thành Vienna và vào thời điểm quyết định nào đó của cuộc đời họ, họ đã không dám dứt Vienna mà xuất ngoại, như bao nhiêu người khác chỉ thật sự làm nên sự nghiệp ở nước ngoài; vâng, đúng thế, tôi có thể cam đoan không ngượng mồm rằng tất tậ những ai nằm lại ở Vienna đều chẳng thành công thành danh gì, trong khi tất cả những ai xuất ngoại đều ít nhiều làm nên sự nghiệp. Bởi thành Vienna đối với họ là đủ để hài lòng rồi, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, cho nên họ không làm nên sự nghiệp, khác hẳn với những ai thấy thành Vienna không đủ lớn cho mình, để rồi vào một giây phút quyết định nào đó đã dứt áo ra đi xuất ngoại. Bây giờ tôi cũng không muốn suy đoán xem bọn người đang chờ tay diễn viên lần chờ buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* khai trương ở trong phòng hòa nhạc kia sẽ làm nên sự nghiệp gì, nếu họ kịp rời khỏi Vienna vào giây phút quyết định nào đó của cuộc đời họ. Chỉ cần một thành công nho nhỏ, vâng, chỉ cần có một bài phê bình

ngắn khen nịnh cuốn tiểu thuyết đầu tay của nữ văn sĩ Jeannie Billroth là đủ để ả nằm lì ở Vienna, chỉ cần Viện bảo tàng quốc gia mua hai bức tranh của họa sĩ Rehmden, là đủ để gã suốt đời ngồi lại ở Vienna, chỉ cần đôi câu khen ngợi ngổ ngẩn đăng trên tờ *Kurier* hay *Presse* là đủ để thằng cha diễn viên nợ mãi mãi lưu lại ở Vienna. Cả một lũ những kẻ ngồi lại Vienna đang quần quanh trong phòng hòa nhạc kia, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, rất một lũ những kẻ ngồi lại ở Vienna và gần chết ngột chết ngạt trong đời sống tiểu thị dân của họ, tôi thầm nghĩ, đã nối đuôi nhau đi theo linh cữu Joana tại nghĩa địa làng Kilb. Ngồi trên ghế bành đưa mắt quan sát lũ người này tôi phải tự nhủ, đúng vậy, chỉ riêng điều đó thôi đã khiến đám ma ở nghĩa địa làng Kilb đủ gieo vào lòng tôi cảm giác thê thảm đến thế nào rồi, vâng, riêng đám ma Joana đã làm tôi đau lòng rồi, nhưng cảnh tượng một đoàn thây ma các nghệ sĩ, một đoàn rất những kẻ thất bại, những kẻ thất bại ở thành Vienna, một hàng thây ma còn ngọ nguậy được của thế giới nghệ thuật - nào văn sĩ, lẫn họa sĩ, diễn viên, nào các vũ công lẫn đám tùy tùng của họ còn làm đau đớn thê lương hơn nhiều - cảnh tượng những xác người còn động đậy, những thây ma còn run rẩy, lay lắt, thường trông đã khốn khổ và thê thảm lắm rồi, dưới làn mưa rơi tầm tã và nặng hạt lại càng thê thảm, khốn khổ hơn thêm gấp bội phần. Cảnh tượng trông đã thê lương sâu thẳm, lại còn tởm lợm đến phát buồn nôn. Cái lũ nghệ sĩ ngu si điên loạn, bất tài và dối trá kinh khủng ấy, suốt đám tang tôi cứ nghĩ, bì bà bì bõm giữa bùn lầy trong nghĩa địa đang bám theo linh cữu với tư thế những kẻ đưa ma thảm hại, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ. Ở Kilb, đám tang làm tôi khó chịu một phần thôi, bộ dạng đám khách đánh xe hơi hào nhoáng từ Vienna về đây đưa ma mới thật sự làm tôi cáu tiết. Ở Kilb, không phải cái chết của Joana

làm tôi xúc động, mà chính cái *cung cách cư xử* của đám nghệ sĩ giả hiệu kia làm tôi phát cáu phát giận, đến mức phải nuốt liên mấy viên thuốc trợ tim mới đỡ, tôi tự nhủ, nhưng có lẽ *cung cách* của chính tôi ở Kilb cũng đáng kinh tởm như thế thôi, có khi còn đáng kinh tởm hơn về mọi mặt là đằng khác. Riêng việc tôi đóng bộ comple đen đã là đáng kinh tởm rồi, tôi nghĩ bụng, cũng như lỗi tôi ăn món thịt hầm trong quán *Eiserne Hand*, hay *cung cách* tôi chuyện trò với tay bạn đời của Joana trong quán trọ *Eiserne Hand* cũng đáng kinh đáng tởm nốt, khi tôi cứ làm như thể tôi mới là người duy nhất từng thật sự gần gũi Joana, khi tôi ra về như thể tôi mới là kẻ duy nhất có quyền định đoạt mọi chuyện liên quan đến Joana. Càng nghĩ, càng nhớ đến đám tang Joana, tôi càng thấy rõ thêm những nét đáng ghét đáng tởm (của chính tôi), bất kể nghĩ đến chuyện gì, bất kể vắt óc nhớ đến chuyện gì cũng vậy, tôi chỉ thấy rất những thứ đáng kinh, đáng tởm. Khi đã thấy kẻ khác đáng tởm, thì đương nhiên, tôi buộc lòng cũng phải thấy mình đáng tởm, tôi nghĩ bụng, và bây giờ, càng nhớ và suy xét lại mọi chuyện xảy ra xung quanh đám tang Joana, tôi càng tự thấy mình đáng kinh tởm. Thật là đáng tởm khi tôi khẳng khẳng *một thân một mình* về Kilb, mặc dù, nói cho đúng ra, nhiều người đã mời tôi *cùng* đi xe hơi với họ cho tiện, tôi nghĩ bụng, cũng thật là đáng tởm khi tôi chuyện trò với bà bán hàng tạp hóa, bạn của Joana, như thể chỉ có *tôi* là người gần gũi nhất với Joana vậy, thật quá ư tởm lợm khi tôi cứ túm chặt lấy bà bán hàng tạp hóa, không còn để bà ta hở ra lúc nào mà lo đón tiếp những người khác cũng về dự đám tang Joana nữa. Thật đáng kinh đáng tởm khi ngay từ đầu tôi đã trắng trợn chiếm bà ta làm kẻ tháp tùng cho riêng mình. Ở Kilb, tôi đã tự tôn tôi lên thành *kẻ cầm trịch* buổi tang lễ, tôi tự nhủ, và điều đó quả đáng tởm lợm,

tôi nghĩ bụng. Tôi đã cố tình hạ thấp vai trò gã bạn trai của Joana, bây giờ nghĩ lại, tôi đã coi thường vai trò của tất cả những ai đến dự đám ma, và như thế, cũng tự hạ thấp cả chính mình, tôi nghĩ, và điều đó thật hèn hạ. Mặt khác, suốt buổi tang lễ tôi cứ một bụng đinh ninh rằng tôi xử sự *đúng mực*, suốt buổi tang lễ tôi không hề thấy mình mang tội mắc lỗi gì, mãi đến lúc này, một mình ngồi trên ghế bành đây, tôi mới thấm thía lỗi lầm của mình trong buổi tang lễ. Cái chết của Joana, cái chết do tự sát của nàng, không làm tôi, lúc ở Kilb, đau buồn thêm, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, mà làm tôi cảm tức đám bạn bè của nàng, nhưng tôi lại không có khả năng lý giải cho mình, tại sao tôi lại cảm tức họ như thế. Thật ra, cú điện thoại của bà bán hàng tạp hóa báo tin Joana tự sát chẳng làm tôi xúc động, chẳng làm tôi sốc chút nào, tôi chỉ *làm ra vẻ* bị xúc động mà thôi, giờ đây tôi nghĩ bụng, chứ sự thực, tôi đã không xúc động chút nào, vâng, tôi *thấy tò mò, chứ không thấy xúc động*, tôi chỉ *tỏ vẻ* xúc động với bà bán hàng tạp hóa thôi, tôi chỉ thấy tò mò và muốn moi ở bà bán hàng tạp hóa cho hết mọi chuyện về vụ tự sát của Joana, một ham muốn trắng trợn có một không hai, sự trắng trợn làm chính tôi, đang ngồi trên ghế bành đây, phải run lên, bởi tôi không đau buồn mà chỉ tò mò, và qua điện thoại, toan moi cho bằng được mọi chuyện mà bà bán hàng tạp hóa không muốn nói hết ra, vì bà ta đứng đắn, bà ta tử tế, trái ngược với tôi - một kẻ trong khoảnh khắc đứng bên điện thoại đó chẳng còn gì là tử tế, đứng đắn nữa cả. Cố nhiên, do đứt liên lạc bao nhiêu năm tháng như thế, cho nên đối với tôi, Joana đã trở nên xa lạ đến mức, cú điện thoại của bà bán hàng tạp hóa chưa gây sốc ngay cho tôi, và như thiên hạ vẫn nói, cũng không gây ra trong lòng tôi một nỗi đau buồn ngay được, mà trước hết chỉ gây tò mò, và chính nỗi tò mò đó thôi

thúc tôi bắt bà bán hàng tạp hóa kể cho bằng hết mọi thứ liên quan đến cái chết của Joana cho tôi nghe qua điện thoại. Không phải cái chết của Joana làm tôi quan tâm ngay, tôi để tâm trước hết đến bối cảnh của cái chết đó. Mãi đến khi nói chuyện điện thoại xong, tôi mới chợt hiểu hết ý nghĩa thật sự của cú điện thoại và lập tức, tôi không còn tò mò nữa mà một nỗi *đau buồn* vô hạn bỗng dâng trào xâm chiếm lòng tôi. Tôi *đau buồn thật sự* và trong cơn đau buồn như thế, tôi cuốc bộ vào trung tâm, đến phố Graben, lên phố Kärntner, tới Kohlmarkt, chui vào ngõ Spiegel để tới *Bräunerhof*, là nơi mà theo thói quen từ thuở nào đến giờ tôi đứng lật lật mấy tờ báo như *Corriere*, *Le Monde* hay *Zürcher Zeitung* hoặc *Frankfurter* ra xem, để rồi, bị mấy tờ báo trang trí đó làm phát ghê phát rợn, tôi quay lại phố Graben tìm mua cravat, và thay vì mua được cravat, tôi lại chạm trán vợ chồng nhà Auersberger và nghe họ báo tin Joana tự sát. Vào thời điểm này, những gì tôi biết về cái chết của Joana còn nhiều hơn những gì vợ chồng Auersberger biết, nhưng trước mặt vợ chồng Auersberger tôi lại vờ vịt, làm ra bộ như thể tôi không không mấy may biết tí nào về chuyện đó; tôi giả bộ ngơ ngác đến mức, vợ chồng Auersberger chắc hẳn phải tưởng tôi bị sốc khi nghe tin Joana tự sát, giờ đây ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, nhưng thực ra trước mặt vợ chồng Auersberger, tôi *chỉ giả* vờ bị sốc mà thôi. Do đau buồn thật sự về cái chết của Joana mà tôi cảm đầu lang thang trong phố, thế mà trước mặt vợ chồng Auersberger bỗng dưng tôi lại diễn một màn kịch trơ trẽn, như thể tôi bị sốc mạnh bởi cái chết của Joana vậy. Vì trạng thái bị sốc của tôi là trạng thái diễn, cho nên việc tôi nhận lời mời của vợ chồng Auersberger đến dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* ở nhà họ cũng là màn vờ vịt nốt, vâng, tất tạt những gì xảy ra trước mặt vợ chồng Auersberger trên phố Graben tôi đều diễn cả,

ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, tôi *diễn* họ xem tôi bị sốc khi nghe tin Joana tự sát, và tôi cũng diễn họ xem tôi nhận lời đến dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ*. Trước mặt họ, tôi chỉ giả vờ giả vẹt mà thôi. Tôi đã giả vờ khi nhận lời mời của vợ chồng họ, tôi nghĩ bụng, nhưng rồi tôi vẫn đến đây theo lời mời đó; ý nghĩ đó thật quái dị, tôi thầm nghĩ, nhưng cùng lúc tôi lại lấy ý nghĩ đó làm thú vị. Nói cho cùng, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, trước mặt vợ chồng Auersberger tôi đã chỉ đóng kịch và bây giờ, ngồi trên ghế bành nhà họ, tôi cũng chỉ giả vờ giả vẹt trước mặt họ mà thôi; thực ra, không phải tôi đang ngồi nhà họ ở ngõ Gentz, tôi chỉ giả vờ ở nhà họ, giả vờ ở ngõ Gentz, giả vờ trong căn hộ của họ thôi, tôi tự nhủ. Với họ, tôi chỉ đóng kịch, tôi nghĩ bụng. Với mọi người, tôi cũng chỉ giả vờ giả vẹt, chỉ diễn vai, cả đời tôi, tôi chỉ *làm bộ*, chỉ *diễn kịch*, vâng, ngồi trên ghế bành tôi bụng bảo dạ, tôi sống một cuộc đời không có thực, một *cuộc đời giả tạo*, một *cuộc sống nguy tạo*, không bao giờ chân, không khi nào thực, tôi tự nhủ, rồi đeo đuổi ý nghĩ đó thật xa đến mức tôi cũng *tin* như thế thật. Tôi hít một hơi thở sâu căng lồng ngực rồi tự nhủ, to thành lời, mà trong phòng hòa nhạc chắc ai nấy đều phải nghe thấy, *người chỉ sống cuộc sống nguy tạo, không sống thật sự, người chỉ giả vờ tồn tại, không thật, tất tật những gì dính dáng đến người, tất tật những gì làm nên người, đều chỉ là diễn, không chân, không thật*. Tôi phải cắt dòng suy tưởng ở đây, kéo phát điên phát rồ lên mất, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, rồi làm một ngụm sâm panh. Trong suốt buổi tối tôi chỉ uống mỗi mình sâm panh, thì tôi để ý thấy mọi người trong phòng hòa nhạc chỉ uống cherry hay nước suối, bởi trước khi ăn tối, tức là trước cái gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ* ấy, không ai muốn uống say mềm đến mức thiếu kiềm chế như gã Auersberger kia, nhưng tôi, tôi chẳng sợ mang tiếng

uống nhiều, tôi cứ thế điềm nhiên uống. Tất nhiên tôi không uống ồng ộc như gã Auersberger, nếu không tôi cũng đã say mềm như gã rồi, vâng, mười mười lăm phút tôi mới làm một ngụm, đúng như thế, chứ tôi không nói ngoa, dù sao thì tối hôm nay tại ngõ Gentz, tôi không quên là mình chẳng còn ở tuổi đôi mươi nữa mà đã năm mươi hai rồi. Lúc ở Kilb, đám nghệ sĩ này đã gây ra những ấn tượng đến là rởm; ít nhất đối với riêng tôi, họ làm tôi có cảm giác như thể các toan tính nghệ thuật cũng như các hoạt động nghệ thuật của chính họ khiến họ bị méo mó sai lệch đi vậy; trông bước đi của họ đến là giả tạo, giọng họ nói cũng giả tạo nốt, vâng, mọi hành động cử chỉ, tất tậ đều giả tạo và không tự nhiên, trong khi tôi vẫn cho nghĩa địa là nơi tự nhiên nhất trên đời này. Khi cúi người xuống, họ lại cúi hơi thấp, khi đứng lên, họ lại đứng lên quá vội (hoặc quá muộn), nếu cần ngồi xuống, họ lại ngồi xuống muộn quá (hoặc sớm quá), khi cần cất tiếng hát Thánh ca, họ lại cất tiếng hát quá sớm (hoặc quá muộn), khi cần bỏ mũ măng trên đầu xuống, họ đã hấp tấp bỏ ra quá sớm (hoặc quá muộn), nếu cần thưa điều gì với cha xứ, thì họ lại thưa quá sớm (hoặc quá muộn). Trong khi đó, những người thấy bảo là dân làng Kilb, đã đến dự đám tang Joana rất đông, lại xử sự rất tự nhiên, nói năng tự nhiên, hát Thánh ca rất tự nhiên, đi lại tự nhiên, đứng lên hay ngồi xuống thật tự nhiên, không muộn, không sớm quá, không chóng vánh mà cũng không lâu la quá. Và ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, trong lúc giới nghệ sĩ thành Vienna đóng những bộ quần áo lỗ lãng kệch cỡm về dự đám tang, thì dân chúng làng Kilb lại ăn mặc hết sức đúng mực. Vâng, đương nhiên dân chúng Kilb hợp với làng Kilb và nghĩa địa của họ, còn đám nghệ sĩ từ Vienna về đây chẳng ăn chẳng nhập với làng, cũng chẳng hợp với nghĩa địa nốt. Chết thành thị của khách khứa từ Vienna về dự

tang lễ rõ ràng không khớp vào với nghĩa địa làng Kilb, tôi đã nghĩ như thế ngay từ lúc còn bước trong đoàn người đưa tang rỗng rảnh nối đuôi nhau. Về dự tang lễ ở Kilb, bất kỳ ai trong số khách từ Vienna cũng đều biến thành dị vật cả, tôi nghĩ bụng, trong lúc tôi bước theo sau quan tài, giữa một bên là bà bán hàng tạp hóa, bên kia là gã tình nhân bất hạnh của Joana, cái gã mà suốt cả quãng đường từ nhà thờ đến nghĩa địa - dài chắc phải đến hai cây số chứ không ít - cứ ho sù sụ như thế gã mắc bệnh phổi không bằng. Ý nghĩ gã tình nhân của Joana đi bên cạnh có thể mắc bệnh phổi thật khiến tôi hơi hoang mang, và mỗi lần gã ho là tôi lại cố nín thở, đề phòng nhỡ bị lây bệnh, cảnh tượng đó cứ diễn ra cho đến lúc tôi chợt nghĩ, có lẽ chính mình cũng bị bệnh phổi và thậm chí bệnh còn nặng hơn gã tình nhân của Joana cũng nên, rồi đột nhiên tôi nổi cơn ho, ho còn nhiều hơn gã tình nhân của Joana đang đi cạnh tôi nữa kia, khiến gã, lúc tôi nổi cơn ho, liền dứt cơn, như thể biết tôi bị bệnh phổi và bệnh có thể từ tôi lây sang gã, lại lấy mảnh khăn giấy ra che trước mũi và ngoảnh mặt ra chỗ khác. Bà bán hàng tạp hóa khoác áo mưa màu xám, và đó là trang phục hợp lý nhất mà tôi trông thấy tại đám ma, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại. Thế nhưng dân làng Kilb ai nấy đều ăn mặc hợp lý, chỉ có đám dân thành Vienna là không, nên cả bọn đều ướt như chuột lột, riêng những kẻ mặc áo lông thú về đây - vì những mong trời sẽ lạnh, nhưng suốt buổi trời vẫn khá ấm - vốn trông đã lố bịch và kệch cỡm trong những bộ áo khoác lông thú khoe khoang hợm hĩnh đó, thì sau cơn mưa trông lại còn dơ dáy bẩn thỉu bởi vì, do nước mưa, áo lông họ mặc nhớp nháp và rỏ nước ròng ròng như nước thịt. Những chiếc ô họ căng lên chẳng mấy chốc đã bị lật ngược, tơi tả và trở nên vô dụng bởi một ngọn gió vốn quẩn quanh đâu đó trên núi chờ đúng lúc đoàn người đưa đám vừa

chạm chân đến nghĩa địa thì ào xuống, vù vù thổi qua các nấm mộ. Vào những dịp ma chay như vậy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, bao giờ cũng có tay cha xứ ầm ớ nào đó nói đôi lời điệu dấm dớ. Ngồi trên ghế bành tôi nhớ lúc đó trong đầu chợt nảy ra ý nghĩ, dầu sao thì thời thế cũng có thay đổi thật, bởi bây giờ ít nhất cũng còn có một vị cha xứ nào đó đọc lời điệu cho Joana, chứ mười mười hai năm về trước, đường hòng có tay cha xứ nào lại đứng bên miệng huyệt của một người đàn bà quyên sinh để đọc lời điệu trong một nghĩa địa Áo như thế này. Lời điệu thật thô thiển, như mọi lời điệu tôi từng nghe từ trước đến giờ bên miệng huyệt, lại thêm giọng lão cha xứ có lẽ do bị viêm họng nên the thé đến nhói cả tai. Nhưng thật không may rằng những lời lão cha xứ nói ra nghe vẫn rõ ràng, và chứa đựng tất cả những gì gọi là dối trá, giả tạo mà Nhà thờ Thiên Chúa giáo vẫn thường phô ra vào những dịp như thế này. Về cuối, lão cha xứ còn chưa thêm rằng hồi còn nhỏ, y từng học một trường làng với Joana và y vẫn thường nhớ đến cô gái làng Kilb dễ thương ấy. Y gọi quãng thời gian Joana sống ở Vienna là giai đoạn nàng ngập trong vũng lầy thành thị. Lão cha xứ mang gương mặt thường thấy ở các viên chức nhỏ tại các phố chợ, chứ không phải gương mặt của người nông dân chân chất điển hình; ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, cứ bước vào một quán tạp hóa nào đó ở làng quê để hỏi mua cái búa hay cái rìu, đôi ủng cao su hay miếng giẻ lau nhà là ta khắc bắt gặp một kiểu gương mặt như thế, một gương mặt quỉ quyệt, đầy vẻ nghi kỵ mà ta dố dám nhìn lâu. Tất tật cái lũ nghệ sĩ thành Vienna ấy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, tại nghĩa địa làng Kilb cả bọn đều cúi đầu rậm rập làm theo một thứ nghi lễ Thiên Chúa giáo bọn chúng chẳng những không còn (hoặc chưa bao giờ) thông thạo, mà còn hoàn toàn xa lạ, hoặc đã trở nên hoàn toàn xa lạ theo

thời gian, cũng như tôi vậy, một kẻ hàng chục năm nay rồi chẳng còn dây dưa dính dáng gì đến thứ nghi lễ đó nữa; cho nên, chỉ riêng một lý do đó thôi đã khiến cho mọi sự diễn ra sao mà giả dối đến thế; cả bọn, ai nấy đều làm ra vẻ như biết bao giờ phải đứng lên, còn bao giờ không được đứng lên, khi nào phải cầu nguyện, và cầu cái gì, phải ca phải hát bài nào; cả bọn chỉ làm bộ thế, chứ thật ra, cũng như tôi, tuyệt nhiên chẳng ai biết mô tê gì. Bởi thế, đám nghệ sĩ thành Vienna chỉ dám cầu nguyện lầm rầm khe khẽ, hát thánh ca cũng lúng búng không rõ tiếng rõ lời, lúc này ngồi xuống chậm hơn dân chúng làng Kilb, lát sau lại đứng lên chậm hơn họ, vân vân và vân vân. Bọn nghệ sĩ thành Vienna chỉ mấp máy môi, cốt diễn thôi, tôi nghĩ bụng, cũng như tôi suốt buổi tại nghĩa địa làng Kilb đã cố làm sao diễn cho đạt. Hay không đạt, cũng như mọi khi thôi. Suốt buổi đưa ma, đầu óc tôi chỉ độc một ý nghĩ, không biết cái gì thật sự nằm bên trong áo quan của Joana, không biết trông nó thế nào. Suốt buổi đưa ma, quả thật, đầu tôi chỉ xoay quanh ý nghĩ duy nhất đó, đúng vậy, như thiên hạ vẫn nói, tôi bị ý nghĩ đáng ghê tởm ấy ám ảnh và mê hoặc. Cứ nhớ lại tất cả những điều gã tình nhân của Joana đã kể trong quán *Zur Eisernen Hand* về cảnh tượng y chứng kiến trong nhà xác, là đủ khiến cho suốt đám ma, ý nghĩ kinh khủng đó cứ bám riết lấy tôi, một ý nghĩ mà tôi cố thế nào thì cố vẫn không sao dứt ra được, mặc dù, tôi thật lòng không hề muốn nghĩ như thế, vâng, thật sự không muốn, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, rồi tôi lại nghĩ tiếp và sức hiểu, nguyên nhân khiến tôi muốn biết cho bằng được bên trong áo quan chứa cái gì chính là cái vẻ nhờn nhờn lạnh như tiền mà gã tình nhân của Joana - cái gã mà cho đến tận giờ tôi vẫn không biết tại sao trong quán *Zur Eisernen Hand*, bà bán hàng tạp hóa cứ một mực gọi bằng anh John ấy - đã phoir ra

trên mặt hăn ở quán *Zur Eisernen Hand* lúc thuật việc hăn đã cho người khâm liệm lại xác Joana trong nhà xác như thế nào. Lẽ ra, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ, gã John tình nhân của Joana không được quay lại và ngay trong lúc đang ăn món thịt hầm *gulasch* đem mọi chuyện ra kể như thế; mặt khác, chính cái vẻ nhơn nhơn bất cần của hăn cũng như sự thật trắng trợn trong câu chuyện hăn kể, lại làm tôi khâm phục và nghĩ bụng, rằng tự tôi, cũng như chẳng ai trong đám nghệ sĩ kia, có đủ gan tường thuật cảnh khâm liệm lại một cách nhơn nhơn lạnh lùng như thế. Chỉ riêng mấy từ như *túi nhựa trong đựng xác chết* đã làm tôi buồn nôn rồi, chứ chưa cần nhắc đến tất cả các chi tiết mà gã tình nhân của Joana đã không bỏ sót tí nào khi mô tả lại toàn bộ quá trình khâm liệm lần hai trong nhà xác. Có lẽ, chỉ một người không phải nghệ sĩ như thế, tôi nghĩ bụng, mới đủ khả năng tường thuật lại những cảnh tượng loại đó một cách nhơn nhơn lạnh lùng, nhưng lại không gây ấn tượng xấu xa và bất nhân, phải, gã tình nhân của Joana không hề bất nhân lúc y thuật lại mọi sự, câu chuyện y thuật lại cũng không hề xấu xa, kém tử tế, trong khi đó, bất kỳ ai khác nếu có kể cũng sẽ tường thuật nguyên như thế, chắc chắn cũng gây ấn tượng xấu xa, không tử tế, đúng thế, tôi tự nhủ, tôi mà tường thuật đúng câu chuyện gã tình nhân của Joana kể về vụ liệm lại xác nàng thì chắc chắn tôi sẽ gây ra cho người nghe ấn tượng thô bỉ, phải, ấn tượng đều cáng và hèn hạ. Thằng cha John đó đã im lặng suốt đám tang, tôi nghĩ bụng, trong khi mọi người khác ít nhất vào một lúc nào đấy lại thì thảo vào tai nhau. Khi hăn ta là người đầu tiên bước đến bên miệng huyệt nhận cái xẻng con con từ tay người phụ việc cho cha xứ để hất nắm đất đầu tiên xuống cổ quan tài lúc này đã nằm sâu dưới huyệt thì mọi người đứng xung quanh, chẳng rõ tại sao, đều lấy làm lạ, mặc dù đó là

chuyện hoàn toàn hợp tình hợp lý, bởi một khi tay Fritz, gã chồng đầu tiên của Joana - gã nghệ nhân dệt thảm nọ - đã không vác mặt về dự đám ma, thì ngoài John ra, rõ ràng không còn ai là người thân của Joana nữa cả. Kiểu cách gã tình nhân đứng bên miệng huyết của Joana trông vừa đáng tởm vừa cảm động, khiến ai ở ngoài nhìn vào đều lúng túng, ngay cả tôi, quả thật, cũng thấy ghê tởm kiểu cách của gã, mặc dù trong thâm tâm tôi - đương nhiên chẳng bao giờ nói ra hay để lộ ra ngoài mặt - tôi sẵn lòng cho hắn là người tốt, phải, một người tốt, tôi đã nghĩ như thế lúc nhìn thấy gã tình nhân của Joana đứng đó; tôi không rõ tại sao trong đầu lại nảy ra ý nghĩ ấy, nhưng suy cho cùng, nguyên do khiến tôi nghĩ như thế nào có quan trọng gì. Ngay khi nắm huyết Joana còn chưa lấp, vợ chồng Auersberger đã hỏi tôi có muốn đi cùng xe với họ quay về Vienna hay không; tôi đã từ chối thẳng thừng ngay tại chỗ theo kiểu bộp chộp mà mỗi lần tôi tuôn ra thì bất kỳ ai, không ngoại lệ, cũng phải cảm thấy bị xúc phạm. Tôi chỉ đáp cộc lốc: không, rồi im, không nói gì thêm. Về sau, phần đông đám khách khứa từ Vienna về đều tụ tập với nhau trong quán *Zur Eisernen Hand*, rủ nhau cùng ngồi vào một bàn rộng và dài mà sau khi vợ chồng Auersberger ít nhiều đã nài ép tôi trước mặt tất cả mọi người, khiến không còn cách nào khác để từ chối, tôi cũng phải ghé ngồi vào. Thật ra tôi chỉ muốn ngồi một bàn với gã tình nhân của Joana, lúc đó đang ngồi cùng bà bán hàng tạp hóa và đôi ba người khác ở Kilb, vốn là bạn thân thiết với Joana từ thuở ấu thơ. Nhưng rốt cuộc, bằng cái lối mà vợ chồng Auersberger đem ra mời mọc tôi ngồi chung bàn, họ cũng buộc được tôi phải làm cái việc mà suốt đám ma tôi cứ e ngại mãi, né tránh mãi, là ngay từ lúc ở Kilb, tôi đã phải nhập bọn với họ, sau khi họ mời tôi buổi tối đến dự buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* của họ tại ngõ Gentz.

Tôi làm như thế nổi đau buồn vì cái chết do quyên sinh của Joana đã làm tôi nghẹn giọng không nói năng gì được nữa, và suốt cả buổi, lúc mà vợ chồng Auersberger sau đám tang cùng mọi người khác đưa nhau gọi món thịt hầm gulasch ra ăn, y như tôi đã ăn lúc trước, tôi cũng không nói lấy một lời. Tôi chỉ gọi món xúc xích chua có nhiều hành, và do quá bồn chồn nôn nóng, tôi làm luôn cả hai ổ bánh mì con, theo một lối tôi chưa từng ăn bao giờ. Vợ chồng Auersberger cứ lải nhải đọc một chuyện về *dạ tiệc nghệ sĩ* ở nhà bọn họ, buổi dạ tiệc mà họ đã mời được tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đến dự và cả hai cũng không ngớt xuýt xoa khoe họ thích vai vị *diễn viên bi kịch* (mụ Auersberger luôn mồm gọi tay diễn viên nọ như thế) trong vở *Vịt trời* như thế nào. Mụ Auersberger cứ muốn nói với chúng tôi tay diễn viên nọ đã thủ *vai nào* trong vở *Vịt trời* mà thành công đến vậy, nhưng mãi mụ vẫn không nhớ ra được đó là vai nào, cho đến khi tôi thùng thảng bảo vai *Ekdal* thì mụ mới như phát điên phát cuồng kêu to *Ekdal* trong nhà hàng ăn, nghe mà phát ngượng, bởi mụ cứ thế mà rống lên *Ekdal, Ekdal, Ekdal, đúng rồi, Ekdal...* cho đến lúc lão chồng cao giọng bảo mụ nên im đi. Hôm đó, gã Auersberger nhỏ người béo bụng, hiển nhiên, cũng say, tức là say ngay từ lúc diễn ra đám tang rồi kia, nhưng nói cho cùng, ngồi trên ghế bành tôi trầm nghĩ, từ khi tôi biết hẳn, hầu như lúc nào hẳn cũng say, và riêng việc hẳn vẫn sống nhăn răng ra đó đã là chuyện thần kỳ rồi; tôi nghĩ thầm, hình như một năm hai lần vào năm viện cai nghiện ở Kalksburg là đủ cho hẳn còn sống ở đời thì phải. Gương mặt hẳn vẫn húp híp như hai chục năm trước, chẳng mấy nếp nhăn, tôi nghĩ bụng với làn da xám ngoét bóng dầu, với đôi mắt xanh vô hồn năm xưa. *Ekdal, Ekdal*, con mụ Auersberger vẫn kêu to nhiều lần, và không một ai trong phòng ăn quán *Zur Eisernen Hand*

hiếu mù kêu như thế nghĩa là gì. Bởi mù Auersberger cứ ngoạc mồm kêu to *Ekdal, Ekdal*, nên tôi không chịu nổi nữa, và cất tiếng hỏi xỏ, thế chứ *Ekdal* nào đấy? Mù hỏi ngược lại: *Ừ, Ekdal nào nhỉ?* Tôi lại hỏi tiếp: *Ekdal con hay Ekdal bố?* Tiếp theo là một lúc mù lặng im không nói gì, và mọi người đều hướng nhìn vào mù Auersberger, còn mù, bây giờ mới sực nhận ra vừa bị tôi giễu cợt - theo một cách mà tôi cũng phải nhận là hèn hạ - mù bèn cất tiếng đáp, mặt cúi gằm, không ngẩng khỏi đĩa thịt hầm gulasch: *Ekdal bố*. Giờ mù hận tôi lắm đây, bởi có khác nào tôi vừa vả vào mặt mù, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại; đúng lúc đó, chồng mù, nãy giờ ai nấy đều tưởng đã say mềm, bỗng đẩy đĩa thịt hầm của hắn ra giữa bàn rồi quát to về phía cửa bếp: *món ăn dở phát khiếp!* Bằng cái giọng hết sức đê tiện của kẻ trọc phú, hắn văng bộp câu *món ăn dở phát khiếp* vào cửa bếp, trong khi chính tôi, trước khi đám tang bắt đầu, cũng đã dùng món gulasch làng Kilb này một cách ngon lành và tôi cảm chắc mười mươi, khách đang ăn gulasch hắn sẽ cùng một ý với tôi chứ không đồng một ý với gã Auersberger, cái gã mà, kể từ lúc tôi biết gã đến giờ, lúc nào cũng chỉ một mực chê bai dè bĩu các món ăn ở tất cả các nhà hàng hay tiệm ăn hắn đặt chân vào, kể cả những nơi sang trọng nhất; gì thì gì nặng xị lên như thế cũng là lối cư xử hết sức bất nhã tầm thường, tôi có cảm giác vậy, ngay trong *Zur Eisernen Hand*, một nhà hàng mà theo tôi biết lúc nào cũng đông khách ở Kilb; ngồi trên ghế bành, ý nghĩ của tôi không dứt khỏi gã Auersberger, cái gã mà từ ngày cưới mù Auersberger rồi được mù bao nuôi luôn ấy, bao giờ cũng xử sự bất nhã và du côn đến mức đáng ghét như thế trong các nhà hàng và tiệm ăn. Sau khi ném *món ăn dở phát khiếp* vào cửa bếp, hắn ngả người ra sau lưng ghế rồi thè lưỡi ra với vợ. Suốt quãng đời chung đụng vợ chồng, mù Auersberger

đã quá quen với những trò đùa cợt vô duyên lỗ bịch của chồng rồi, cho nên mẹ chẳng lấy làm ngạc nhiên trước cảnh chồng thề lười với mình nữa. Mẹ cứ thế cúi đầu xuống, cố ăn nốt món thịt hầm gulasch mà lão chồng toan làm mất ngon trước mặt mẹ. Kiểu cách mẹ ăn trông tuy chưa phải là kiểu cách lịch sự tuyệt đỉnh, nhưng cũng không đến nỗi thiếu tao nhã, ngồi trên ghế bành tôi chợt nghĩ, trong khi phong cách ăn uống của chồng mẹ, của gã Auersberger, bao giờ cũng lỗ bịch. Thằng cha trọc phú này rất muốn học đòi, làm sao sớm thuần thục cách ăn uống của giới quý tộc, nhưng hẳn chỉ mới dừng lại ở mức sử dụng dao đĩa nhớ những lỗ bịch mà thôi. Bây giờ ngồi trên ghế bành, tôi lại nghĩ, trông hẳn ăn uống bao giờ cũng thấy nực cười, cũng như tất cả những hành động cử chỉ hẳn làm đều nực cười vậy, đã thế theo thời gian hẳn lại càng trở nên lỗ bịch, bởi hẳn luôn luôn gắng sức làm sao cho mọi hành động cử chỉ của mình trở nên tinh tế hơn, tao nhã hơn - tức là muốn tự làm mình thanh cao và lịch thiệp hơn đây - bằng cách lôi tất tạt những gì gọi là phong cách quý tộc mà hẳn học mót được đem ra dùng ở mọi nơi, mọi hoàn cảnh, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, và chính điều đó khiến cho hẳn không những mỗi ngày một thêm nhớ những và kịch cỡm, mà còn mỗi lúc một thêm đáng ghét, đáng ghê tởm. Sau khi hẳn văng câu *món ăn dở phát khiếp* vào cửa bếp rồi ngả lưng ra ghế bành hẳn đang ngồi và thề lười với vợ hẳn xong, thì mọi sự cũng tạm yên ắng được một lát, song đột nhiên hẳn nói *tôi chẳng thích Strindberg chút nào* rồi đưa mắt nhìn mọi người ngồi quanh một lượt. Tôi đứng bật ngay dậy, rồi ngang nhiên, ngay trước mặt mọi người, chuyển sang ngồi cùng bàn với gã John và bà bán hàng tạp hóa. Không, trong lúc bật dậy tôi đã nghĩ, tôi không muốn dính dáng gì với đám người này nữa. Lúc tôi vừa ngồi xuống bên bàn

gã tình nhân của Joana với bà bán hàng tạp hóa thì chợt nghe tiếng con mụ Auersberger nói vở *Vịt trời là của Ibsen* đấy. Từ đấy tôi không thèm để ý gì đến bàn các nghệ sĩ ngồi nữa và gọi bia đến bàn của gã John và bà bán hàng tạp hóa. Tôi định bụng moi từ thằng cha mang tên John này thêm nhiều chuyện, nhiều hơn những thứ đã moi được từ trước, nghĩa là không riêng những gì quanh chuyện liệm lại xác trong nhà xác, mà tất tậ mọi chuyện khác nữa về Joana, vâng, cả bà bán hàng tạp hóa cũng tò mò nôn nóng chẳng kém gì tôi, chỉ hau háu muốn sớm biết xem hắ ta từng chung sống với Joana ra sao. Gã tình nhân này đã làm quen với Joana trong căn hộ của nàng ở Simmeringer Hauptstrasse, căn hộ mà vào giữa những năm sáu mươi Joana quả thật đã cho sửa sang thành một trong những phòng tập mà chính nàng vẫn gọi là *Phòng luyện cách vận động*. Một hôm, bạn gái của gã - là người vốn đã theo học các lớp do Joana dạy từ lâu - dẫn gã đến Simmeringer Hauptstrasse, bây giờ ngồi trên ghế bành tôi vẫn nhớ lời tay John nói lúc đó - dẫn đến cốt cho gã tận mắt thấy Joana là con người yêu kiều ra sao, là người mang tư chất nghệ sĩ đến cỡ nào. Gã bảo mình đi với bạn gái đến gặp Joana lần thứ hai, thứ ba nữa, rồi mỗi ngày một thường xuyên hơn, và rốt cục, đột nhiên gã đến thăm Joana một mình thôi, không đưa người bạn gái theo nữa, người mà gã vì *Joana* đã hôm trước hôm sau thẳng cánh chia tay ấy. Nhưng, theo lời hắ kể, John không đến với Joana để học cách vận động, hắ đến với nàng vì *tìm thấy ở nàng một chỗ dựa*, hắ nói vậy, cũng như Joana, ngược lại, đã tìm thấy ở hắ một nơi để nương tựa. Xét cho cùng, John không xem những phòng mà Joana gọi là phòng luyện tập cách vận động ấy có ích lợi gì, ngay từ giây phút đầu tiên, hắ bảo mình đã hiểu ngay ra rằng cái gọi là phòng luyện tập cách vận động ấy thật

ra chỉ là phương tiện cho Joana *kiếm sống cầm hơi*, chứ theo lời hăn, đối với riêng nàng, *cho đầu óc lẫn hầu bao* nàng, chẳng có gì để thu về từ cái phòng luyện cách vận động ở Simmeringer Hauptstrasse ấy cả, bởi vì rốt cuộc cũng chỉ có những ai, nếu không thuộc loại cùng đinh mặt hạng thì cũng nghèo khó rất mừng tươi, mới tìm đến Joana xin học ở cái phòng luyện tập cách vận động đó - đôi ba diễn viên trẻ mới chập chững vào nghề hoặc dăm ông bà diễn viên sân khấu nghiệp dư, tuy đã đến tuổi ngũ, lục tuần vẫn còn mơ tưởng công danh sự nghiệp, mặc dù đối với họ, âu cũng là lẽ tự nhiên thôi, làm gì còn chút hứa hẹn nào mà mong lập nên sự nghiệp, làm gì còn cơ hội mỏng manh nào mà mơ công thành danh toại cơ chứ. Hăn kể, sau nhiều lần ngủ với Joana, rốt cuộc hăn dọn đến ở chung nhà với nàng. Tên hăn đúng ra là *Friedrich*, nhưng Joana không rõ tại sao lại rất ghét cái tên đó, cho nên ngay từ đầu nàng không gọi hăn bằng *Friedrich*, mà bằng *anh John*, đâm ra từ đó ai cũng gọi hăn là *anh John*. Hăn xuất thân từ vùng Schwarzach Sankt Veit - điểm nút giao thông đường sắt ở vùng Salzburg mà tôi biết rất rõ - ông bố hăn - thì trạch vào đâu được - làm công nhân hỏa xa, còn hăn học hết tiểu học ở Sankt Johann, vào học tiếp trường Trung cấp Kỹ thuật ở thành phố Salzburg. Đến năm tròn hai mươi ba tuổi, hăn mò đến Vienna, và để sống được ở Vienna, hăn làm cho một công ty điện ảnh ở Sievering, rồi quen với cô người yêu cũ - tôi ngồi trên ghế bành nhớ lại lời hăn kể - cũng chính là cô gái đã kết nối hăn với Joana. Trước mặt Joana, mặc dù chẳng thích thú gì cái trò nhảy nhót, thoát đầu hăn cũng làm ra vẻ để tâm đến lý thuyết vận động của nàng lắm, và để chứng minh cho nàng thấy hăn quan tâm đến lý thuyết của nàng như thế nào, nói theo lời hăn, mới đầu hăn cũng cùng cô bạn gái cũ của hăn nhảy *chồm chồm lên đôi ba lần*,

nhưng chẳng bao lâu hăn thôi nhảy và sớm lộ cho Joana biết rằng hăn để ý đến nàng, chứ có để ý gì đến lý thuyết nhảy lên nhảy xuống đâu. Ngồi trên ghế bành tôi nhớ tay John bảo, Joana chẳng hề vì thế mà thất vọng. Vì Joana thực ra chẳng thu được đồng nào nữa, và nói của đáng tội, đã bán gần sạch những của cải nàng có trong tay rồi, nàng cũng chẳng còn nhận được món tiền trợ cấp nào từ tay nghệ nhân dẹt thảm, bởi suốt cả thời gian đó, đến như tay nghệ nhân dẹt thảm của nàng có còn ở Mexico hay không, hay hăn đang lưu trú chốn nào khác, nàng cũng chẳng biết, và liệu hăn có còn chung sống với người tình hăn theo sang Mexico - hay nói như Joana vẫn cam đoan với John - người đàn bà đã *bắt cóc* chồng nàng sang Mexico hay không, Joana cũng chẳng hay, bởi thế, cứ suy theo lời John, rốt cuộc chính hăn chứ chẳng còn ai khác phải lo toan thu xếp mọi chuyện tiêu pha ăn uống cho Joana. Nàng vẫn còn giữ phòng luyện cách vận động của nàng thêm hai năm nữa, kể từ ngày hăn dọn đến Simmeringer Hauptstrasse, nhưng rốt cuộc, hăn buộc nàng phải đóng cửa cái phòng tập ấy, cái phòng tập chỉ rất đem tai họa đến cho họ và chỉ suốt ngày suốt tháng gây bức bối, bất hòa giữa hai người mà thôi. Hăn nói muốn cai rượu cho nàng, và đã chi tiền cho nàng *nằm trại cai nghiện ở Kalksburg những bảy lần*, nhưng rốt cuộc đều công cốc, bởi cứ rời khỏi Kalksburg về đến nhà, Joana lại uống, nói theo lời tay John, uống cho đến mức bí ti uống đến mức u mê, đần độn. Nhưng hăn vẫn không bỏ rơi nàng. Hăn bảo, hăn *yêu nàng thật sự*, ngồi trên ghế bành và đưa mắt nhìn vào phòng hòa nhạc, tôi nhớ lại những lời hăn nói, đúng rồi, hăn bảo là muốn làm *người bạn đời thật sự* của Joana, hay nói cho đúng lời hăn trong quán *Zur Eisernen Hand*, làm *bạn đời chân chính của người con gái bất hạnh* ấy. Ngồi trên ghế bành tôi nhớ hăn nói đi

nói lại, *Joana bao giờ cũng chỉ là cô gái bất hạnh thôi*, nhưng tôi tôi lại thấy không hẳn vậy, bởi tôi cũng biết Joana là con người từng tràn đầy hạnh phúc, tôi nghĩ bụng, tức là vào những năm năm mươi, thậm chí đến cả giữa những năm sáu mươi về sau, hoặc cứ tính cho đến lúc nàng bị tay Fritz, đúng vậy, lúc nàng bị thằng cha nghệ nhân dệt thảm của nàng bỏ rơi, thì ít ra nàng vẫn còn được hưởng hạnh phúc ở đời. Từ đó về sau, tôi nghĩ, tai họa đổ lên đầu nàng. Nhưng có lẽ tay John cũng chỉ biết nàng như một người con gái bất hạnh thật, và tôi nghĩ, hẳn đã toan làm người con gái đó được hạnh phúc mà không thành. Hẳn cứ nói đi nói lại nhiều lần, *tôi thật lòng muốn cô ấy được hạnh phúc*, nhưng tôi chẳng gặp may. Ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, đúng thật, toàn bộ sự bất lực của hẳn nằm trọn trong câu nói đó. Hẳn kể, nàng hay đánh xe về Kilb, không phải lúc nào cũng cùng đi với hẳn mà rất hay đi một mình, về Kilb thăm bố mẹ nàng, để rồi lại hoàn toàn thất vọng trở lại Vienna. Hẳn kể, *mới đầu* hẳn còn cố khuyên bảo nàng *nhẹ nhàng*, về sau, tôi nhớ lời hẳn nói, hẳn *cứng rắn* hơn; nhưng rồi rốt cuộc, hẳn cũng phải thú nhận Joana hết đường cứu chữa. Buổi tối hôm đó, trước khi tự tử, vẫn theo thường lệ mỗi khi một mình về Kilb, nàng gọi điện nói lời tạm biệt với hẳn. Sáu giờ sáng hôm sau, bà bán hàng tạp hóa gọi điện tới Vienna cho hẳn, báo tin Joana treo cổ tự tử chết rồi, bà ta *nói ngay* với hẳn như thế, không vòng vo gì, khác với lúc nói với tôi, bà ta không nói thẳng ngay, tôi phải moi mãi, moi mãi bà ta mới thuật hết đầu đuôi. Bà bán hàng tạp hóa đã nói ngay với tay John rằng Joana đã treo cổ tự tử chết rồi, nhưng không nói ngay với tôi như thế. Đó chính là điều làm tôi ngồi trên ghế bành cứ phải nghĩ đi nghĩ lại mãi. Bà ta tin cậy tay John hơn tôi, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại, tôi đã nghĩ vậy lúc ngồi cùng một bàn

với cả thằng cha John lẫn bà bán hàng tạp hóa trong quán *Zur Eisernen Hand*, phải, bà ta tin cậy hẳn ta ngay, bà ta nghĩ thế nào thì nói luôn với hẳn như vậy, chứ với tôi thì không, bà ta chuyện trò với tôi theo lối vòng vo, rắc rối mà người ở quê vẫn dùng khi chuyện trò với dân thành thị, cái lối của người gọi là ít học với người gọi là có học, của người ở dưới, như họ vẫn tưởng, với người ở trên. Hẳn đã không bất ngờ, thằng cha John ngồi bên bàn bỗng nói với bà bán hàng tạp hóa, là người mà như tôi thấy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, chắc hẳn đã có quan hệ gần gũi từ lâu. Hẳn bảo hẳn choàng áo choàng mùa đông màu đen lên người, khoác thêm cái túi xách cũng màu đen lên vai rồi đánh xe về Kilb. Mọi chuyện kéo theo sau đó, hẳn bảo, toàn chuyện đáng buồn. Nếu ở Kilb hôm ấy quả có ai thật sự đau buồn vì cái chết của Joana thật, đúng vậy, thậm chí bàng hoàng vì cái chết do tự tử của nàng thật, tôi nghĩ bụng, thì người đó chính là thằng cha John này, một tay không đến nỗi tồi tệ như tôi tưởng ban đầu; cứ càng nghĩ thêm về hẳn, thì thú thật, tôi càng thấy nhiều đức tính tốt đẹp ở con người hẳn và khiến chẳng mấy chốc tôi nghĩ rằng - cho dù rốt cuộc nàng đã tự sát - hẳn ta đúng là người cứu vớt Joana thật, là con người cho nàng *nương tựa*, một con người mà nàng từng gửi gắm lòng tin, gì thì cũng suốt bảy, tám năm trời chứ không ít, tôi tự nhủ, bởi vì, nếu không có con người mà tôi gọi là con người cho nàng nương tựa ấy trên đời này, bây giờ ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, thì có lẽ Joana đã tự sát từ lâu rồi. Joana ước ao vươn tới đỉnh cao danh vọng ở Vienna, song, theo lời tay John, nàng chưa bao giờ thoát khỏi Kilb được cả, và ngồi trên ghế bành tôi nghĩ, tôi cũng không còn nhớ, làm thế nào mà nàng lại vớ được tay Fritz - nghệ nhân dệt thảm nọ. Lúc tôi làm quen với Joana thì nàng và tay Fritz của nàng đã lấy nhau được nhiều

năm, và hồi ấy, tôi tin họ sống hạnh phúc với nhau lắm, hay ít ra, tôi bao giờ cũng có cảm giác họ sống hạnh phúc với nhau mỗi lần tôi đến thăm họ ở Quảng trường Sebastian. Thật tình mà nói thì đã có một dạo rất lâu, tôi từng xem căn hộ của họ ở Quảng trường Sebastian - nơi xưởng vẽ mệnh mông bao giờ tôi cũng ít nhiều được làm gì thì làm tùy theo ý muốn ấy - như căn hộ của chính mình vậy, vâng, gã Fritz cùng Joana - tên thật vốn là Elfriede - vợ gã, vốn là *trung tâm* của đời sống nghệ sĩ thành Vienna, là nơi mà đối với tôi, cái gọi là nghệ thuật bi kịch và cái gọi là nghệ thuật tạo hình đã kết duyên hạnh phúc với nhau, tức cũng là nơi mà nghệ thuật nói chung, hay ít nhất cái mà hồi đó tôi cho là nghệ thuật, lấy làm nơi tề tựu. Vào giữa những năm năm mươi, tại xưởng vẽ trên Quảng trường Sebastian đó, tôi từng làm quen với hầu hết các nghệ sĩ lẫn nhà khoa học, cũng như với hầu hết các nguy nghệ sĩ hay nguy khoa học có máu mặt ở Vienna, cho dù hồi đó họ chưa hẳn đã lừng danh, nhưng cũng đã là những người có ít nhiều tiếng tăm rồi, và dần dần, có thể nói nhờ được chơi bởi giao du với họ, mà tự tôi, một anh văn sĩ mới bắt đầu cầm bút, bắt đầu tưởng mình cũng là một trong số các nghệ sĩ như thế nốt. Chỗ ở của tôi tại phố Nussdorferstrasse, thuộc Quận Mười tám, là nơi tôi ngủ nghệ cho trọn giấc, còn căn hộ ở Quảng trường Sebastian, Quận Ba, là *ngôi đền nghệ thuật* của tôi, ngôi đền mà thông thường, hầu như ngày nào cũng như ngày nào, khoảng năm giờ chiều tôi bước vào, để rồi khoảng ba giờ sáng mới rời đi. Các khung dệt, nơi mà gã Fritz thường cùng hai hay ba cô giúp việc ra tay dệt thảm, được dựng giữa những gian phòng rộng mệnh mông, cao tới sáu, bảy mét; chính từ những khung dệt này đây, gã đã dệt nên những tấm thảm được thiên hạ, hay ít ra thì cũng được giới sành sỏi, trên khắp châu Âu trầm trồ khen ngợi

và lòng mua cho bằng được. Cứ như lời kể giản dị của Fritz thì gã chuyển từ vẽ sơn dầu sang dệt thảm chỉ hoàn toàn do tình cờ mà thôi. Bao giờ gã cũng tỏ ra là người trầm tĩnh, không huênh hoang khoác lác bao giờ, lấy việc lập chương trình kế hoạch thật chi tiết, chính xác cho các công việc mình làm là việc quan trọng hàng đầu và quyết định sự sống còn của chính bản thân, đúng vậy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, kể từ ngày tôi quen gã, tôi vẫn biết gã không để cho bất cứ người nào, không để bất cứ thứ gì trên đời cản trở ngày làm việc tám tiếng của gã. Khóe miệng gã luôn luôn ngậm chiếc tàu ngấn kiểu Anh quốc, và đến cả khi có nói chuyện với ai, gã cũng không bỏ cái tàu ra; tuy rất ngại nói chuyện trong lúc đang dệt thảm, nhưng nếu chẳng may có phải nói chuyện, thì như người ta thường bảo nhau, gã vẫn giữ được bình thản. Đi ngoài đường, trời lạnh mấy thì lạnh, gã cũng không bỏ cái tàu ngấn kiểu Anh quốc đó ra khỏi miệng. Anh trai gã vốn là một kiến trúc sư đáng kính nể ở Vienna, chuyên xây dựng các khu nhà chung cư lớn ở ngoại ô và bao giờ cũng bị ông em gọi là *tên phá hoại thiên tài của thành phố*. Mặc dù xuất thân từ một gia đình giàu có, với nhà cao cửa rộng trong nội đô và ít nhiều ruộng đất màu mỡ ở vùng trồng nho Baden, nhưng tay Fritz bao giờ cũng là một con người giản dị, hay ít ra thì cũng có vẻ như thế, cho đến khi gã, như đã nói, *biến sang Mexico*. Nhưng không phải chỉ có các nghệ sĩ mới lai vãng đến Quảng trường Sebastian đầu, mà còn đủ hạng người khác nhau, xếp vào hạng nhân vật quan trọng mà Joana lùng tìm và mời cho bằng được đến thăm vợ chồng nàng ở căn hộ tại Quảng trường Sebastian, nhằm thỏa mãn thói ham hội hè, thích đàn đúm bệnh hoạn của nàng là một nhẽ, nhưng vì một nhẽ khác nữa là quảng cáo, phô trương, sao cho thảm của chồng nàng dệt ra càng thêm nổi tiếng, càng

thêm danh giá và bán được với giá cao hơn nữa, cho nên, âu cũng là lẽ rất tự nhiên thôi, cả cánh phê bình nghệ thuật lẫn giới chính trị gia cũng thường xuyên được mời đến nhà vợ chồng nàng ở Quảng trường Sebastian, và xét cho cùng, đó cũng chính là giới những người mà tôi, một thanh niên đang khát khao xông vào đời - như hiện giờ tôi nghĩ lại - thiết tha, nôn nóng được làm quen, được nhập bọn hơn mọi thứ gì khác. Đúng vậy, có thể nói, tại Quảng trường Sebastian, bức tranh toàn cảnh về giới thượng lưu thành Vienna đã được phơi ra trước mặt tôi, một bức tranh cần thiết, thậm chí sống còn cho một nghệ sĩ đang ở bước trưởng thành, nhất là cho một cây bút mới vào nghề như tôi, cái nghề mà hồi đó tôi chắc mười mười sẽ nắm lấy, và tôi cũng có thể không do dự để nói rằng Quảng trường Sebastian bỗng dưng cũng chính là nền tảng cho bước phát triển trí tuệ của tôi, bước phát triển - như người ta thường nói - đã được bất ngờ quyết định ngay từ đầu những năm năm mươi ấy rồi. Joana sở hữu mọi điểm quyến rũ mà đàn bà vùng ngoại ô quanh thành Vienna có thể sở hữu, và mang trong mình một thứ thị hiếu hết sức thích hợp với các mục tiêu của nàng, đồng thời, ở nàng luôn luôn toát ra sức hấp dẫn ghê gớm đối với giới nghệ sĩ, giới học giả cũng như chính trị gia thành Vienna. Trong căn hộ của mình ở Quảng trường Sebastian, nàng thường tiếp đón khách khứa trong những bộ trang phục, tuy không phải do nàng tự tay may, nhưng nàng tự thiết kế, lúc này dựa theo kiểu Ấn hay Ai Cập, lúc khác mượn mẫu Tây Ban Nha hay La Mã. Tại các buổi tiếp tân đó, bao giờ nàng cũng để lộ khí chất của một người đàn bà tươi trẻ, đồng thời toát lên trí thông minh đặc biệt ngang ngạnh, vô cùng quyến rũ, hay nói cách khác, nàng là hiện thân của tâm hồn nghệ sĩ thành Vienna, khiến cho tất cả những ai từng đặt chân đến căn hộ

của nàng ở Quảng trường Sebastian ấy - âu cũng là lẽ tự nhiên thôi - đều phải đem lòng say đắm. Mới dự được hai hay ba buổi tiếp tân gì đó tại nhà nàng do tay Auersberger dẫn mỗi, có thể nói, tôi đã bất ngờ được liệt vào hạng khách được mến chuộng và thường xuyên được phép đặt chân đến nhà nàng. Đạo đó, không còn nơi nào khác ở Vienna thu hút tôi hơn Quảng trường Sebastian, và rốt cuộc, tôi đâm say mê xưởng dệt thảm, say mê tay nghệ nhân dệt thảm Fritz, cũng như si mê Joana. Trước khi biết đến Quảng trường Sebastian, tôi chưa hề thấy một xưởng vẽ, xưởng dệt thảm nào như thế, cũng chưa bao giờ chứng kiến *một sân khấu của các môn nghệ thuật* thật sự to lớn như thế, tất tột mọi thứ trong căn hộ ở Quảng trường Sebastian, căn hộ qua nhiều năm từng là trung tâm thành Vienna của tôi ấy, đều lôi cuốn tôi mãnh liệt. Tại đó, dần dần tôi lĩnh hội cái gọi là *khái niệm về nghệ thuật*, tại đó tôi cũng có dịp làm quen với cả các nghệ sĩ, với các thiên tài lẫn những người bằng mọi cách muốn đóng vai hoặc thực sự ao ước trở thành nghệ sĩ hay bậc thiên tài. Cứ quan sát Joana tại nhà nàng ở Quảng trường Sebastian là tôi có thể thấy cái giới xung quanh nàng hành xử ra sao, giới đó phình lớn ra như thế nào và người ta có thể lôi kéo nó về mình, nuôi dưỡng, chăm sóc, ấp ủ, thuần phục nó để rốt cuộc có thể lợi dụng và lạm dụng bằng cách gì. Cứ thẳng thừng ra mà nói thì tại Quảng trường Sebastian tôi đã nghiên cứu xã hội thượng lưu - không riêng gì cộng đồng nghệ thuật cùng cộng đồng các nghệ sĩ - và đã bắt đầu thấu hiểu cộng đồng đó hoạt động ra sao. Trên Quảng trường Sebastian, lần đầu tiên tôi thật sự thấy rõ nghệ sĩ là gì, họ ra sao và từ đâu mà ra, song đồng thời, tôi cũng biết họ không phải là loại người nào và suốt đời không thể trở thành loại người nào. Ở Quảng trường Sebastian - chứ về sau tôi không bao giờ

còn cơ hội như thế nữa - tôi có thể hoàn toàn thả nghiên cứu họ mà không bị phá đám, tôi có thể nghiên cứu, xem xét họ một cách thường xuyên và gặt gao tột độ, cũng có nghĩa là nghiên cứu, xem xét với mức chuyên tâm cao độ nhất, bởi đạo ấy, tôi là con người gặt gao và chuyên tâm bậc nhất. Có thể nói, tại Quảng trường Sebastian tôi mới thật sự làm quen với bản chất con người, vâng, trước đó tôi cũng đã hiểu biết ít nhiều về họ rồi, có thể hiểu biết về họ còn hơn nhiều người cùng trang lứa với tôi, nhưng ở Quảng trường Sebastian, tôi mới thật sự hiểu biết họ thông qua nghiên cứu, thông qua xem xét họ - đủ mọi hạng người - bằng lý trí. Chính ở Quảng trường Sebastian tôi mới bắt đầu biến phương pháp quan sát và theo dõi thiên hạ thành một trong những nghệ thuật của riêng tôi, cũng như biến nghệ thuật đó thành thói quen suốt đời. Chính ở Quảng trường Sebastian, tôi tự nhủ, tôi mới vỡ lẽ ra mình không những phải biết ngưỡng mộ, khâm phục, mà còn phải biết khinh miệt cả con người lẫn xã hội của họ; phải biết tự hào về họ nhưng cũng phải biết ghê tởm tất cả những gì gọi là dính dáng đến họ. Chính tại Quảng trường Sebastian, lần đầu tiên tôi nhận thức rõ ràng về sức mạnh cũng như sự bất lực của giới nghệ sĩ, cũng như của loài người nói chung, tôi nghĩ bụng, như thế tại Quảng trường Sebastian đó, tôi đã vén được màn sương mù dày đặc từ trước đến giờ vẫn phủ lên cái gọi là giới nghệ sĩ. Trước đó chưa bao giờ, và về sau không bao giờ nữa, tôi mới gặp không biết bao nhiêu là nghệ sĩ suốt ngày, thậm chí suốt đêm, như tại Quảng trường Sebastian, và tất cả đám nghệ sĩ ấy - mà phần lớn, bây giờ tôi nhớ lại, có lẽ vốn đã và sẽ mãi thuộc vào hạng người tôi luôn mệnh danh là *phi nghệ sĩ* - ngày ngày bước ra bước vào căn hộ tại Quảng trường Sebastian, trong khi tôi, hồi đó hầu như bao giờ cũng lưu lại,

ngưỡng mộ ngắm nghía thằng cha Fritz kiên nhẫn ngồi trước các tấm thảm, chỉnh sửa và hoàn thiện chúng, cũng như say đắm ngắm nhìn Joana đang ngồi trong xưởng dệt thảm lớn nhất thành Vienna ấy mà mơ ước đến ngày danh tiếng nàng vang dội. Ngày nay, nếu tôi có đọc thấy trên mặt báo tên tuổi một ai đó gọi là quan trọng hay nổi tiếng, thì gần như là lẽ đương nhiên, tôi lại nghĩ, hồi đó ta từng làm quen với con người này tại Quảng trường Sebastian. Trong khi tất cả các cô, các bà cùng khóa với Joana từng tốt nghiệp trường Reinhardt Seminar từ lâu đã chìm hẳn vào các xô xính bắn thiêu hôi thối nào đấy của các sân khấu hồi đó vốn đầy rẫy thành Vienna, thì cô gái Elfriede Slukal ấy, vào một ngày tự cô tin rằng đủ minh mẫn và sáng suốt, đã biến thành nàng Joana, và đồng thời, cũng thành phu nhân của vị nghệ nhân dệt thảm Fritz. Trong khi các nữ đồng nghiệp của nàng đã từ lâu buộc phải lao vào công cuộc kiếm ăn khó nhọc trên đủ loại sân khấu sang hèn khác nhau, như thiên hạ vẫn nói, để mua vui cho đám khán giả bệnh hoạn, thèm khát vô tội vạ các trò giải trí tiêu khiển rẻ tiền, và do đó, tự biến mình thành các con rối dối trá cho một nền sân khấu, mà theo tôi, đã đón hèn bạc nhược đến cùng cực, thì Joana có lẽ đã từ bỏ ước vọng về công danh sự nghiệp của riêng mình rồi, chỉ còn dồn tâm dồn sức lo toan cho công danh sự nghiệp của tay nghệ nhân dệt thảm nọ. Ngay từ đầu, nàng đã vận dụng và vận dụng thành công toàn bộ tài năng của nàng, một tài năng không phải chỉ về nghệ thuật, mà - như người ta vẫn trầm trồ - còn là một *tài năng phi thường về giao tiếp xã hội* nhằm phục vụ tay Fritz mà hồi đó nàng đã thành công ngay từ đầu. Bởi không có Joana, thì nói như thiên hạ, tay Fritz sẽ chẳng bao giờ trở thành *nghệ nhân dệt thảm tầm vóc quốc tế* như ngày nay, chắc chắn hẳn sẽ chẳng bao giờ nhận được giải thưởng lớn ở

São Paulo cho công trình *Rặng núi liên hoàn* như thế, và không nhờ tay Joana, hẳn ta chắc chắn sẽ không thể trở thành vị Giáo sư tầm cỡ quốc gia, như thiên hạ kháo nhau, mà báo chí vẫn thường phải nhắc đến tên tuổi ấy. Joana đã hiến dâng tất cả cho tay Fritz, tôi nghĩ bụng, và sau khi đã hiến dâng trọn vẹn như thế rồi, nàng hầu như kiệt sức, không hồi phục được nữa, phải, có lẽ đó chính là nguyên nhân gây ra nỗi thất vọng suốt đời nàng gánh chịu, tuy không để lộ ra bao giờ, nhưng chính lại là nỗi thất vọng, như người ta vẫn nói, làm nàng rớt cuộc phải gục ngã - tôi nghĩ vậy - cho dù cũng phải tám hay chín năm sau khi cuộc hôn nhân của nàng đổ vỡ, và nàng - người đàn bà bất hạnh ấy - gắng tìm nguồn an ủi bên anh chàng đại diện thương mại John mà không được, sự gục ngã ấy mới thật sự xảy ra. Nàng đã biến tay Fritz thành con người mà chính nàng muốn mình sẽ trở thành nhưng không được, tức là trở thành một nữ nghệ sĩ khả kính, một nữ nghệ sĩ nổi tiếng, chẳng những trong nước, mà trên toàn thế giới. Nàng bắt buộc tay Fritz phải leo lên đỉnh cao, bởi chính nàng, nàng không ép được bản thân leo lên đỉnh cao, và quả là tay *Fritz*, chứ không phải nàng mới xứng đáng vang danh nổi tiếng ở đời. Đúng vào thời điểm nàng nhận ra mình không thích hợp với cái gọi là công danh sự nghiệp, chứ đừng nói là công danh và tiếng tăm ở tầm quốc tế, nàng liền quay ra tìm cách thúc đẩy tay Fritz lao vào đường công danh quốc tế, tôi nghĩ bụng, như thế thắng dây cương lên cổ hẳn ta, bắt hẳn ta thắng đường công danh quốc tế mà tiến vậy, song tôi nghĩ, như thế cũng chỉ làm nàng tạm thời thỏa mãn thôi chứ không thể toại nguyện suốt đời được. Không gặp Joana, hẳn tay Fritz sẽ mãi mãi chỉ là một người đàn ông dễ mến, miệng luôn ngậm tẩu, một anh họa sĩ và nghệ nhân chuyên vẽ tranh, dẹt thắm cho giới trung lưu trong xã hội, tôi

nghĩ bụng, một người hiền lành sẵn sàng hài lòng với công việc mình làm, thỏa mãn với chiếc tàu và một ly rượu vang trước khi lên giường ngủ, dù ngủ một mình hay cặp đôi cũng vậy thôi. Joana quả thật đã đánh thức hãnh diện, ít nhiều lôi hãnh diện ra khỏi kiếp sống nhàn nhàn hạng trung, buộc hãnh diện lúc đầu phải lao động nghệ thuật cật lực trước khi đưa hãnh diện đến với vinh quang, thu hoa gom quả về mặt nghệ thuật. Thế nhưng, về lâu về dài, các tấm thảm của tay Fritz trưng bày ở hầu hết các viện bảo tàng danh tiếng nhất châu Âu cũng như trên hầu hết tường phòng khách của các giám đốc điều hành, ở hầu hết các tập đoàn công nghiệp, các công ty bảo hiểm hoặc nhà băng lớn, không còn làm Joana thỏa mãn được nữa; vâng, tên tuổi cùng các công trình nghệ thuật của hãnh diện càng vang danh, nổi tiếng, thì nàng, tác giả tạo nên các thành công đó của hãnh diện, lại càng phải buồn rầu thất vọng. Lúc tay Fritz vươn tới tột đỉnh vinh quang, thì đương nhiên chính Joana lại chạm đáy buồn rầu thất vọng, song nàng lại không thể vứt bỏ, đoạn tuyệt công trình của chính nàng, không thể dừng vun đắp và hoàn thiện tay Fritz của nàng ngay trên tột đỉnh vinh quang của hãnh diện, đỉnh vinh quang mà đối với nàng lại là vực sâu muôn trượng; bởi thế, nhìn bề ngoài, nàng cứ thế nâng công trình nghệ thuật của nàng từng bước, từng bước lên cao mãi, trong khi chính trong đáy lòng sâu thẳm, thấy bảo vậy, nàng lại căm ghét nó từ lâu rồi. Chính trong quá trình đó, tôi nghĩ bụng, quá trình mà nàng buộc phải nâng công trình nghệ thuật của mình - tức cũng chính là thằng cha Fritz đấy - mỗi lúc một cao lên, còn chính nàng, do đó lại tự chìm chìm mỗi lúc một sâu thêm xuống đáy, nàng đã suy sụp. Rốt cuộc, tôi thầm nghĩ, Joana đã bị sức nặng ghê gớm của công trình nghệ thuật khổng lồ mang tên Fritz, công trình do chính tay nàng sáng tạo và ít nhiều hoàn thiện - và suy cho cùng, bị chính

tay Fritz, con người nàng từng thật sự yêu thương và mang nợ ấy - đè bẹp. Ước vọng mà tự nàng không biến thành hiện thực được - tức là ước vọng trở thành nghệ sĩ lớn, nếu không nói là nghệ sĩ vĩ đại - đã khiến nàng buộc tay Fritz phải thực hiện thay nàng, nhưng, đến khi ước vọng đó trở thành hiện thực, chính nàng nhìn thấy tận mắt hậu quả do mình gây ra thì nàng sợ chết khiếp, và tôi nghĩ bụng, chính nỗi sợ hãi đó đã giết chết nàng. Nếu ta không thể trở thành con người ta muốn trở thành, hẳn nàng đã nghĩ vậy, ta sẽ phải nhắm vào người khác - tất yếu là người gần gũi nhất với ta - biến người đó thành kẻ mà tự ta không trở thành được, có lẽ nàng đã nghĩ vậy, và nàng đã biến tay Fritz của nàng thành tác phẩm nghệ thuật to đùng to đoàng, tôi nghĩ bụng, một tác phẩm rất cuộc đã phá hoại, hủy diệt chính nàng. Bất kỳ ai từng quen biết tay Fritz sẽ không bao giờ ngờ nổi, rằng có ngày chính tay Fritz đó sẽ trở thành một nghệ sĩ nổi tiếng, vang, đúng thế, nổi tiếng thế giới là đẳng khác, không một ai có thể hình dung được rằng các tác phẩm của hẳn sẽ trở thành những tác phẩm nổi tiếng nhường ấy, bởi vì ai chẳng thấy rằng tất cả những gì trên thân mình hẳn hay bên trong lòng dạ hẳn, từ lúc sinh ra, đều đã kháng lại sự vang danh nổi tiếng ấy, dù đó là trong nước hay trên thế giới cũng vậy thôi. Nhưng, tôi tự nhủ, mặc ai nghĩ thế nào thì nghĩ, Joana vẫn biến hẳn thành nhân vật tiếng tăm vang lừng thế giới. Joana đã biến một tay Fritz chán ốm thành một nhân vật tầm cỡ quốc tế, thành nghệ nhân dẹt thảm đáng kính của chúng ta hôm nay, bởi vì, tôi nghĩ bụng, nàng đã hết sức cuồng nhiệt, không hề ngạp ngừng, không chút nương tay, truyền cho hẳn niềm ham muốn dữ dội khôn nguôi đối với danh vọng và tiếng tăm, niềm ham muốn mà nàng buộc lòng phải chối bỏ. Gã Fritz là tác phẩm do Joana đích thân sáng tạo ra, tôi có thể không do dự để

quả quyết như thế, và tôi cũng dám bước xa hơn để khẳng định thêm rằng nghệ thuật của tay Fritz, vâng, chính vậy, các tác phẩm nghệ thuật của gã, tất cả những tấm thảm treo trưng bày tại bấy nhiêu viện bảo tàng, vang danh nổi tiếng đâu đó trên toàn cầu ấy, thật ra, đều là của Joana cả, cũng như tất tật những gì tạo nên gã Fritz hôm nay, đều là những gì làm nên con người Joana. Thế nhưng, tôi nghĩ bụng, sẽ chẳng ai nghiêm túc cân nhắc một ý nghĩ như thế, mặc dù, điều này tôi biết rất rõ, ở đời chính những ý nghĩ bị xếp vào hàng không nghiêm túc, những ý nghĩ bị coi là vớ vẩn, tào lao, tầm phào mới thật sự là những ý nghĩ nghiêm túc nhất. Ta chỉ nghĩ ngợi bằng những ý nghĩ không nghiêm túc như thế, tôi thầm nghĩ, thì mới sống sót ở đời được. Ngồi trên ghế bành tôi tự hỏi, tôi tìm cái gì trong đám người này mới được chứ, đám người từ hai chục năm nay, tôi chẳng còn giữ liên lạc và cũng chẳng muốn dính dáng nữa ấy, đám người và tôi đã ai đi đường nấy. Tôi làm gì ở ngõ Gentz này mới được, tôi tự hỏi, rồi cũng tự bụng bảo dạ, ở phố Graben tôi thoáng yếu lòng trong giây lát, và lẽ ra tôi không bao giờ được phép đa sầu đa cảm như thế mới đúng. Ngồi trên ghế bành tôi tự rửa mình, lúc ở phố Graben đã yếu lòng trong giây lát và tự hạ mình đến mức nhận lời mời của vợ chồng Auersberger, cặp vợ chồng mà từ nhiều năm nay tôi đã khinh bỉ và căm ghét nhường ấy. Trong một giây khắc thôi, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, người trở nên yếu lòng, đa sầu đa cảm ở mức đáng ghê đáng tởm, rồi phạm tội ngu xuẩn, đâm đầu đi đến nơi lẽ ra không bao giờ được đặt chân tới, không những thế lại còn vác mặt đi đến gặp những kẻ người khinh bỉ và căm ghét, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, phải rồi, hành vi đâm đầu tới ngõ Gentz này của tôi, không những là một hành vi ngu xuẩn, dại dột, mà còn là một hành vi đê tiện của tôi. Ta mềm lòng, nhụt

chí, nên ta đâm đầu vào bẫy, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, cái bẫy của đám đông, bởi nói cho cùng, căn hộ ở ngõ Gentz chính là cái bẫy người ta chăng ra chờ tôi đâm đầu vào. Bởi vì, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, tôi biết thừa vợ chồng Auersberger cũng như tất cả bọn người đang tụ tập trong phòng hòa nhạc hiện giờ sặc mùi hôi hám để chờ đón tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater - tay diễn viên mà theo lời mẹ Auersberger luôn mồm rêu rao đã *hết sức thành công trong vở Vịt trời* - chắc chắn không còn tình cảm nào khác dành cho tôi ngoài lòng căm ghét. Bọn họ bỏ bấy nhiêu thời gian chờ đợi lão diễn viên nọ, chứ với tôi, chắc họ chẳng bao giờ chờ lâu như thế. Tôi nghĩ, phải chờ bằng được lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater - thằng cha kiêu căng đần độn - đến mua vui, các vị mới hả. Chỉ vì con người đáng tởm đó mà cả bọn phải bấm bụng nhịn đói hai tiếng đồng hồ rồi nhưng vẫn chưa được xơi bữa tối mà mẹ Auersberger luôn mồm gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ*, bởi vì - ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại - hình như tất cả các bữa ăn tối ở nhà, mẹ đều gọi là *dạ tiệc nghệ sĩ* thì phải, mặc dù trong ký ức tôi, tôi nhớ rất rõ đó đều là các buổi *dạ tiệc đáng kinh tởm* cả. Dù ở Maria Zaal hay ở ngõ Gentz đây, vợ chồng Auersberger cũng chỉ tổ chức được những buổi dạ tiệc đáng kinh tởm mà thôi; họ bao giờ cũng nuôi tham vọng bày nên các dạ tiệc tuyệt vời và bao giờ cũng chắc mẫm mình thành công trong việc đó - hay nói cho mỹ miều sang trọng theo kiểu người Áo - các buổi dạ yến, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại, nhưng thực ra đó chỉ là các bữa ăn tối chán phè, lố bịch, cực kỳ nhố nhăng, vâng, các bữa ăn tối thật sự chẳng ngon lành gì. Lúc nào họ cũng muốn các buổi dạ tiệc đó phải thật tinh tươm hoành tráng, nhưng bao giờ cũng chỉ thành những bữa ăn vô vị nhất đời, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại, đúng thế, bao giờ họ cũng muốn các buổi dạ tiệc phải

hoành tráng lạ thường, nhưng rốt cuộc bữa tiệc nào của họ cũng đến là thảm họa. Họ những muốn các món dọn lên bàn lúc nào cũng phải hoàn thiện hoàn mỹ, tôi nghĩ bụng, nhưng rốt cuộc bao giờ cũng chỉ là những thứ què quặt, thiếu đầu thừa đuôi; cứ tính đến dạ yến là họ lại muốn phải lo cho được những món lạ thường quý giá, nhưng kết cục luôn chỉ được những món tầm thường, nhạt nhẽo đến phát ngượng. Nói cho cùng, các buổi dạ yến đều chẳng ra sao, các món ăn tuy có ngon nhưng không phải tuyệt ngon, các loại rượu tuy có khá nhưng không thể gọi là tuyệt hảo, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại rất rõ, bởi rượu họ đem ra mời khách bao giờ cũng thuộc loại xoàng xĩnh, hoặc ấm quá, hoặc lạnh quá, không quá ngọt thì quá chua, và trong vai gia chủ, vợ chồng nhà Auersberger ngay đầu bữa tối hay ngay đầu dạ yến, như thiên hạ vẫn nói, chưa kịp nuốt trôi miếng đầu tiên, chưa kịp tợp xong hớp rượu đầu, *đã bắt đầu hục hặc với nhau*, rồi giờ giọng khiêu khích và lảng mạ lẫn nhau trước mặt khách khứa, hai vợ chồng cũng không ngần ngại lôi khách khứa vào cuộc xung đột của vợ chồng họ, bất kể khách muốn hay không, bởi họ có bao giờ kiêng nể gì khách khứa, hai vợ chồng chửi bới, lảng mạ nhau chán rồi, thì quay ra chửi bới, lảng mạ cả khách khứa không ngượng mồm, nói cách khác, thức ăn đồ uống của bữa ăn hay buổi tiệc đã chẳng ra gì thì chớ, họ lại còn phơi bày ruột gan thối hoảng thối hoắc của họ ra trước mặt khách, lảng mạ, chửi bới, bôi nhọ nhau sa sả trước mặt khách, khiến họ rốt cuộc ít nhiều cũng cảm thấy bị xúc phạm rồi theo nhau cuốn gói ra về. Tôi còn nhớ, dù ở Maria Zaal hay ở ngõ Gentz, hầu như không có buổi dạ tiệc nào ở nhà họ mà không kết thúc bằng một cuộc đôi co âm ỉ giữa hai vợ chồng; tất tậ các bữa ăn tối, hay đúng hơn là buổi dạ yến ở nhà họ, đến cuối bữa bao giờ cũng bùng lên các cuộc cãi cộ

to tiếng giữa hai vợ chồng, ngồi trên ghế bành và đưa mắt nhìn vào phòng hòa nhạc tôi nghĩ bụng, các cuộc cãi cọ bao giờ cũng để lại ở ngõ Gentz - và hầu như ở Maria Zaal - một đồng đồ nát của hôn nhân cùng mùi hôi thối đáng tởm, nói theo đúng nghĩa đen của từ ngữ đó, bốc lên từ cuộc sống vợ chồng họ. Hai vợ chồng Auersberger dường như luôn bị ám ảnh về xuất xứ nghèo hèn của họ; con vợ - vì xuất thân từ một gia đình thuộc nhánh phụ của dòng dõi quý tộc miền núi vùng Steiermark ít nhiều nhố nhăng, thẳng chồng - vì mẹ hẳn chỉ là con gái của một ông phụ việc ở lò sắt sinh tại Feldbach, còn bố hẳn chỉ là nhân viên quèn ở một công sở cũng quèn nốt, bởi vậy, hai vợ chồng bao giờ cũng có cảm giác phải tự đẩy mình ngoi lên theo bậc thang xã hội, khiến trông họ lúc nào cũng có vẻ ì ạch, căng thẳng, với cặp mắt sắc sảo của người đứng ngoài quan sát, ngồi trên ghế bành tôi tự nghĩ, bao giờ cũng có thể nhận thấy mẹ Auersberger suốt đời nỗ lực thoát khỏi xuất xứ của mình thế nào, thì chồng mẹ, gã Auersberger, cũng đồ công thoát khỏi xuất xứ của gã như thế, mẹ vợ muốn trút bỏ dòng dõi quý tộc quê mùa thế nào thì chồng mẹ muốn trút bỏ cái kiếp công chức quèn của ông bố và số kiếp con gái ông phụ việc lò sắt sinh của bà mẹ như vậy, song, dưới con mắt của thiên hạ xúm xít bầu quanh, tất cả các nỗ lực đó trông đều hết sức nhố nhăng. Mẹ Auersberger luôn luôn tìm mọi cách ngoi lên từ địa vị quý tộc thôn dã - một địa vị vừa đáng ghê tởm vừa đáng thương hại hơn các địa vị khác - lên nấc thang cao hơn, ít ra thì cũng với tới tầm Nam tước hay Bá tước nông thôn, mặc dù suốt bấy nhiêu năm tôi quen biết hai vợ chồng mẹ, các nỗ lực của mẹ đều vô ích, bởi vì cứ bao giờ mẹ dường như đã vươn tay tới địa vị cao hơn quý tộc nhà quê ấy, mẹ lại bị chính kẻ đang chễm chệ giữ địa vị mà mẹ thèm khát đó hất xuống, hất một

cách phũ phàng và tàn nhẫn, khiến mù, như tôi biết, bao giờ cũng đau khổ lắm. Đúng thế, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, mọi nỗ lực ngoi lên giữ địa vị cao hơn quý tộc nhà quê rồi bám chặt vào đó, nếu không phải là bám mãi mãi, thì cũng làm sao bám càng lâu càng hay, đều là các nỗ lực vô ích. Xiêm y sang trọng, đẹp đẽ thế nào, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, cũng chẳng giúp được mù, với chồng mù, gã Auersberger, cũng hết như vậy thôi, xiêm y, mũ măng chẳng giúp được gì cho y trong các nỗ lực ngoi lên hàng quý tộc, đúng vậy, tôi biết rõ, suốt đời, y không ham muốn và khao khát gì hơn trở thành quý tộc, thậm chí thành một vị quý tộc ngu si còn hơn thành một nhạc sĩ tài ba, và các nỗ lực đó thất bại còn nặng nề hơn, còn ê chề nhục nhã hơn vợ y nhiều. Từ ngày tôi quen biết y, tôi thấy y bao giờ cũng đóng bộ hết như một vị Bá tước vùng Steiermark và tất nhiên lúc nào cũng phô cho thiên hạ thấy chiếc nhẫn to đùng to đoàng y đeo bên tay trái, khiến y, quả thật, trông nhố nhăng hết sức - tuy y không phải là thiếu hài hước, như thiên hạ nhận xét, nhưng nói cho cùng, diện mạo y đúng là tột cùng lỗ bịch. Thật ra, gã Auersberger không phải ngu, thậm chí ngược lại, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, nhưng với ước muốn duy nhất là bằng mọi cách leo lên hàng quý tộc, vâng, ít nhất cũng phải leo lên hàng Bá tước, thì tôi buộc phải nghĩ, y quả là nằm trong số những kẻ ngu độn nhất trong bọn người leo thang danh vị. Cung cách văng câu *món ăn dở phát khiếp* của hân ở Kilb, giờ tôi nhớ lại, khiến mọi người thấy rõ y lỗ bịch và đều cáng, nhưng trước mặt tôi, y đã từng xử sự lỗ bịch và đều cáng không phải chỉ một lần, mà hàng trăm, thậm chí hàng ngàn lần như thế rồi chứ không ít. Mỗi lần y vươn cổ rồi tru cái mồm nhỏ tẹo của y lại để văng ra lời tuyên án tử hình cho một món ăn, thức uống hay một chuyện vặt vãnh nào đó, thì thế nào đấy cũng sẽ

là những lời chẳng hóm hình hay ho gì, mà chỉ rất ngu ngốc và chán ngấy. Đáng chán nhất ở y, lúc này ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, có lẽ là cái trò y vốn mang họ Auersberger - tất nhiên, đó cũng là cái họ mà từ xưa đến giờ tôi vẫn biết thế mà xưng hô - trong cơn cuồng điên muốn ngoi lên hàng quý phái sang trọng lại dùng dùng tự xưng thành *Auersberg*, vâng, như tôi biết, lần đầu tiên y đến ngõ Gentz tiếp kiến mục chủ nhà mang dòng dõi quý tộc ở quê ra - mục chủ nhà cho y thuê phòng trọ và sau này thành vợ y ấy - y điềm nhiên cắt phăng hai âm cuối trong tên họ mình, và thay vì mang họ Auersberger, từ đó trở đi chỉ còn là *Auersberg*, hòng ít nhiều mượn được chút hơi hướm của dòng họ vương tử hàng trăm năm về trước từng trị vì trên đất Áo này. Nếu như “đáng kinh tởm” không phải là từ phù hợp để chỉ hành động thiên tên, cắt họ bần thiú đó - ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ - thì có lẽ người ta cũng phải bất chấp mọi luật chơi để gọi đó là hành động tội nghiệp đến đáng thương hại vậy. Ở Kilb, lối xử sự của gã Auersberger không khác gì lối xử sự tôi từng biết dạo còn đi lại bạn bè với y vào những năm năm mươi. Sau hai, ba ly rượu trong quán *Zur Eisernen Hand*, y đã tự biến mình thành con rối cho thiên hạ; và trong lúc phô diễn các trò ngây ngô con trẻ trước mặt khách khứa trong quán như thế, tôi nghĩ bụng, y đã cố tình biến mình thành nhân vật trung tâm, và như mọi người vẫn nói, đẩy mọi người khác ra rìa. Quả thật vậy, trong quán *Zur Eisernen Hand*, lúc y văng *món ăn dở phát khiếp* ra, tôi liền đứng dậy, sang ngồi bên bàn tay John và bà bán hàng tạp hóa, bởi riêng sự hiện diện của vợ chồng Auersberger thôi, mỗi người một kiểu, đã làm tôi chịu không nổi rồi. Vừa nhìn thấy hai vợ chồng nhà họ trong những bộ trang phục nhố nhăng, trơ trẽn - con vợ trong bộ váy *dirndl* vùng Steiermark, thắt chồng khoác áo vét lạnh kiểu

vùng Steiermark - là tôi đã nổi cơn buồn nôn, bởi tôi hiểu ngay rằng suốt cả thời gian qua, hai vợ chồng họ đã chẳng thay đổi gì, rằng hai chục năm qua, quãng thời gian từng gây ra bao điều khủng khiếp trên thế gian này, đã bình thản trôi đi không lưu chút dấu vết gì ở vợ chồng nhà Auersberger này cả. Ngồi bên chiếc bàn trong quán *Zur Eisernen Hand*, trông hai vợ chồng họ đến là đáng khinh, đáng tởm, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, ấy thế mà đám bạn bè ngày xưa vẫn xúm xít quanh hai vợ chồng nhà ấy, vẫn bị vợ chồng Auersberger thu hút như có ma lực. Ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, hai vợ chồng nhà Auersberger có lỗi bịch, có đáng khinh đến thế nào, họ vẫn có quanh mình bầu đoàn thể tử tử hai, ba chục năm về trước - bầu đoàn thể tử của những năm năm mươi đạo nào. Cứ như thế suốt hai chục năm qua không hề có gì thay đổi, hai vợ chồng nhà Auersberger lại điềm nhiên ngồi giữa đám nghệ sĩ ba chục năm trước từng bầu quanh họ ấy. Tại sao lại như thế mới được chứ? - Ngồi trên ghế bành, tôi tự hỏi. Song tôi không tìm được câu trả lời. Ngồi trên ghế bành bỗng dưng tôi đâm bận tâm với câu hỏi do đâu mà hai vợ chồng Auersberger, mặc dù không ai đi làm công ăn lương cả, vẫn ung dung sống sung túc đến tận giờ, và tôi chợt nghĩ, hẳn đồng của cải của họ ngay từ đầu đã phải vô cùng vô tận, đến mức ba mươi lăm năm sau ngày họ thành vợ thành chồng, đồng của cải đó không những vẫn đủ để bảo vệ, nuôi dưỡng họ, mà thậm chí, như tôi thấy trước mắt đây, vẫn còn dư để họ được sống trong nuông chiều, mơn trớn. Đúng là ngoài thiên tài bẩm sinh, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, ngoài năng khiếu âm nhạc cực kỳ hiếm thấy, đúng vậy, ngoài năng lực ngôn ngữ phi thường, ngoài trí thông minh xuất chúng - trí thông minh tuy đôi khi có thể đẩy y đến chỗ điên rồ, nhưng cũng chính vì thế mà trở nên tuyệt vời ấy - nếu

không tính đến chuyện trước khi lấy vợ, y từng nhiều năm giảng dạy ở Nhạc viện Vienna và cũng được nhận một khoản lương tháng ít ỏi của hạng công chức quèn - thì gã Auersberger quả là không có lấy một xu dính túi, trong khi mẹ Auersberger - thời còn con gái chưa lấy chồng, vốn mang họ *von Reyer* - lại xuất thân từ một gia đình mà lúc đầu tôi tưởng chỉ thuộc loại tầm tầm thôi, nhưng hóa ra là thật sự giàu có. Gốc gác của sự giàu có ấy bắt nguồn một phần từ vô số những lãnh địa rộng lớn ở quanh vùng Maria Zaal, mà ông bố của mẹ, trong thời gian giữa hai cuộc Thế chiến đã mua được với giá rẻ mạt, và trong số bất động sản đó có ngôi nhà cổ đã đến năm trăm năm gọi là *Ansitz*, vốn là trụ sở hành chính của Chính quyền vùng Salzburg, cũng là nơi hai vợ chồng Auersberger thường ở qua mùa hè; tức là vào những lúc căn hộ ở ngõ Gentz trở nên oi bức, ngột ngạt không chịu nổi nữa, hai vợ chồng họ cứ hàng năm, vào cuối tháng Năm, lại bỏ thành phố chuồn về nằm dài ở chốn đồng quê mát mẻ, chứ không như các gia đình nhà giàu khác ở Vienna, chờ đến cuối tháng Bảy mới đi. Các vùng đất đai họ sở hữu đều nằm quanh Maria Zaal, một trong những địa phương đẹp nhất xứ Steiermark, và đặc biệt nổi tiếng nhờ ngôi nhà thờ rất lớn mà dân quanh vùng vẫn kính nể gọi bằng *Thánh đường* - là nơi thu hút dân hành hương tứ xứ, và quả thật, cũng là một công trình kiến trúc kiểu nửa Roman, nửa Gothic vô cùng quý giá. Gần ba mươi lăm năm nay, vợ chồng nhà Auersberger sống nhờ vào số đất đai này, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, bằng cách bán dần chúng đi. Ông chú của vợ chồng họ, một luật sư có tiếng ở Steiermark, cho phân lô số đất đai của vợ chồng Auersberger, rồi cứ thế bán dần bán mòn, đến tận giờ vẫn tiếp tục bán. Chính do lối bán đất đó của nhà Auersberger, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, mà vùng đất ở Maria Zaal

trông mỗi ngày một thêm đau lòng xót ruột. Ở những nơi mà trước đây hai chục năm là những bãi cỏ, rừng liễu đẹp tuyệt vời ấy, bây giờ mọc lên hàng chục căn nhà được cất dựng riêng rẽ cho các gia đình nhỏ, cái sau gồm ghiếc hơn cái trước, và phần lớn, đều là những ngôi nhà lắp sẵn, chỉ cần đặt đóng tại các kho hàng ở vùng lân cận, trông như những khối hộp bê tông xấu xí, mái được cánh thợ lợp cầu thả bằng các tấm lợp lượn sóng rẻ tiền, ép từ xi măng sợi mà thành. Nơi xưa kia có thể là cánh rừng con xinh xắn, nơi xưa kia có lẽ là một khu vườn lúc vào xuân cây hoa khoe sắc khoe màu và lúc sang thu rực rỡ cảnh lá vàng rơi lá tả, thì giờ đây, lại mọc lên các ung nhọt bê tông của thời đại chúng ta, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, đúng vậy, các ung nhọt mọc lên không thêm đếm xỉa gì đến thiên nhiên hay cảnh quan chung quanh, chúng chỉ bị chi phối bởi các tham vọng tiền bạc xuất phát từ động cơ chính trị, chỉ bị lôi cuốn bởi cơn thèm nhà khát cửa bằng bê tông của lớp vô sản bản hàn mà thôi. Năm này sang năm khác, vợ chồng Auersberger sẽ lại bán một, hay nhiều khoảnh đất của họ ở quanh vùng Maria Zaal cho những người cũng ở vùng Maria Zaal này, những kẻ sẽ từng bước, từng bước phá hoại xứ Maria Zaal bằng các sở thích tầm thường và hạ đẳng về kiến trúc, nhưng nói cho đúng ra, thì những kẻ như thế đã tàn phá vùng Maria Zaal này từ lâu rồi, bởi trên đường từ Ý về Vienna tôi đã đôi ba lần - có thể nói là hoàn toàn ần danh - lưu lại Maria Zaal, ngồi trên ghế bành tôi nhớ lại, và không còn tin vào mắt mình nữa khi chứng kiến vùng đất quanh Maria Zaal, chỉ vì cái trò chia lô bán dần đáng ghét ấy của vợ chồng Auersberger, mà bị tàn phá và hủy hoại tanh bành. Mỗi lần họ bán đi một khoảnh đất, vợ chồng Auersberger - những kẻ không chịu đi làm công ăn lương, có thể vì suy nghĩ họ chẳng cần khó nhọc như thế - là một

lần họ hủy hoại thiên nhiên quanh vùng Maria Zaal thêm một chút, và như tôi từng nhìn thấy tận mắt, họ cũng hủy hoại ngay chính đất Maria Zaal; bởi nói gì thì nói, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, hai mươi năm trước, Maria Zaal đã từng là một trong những địa phương đẹp nhất vùng Steiermark, nhưng hiện giờ, chính do lối sống cầu thả, vô trách nhiệm của vợ chồng nhà Auersberger, nó đã biến thành nơi xấu xí nhất vùng, đúng thế, vợ chồng Auersberger đã giết chết hòn ngọc này của vùng Steiermark, rồi tôi chợt nghĩ, hóa ra kẻ phá hoại phong cảnh vùng Maria Zaal không phải đám dân thường ở địa phương này, đám dân chúng bị cơn điên khủng xây nhà dựng cửa của thời kỳ đáng phỉ nhổ này lôi cuốn, mà chính là vợ chồng Auersberger. Những người lâu nay vẫn bị chửi rủa rằng họ đã phá hoại vùng đất vốn hết sức đẹp đẽ quanh Maria Zaal do cứ đua nhau cho xây cất ở đó, cũng như ở khắp nơi trên đất Áo, những ngôi nhà đáng tởm, như thể họ thần nhiên ỉa bậy ra đồng, họ không có tội, bởi có ai bảo họ phải xây cất như thế nào cho đúng đâu, mắc tội chính là vợ chồng Auersberger, hai kẻ ngồi ở hậu trường thúc giục ông chú luật sư của chúng hàng năm phải bán cho bằng được vài khoảnh đất, dù là khoảnh cuối cùng đi nữa và ông chú họ sẽ bán cho đến khoảnh cuối cùng thật, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ, để hai vợ chồng chúng chẳng phải động chân động tay gì mà vẫn tiếp tục kéo dài mãi cuộc sống thật ra chẳng có ích lợi gì cho đời của chúng. Ngồi trên ghế bành tôi nhớ có lần tay nghệ nhân dệt thảm Fritz đã đống thẳng vào mặt hai vợ chồng nhà này, gọi họ là *lũ thủ dâm xã hội bỉ ổi*, tôi nghĩ bụng, quả không sai chút nào. Gã Auersberger ước ao thành nhà soạn nhạc, nhưng rồi y có thành nhà này lều họ gì đâu, mà chỉ thành kẻ kế thừa Webern, một kẻ *bắt chước đời bại* không hơn không kém, đầu óc u mê đi trước đồng tài sản

không lồ của vợ mình. Ít khi tôi cảm tức vợ chồng Auersberger đến mức phát điên lên như tối hôm đó. Những người như Joana thi nhau tự tử, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, còn bọn ăn bám và bắt chước như vợ chồng nhà Auersberger thì cứ thế mà sống mãi, sống mãi, sống mãi và nói cho cùng, sống buồn sống chán cho đến già, già mãi, già mãi, và rốt cuộc, suốt đời chỉ là những kẻ vô dụng mà thôi. Những người như Joana lại kết liễu cuộc đời bằng cái thòng lọng do chính họ tự tròng lên cổ mình, rồi khi chết, thi thể sẽ bị nhét vào túi nhựa rẻ tiền và chôn cất một cách ít tốn kém nhất, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, còn những kẻ như vợ chồng nhà Auersberger thì bản khoản không biết chúng phải dựng bao nhiêu buổi dạ tiệc cho bao nhiêu gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mới đủ, để sống qua những ngày tháng nhàm chán đáng tởm của cuộc đời chúng. Những người như Joana phải sống hàng năm trời trong cảnh nghèo nàn khốn khó để rốt cuộc thắt cổ tự tử, tôi nghĩ bụng, còn những kẻ như vợ chồng Auersberger sống trong cảnh thừa mứa phê phỡn cho đến già, cho đến thượng thọ, mà chẳng để làm gì. Rốt cuộc, tất cả bọn họ đều bỏ mặc một người như Joana, chẳng mong nào để tâm đến nàng nữa, và hôm nay, cũng như hai mươi, ba mươi năm về trước, ai nấy đều xúm xít bầu lấy những kẻ như vợ chồng Auersberger. Ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, các buổi ăn tối của nhà Auersberger, rốt cuộc, chỉ là thói quen cũ đã thói hoặc mà thôi. Hai con người này sở hữu ngôi biệt thự ở miền quê và mở cửa mời đám nghệ sĩ căn bã trong thành phố về đó ăn chơi, tất nhiên là không phải họ yêu thương gì đồng loại, mà do họ chìm trong sự nhàm chán đáng ghê tởm cũng như do mỗi tự tư tự lợi bản tiện, do họ rắp tâm lợi dụng giới nghệ sĩ căn bã thêm khát gió mát đồng quê đó, những kẻ vẫn tưởng mình đang tận hưởng tình bạn thời mình còn

trẻ trung hồi nào, họ xúc phạm, lạm dụng và lăng mạ đám người khốn khổ này, y hệt như họ đã xúc phạm, lạm dụng và lăng nhục tôi vậy, thế mà đám nghệ sĩ cặn bã của thành phố ấy - danh hiệu tôi đặt cho tất cả những kẻ đứng ngồi nhùng nhúc trong phòng hòa nhạc kia - lại còn kéo nhau đến ngõ Gentz để cảm tạ họ nữa chứ. Hàng năm trời, thậm chí hàng chục năm trời, tất cả bọn người xúm xít đứng ngồi trong phòng hòa nhạc kia, dĩ nhiên kể cả tôi, đều là khách của vợ chồng nhà Auersberger ở Maria Zaal, và ở đó, ai nấy đều đã bị vợ chồng Auersberger lợi dụng, đều đã giúp cặp vợ chồng đó vượt qua nỗi buồn chán cũng như tiếp tay họ trong các cuộc vui chơi ngông cuồng, hoang phí, kéo dài ngày này qua ngày khác, tuần này sang tuần khác, tháng này sang tháng khác, năm này sang năm khác mà không hề nhận thấy mình bị vợ chồng Auersberger cưỡng bức, bòn rút và lạm dụng; họ được mời đến để phơi thân phô xác cho chúng, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, chứ đâu có phải như vợ chồng nhà ấy vẫn thề thốt một cách giả dối quái đản, rằng lời mời của họ chỉ xuất phát từ tình bạn và lòng yêu thương mà thôi. Hai vợ chồng Auersberger mời tôi về Maria Zaal để tìm cách hàn gắn, chắp nối cuộc hôn nhân đang rạn nứt của họ, nào có phải họ muốn tạo cho tôi một kỳ nghỉ như vẫn phỉnh phờ tôi đâu, họ mời tôi về đó để tôi gỡ rối cho các mối bất hòa, hay hòa giải các cuộc cãi vã đôi co của họ - họ nghĩ vậy trong đầu, và tất nhiên không hé một lời với tôi - chứ không phải như họ vẫn một mực thề thốt, để tôi được *thư giãn*, nghỉ ngơi vài tuần hay vài tháng, thậm chí cả *một năm*, *vâng*, hay *hai năm liền*. Lần đầu tiên nhà Auersberger mời tôi về Maria Zaal không phải để họ xả thân bồi bổ cho tôi - có lẽ hồi đó tôi gây cho họ ấn tượng về một kẻ đốn đời, lang thang, đói khổ lắm - mà thật sự đã trắng trợn như tôi chui vào cái bẫy Maria Zaal, để

cái địa ngục vợ chồng đó dễ thở hơn; nào họ có thêm nghĩ tôi là gã thanh niên thiếu ăn đói khổ cần được hưởng lòng yêu thương và sự che chở, họ chỉ xem tôi như một thằng hề xứ Salzburg có thể sử dụng cho mục tiêu cứu vớt họ khỏi địa ngục hôn nhân. Còn tôi cũng đã đủ ngây ngô ngớ ngẩn đến mức không nhìn ra cái cạm bẫy chúng đặt ra cho mình, rồi cứ thế mà đâm đầu vào cạm bẫy đó, và ngay lập tức, cũng như từ đó về sau, ráo riết đóng vai thằng hề xứ Salzburg cho chúng, tại sào huyệt Steiermark đáng kinh hãi của chúng, bây giờ ngồi trên ghế bành tôi nghĩ lại. Tôi vừa rời khỏi Mozarteum, với chứng chỉ tốt nghiệp bị tôi giận dữ vo tròn thành quả cầu giấy nhầy nhầy dính dính nhét trong túi quần dài, giờ đây tôi nhớ lại, tại buổi lễ sinh nhật ấy tại Quảng trường Sebastian, chúng đã mời tôi tới Maria Zaal - ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng - và tôi đã nhận lời, bởi vì, tôi không hề biết rằng như thế là vợ chồng Auersberger đã mời tôi đến địa ngục của đời sống vợ chồng chúng tại Maria Zaal. Với tất cả sự hèn hạ và đê tiện, chúng nhảy xổ vào tôi, gã trai trẻ còn non choẹt của xứ Salzburg, mời tôi về hang ổ của chúng ở Maria Zaal. Và tôi đã nhận lời, một việc mà tiếc rằng mãi về sau này, tôi mới vỡ lẽ ra là thật điên rồ. Những người như vợ chồng Auersberger bảo rằng chúng có tiền và một khoảnh đất đẹp đẽ và rộng rãi, vâng, đúng ra là một vùng đất mênh mông, cũng như một căn nhà to lớn khang trang, vâng, đúng ra là một căn nhà đồ sộ, và tôi nghĩ bụng, vì ta không sở hữu tất cả những thứ đó, ta chui ngay vào cạm bẫy của bọn người kia. Ta để sự dư thừa của bọn người kia làm choáng mắt và chui đầu vào cạm bẫy của chúng. Ta chỉ thấy mẽ ngoài, chỉ nghe phần nổi của tất cả những gì chúng huênh hoang, và ta sa vào bẫy của chúng. Ta bị choáng váng trước sự vượt trội của bọn chúng so với ta, và ta rúc đầu vào bẫy của

chúng, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Chúng kể đôi điều về ngôi nhà cổ đồ sộ với nhiều kiến trúc vòm to lớn và đẹp đẽ, về các cuộc dạo chơi tại biết bao nhiêu là vùng đất đai chúng sở hữu, cũng như về các bữa ăn ngon lành thịnh soạn trong khu vườn của chúng, và về các cuộc du ngoạn hàng ngày bằng xe hơi từ lâu đài này sang lâu đài khác, khiến ta bị choáng và rơi vào bẫy của chúng. Chúng vẽ ra trước mắt ta một thế giới xa xỉ rất tính đồng quê, và ta bị thuyết phục, rồi đắm đầu vào cái bẫy đồng quê-xa xỉ ấy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ ngợi. Chúng nhắc đi nhắc lại về tất cả những gì chúng sở hữu, về *sự giàu có vô biên của chúng* mà không cần nhiều lời, và ta cảm thấy choáng váng, rồi rơi vào bẫy của chúng. Chúng nói về những căn bếp đầy đủ tiện nghi, về hầm rượu đầy ắp, cũng như về các thư viện với hàng chục ngàn quyển sách, khiến ta choáng ngợp và đắm đầu vào rọ của chúng. Chúng nhắc tới các hồ ao thả cá của chúng tới các cối xay, các xưởng cửa - nhưng không nhắc gì đến giường chiếu của chúng - khiến ta kinh ngạc, tôi nghĩ thầm, và lăn cả vào cạm bẫy lần giường chiếu, của chúng. Và bởi vì, tự bản thân, ta đã ít nhiều bước tới nơi cùng đường, cụt lối, bởi vì ta - như chính tôi hồi ấy, vào đầu những năm năm mươi - không còn biết đi đâu, về đâu được nữa, ta đã để mặc cho chúng làm ta *bàng hoàng mê mẩn* và tự nguyện sa vào bẫy của chúng. Dạo rời khỏi Mozarteum, quả thực tôi đã tuyệt vọng đến cùng cực, và tôi mò đến thành Vienna, nhưng Vienna không phải là lối thoát cho tôi, mà hóa ra chỉ là nỗi tuyệt vọng lạnh lùng và tàn nhẫn, khiến tôi tất nhiên sa vào cạm bẫy của vợ chồng nhà Auersberger, một cạm bẫy - ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng - chỉ suýt nữa đã định đoạt mạng sống của tôi. Linh tính của chúng đã hướng vào tôi, ngồi trên ghế bành, tôi nhớ lại, linh tính của chúng đã nhằm trúng

đích, tôi nghĩ bụng, bởi vì vào đầu những năm năm mươi là xác suất dễ trúng nhất cho vợ chồng nhà Auersberger, cặp vợ chồng mà tôi đột nhiên không còn nhớ mình đã làm quen ở đâu và như thế nào nữa. Mặc dù, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, tôi biết rằng thông qua Jeannie Billroth mà tôi làm quen với Joana tại Quảng trường Sebastian, giờ đây tôi nhớ lại, nhưng lại không còn nhớ mình đã làm quen *chúng*, chính cặp vợ chồng Auersberger, ở đâu, và đột nhiên tôi tự hỏi, không biết mình đã làm quen vợ chồng Auersberger ở đâu nhỉ? Nhưng tôi không còn nhớ, hay đúng hơn là tôi quên mất rồi. Tôi cứ suy đi nghĩ lại mãi, nhưng không nhớ ra nổi. Đạo gần đây tôi thường có những giây phút yếu ớt tức thời, những thời khắc trí nhớ tê liệt như thế, ngồi trên ghế bành tôi tự nhủ, những giây phút không đáng lạ, ở một người mang bệnh, bệnh thần kinh hắc hoi, sau bấy nhiêu sự kiện trong ngày mà tôi vừa phải trải qua, tôi nghĩ bụng. Và tôi tự nhủ, trong năm nay, một năm chưa kéo dài được bao lâu, tôi đã *năm lần* dự đám ma một người bạn nam hoặc nữ nào đấy. Đột nhiên họ lăn ra chết, tôi nghĩ bụng, phần lớn cái chết đều do tự họ gây ra. Họ thỉnh linh chạy hốt hải tử trong tiệm cà phê ra phố và bị xe chẹt chết, hoặc treo cổ, hay bị tai biến mà chết. Nếu ta đã trên năm mươi, thì ta có thể phải đi đưa đám bất cứ lúc nào, tôi nghĩ bụng. Chẳng bao lâu nữa, tôi bụng bảo dạ, mình sẽ có bạn bè, đàn ông, đàn bà, năm ngoài nghĩa địa, nhiều hơn bạn bè sống trong phố. Những ai sinh ra ở quê, tôi nghĩ, thì bỏ về quê để quyên sinh. Họ ưu tiên chọn nhà bố mẹ để làm nơi tự tử, tôi nghĩ bụng. Và trong số họ, nói cho cùng, không có ngoại lệ nào, ai cũng bệnh, cũng tật. Nếu không tự sát mà chết, thì họ chết vì bệnh tật, những căn bệnh mà do sự cầu thả họ đã tự chuốc vào mình, và tôi cứ thế nhắc đi nhắc lại mãi cái từ *cầu thả* ấy, như thế, ngồi trên ghế

bành thế này, tôi lấy làm khoái trá lắm, và tôi vẫn tiếp tục nói cái từ *cầu thả* đó mãi, cho đến khi đám người đứng trong phòng hòa nhạc nghe ra tôi cứ luôn mồm nói mãi *cầu thả, cầu thả*, và khi tôi nhận thấy bọn chúng trong phòng hòa nhạc bỗng dừng nhìn cả về phía tôi ở phòng ngoài, thì tôi ngừng, không nói nữa. Ba chục năm trước đây, vâng, hai mươi lăm năm trước đây, tôi còn đánh bạn với tất cả lũ người này, tôi nghĩ bụng, nhưng bây giờ, tôi không hiểu tại sao lại như thế nữa. Suốt một thời gian dài, ta đi cùng với chúng về một hướng, rồi sau đó, ta thức tỉnh và quay lưng lại với chúng. Ta quay lưng lại với chúng, tôi thầm nghĩ, chứ không phải chúng quay lưng lại với ta. Ta đeo lấy chúng rồi bỗng dừng, ta ghê tởm chúng, ta buông chúng ra. Suốt bao nhiêu năm trời, ta chạy theo chúng, cầu xin chúng hãy yêu thương mến trọng mình, tôi nghĩ bụng, rồi bỗng dừng, khi được yêu thương mến trọng rồi, thì ta lại không màng đến lòng yêu thương mến trọng ấy nữa. Ta chạy trốn, chúng đuổi theo, kéo ta về với chúng, và ta lại qui phục, tuân theo mọi mệnh lệnh chúng ban ra, tôi tự nhủ, ta đầu hàng chúng, cho đến lúc hoặc ta tiêu đời, hoặc trốn thoát. Ta trốn chạy, và bọn chúng đuổi theo ta, đè lên ta, cho ta chết ngạt. Ta chạy theo chúng, ta cầu xin chúng chấp nhận ta vào hàng ngũ, và chúng chấp nhận ta, rồi giết chết ta. Hoặc ta sẽ lánh mặt chúng ngay từ đầu, và ta sẽ suốt đời lánh mặt chúng, tôi nghĩ bụng. Hoặc ta sẽ sa vào cạm bẫy của chúng rồi chết ngọt chết ngạt. Hoặc ta sẽ trốn khỏi tay chúng, gièm pha chúng, bôi nhọ chúng, đặt điều về chúng, tôi thầm nghĩ, để cứu lấy thân mình, ta bôi nhọ chúng ở khắp nơi, mọi chốn, để thoát khỏi chúng, ta chạy bán sống bán chết, và khắp nơi, ta buộc tội *chúng có tội* với ta. Hoặc chính chúng sẽ thoát khỏi tay ta, rồi bôi nhọ ta, và buộc tội ta, sẽ đặt điều đủ thứ về ta, để thoát thân, tôi nghĩ bụng. Ta tưởng

mình đã chết, rồi ta gặp chúng, và chúng cứu vớt ta, song ta chẳng hàm ơn vì chúng đã cứu vớt ta thì chớ mà ngược lại ta quay ra nguyên rủa chúng, ta căm ghét chúng, suốt đời ta sẽ mang mối hận dành cho chúng, vì chúng đã cứu vớt ta. Hoặc ta sẽ o bế bợ đỡ chúng, nhưng chúng ruồng rẫy ta, và ta trả thù chúng bằng cách gièm pha, bôi xấu chúng, bịa đặt đủ điều về chúng ở khắp nơi cùng chốn và suốt đời, cho đến khi ta xuống mồ, ta đổ lên đầu chúng mối hận thù khôn nguôi. Hoặc chúng sẽ giúp ta, gượng dậy được trên đôi chân, trong giây phút quyết định nào đó, và ta căm thù vì chúng đã giúp ta gượng dậy, y hệt như chúng căm thù ta, vì ta từng giúp chúng gượng dậy, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Ta đã có lần làm ơn, giúp chúng và sau đó, ta tưởng mình có quyền được hưởng lòng biết ơn suốt đời của chúng, tôi nghĩ vậy lúc ngồi trên ghế bành. Hàng năm trời ta từng bạn bè thân thiết với chúng, rồi bỗng dưng ta mãi mãi không bạn bè thân thiết gì nữa với chúng, và ta cũng hoàn toàn không biết cớ sao bỗng dưng ta lại như thế. Ta yêu thương chúng tha thiết đến mức phát sốt phát rét vì tình yêu thương ấy, còn chúng - tôi nghĩ bụng - lại xua đuổi ta, căm ghét tình yêu của ta. Ta nhận được từ chúng tất cả mọi thứ, và vì thế mà ta căm ghét chúng. Ta vốn chẳng là gì ở đời này, thế nhưng khi chúng biến ta thành người này kẻ nọ, thì ta lại vì thế mà căm ghét chúng. Ta xuất phát từ con số không, thấy bảo vậy, và chúng - tùy nơi, tùy lúc - có thể đã biến ta thành một thiên tài, và ta sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng, vì chúng đã biến ta thành một thiên tài, cũng y như ta sẽ không tha thứ cho chúng, nếu chúng biến ta thành một tên tội phạm khét tiếng vậy, tôi nghĩ thế lúc ngồi trên ghế bành. Ta nhận được từ tay chúng mọi thứ, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, vậy mà ta lại suốt đời trừng phạt chúng bằng lòng khinh miệt và nỗi căm

thù dai dẳng. Ta mang ơn chúng vì mọi thứ ở đời, và ta không bao giờ tha thứ cho chúng, bởi ta phải mang ơn chúng vì mọi thứ ở đời như thế, tôi nghĩ bụng. Ta tưởng mình có quyền, nhưng thật ra chẳng có quyền gì, tôi nghĩ bụng. Chẳng ai có quyền hành gì sất, tôi nghĩ vậy. Cuộc đời, tất tậ, chỉ là *nỗ* bất công, tôi nghĩ bụng. Nhân loại chính là bất công và sự bất công chính là tất cả, tôi nghĩ bụng, và đó là sự thật. Ta chỉ nắm trong tay nỗ bất công mà thôi, tôi nghĩ bụng. Bọn chúng chỉ giả vờ giả vịn thế thôi, chứ thực ra chúng chẳng là gì cả, có lúc chúng ra vẻ có học, song chúng chẳng hề có học chút nào, lúc khác chúng ra vẻ vâng, tức là nói ra mồm - rằng chúng nghệ sĩ lắm, song chúng không nghệ sĩ chút nào, lúc khác nữa chúng làm ra vẻ nhân đạo, nhưng nào có phải vậy, tôi nghĩ bụng. Chúng cũng luôn luôn làm ra vẻ, chúng thật đáng yêu đáng mến, bởi chúng không đáng yêu đáng mến bao giờ. Và hơn hết, chúng làm ra vẻ chúng rất tự nhiên, song chúng không bao giờ tự nhiên cả, tất tậ mọi thứ ở chúng đều giả tạo, và một khi chúng quả quyết - tức là làm ra vẻ - chúng thông thái triết lý lắm, thì chúng chẳng là gì hết, ngoài một lũ quái dị, và tôi chợt nhớ, ở phố Graben chúng đã nói với tôi một cách ghê tởm đến thế nào, rằng giờ chúng đã *mua tất tậ sách của Wittgenstein*, cũng y như hai mươi lăm năm về trước, chúng từng nói với tôi, rằng hiện giờ chúng đã *mua tất tậ sách của Ferdinand Ebner*; hồi ấy chúng đã phô trương với tôi một cách nhạt nhẽo y như thế về vốn hiểu biết triết học, hay ít ra, mối quan tâm của chúng đối với triết học, bởi bọn chúng tưởng phải tỏ ra như thế khi có mặt tôi, một con người mà như hồi đó bọn chúng đã ngỡ, và hình như đến tận giờ vẫn tưởng như thế, là người rất am tường triết học, một kẻ chuyên triết lý, nhưng tôi không phải là một con người am tường triết học, chuyên triết lý, bởi nói cho cùng, đến

tận giờ chính tôi cũng không biết *triết gia* là thế nào, cũng như tôi chẳng hề biết *triết lý* nghĩa là gì. Lúc này chúng làm ra vẻ hiểu biết đôi điều về văn học Pháp, lúc khác chúng ra vẻ hiểu biết này nọ về văn học Tây Ban Nha, lúc khác nữa chúng ra vẻ hiểu biết ít nhiều về nền văn học Đức, mà của đáng tội, cũng đúng thế thật, rằng thông qua chúng và tại nhà chúng, tôi đã làm quen với khá nhiều nhà thơ Tây Ban Nha, nhà thơ Pháp, cũng như với phần lớn nhà thơ Đức, nhất là tại Maria Zaal, nơi chúng có hẳn một thư viện lớn, còn lớn hơn nhiều so với thư viện ở ngõ Gentz, vốn đã thuộc hạng khá lớn rồi; thư viện ở Maria Zaal có thể được xem là một thư viện kiểu mẫu, vâng, thậm chí là một thư viện khoa học hẳn hoi, do ông cố của mẹ Auersberger lập ra, nói cho cùng, lập ra cũng là để khoe mẽ là chính ấy mà, và cháu chắt cụ, tức vợ chồng nhà Auersberger bây giờ, suốt ba chục năm qua, chắc có lẽ cũng chỉ hai chục hay ba chục lần mò vào để lôi đôi ba quyển sách nào đó ra là cùng, trong khi tôi, giờ đây tôi nhớ lại, đã thực sự nhảy bổ vào các thư viện ở ngõ Gentz và Maria Zaal đó, với niềm đam mê, tôi phải nói thẳng ra như vậy, của một kẻ dốt nát thiếu học. Và có lẽ, đến vợ chồng nhà Auersberger cũng không phải là những kẻ đích thân xiềng xích tôi, mới đầu vào ngõ Gentz, về sau cả vào Maria Zaal nữa kia, mà là các thư viện của chúng, vốn do tổ tiên lập ra chỉ nhằm tạo cho được cái vỏ bề ngoài của sự thông thái, của sự hiểu biết, của tầm học thức tổng quát vốn được xem là đặc trưng cho dân thành thị, tức là những thứ bao giờ cũng thời thượng ấy. Tỏ ra có tầm học thức tổng quát, tôi nghĩ bụng, thời nào cũng hợp, tuy khoảng hai chục năm trở lại đây có vẻ ít hợp thời đi chút ít, nhưng lúc này đang nổi trở lại thành thứ hết sức thời thượng. Chúng làm bộ làm tịch, bởi chúng không bao giờ đủ khả năng sống với sự thật, tôi nghĩ bụng,

tất tật mọi thứ ở chúng vốn đã giả tạo, và vẫn đang luôn luôn giả tạo, đến cả các mối quan hệ xã hội, đến cả các mối quan hệ riêng tư, đến cả mối quan hệ vợ chồng của chúng cũng là vờ vịt không hơn không kém, bọn chúng làm bộ làm tịch trong cuộc sống vợ chồng đó, bởi chúng đã không thể và hiện giờ cũng không thể có mối quan hệ vợ chồng chân chính, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, và không những chỉ vợ chồng nhà Auersberger sống trong giả tạo, giả tạo ngay từ lúc chúng sinh thành, mà tất cả bọn người trong phòng hòa nhạc kia cũng chỉ luôn luôn sống trong giả tạo, không bao giờ sống thật, dù chỉ một giây khắc ngắn ngủi thôi, tôi nghĩ thế. Tất cả bọn chúng không bao giờ đủ dũng cảm, không bao giờ đủ sức mạnh, và cũng không bao giờ đủ tình yêu sự thật, tôi nghĩ bụng, là những thứ cần thiết để sống cùng sự thật. Bọn chúng bao giờ cũng *chỉ sống theo thời thượng*, tôi tự nhủ, bao giờ cũng lấy cái thịnh hành làm vỏ khoác bên ngoài, và tuyệt đối qui phục cái vỏ khoác bên ngoài đó, tôi nghĩ bụng, do trào lưu hồi xưa ở Vienna đòi hỏi phải đọc Ferdinand Ebner, thì chúng đọc Ferdinand Ebner, thời thế hôm nay đòi hỏi đọc Wittgenstein, thì chúng đọc Wittgenstein, song, tất nhiên chúng chưa từng đọc Ferdinand Ebner, và hiện giờ chúng cũng chẳng đọc Wittgenstein, ba chục năm trước chúng bê cả chồng sách của Ebner về nhà, thì hiện nay chúng cũng vác cả chồng sách của Wittgenstein về nhà, rồi chúng luyện thuyên nói về sách, chứ không đọc, luyện thuyên cho đến lúc cái mà chúng luôn mồm nói hàng năm trời đó bỗng dưng không còn thời thượng nữa, và cũng vì thế chúng bỗng dưng không nói năng gì về nó nữa cả. Và do hiện giờ thiên hạ nói nhiều về Wittgenstein, giống như dạo ở Vienna người ta nói nhiều về Ferdinand Ebner, nên tôi nghĩ hóa ra Wittgenstein là nhà triết học nhiều hơn là nhà

giáo, và Ferdinand Ebner là nhà giáo nhiều hơn là nhà triết học, Wittgenstein sẽ tồn tại ở đời và đi vào lịch sử trong vai nhà triết học, chứ không phải Ferdinand Ebner, người chỉ đi vào lịch sử trong vai một ông giáo mà thôi. Hai vợ chồng Auersberger bao giờ cũng làm ra vẻ cao cao tại thượng, giống như chúng vẫn làm ra vẻ nghệ sĩ, và tất nhiên, trước hết, bao giờ cũng khoác vỏ ngoài nhân đạo, nếu không nói là “siêu nhân đạo”, tôi nghĩ bụng, trong khi, dưới vỏ ngoài đó, chúng bao giờ cũng *chỉ có thể* là những kẻ *ảo não, đáng thương hại*; không bao giờ chúng có thể là những người mà chúng thực sự *thèm muốn*, là những người cao sang, thuộc hàng quý tộc, vâng, thậm chí quý tộc *thượng đẳng*. Đó chính là cái lỗ bịch ở chúng, khi suốt đời bám chặt lấy cách nhìn đời vừa đáng tởm vừa nực cười ấy, rồi ngày đêm hao công tốn sức cho mục tiêu đó. Song, vợ chồng nhà Auersberger lại còn làm bộ làm tịch đóng vai Mạnh Thường Quân của nghệ thuật nữa, tôi nghĩ bụng, và một khi chúng đã mời khách, bất kể là ai, nằm ngoài giới quý tộc, thì việc đó đối với chúng đã ít nhiều mang tính Mạnh Thường Quân rồi. Chí ít chúng cũng nhận danh hiệu *Mạnh Thường Quân thôn quê* do tôi tặng, một danh hiệu ít nhiều vớ vẩn như mấy thứ người ta trao cho nhau vào lễ hội hóa trang, và chúng nghiêm túc coi trò đùa cay đắng đó của tôi như một phần thưởng thật sự. Thay vì đi du lịch *thật sự*, và thông qua các chuyến du lịch *thật sự* đó mà mở mang đầu óc thêm về mọi mặt, thì chúng - những kẻ bao giờ cũng lăm tiền lăm bạc đến mức lẽ ra có thể chi trả dễ dàng cho bất kỳ chuyến du lịch *thật sự* nào ở đời này - lại tiêu tốn thời gian, vâng, tiêu tốn hàng chục năm trời của cuộc đời chúng, vào việc sao chép cái gọi là giới thượng lưu, đúng thế, vào việc đóng vai quý tộc. Với tư cách là các bản sao quý tộc như thế, chúng tàn hết sức, kiệt hết

lực trong cơn cuồng say làm quý tộc, cơn cuồng say hết phương cứu chữa, hay như tôi nghĩ, chúng chẳng hề muốn chữa chạy ấy. Chúng cố làm ra vẻ nghệ sĩ, tôi nghĩ, nhưng thật ra chúng chỉ là bọn tiểu tư sản, bởi chúng còn quá yếu để làm tư sản thực thụ, chứ nói gì đến làm đại tư sản, là giới mà chúng cay cú, ghen tị, tôi nghĩ, bởi chúng nằm ở thế thấp hèn hơn. Do đó chúng đành quay ra cướp đoạt, bòn rút sạch sành sanh những kẻ, vào lúc nào đó, đã rơi vào cạm bẫy của chúng, tôi thầm nghĩ. Nhưng chính những người bị cướp đoạt, tôi nghĩ bụng, cũng tự mình có lỗi, bởi họ hoàn toàn tỉnh táo để mặc cho vợ chồng Auersberger bòn rút và cướp đoạt, rồi thu lợi lớn từ cuộc bòn rút cướp đoạt đó, vâng, các nạn nhân bị vợ chồng Auersberger bòn rút và cướp đoạt thực ra lại thưởng thức, tận hưởng cuộc bòn rút đó, cũng như chính tôi cả hàng năm trời hưởng thụ sự bòn rút của vợ chồng nhà Auersberger, một sự bòn rút mà nói cho cùng, tôi đã tận hưởng như một đợt điều trị bồi bổ sức khỏe vậy, vâng, thật sự là như thế, và nhờ có đợt điều trị thông qua bòn rút đó của vợ chồng nhà Auersberger mà tôi quả thật đã khỏe khoắn ra, và nói cho đúng nghĩa đen, đã khỏi bệnh; bởi vì lần đến nhà vợ chồng Auersberger, tôi còn nhớ, quả thực tôi đã rất đau ốm, đau ốm từ ngoài vào trong, ốm đau bệnh hoạn cả trên thân xác, lẫn trong lòng dạ. Đợt điều trị thông qua bòn rút của vợ chồng nhà Auersberger hồi ấy, ba chục năm về trước, tôi vẫn nhớ, đã làm tôi khỏe lại (mặc dù không làm tôi sung sướng hơn). Nhưng tôi khinh thường chúng, và tôi căm giận chúng. Mặc dù hồi đó, ba chục năm về trước, tôi nghĩ, chúng đã cứu tôi, nhưng thực ra, tôi cũng cứu ngược chúng, tôi nghĩ đó mới là sự thật. Bây giờ chúng làm ra bộ mở tiệc chiêu đãi các nghệ sĩ *một buổi dạ tiệc nghệ sĩ*, nhưng thực ra, chúng chỉ phơi cái khốn khổ nào nề của chúng ra

mà thôi; mặc dù chúng làm ra vẻ ăn mừng khoản đãi tay diễn viên nọ - tay diễn viên đi đâu cũng để cho người ta chào mừng khoản đãi trong vai diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, hệt như mọi diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater khác bao giờ cũng để người ta chào mừng khoản đãi ở mọi hang cùng ngõ hẻm của thành phố này - chúng làm bộ khoản đãi gã diễn viên đóng thành công và được hoan hô nhiệt liệt trong *vai chính của vở Vịt trời*, tức là vai Ekdal đấy, nhưng thật ra chúng chỉ tự ăn mừng khoản đãi chính mình, chúng làm bộ ăn mừng vị khách được mời, nhưng thật ra, như xưa nay vẫn vậy, chỉ ăn mừng khoản đãi chủ bữa tiệc, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng. Chúng bỏ tiền mua sắm không biết bao nhiêu là thứ, cho nấu nướng rồi dọn mời cánh nghệ sĩ, nhưng thực ra chúng chỉ mua sắm, nấu nướng cho riêng mình thôi, để rồi rốt cuộc sẽ coi buổi *dạ tiệc nghệ sĩ* này của chúng là một nghĩa cử Mạnh Thường Quân. Chúng sẽ huênh hoang suốt vài tuần lễ ở Vienna rằng đã thết đãi Ekdal của vở *Vịt trời* một buổi dạ tiệc - song, tất nhiên, chúng sẽ chẳng để lộ cho ai biết rằng tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater sở dĩ đã đến nhà chúng, vì suốt mấy tuần liên tục chúng đã van nài, hay như dân thành Vienna vẫn nói, đã gần như tự phanh thầy xé xác để mời gã diễn viên đó cho bằng được - vâng, chúng sẽ kể rằng đã khoản đãi vị diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater một bữa ăn tối, *một buổi dạ tiệc nghệ sĩ*, cùng một lô một lốc các nghệ sĩ khác, các nghệ sĩ tuy không lừng lẫy tiếng tăm như vị diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nọ, song cũng là các nghệ sĩ lớn, rồi thêm cả các nhân vật khác nữa, tôi thầm nghĩ, dù nghệ sĩ thật hay nghệ sĩ nửa mùa. Chúng huênh hoang đã chiêu đãi gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater một buổi dạ tiệc, nhưng sự thực, rất có thể chúng đã ép buộc tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater phải đến dự dạ

tiệc, bởi vì tất cả các giấy mời của chúng, nói cho cùng, đều là các giấy mời cưỡng bức cả thôi, ngồi trên ghế bành tôi thầm nghĩ. Lối sống thượng lưu của chúng, xét cho cùng, bao giờ cũng nhờ cưỡng bức, ép buộc mà có, tôi thầm nghĩ; bất kể lối sống thượng lưu nào chúng đã và đang phô ra trước mắt thiên hạ, thì đó luôn đã và đang là lối sống do cưỡng ép kẻ khác mà có, tôi thầm nghĩ. Ngay cả khi người ta ít nhiều tự nguyện đến dự các buổi dạ tiệc của vợ chồng chúng, tôi tự nhủ, họ vẫn cứ bị vợ chồng nhà Auersberger ép phải đến như thường. Thực ra giờ đây, ở bên bàn tiệc tại ngõ Gentz, chúng muốn có những ai thuộc giới quý tộc hơn - vâng, tức là những ai mà vợ chồng nhà Auersberger tưởng là quý tộc, theo cách hiểu của hai vợ chồng chúng nó về giới quý tộc - chứ không muốn gì những người tối nay thực sự đến nhà chúng đâu, ngồi trên ghế bành tôi nghĩ bụng, tức là, chúng muốn thà được tiếp một vị Hoàng thân đã thân tàn ma dại, một vị Bá tước mặt vắn cùng bầu đoàn thể tử của họ, còn hơn là phải tiếp *đám nghệ sĩ này*, đám người mà trong thâm tâm chúng chỉ ghê tởm mà thôi, bởi xét cho cùng, chúng chẳng coi giới nghệ sĩ là cái thá gì, dù bề ngoài chúng luôn làm ra vẻ mình nghệ sĩ lắm, như tối nay chúng làm ra vẻ bữa ăn tối này là *dạ tiệc nghệ sĩ* vậy, tôi thầm nghĩ. Song, khi đã không có vị Hoàng thân hay vị Bá tước nào ngồi bên bàn tiệc cùng với chúng, thì - hẳn chúng đã phải nghĩ như vậy - *ít ra cũng phải có một diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater* ngồi cùng, ngồi trên ghế bành tôi vừa nghĩ như thế, thì đúng lúc đó, lão diễn viên ai cũng chỉ gọi là ông diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater - vì lão đã là diễn viên ở Nhà hát kịch Burgtheater ba chục hay bốn chục năm nay, và suốt ba chục hay bốn chục năm nay luôn được mệnh danh là diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater ấy - bước vào. Vợ chồng Auersberger xếp chỗ cho tôi ngồi

đúng ngay trước mặt nữ văn sĩ Jeannie Billroth, tức là đối diện đúng ngay con mẹ mà suốt chiều nay ở Kilb tôi đã hết sức ghê tởm. Bọn chúng đã ngồi ấm chỗ trong phòng ăn cả rồi, trước khi chúng mời tôi vào phòng ăn để đến chỗ ngồi của tôi, và chúng mời tôi muộn đến nỗi tôi tất nhiên phải nghĩ, có lẽ chúng đã quên khuấy tôi, hoặc nói đúng hơn, là chúng quả đã quên khuấy tôi thật rồi, tôi nghĩ bụng. Nói cho đúng ra, thì ngồi trên ghế bành, tôi đã ngủ quên mất một lúc khá lâu vì bị kiệt sức, và mãi đến lúc chúng mời tôi vào phòng ăn - căn phòng thiết trí theo kiểu Empire với đầy đủ nét đáng tởm của nó ấy - tôi mới tỉnh. Mụ Auersberger từ phòng hòa nhạc bước ra phòng ngoài mời tôi, nhưng chắc phải một lúc lâu tôi không nghe tiếng mụ gọi, bởi vì khi lần đầu tiên nghe mụ gọi tên tôi là tôi đã biết ngay rằng mụ đã gọi nhiều lần rồi. Quả nhiên, mụ tưởng sẽ phải nắm vai tôi mà lay, nhưng tôi đã nhanh hơn, trước khi tay mụ chạm vào vai, tôi đã gạt tay mụ ra, gạt kể cũng có hơi sỗ sàng thật. Trong bóng tối nhá nhem ở phòng ngoài, tôi không nhìn rõ nét mặt mụ, nhưng thái độ cục cằn của tôi hẳn phải làm mụ tự ái, tôi thầm nghĩ. Song tôi đứng phắt dậy, tôi phải nói ngay thế, và theo chân mụ vào phòng ăn, là nơi như đã nói, ai nấy đều đã ngồi vào bàn, chỗ ngồi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater ít nhiều nằm ở giữa, và giờ thì tôi mới hiểu ra rằng mình đã ngủ quên, không chứng kiến giờ phút lão xuất đầu lộ diện. Tôi đã không nghe thấy lão bước vào, bởi vì - khi muốn vào phòng ăn - lão phải đi qua chỗ tôi ngồi, phải đi qua ngay trước mặt tôi, mà tôi chẳng hay biết gì, thì chắc chắn tôi đã ngủ gật, có khi ngủ say sưa mất dăm ba phút, tôi nghĩ, hoặc không khéo ngủ quên mất cả nửa giờ, hay lâu hơn cũng nên. Tôi ngồi xuống bên bàn, đầu óc vẫn còn mơ mơ màng màng. Tôi nhìn bà đầu bếp múc xúp cho khách ăn, trong bữa ăn quái đản vào lúc

quá nửa đêm, đúng một giờ kém mười lăm phút thế này đây, tôi nghĩ bụng. Ai nấy hồi hả ăn và lắng nghe lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater vừa nói chuyện vừa dùng thìa múc xúp đưa lên miệng. Buổi diễn tối nay *không suôn sẻ* lắm, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, không phải *buổi tối đạt nhất* của tôi, theo như lời lão nói, khán giả trong Nhà hát Viện Hàn lâm nhiều lần yêu cầu to lên, to lên, có lẽ do lão nói nhỏ quá, còn lão không biết vì đâu và tại sao lão lại nói nhỏ như thế; chuyện như thế vẫn xảy ra, khi một diễn viên, có thể nói, hoàn toàn nhập tâm vào vai mình đóng, nhập đến mức trong khi diễn, hoàn toàn quên hẳn khán giả, một đám đông khán giả, ngoài việc theo dõi diễn xuất của lão, quả thực, cũng còn muốn hiểu cả những gì lão nói nữa. Lão ăn xúp của mình cũng cầu thả y như lão diễn trên sân khấu vậy, tôi nghĩ bụng, nhưng mắt không nhắm vào lão, mà nhắm vào nữ văn sĩ Jeannie Billroth, ả nữ văn sĩ tất nhiên lúc này đang dán mắt vào tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, và có vẻ như đang nuốt từng lời lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater này phun ra trong lúc không ngừng tay húp hết thìa xúp này đến thìa xúp khác như nuốt một cái gì hết sức khác thường, vô cùng đặc sắc và cực kỳ độc đáo vậy. Vâng, giờ tôi ngồi đối diện ả nữ văn sĩ tự xưng làm Virginia Woolf của thành Vienna, vị nữ thi sĩ kiêm nữ nhà văn vô duyên nhạt nhẽo ấy, một con người - mà bây giờ chợt hiện rõ ra trước mắt tôi - suốt đời chỉ bì bõm lặn ngụp trong giới tiểu tư sản cớm cớm mà thôi ấy, tôi nghĩ bụng. Và một con người như thế dám nhờn nhờn quá quyết mình viết còn trên tài cả Virginia Woolf - là một nữ văn sĩ mà từ khi tôi đủ trình độ đánh giá văn chương, bao giờ cũng tôn làm nữ văn sĩ hàng đầu - và trâng tráo khoác lác rằng ả, tức ả Billroth đây, trong các tiểu thuyết của mình còn *tiến xa* hơn cả *Những ngọn sóng*, xa hơn cả *Orlando*, xa hơn

cả *Chuyến đi tới ngọn hải đăng*. Ở Kilb, Jeannie lại lần nữa phơi rõ bộ mặt thật của ả, bây giờ ngồi trước mặt ả, tôi vừa nhớ lại, vừa nguyên rủa cái *bữa dạ tiệc nghệ sĩ* mà lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng dưng biến thành *bữa ăn đêm nghệ sĩ* theo đúng nghĩa đen, một bữa ăn đêm phải được xem là lỗ bịch và đáng tởm, đúng như nó đã thực sự diễn ra lỗ bịch và đáng tởm. Cho dọn xúp khoai tây vào lúc một giờ kém mười lăm phút đêm, rồi lại còn xướng lên rằng sẽ có món cá vược hấp thì quả là một trò đồi bại mà chỉ vợ chồng Auersberger mới đủ sức chơi, ngồi đối diện ả Jeannie, tôi tự nhủ, trong khi ả vẫn ăn xúp theo cái lối xưa nay ả vẫn ăn, tức là ngón tay út ở bàn tay phải hơi chìa ra một tí. Dọn món cá vược vào lúc một giờ kém mười lăm, chỉ vì chiều lòng lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, cái lão diễn viên dùng thìa múc xong nửa đĩa xúp khoai tây với tốc độ nhanh ghê gớm, như thể lão bị *bỏ đói* lâu ngày không bằng, khiến xúp khoai tây bắn hết cả lên râu lên ria thế kia, thì thật đúng là...! Vai Ekdal, lão nói thìa không ngời múc xúp, vâng, vai Ekdal là *vai tôi mơ ước* cả chục năm nay, lão nói rồi lại múc xúp lên, và cứ thế, lão nói hai tiếng rồi tiếp một thìa xúp, thành ra gã nói... *vai Ekdal*... rồi múc một thìa xúp đưa lên miệng... *bao giờ*... một thìa xúp... *cũng là*... gã múc một thìa xúp nữa, rồi nói tiếp... *vai tôi*... húp một thìa xúp... *ưa thích*... sau đó hai thìa xúp liên tiếp, rồi lại... *cả chục*... một thìa xúp... *năm nay*... và lão nói cái từ *vai mơ ước*, như nói về một món bánh ngọt tráng miệng vậy, tôi thầm nghĩ. Lão lặp đi lặp lại nhiều lần *vai Ekdal là vai tôi ưa thích*, và lập tức tôi tự hỏi, liệu lão có còn nói mãi về vai Ekdal là vai lão ưa thích nữa không nếu lão không đạt được thành công nào khi đóng vai Ekdal đó. Tôi trộm nghĩ, nếu một diễn viên diễn thành công một vai nào đó, lão nói, thì thường đó là vai ưa thích của

anh ta, và ngược lại. Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater luôn tay mức xúp khoai tây và luôn mồm quả quyết, vai Ekdal là vai lão ưa thích. Cứ như thể chỉ một mình lão được nói, những người khác suốt một lúc lâu chẳng nói gì, chỉ mức xúp ăn và dán mắt vào lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater. Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mức xúp nhanh, thì họ cũng mức nhanh, gã mức chậm, thì mọi người mức chậm, và khi lão ngừng, không mức nữa, thì họ cũng thôi, không mức nữa. Mọi người đã mức xong món xúp từ lâu, mà bát của tôi vẫn còn nguyên một nửa. Nói thật ra thì tôi chẳng thấy ngon miệng, nên để thừa lại đó. Trong vở *Vịt trời*, rốt cuộc lão có thể diễn như xưa nay gã vẫn mong được diễn, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói với vẻ cảm động. Giá như lão được diễn cùng các diễn viên khác hơn, vâng, tức là cùng diễn với các diễn viên xuất sắc, ưu tú hơn, lão nói - bởi trong vở *Vịt trời*, lão không được diễn cùng các diễn viên xuất sắc, mà đúng ra, không kể lão, chỉ toàn *một đội diễn viên chấp vá tạm bợ* - vâng, giá được cùng diễn với đội diễn viên giỏi giang hơn, thì vở *Vịt trời*, nói theo lời lão, không những sẽ chỉ thành công ở vai lão đóng không thôi, mà *xét toàn cục, sẽ còn trở thành một thành công to lớn ghê gớm* hơn nhiều. Đâm ra, bây giờ thiên hạ đều tập trung hết cả vào lão, báo chí chỉ viết về một mình lão, làm như không phải vở *Vịt trời*, không phải việc công diễn nó là một sự kiện, mà lão, trong vai Ekdal, mới là sự kiện vậy. Và cánh báo chí thậm chí còn đặt câu hỏi nửa kín nửa hở, vở *Vịt trời* ấy, *đến ngay cả Ibsen* sẽ là gì, nếu không có lão kia chứ. Cá nhân lão thì đánh giá Ibsen rất cao, cũng như đánh giá Strindberg rất cao vậy, hay nói chung, gã đánh giá rất cao các văn sĩ gọi là văn sĩ phương Bắc ấy, nhưng thật tình, các văn sĩ đó sẽ là gì, nếu không có các diễn viên như lão chứ, vâng, với tất cả lòng khiêm

tổn, lão nói thẳng thừng ra như vậy. Thế nhưng theo ý lão, trong các văn sĩ đó còn chứa đựng nhiều thứ hơn những gì báo chí viết nhiều, và *diễn viên dù có tài ba thế này, có xuất chúng thế khác*, thì Ibsen vẫn thật sự là một văn sĩ, cũng như Strindberg vậy, và *cả hai đều là các thiên tài hết sức vĩ đại của lịch sử văn chương, thế nhưng họ thực sự sẽ là gì, nếu không có các diễn viên tài ba chứ*. Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater hẳn đã tọng ít nhất hai hay ba ly rượu sâm panh vào họng trước khi bước vào căn hộ ở ngõ Gentz này, tôi thầm nghĩ, khi nghe lão nói, vở kịch nào cũng vậy, sẽ chỉ trở nên sinh động, *khi nào có một diễn viên giỏi thổi sức sống cho nó mà thôi*. Nói xong, lão đặt cả hai tay lên bàn, ngẩng cao đầu và nói tiếp, hướng về phía tay Auersberger: *Ông bạn thân mến của tôi, tôi đã rất sung sướng được thưởng thức bản nhạc mới của ông*. Để đáp lễ, gã Auersberger cúi đầu xuống, vâng, gã Auersberger - kẻ thừa kế Webern ấy - cúi đầu xuống đúng vào giây khắc tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater vươn cổ, ngẩng đầu lên nói *Ông bạn thân mến của tôi, tôi đã rất sung sướng được thưởng thức bản nhạc mới của ông* như thế. Nghe vậy, mọi người ngồi quanh đều im lặng và đoán chừng, bây giờ món cá vược sẽ được dọn lên bàn; nhưng ai nấy đều hăng, bởi mũ đầu bếp bước vào, tay không, và chỉ hỏi, liệu mũ ta cho dọn món cá vược được chưa thôi. Mũ Auersberger ra hiệu cho mũ đầu bếp, được, cho dọn món cá vược lên bàn. Cánh diễn viên chúng tôi quen ăn muộn, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, chúng tôi thường cứ nửa đêm mới ăn. Thói tật điển hình cho giới diễn viên chúng tôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, là chúng tôi mãi nửa đêm mới ăn. Vâng, một lối sống không lành mạnh, vâng, đúng vậy, lối sống sân khấu, lão nói rồi dùng tay bẻ đôi một chiếc bánh brezel rắc muối. Nhưng cánh diễn viên

quen dần với lối ăn vào lúc nửa đêm, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, dừng một lát rồi tiếp, vai Ekdal là vai lão mong muốn diễn hơn bất kỳ vai nào khác. Phải được nhận đóng một vai lớn, anh mới nổi bật lên được, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Lão mất hẳn nửa năm trời để nghiền ngẫm Ekdal, và để *nghiên ngẫm Ekdal* như thế, thậm chí lão đã lui hẳn ba tuần liền vào một *túp lều đơn độc trên núi Alpe thuộc vùng Tirol*, và ở đó, trong *cảnh cô đơn thật sự* ấy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, lão mới *thật sự hiểu* Ekdal. Người diễn viên thường tiếp cận vai mình đóng hoặc sớm quá hoặc muộn quá, nhưng để tiếp cận một vai như Ekdal, người diễn viên phải *tiếp cận đúng lúc, tại một thời điểm duy nhất nào đấy*, lão nói, *tiếp cận các tác phẩm lớn, các vai lớn, bao giờ cũng phải tiếp cận vào thời điểm duy nhất thích hợp như thế*. Vai Ekdal bao giờ cũng là vai tôi mơ ước đóng, lão nói, nhưng tôi chưa bao giờ hiểu đúng Ekdal. Mãi đến lúc tôi ngồi trong túp lều trên núi ấy và không tập trung vào cái gì khác ngoài Ekdal, thì tôi mới hiểu, thực chất Ekdal là ai, và nói chung, thực chất vở *Vịt trời* là gì. Và nói chung, *thực chất Ibsen* là gì, lão thốt lên. Theo lão, túp lều trên núi, chính là nơi khai thị cho lão về Ekdal, vâng, ở trong túp lều trên núi ấy, ánh sáng đã lóe lên trong tôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói rồi ngả lưng ra sau, rồi nói tiếp, lão bao giờ cũng thích ăn món cá vược, *thích nhất là cá vược hồ Plattensee*, đích thực cá vược hồ Plattensee, và mục Auersberger ngắt lời lão, nói chen vào cơn nghiền ngẫm vai Ekdal của lão, rằng dĩ nhiên mục cho dọn cá vược hồ Plattensee thật, chứ làm sao dám dọn cá vược đánh từ nơi khác. Người ta phải tiếp cận vai Ekdal hết sức thận trọng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Ta chạy loanh quanh luẩn quẩn trong thành phố cả tháng

trời, vò đầu bứt tai mà vẫn không hiểu nổi Ekdal, và không tìm nổi mối liên hệ nào với Ekdal cả, mặc dù cứ tưởng nhân vật này gần gũi với ta hơn bất cứ nhân vật nào khác trong văn học thế giới, và rốt cuộc, ta hoang mang, ta vứt bỏ tất cả, lão nói, nhưng rồi ta mò lên núi, ta chui vào một cái lều, và mọi sự lóe sáng trong ta. *Đóng vai Prospero tôi cũng gặp chuyện y như thế*, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kể tiếp. *Tôi mà được đóng cả vai Lear*, lão nói, *thì tôi sẽ lại lên lều trên núi, chứ không mất hàng tháng trời nằm trong thành phố rùng rợn này mà chờ đến lúc được khai thị nữa*. Chính bầu không khí vùng Tirol đã giúp lão *khám phá* Ekdal. Trong túp lều trên núi cao một ngàn tám trăm thước ấy, lão nói. Xa hẳn thế giới văn minh. Không ánh đèn điện. Không khí đốt. Tách rời thế giới tiêu dùng! Lão thốt lên đúng lúc đĩa cá nóng được đặt ra trước mặt, mời gắp xơi. *Ta phải trèo cao lên núi Alpe, ta mới có được tầm nhìn thế giới đích thực*, lão nói rồi xơi thêm một miếng cá. Cũng cần nói thêm là trước đây lão chưa bao giờ *nhân cách hóa* bất cứ vai nào của Ibsen cả, vai của Strindberg thì có, tức vai Edgar trong cái vở gọi là *Vũ hội của thần chết*, nhưng *chưa bao giờ thủ vai nào của Ibsen*, thậm chí đóng Peer Gynt thời trẻ cũng chưa, mặc dù đáng nhẽ ra đó phải là điều hết sức tự nhiên mới phải. Ta gặp biết bao nhiêu là đạo diễn, lão nói, nhưng chẳng bao giờ ta được nhận vai mình thật sự muốn đóng. Thậm chí cả những vở của các văn sĩ ta luôn *mang bên trái tim mình* cũng không. Ta muốn thủ vai trong vở kịch của một văn sĩ Tây Ban Nha, nhưng đành phải yên phận, bằng lòng với vai của một văn sĩ Pháp, lão nói, ta muốn đóng vai trong vở của Goethe nhưng lại buộc phải thủ vai trong vở của Schiller, ta muốn diễn một vở hài kịch, thì họ lại thuê ta đóng một vở bi kịch. Tiếng tăm lừng lẫy cũng chẳng giúp được anh, muốn đóng vai nào là

được đóng vai đó đâu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Chưa kể rất hay xảy ra chuyện, lão nói, anh mong ngóng mãi mới được người ta hứa hẹn giao cho thủ một vai mà anh có thể coi là vai ưa thích, thế nhưng, đến phút chót, người ta lại giao cho diễn viên khác đóng. Trong các nhà hát, lão nói, chẳng có gì là theo kế hoạch hết, ở nhà hát, chẳng có kế hoạch nào mà về cuối lại được thực hiện đúng như lúc đầu đã dự kiến cả. Cái mà cuối cùng chúng tôi công diễn, cái mà rốt cuộc công chúng được thấy trên sân khấu, bao giờ cũng là một mớ hỗn độn các thỏa hiệp, thỏa hiệp lấy được, mà thôi. Thế nhưng đạt đến độ tuổi như tuổi của lão, thì mọi diễn viên, cỡ như lão, ai cũng đã quen với một sự thật như thế rồi, đều sống với sự thật đó, lão nói. *Ngay như trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater, tức là trên sân khấu hàng đầu châu Âu đấy, theo như lão nói, rốt cuộc, mọi thứ cũng là các thỏa hiệp thôi. Thế nhưng, dù đó là các thỏa hiệp thế nào đi nữa, lão nói và nghĩ đúng thật như lời lão nói, thì đó vẫn là các thỏa hiệp trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater, và do đó vẫn luôn luôn là hạng nhất; mọi sự cố không hay, mọi vở diễn bất thành trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater vẫn cứ là các màn diễn ở Nhà hát kịch Burgtheater, nghĩa là đó vẫn là vở, là vai hạng nhất như thường, vì đã diễn ra trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater. Những gì lão nói nghe đến là nực cười. Trong khi chính tôi buồn ngủ đến mức phải khó nhọc lắm, tôi mới chong được đôi mắt lên, thì rõ ràng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater lại tuyệt nhiên không buồn ngủ; vâng, bên bàn ai nấy đều buồn ngủ, sau một ngày căng thẳng, nhất là sau buổi lễ mai táng Joana, rồi sau đó, lại phải mệt mỏi chán chê suốt hai tiếng đồng hồ để chờ đợi tay diễn viên này nữa chứ. Để thủ một vai như vai Ekdal, người ta phải mất gần nửa năm trời, lão diễn viên Nhà hát kịch*

Burgtheater nói; và trong suốt nửa năm đó, người ta phải nhịn hết mọi thứ, vâng, *một vai như vai Ekdal chiếm hết tâm trí anh*, tước đoạt mọi tiện nghi, nói theo lời lão, *trong thời gian ta tập vai đó*, và xét cho cùng, thì nào có gì là sung sướng khi hàng tuần liên anh phải chui rúc trong túp lều trên núi ở vùng Tirol ấy, phải tự giam hãm mình trong túp lều đó, vì một vai như vai Ekdal, phải ít nhiều chịu ăn độc bánh mì sưng với cháo đậu xanh cùng nước lã, phải chịu nằm giường không ra giường, và ít nhiều cũng chẳng được rửa ráy gì suốt cả thời gian ấy, thế mà thiên hạ, vâng, tức là đám khán giả, như lời lão nói, không hề hay biết gì về những nỗi khó nhọc đó, cũng không biết đường mà ca ngợi và thù lao công sức sao cho đúng nữa chứ. Và ngay cả khi họ vỗ tay, rồi đánh giá vai diễn là một thành công lớn đi nữa, như vai Ekdal đây, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thì cái giá phải trả cho sự hiển dương như thế, vâng, tôi phải được phép gọi đây là sự hy sinh quên mình, lão nói, vẫn cứ là sự hy sinh quá lớn. Thế nhưng thân phận diễn viên nào khác gì *thân phận hy sinh*, lão nói, những cố pha chút mỉa mai đùa cợt vào câu nói, nhưng không thành, cho nên ai cũng hiểu ngay rằng lão nói như thế rất thật lòng. Một nhân vật như Ekdal đòi hỏi tất tậ mọi thứ của diễn viên. Trước hết anh phải nhập hồn vào tác phẩm, lão nói, nhập thật sự. Sau đó, anh phải thật sự hiểu tác giả, tiếp theo, phải thật sự hiểu vai của mình, rồi sau nữa là thời gian dài luyện vai, thời gian luyện tập đó chiếm hết mùa thu của anh, rồi chiếm nốt cả mùa đông của anh. Vâng, chúng tôi bắt đầu tập vào tháng Tám, lão nói, và không thể ngờ, khi chúng tôi dừng tập luyện thì đã sang xuân mất rồi. Vâng, với Shakespeare thì mọi sự hoàn toàn khác, lão nói, nhưng lại không nói rõ, *tại sao lại hoàn toàn khác với Ibsen. Hay với Strindberg*. Trong thời gian tập, nếu lão không

phải thủ vai cho một vở khác nữa, và phải lên sân khấu, thì cứ mười giờ tối là lão lên giường ngủ, và sáu giờ sáng là trở dậy. À, cũng cần nói thêm là bao giờ lão cũng *nhắm học* lời thoại trước *cửa sổ mở toang*, và đi đi lại lại trong phòng ngủ. Lợi thế của tôi bao giờ cũng nằm ở chỗ, tôi không có vợ, các vị ạ, đột nhiên lão nói. Vâng, trong khoảng từ bảy giờ đến mười một giờ, dù ít dù nhiều, tôi cứ đi đi lại lại như thế trong phòng ngủ và nhắm lại lời thoại. Tôi đến buổi tập, lời thoại đã thuộc lòng, lão nói. Ngay từ phút tập đầu tiên mà tôi đã thuộc lời thoại rồi, điều đó bao giờ cũng khiến các đạo diễn sững sờ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater khoe. Hầu hết các diễn viên đến buổi tập đều chưa thuộc lời thoại, lão nói. Chứ tôi, bao giờ buổi tập bắt đầu, là tôi thuộc sẵn lời thoại của mình trong đầu rồi. Nhưng nếu các đồng nghiệp không thuộc lời thoại của họ, thì thật đáng chán. Như thế thật đáng chán, gã nhắc lại, rồi lại xới thêm một miếng cá vược được dọn lên bàn với hơi nhiều dầu bạch hoa. Đạo năm năm tư, tôi mà không xây nhà ở Grinzing, lão nói, thì ai biết được, không khéo tôi lên sân khấu Đức cũng nên lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Lời mời *khỏi* ra. Nhẽ ra tôi có thể sang Berlin, đến Köln hay về Zürich. Thế nhưng so với Vienna, thì tất cả các thành phố đó đã là gì, lão nói. Chúng ta căm ghét thành phố này, nhưng vẫn yêu thương nó hơn mọi thành phố khác. Cũng như chúng ta vẫn ghét cay ghét đắng Nhà hát kịch Burgtheater, đúng thế, nhưng rồi ta vẫn yêu quý nó hơn mọi nhà hát khác. Trong khi lão nói *thành công của vai Ekdal thật ra nằm ngoài dự đoán*, tôi quan sát thấy ả văn sĩ Jeannie Billroth lúc này đang bồn chồn không yên, bởi tối nay ả cảm thấy bị bỏ rơi, bị gạt ra rìa chứ không nằm ở trung tâm chú ý nữa, là nơi lúc nào ả cũng muốn lọt vào, và cho đến tận giờ, do lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói luôn

mồm, ả vẫn không chen được lời nào, nên mặc dù ả rất muốn nói điều gì đó, mà rốt cuộc vẫn chưa nói được gì cả. Ả cứ muốn buông lời nhận xét riêng của ả về một ý tứ nào đó của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, nhưng suốt buổi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater không hở lúc nào ra cho ả nói chen vào. Thế nhưng, lúc này, khi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bảo Ekdal là vai khó nhất trong các vai lão từng nhập tâm và trình diễn, thì ả nói chen vào, rằng theo ả, vai Edgar của Strindberg là vai khó hơn; vâng, *Edgar khó hơn Ekdal nhiều chứ*, ả nói, cứ bao giờ đọc Edgar là ả lại có cảm tưởng Edgar khó hơn Ekdal rất nhiều, và ả chưa bao giờ xem Ekdal là vai khó cả, tất nhiên ngoại trừ sự thực là tất cả các vai, bất kể vai nào, cũng khó hết - nếu người ta muốn đóng cho đạt và thật sự đóng đạt. *Không, không phải thế!* Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kêu lên, *Ekdal là vai khó hơn, rõ ràng là như thế*. Ở đây, ả không thể đồng tình với lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, ả Jeannie Billroth nói và để lộ rằng ả đã có đạo theo học khoa học sân khấu, và cần nói thêm, học với đích thân Giáo sư Kindermann nổi tiếng, vâng, tức là tối nay ả lại nói cái điều mà vào các dịp như thế này, bao giờ ả cũng nói vậy; có lẽ các diễn viên thường vẫn quen nghĩ Ekdal là vai khó diễn, ả văn sĩ Jeannie Billroth nói, trong khi thực ra vai khó là Edgar kia. Thừa bà, không phải thế đâu ạ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói hướng về phía nữ văn sĩ Jeannie Billroth, ai đã là diễn viên hàng chục năm, mà lại là diễn viên chỉ đóng các vai chính trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater từ xưa xưa xưa đến giờ, như tôi đây, thì biết rõ về điều mình nói ra lắm. Tất nhiên, nhà nghiên cứu sân khấu bao giờ cũng có quan điểm khác hẳn về sân khấu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thế nhưng quả là không còn nghi ngờ gì nữa,

rằng vai Ekdal là vai khó hơn, còn vai Edgar là vai dễ hơn nhiều, dễ hơn, xin bà lưu ý cho, dễ hơn xét ở góc độ diễn xuất ạ, lão nói với ả Jeannie Billroth. ả không đồng tình với những gì lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater vừa nói; ả cất tiếng quả quyết, rằng rõ ràng là từ khi có các nhân vật Edgar và Ekdal đến giờ, thì một sự thực đã được chứng minh, rằng Ekdal mới là vai dễ đóng, không phải vai Edgar. Điều đó đã được Kindermann, thầy ả, trình bày rõ ràng trong một bài viết mang tựa đề *Edgar và Ekdal, một sự so sánh*, và không biết lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đã đọc bài viết này chưa, ả Jeannie Billroth hỏi lão, còn lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đáp, lão chưa biết bài viết đó của Kindermann. Thật đáng tiếc, ả Jeannie Billroth ngỏ ý, bởi vì, giá như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater trước khi bắt đầu luyện vai Ekdal có đọc công trình của Kindermann về Edgar (của Strindberg) và Ekdal (của Ibsen) trước, thì hẳn lão đã tránh được *khá nhiều chuyện khó chịu* khi chuẩn bị diễn vở *Vịt trời* rồi, và tay Auersberger - này giờ dường như rình mãi để chen vào nói đôi lời - bỗng nói to, *lại còn tránh được cái trò phải chui rúc mấy tuần liền trong lều trên núi nữa chứ*, khiến lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng dưng muốn chuyển sang đề tài khác, nên lão chỉ nói, trên đường đến ngõ Gentz, lão đánh rơi mất một chiếc găng tay. Nhưng lão không muốn quay lại tìm, bởi *không muốn tra tấn ông bà Auersberger lâu thêm nữa*. Thiên hạ thường không hề biết, lão nói, người ta đã liêu lĩnh như thế nào, khi họ ngỏ lời mời lão đến ăn tối. Nói ra một lời mời như thế thật dễ lắm, nhưng điều đó có nghĩa là gì, thì chủ nhà mãi về sau mới biết, khi họ phải chờ mãi đến tận mười hai rưỡi đêm mà vẫn chưa thấy mặt mũi khách đâu. *Vâng, cái nghề diễn viên nó đặc biệt như thế*, lão diễn viên Nhà

hát kịch Burgtheater nói câu đó ra theo kiểu chữa cháy, mỗi khi bị lúng túng. Mụ Auersberger cho bưng thêm một châu cá vược nữa lên bàn ăn, rồi tỏ ý tiếc, rằng tay diễn viên trên đường đến ngõ Gentz đánh rơi mất một chiếc găng tay, mụ bảo, vâng, mất một chiếc găng tay thì cũng tồi tệ như thế mất cả hai, bởi một chiếc găng tay quả thật chẳng có giá trị gì. Đúng vậy, mọi người ngồi bên bàn đều gật gù, ai cũng từng có lần đánh mất một chiếc găng tay và đều nghĩ như vậy. Nhưng biết đâu người nhặt được chiếc găng tay sẽ đem trả. *Nhưng đem đến đâu mà trả mới được chứ?* Gã Auersberger cất tiếng hỏi vợ y, rồi bật cười theo kiểu, như thế thúc giục mọi người khác cùng cười theo vậy, và mọi người đều cười câu hỏi tay Auersberger hỏi vợ y, xem ai nhặt được chiếc găng tay và sẽ phải đến đâu mà trả nó đây; quả thực, ai nấy ngồi bên bàn đều quay ra kể câu chuyện găng tay của mình, bởi ai cũng đã từng có lần đánh mất một chiếc găng tay, và cũng thấy xót xa vì mất một chiếc, y như xót xa khi đánh mất cả đôi găng tay vậy. Giời ơi, nếu chỉ là một đôi găng tay thì nói làm gì, mụ Auersberger nói, rồi kể thêm một chuyện riêng của mụ về đôi găng tay. Đầu khoảng hai chục năm trước, mụ nói, mụ vào toilet trong Nhà hát Josefstadt, rồi để quên đôi găng tay đen mụ đeo buổi tối ở trong đó. Cả hai chiếc găng tay một lúc, *mụ nói rồi đưa mắt nhìn quanh một vòng. Hôm ấy diễn vở Gã đàn ông rách rưới, vâng, cũng phải nói thêm, đấy là một trong những vở hay nhất của Nestroy, theo lời mụ. Phải rồi, trong giờ giải lao mụ để quên đôi găng tay buổi tối trong toilet, và sau buổi diễn, mụ đã đi rất nhanh vào đó, trong lòng đinh ninh đôi găng tay vẫn nằm trên cái bàn trang điểm. Mụ bảo, đã ở Josefstadt, thì tất nhiên tôi được quyền cầm chắc là đôi găng tay của tôi vẫn còn nằm nguyên ở đó chứ, phải không ạ. Nhưng chúng biến đi đường nào mất rồi. Con bé*

trông coi toilet không hay biết gì về đôi găng tôi bỏ quên, mụ Auersberger nói. Và các vị thử tưởng tượng mà xem, mụ nói, hai tuần sau chuyển đi xem vở Gã đàn ông rách rưới ấy, thì đôi găng tay ấy được chuyển tới cho tôi qua đường bưu điện. Gửi ấn danh, mụ nói, rồi ngả lưng ra chiếc ghế kiểu Empire của mụ, vâng, ấn danh, kèm theo một tấm bưu thiếp nhỏ, ghi dòng chữ xin gửi lời chào nồng nhiệt. Đến tận giờ, tôi vẫn chưa biết ai đã gửi trả đôi găng tay buổi tối cho tôi như thế; một lát sau thì lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói với mụ: món cá vược tuyệt vời, đích thị cá vược hồ Plattensee, và mọi người khác, ai nấy cũng cho biết, bọn họ đều có cùng một cảm giác như thế, rằng cá vược họ vừa xơi, quả là cá vược hồ Plattensee thật. Các vị biết đấy - tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, chốc chốc lại nâng chiếc khăn tay dặt ở cổ áo lên lau cái mồm đầy râu của gã - cái nghề diễn viên nó đặc biệt lắm. Có một lần tôi đi diễn ở Munich, cũng phải hai chục năm rồi, vâng, nói theo kiểu thiên hạ, tức là nhẩy vọt vào vai diễn thôi, lão nói, và xét cho cùng, cũng chẳng có gì đáng kể lắm, vai Heinrich ấy mà, lão nói, rồi thế nào mà trên phố Kaufinger, tôi lại gặp một tay bạn đồng nghiệp cũ, bạn quen biết từ lâu, từ dạo trước chiến tranh, một tay đã có thời trọ chung với tôi ở phố Lerchenfelder, thứ phòng không lò sưởi ấy, chắc các vị còn nhớ, đã đầy chuột, lại chẳng có gì ăn, các vị biết hồi ấy thế nào, quân Mỹ chưa đến, quân Nga thì có mặt rồi, vâng, các vị biết đấy, cái thời họ đua nhau chiếm quyền cai quản, vâng, nhân lúc gặp nhau, tôi mới hỏi anh bạn đồng nghiệp sao anh ta lại bỏ Vienna mà đi. Phải, tay bạn bảo, vì Vienna làm anh ta buồn nôn. Thế Munich thì sao, tôi hỏi anh ta, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kể, lại lau cái mồm xồm xoàm râu lần nữa. Thế là anh bạn đồng nghiệp kia trả

lời tôi: Munich cũng làm tôi phát mưa! Thế thì ông cứ ở lại Vienna có hơn không, nếu Munich cũng làm ông buồn nôn như thế, tôi bảo với anh ta, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kể tiếp. Tôi cũng xin nói thêm là anh bạn đồng nghiệp hồi ấy cũng thủ vai ở Nhà hát Bình dân giống như vai của tôi, tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, cũng có thể giọng hơi cao quá cho vai đấy, hình như giọng Strindberg thì phải, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, vâng, đúng giọng Strindberg, không phải Ibsen, hợp với Goethe, không hợp với Shakespeare, với Ibsen cũng không, có lẽ cũng hợp với Molière, nhưng với Nestroy thì không, không phải Nestroy, lão nói, vả lại, cũng hơi béo, do sống hơi buông thả, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, xuất thân Vöcklabruck, dân tỉnh lẻ, xét cho cùng, được cái tốt bụng, chỉ mỗi tội giọng hơi cao, lấy vợ sớm, được đưa con đầu rồi bỏ nhau, giữ chân diễn viên ở Nhà hát Bình dân khá lâu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Thế thì nhẽ ra ông cứ ở lại Vienna cho xong, tôi nói với anh ấy thế, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kể. Nghe tôi nói vậy, trên mặt anh ấy giật một cái đến lạ, vâng, anh ấy vốn là người hài hước, nhưng cứ có đồng nào là tiêu sạch đồng ấy, kiểu người phóng khoáng, vâng, rất phóng khoáng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kể tiếp. Tôi bảo anh ấy, tôi đang tập Edgar. À, thế à, Edgar à, anh ta nói. Tôi không quan tâm lắm, anh ta bảo vậy. Không quan tâm, không quan tâm, tôi nhại anh ta. Hôm ấy trời lạnh, tôi không đeo găng tay, người cứ lạnh run lên. Vâng, tôi lại nhắc lại, tôi đang tập Edgar, thế nhưng anh ấy không nghe tôi nói nữa rồi. Tôi hét to lên: Tôi đang tập Edgar, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Xong rồi tôi quay đi, để anh ấy đứng đó một mình. Một tay đáng mếu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói rồi húp một thìa nước

sốt cá vược. Ngày hôm sau tôi đọc trên báo Abendzeitung tin anh ấy tự tử. Nhà ở ngay phố Kaufinger, anh ấy ở đấy mà nào tôi có biết. Treo cổ! Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater kêu lên. Thiên định giới diễn viên phải tự tử, phải treo cổ! Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Tôi không phải hạng chán đời, đừng một cái là tự tử đâu, lão nói: Không! Tuyệt nhiên không! Hoàn toàn không! Thế nhưng, tôi cứ ngẫm lại, thì không biết bao nhiêu người cùng hội cùng thuyền với tôi đã tự tử rồi. Anh bạn tôi vốn rất có tài, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, anh ấy có đủ cơ hội để thành diễn viên hài kịch lớn, lão nói, thế mà anh ấy lại tự tử. Hóa ra, tôi là người cuối cùng đã chuyện trò với anh ấy, gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Vâng, anh bạn thời trai trẻ của tôi. Những ai giỏi giang nhất đều tự tử, gã nói rồi hớp một hớp rượu vang trắng. Những lúc như thế, những lúc ai đó định tự tử, thời tiết bao giờ cũng đóng vai trò rất quan trọng, lão nói. Câu chuyện lão kể về người diễn viên tự tử ở Munich khiến lão bây giờ đắm ra tâm trạng, và làm lão cũng sức nhớ ra là, mới tuần trước chứ đâu, Joana - người mà gã vốn không quen, nhưng quen biết tất cả những ai ngồi bên bàn ăn đây - cũng đã tự tử, và lúc chiều vừa được mai táng ở Kilb xong (chuyện này hẳn gã đã nghe vợ chồng Auersberger nói lại, tôi nghĩ bụng); lão nói với vẻ bùi ngùi: cũng phải nói thêm là tôi đã có lần gặp Joana, lúc cô ấy thuyết trình trong Nhà hát kịch Burgtheater về cái gọi là nghệ thuật vận động của cô ấy. Tôi vẫn còn nhớ rất rõ về cô ấy, lão nói, dạng vẻ bỗng dừng chuyển sang sầu não, cả giọng nói cũng ngả sang rầu rĩ, vâng, đúng là một người đầy tài năng, lão nói, nhưng không tìm được chỗ đứng trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater. Lớp học cô ấy tổ chức quả không thành công, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi cho

biết thêm, trong năm vừa qua lão đã nhiều lần đưa ma các đồng nghiệp, đúng là chưa bao giờ các diễn viên chết hàng loạt nhiều như thế, lão nói, cả một đợt khá nhiều diễn viên hí trường cơ đấy, lão chưa thêm. À, lão nói với riêng nữ văn sĩ Jeannie Billroth, tôi biết rất rõ, mất một người bạn thân thì đau đớn thế nào. Nhưng đến một tuổi nào đấy thì ta mất sạch những ai ta từng quý mến, từng yêu thương. Lão làm một hộp tử ly rượu vang trắng, và mụ Auersberger lại nhanh tay rót thêm cho đầy. Nếu chết nhanh gọn, thì còn được, lão nói, chứ không có gì đáng tởm bằng chết dần chết mòn. Ngã lăn ra chết ngay là may mắn đấy, lão nói. Nhưng tôi không phải hạng chán đời muốn chết đâu, lão nhắc lại. Đàn bà thường tự tử nhiều hơn đàn ông, lão nói, nhưng nữ văn sĩ Jeannie Billroth bác lại ngay, ông nói thế không đúng, con số thống kê cho thấy hàng năm số đàn ông tự tử gấp đôi số đàn bà. Tự tử là chuyện đàn ông, ả nói. ả nói mình từng có dịp đọc một công trình nghiên cứu về nạn tự tử ở Áo, công trình cho thấy là ở Áo, xét theo tỉ lệ phần trăm dân số, cứ như lời ả, thì hàng năm, số người tự tử nhiều hơn bất cứ nước nào khác ở châu Âu. Hungary đứng thứ hai, còn Thụy Điển đứng thứ ba. Và ở Áo, thì dân Salzburg tự tử nhiều nhất, điều thật thú vị là người sống ở những vùng đẹp nhất, lại chính là những người thường hay tự tử nhất. Dân Steiermark rất khoái tự tử, tay Auersberger nói chen vào; đến lúc này, y đã uống đến mức say mềm và tự biến thành kẻ gây rối, tôi phải nói thế. Hướng về lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, bảo rằng y - Auersberger - rất lấy làm ngạc nhiên, tại sao ít diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater tự tử đến thế, mặc dù lý do để họ tự tử thì đầy ra. Chưa nói xong, gã Auersberger đã phá lên cười, tỏ ra khoái trá lắm với điều gã vừa nói, khiến mọi người ngồi xung quanh ra chiều khó chịu, ai nấy quay sang

nhìn y với vẻ chê trách, trong khi tôi lại cũng bật lên cười và nghĩ bụng, cái tay Auersberger này, dù có đáng ghét thế nào đi nữa, đôi lúc y cũng hài hước ra phết, đến mức làm một kẻ như tôi, vốn không thích đùa cợt lắm, cũng phải bật cười. Ông nói vậy nghĩa là thế nào, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater hỏi gã Auersberger. Thì có gì là khó hiểu đâu, tay Auersberger đáp lại lão, giá mà các diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater được thấy diễn xuất của họ thảm hại thế nào, thì đương nhiên, họ phải tự tử suốt lượt mới đúng chứ. Tất nhiên, ngoại trừ Ông ra, gã Auersberger chưa thêm rồi cạn ly. Thế ạ, thưa Ông, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, nếu ý kiến Ông về Nhà hát kịch Burgtheater đã như thế, thì Ông còn đến đó làm gì ạ? Đáp lại, gã Auersberger bảo, cả chục năm nay rồi y chẳng bước chân đến Nhà hát kịch Burgtheater nữa. Mụ Auersberger chữa lời chồng, vội nói, mới hai tuần trước vợ chồng mụ vừa đi xem Kẻ hoang toàng xong. Ôi giời, cái buổi diễn Kẻ hoang toàng ấy, tay Auersberger chồng đáp, buổi diễn tồi tệ đến mức dạ dày tôi xoắn cả lại, và tôi cũng quên phắt đi luôn, thì kể làm gì. Lão diễn viên Burgtheater lúng túng mất một lúc, chưa biết nên đối đáp với gã Auersberger như thế nào. Nhưng rồi lão cũng nói, Nhà hát kịch Burgtheater bao giờ cũng lắm kẻ ghen người ghét, với Nhà hát hàng đầu, thì âu cũng là chuyện thường tình. Nhà hát kịch Burgtheater bao giờ cũng bị thù ghét bởi những kẻ thèm muốn được gia nhập Nhà hát nhưng bị khước từ. Tất cả các diễn viên không được mời thủ vai tại Nhà hát kịch Burgtheater, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, bao giờ cũng chửi rủa Nhà hát thậm tệ, chửi cho đến khi họ được mời đóng tại đó mới thôi. Xưa nay bao giờ cũng vậy. Cái gì xuất chúng bao giờ cũng bị ghen ghét, lão nói. Mỗi thù ghét dân chúng thành Vienna dành cho Nhà hát kịch

Burgtheater không có gì là mới, lão nói, cũng giống như mỗi thù ghét họ dành cho Nhà hát Opera quốc gia thôi. Ngay đến các Giám đốc Nhà hát cũng từng căm ghét và chê bai Nhà hát kịch Burgtheater cho đến khi họ thông qua đủ các thủ đoạn xảo quyệt hết cỡ leo lên đến chân Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater mới thôi, lão quả quyết. Không đâu, Ông ạ, lão nói tiếp, Ông xem ở đâu được một vở như vở Vịt trời chúng tôi diễn tại Nhà hát Viện Hàn lâm nào; không ở đâu nhé, Ông muốn đến đâu thì đến, nhưng không ở đâu có thể diễn một vở Vịt trời như thế, Ông nhé. Không ở đâu ư, gã Auersberger nói, chính Ông chẳng vừa nói lúc nãy là vở Vịt trời này ở Nhà hát Viện Hàn lâm không thành đấy thôi, chỉ có vai Ekdal là đạt, vâng, cứ như đám phê bình sân khấu viết, thì vai Ekdal của Ông tuyệt vời, còn cả vở diễn thì chẳng hề có giá trị đó ư. Người ta không thể nói thế được, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cãi, người ta không thể nói vở Vịt trời này không đáng giá, dù nó không đạt đi nữa. Ngay cả khi vở Vịt trời này không đạt đi nữa, nó vẫn hơn hẳn tất cả các vở Vịt trời tôi từng xem từ trước đến giờ, mà tôi xin nói Ông biết, quả thực tôi đã xem tất cả các vở Vịt trời được trình diễn vào những năm gần đây. Dạo xưa tôi từng xem Vịt trời ở Berlin, buổi công diễn đầu tiên sau chiến tranh, lão diễn viên Burgtheater nói, tại Nhà hát Nhân dân tự do, nhưng tôi cũng xem cả Vịt trời ở Nhà hát Schillertheater. Rất những buổi công diễn không đâu vào đâu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, ở Munich lẫn Stuttgart cũng đều bất thành. Những người khen ngợi nền sân khấu Đức toàn là dân không chuyên, tự họ còn chẳng biết sân khấu là gì. Rất một thứ báo chí thời thượng của bọn người thiếu chín chắn ấy mà, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Không, Ông ạ, vở Vịt trời tại Nhà hát Viện Hàn lâm là vở Vịt trời hay nhất

tôi từng xem, và tôi nói vậy hoàn toàn không thiên vị, lão nói, cho dù tôi thủ vai Ekdal trong vở Vịt trời đó, vâng, đây là vở Vịt trời vượt trội hơn tất cả các vở khác. Tôi đã có lần xem Vịt trời ở Stockholm, gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, Vịt trời tiếng Thụy Điển là Vildanden. Tôi không thích một tí nào. Tôi cứ tưởng mình phải đến Stockholm, để được xem vở diễn Vịt trời hay nhất trên đời này, nhưng tôi hoàn toàn thất vọng với vở Vịt trời lần ấy. Không phải cứ các sân khấu phương Bắc là diễn các tác phẩm phương Bắc tốt nhất đâu ạ. Tôi đã có lần xem diễn Vịt trời ở Augsburg, lần ấy tôi thích hơn nhiều. Tất nhiên, mọi thứ trong vở Vịt trời đều phụ thuộc vào vai Ekdal. Vai Ekdal mà dở, thì toàn bộ sẽ dở, cả buổi diễn coi như hỏng. Các vị đừng nghĩ là cứ ở Salzburg hay Vienna là các vị được nghe, hay xem Mozart tuyệt vời nhất đâu. Nhiều người rất hay phạm phải sai lầm đó, khi họ tưởng vở kịch xuất phát ở đâu thì nó cũng được diễn tốt nhất ở đó; không, không phải như thế đâu, thậm chí còn ngược lại. Tôi đã có lần xem một vở của Molière ở Hamburg, mà ở Paris chưa bao giờ nó được diễn hay như thế nhé. Lại còn một vở Shakespeare ở Köln; chà, tất cả các buổi diễn Shakespeare ở Anh đều bị nó át hết. Tất nhiên, các vị chỉ có thể xem một vở nào đó của Nestroy ở Vienna đây thôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, và tay Auersberger để vào, nhưng không phải xem ở Nhà hát kịch Burgtheater. Nghe vậy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater liền phụ họa, ở điểm này chắc Ông có lý. Ở đây, tôi phải công nhận Ông nói đúng. Nhà hát kịch Burgtheater chưa bao giờ có vở Nestroy nào thành công. Thế nhưng, công diễn Nestroy thành công ở đâu thì thành công, chứ chắc không phải ở Nhà hát nhân dân, là Nhà hát của ông ấy. Không thành công ở Nhà hát Nhân dân thì đúng rồi, tay Auersberger nói chen ngang. Phải ở Nhà

hát Karltheater mới được, tay Auersberger nói, nhưng Nhà hát Karltheater bị phá gần ba chục năm nay rồi còn gì. Vâng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thật đáng tiếc là Nhà hát Karltheater bị phá. Ở một mức độ nào đấy, phải nói rằng khi giết đổ Nhà hát Karltheater, họ cũng giết đổ luôn cả Nestroy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, không khỏi có ý mỉa mai, và ám chỉ đám viên chức dần dần tại Hội đồng thành phố Vienna, là đám phải chịu trách nhiệm về tất cả các Nhà hát bị phá hủy ở Vienna. Sau chiến tranh, có đến hơn một nửa các Nhà hát ở Vienna đã bị phá hủy, tay Auersberger nói. Vâng, đúng thế, mà với những lý do rất đáng ngờ nữa ạ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater phụ họa. Các Nhà hát tốt nhất đều bị phá hủy, tay Auersberger nói tiếp. Thật đáng tiếc, thật đáng tiếc, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater gật gù, Ông nói thật chí lý. Ở Vienna, bao giờ cái gì tốt nhất cũng bị phá hủy, tay Auersberger nói, dân thành Vienna bao giờ cũng phá hủy cái gì tốt đẹp nhất, nhưng họ không hề nhận thấy; bao giờ cũng phải chờ đến lúc phá xong rồi, họ mới lại tỉnh ngộ, hóa ra đó là cái tốt nhất. Nhìn chung, dân thành Vienna là bọn phá hoại, gã Auersberger nói, rất một đám chuyên giết đổ và đập phá. Ông nói thật chí lý, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi ngừng ăn, và chìa ly cho mụ Auersberger rót thêm rượu. Tòa nhà nào ở Vienna mà đẹp nổi bật hẳn lên, thì thế nào nó cũng sớm bị phá hủy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Bất kể đấy là nhà ở hay công sở, nhưng nếu nó đẹp nổi bật hay được xây cất thành công, thì dân thành Vienna sẽ chưa chịu yên, khi ngôi nhà hay công sở nọ chưa bị phá. Dân thành Vienna đối xử với con người ta cũng y như vậy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói tiếp, họ không thể chịu được, khi thấy một ai đó giỏi giang, một ai đó trở nên quan

trọng, hôm trước hôm sau, họ sẽ kéo đổ người đó như kéo đổ một bức tượng, mà không hề nhớ lại rằng chính họ đã dựng nên bức tượng đó. Vai Ekdal tôi đóng, xét ở góc độ nào đó, là một vai rất triết học, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Thế nhưng, nếu ta đọc các công trình viết về Ibsen, thì chúng sẽ không làm ta khôn ngoan lên tí nào, mà ngược lại, chúng lại làm ta điên đầu. Và một khi đã mang cái đầu điên loạn thì ta không thể tiếp cận một vai diễn tế nhị như thế được, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Vai Werle trẻ tuổi, vâng, vai Gregers, gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, trước đây ba chục năm, cũng có khi chỉ hai chục năm thôi, lẽ ra là vai dành cho tôi rồi đấy. Đó là vai tôi thật sự muốn đóng, tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thế nhưng, bao giờ cũng vậy, cứ sắp đến lượt, thì vớ Vịt trời lại dừng diễn. Vai Gregers lẽ ra còn hợp với tôi hơn nữa kia, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi đưa mắt nhìn mọi người ngồi xung quanh. Tôi có cảm giác, ngoài ả Jeannie Billroth ra, là người vừa thú nhận mình mới đọc lại và xem diễn vở Vịt trời, thực ra ở đây không ai hiểu lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói gì. Xét cho cùng nhẽ ra phải là vai Gregers, chứ không phải Ekdal, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, và tất cả mọi người ngồi bên bàn chắc chắn không hiểu lão ngụ ý gì. Đúng vậy, Gregers vốn là giấc mơ của tôi. Tôi được mời đóng Gregers ở Düsseldorf, thế nhưng dạo ấy tôi từ chối, vì không muốn rời bỏ Vienna đi nơi khác. Chẳng biết đâu được, nếu dạo ấy tôi mà về Düsseldorf thủ vai Gregers, thì không chừng tôi đã mất hợp đồng với Nhà hát kịch Burgtheater từ lâu rồi cũng nên. Tôi phải mừng vì được trở thành diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mới phải, lão nói. Thế nhưng suốt đời, tôi vẫn lấy làm tiếc vì phải từ bỏ vai Gregers. Người ta chỉ mời tôi

đóng Gregers có mỗi một lần. Còn tôi cứ nghĩ rồi sẽ đến ngày mình được thủ vai Gregers. Nhưng cái ngày ấy không còn quay lại. Nếu ta đã một lần bỏ lỡ một cơ hội như thế, thì nó sẽ chẳng bao giờ quay lại nữa. Sân khấu tâm lý, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi ngả lưng ra sau; lúc cụ Auersberger chìa thuốc ra mời lão và toan mời lửa, lão gạt đi một cách hơi thô lỗ, và tự tay châm thuốc hút. Chúng ta bao giờ cũng muốn vươn tới đỉnh cao nhất, nhưng ta không thể vươn tới được chỉ bằng ước muốn không thôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, như thế câu nói đó không phải do lão nghĩ ra, mà rất có thể, trích từ vở kịch nào đấy. Trong khi lão đang đóng vai Ekdal thành công như thế, lão đã bắt tay chuẩn bị cho vai tiếp theo, lão kể. Vở kịch của Anh, lão nói, một đạo diễn người Anh từ London sang Vienna, từ tuần sau sẽ bắt đầu tập dượt. Kịch hội thoại Anh, nhưng không phải của Oscar Wilde, lão nói, không, không. Cũng không phải Shaw. Dĩ nhiên không. Kịch đương đại! Lão kêu lên, vâng, kịch đương đại! Để cười thôi, nhưng sâu sắc ra phết đấy! Cũng xin nói thêm là chuyện trong giới sân khấu. Lão thủ vai một nhà văn, qua cưới xin mà lọt vào nhà quý tộc. Không phải vở hạng nhất, lão nói, nhưng khá thú vị và không ngớ ngẩn, tuyệt nhiên không ngớ ngẩn, chỉ là một vở kiểu Anh, tiêu khiển là chính, không nặng đầu nặng óc, lão nói. Bản dịch quá cầu thả, lão nói, nhưng rồi tôi cũng xoay sở được. Giá chúng ta cũng có được một nhà viết kịch ra hồn! Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chột kêu lên. Nhưng chúng ta chẳng có ai, khắp nước Đức ta còn chẳng có ai, chứ đừng nói ở Áo, Thụy Sĩ lại càng không. Thành ra chỉ toàn vở nước ngoài lên sân khấu, Anh, Pháp, Ba Lan, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Đúng là khốn khổ khốn nạn, lão than. Suốt hai chục năm trời không có lấy một vở

kịch nào đáng đọc. Các tài năng sân khấu tiếng Đức chết sạch hết rồi, lão nói, rồi ngả lưng ra sau, phả khói thuốc về phía tay Auersberger, khiến thằng cha này ho sặc sụa. Có lẽ thời đại chúng ta không phải là thời đại của dân viết kịch, lão nói tiếp. Nếu có một tài năng nào đó xuất hiện, thì chẳng bao lâu sau đã lộ tẩy là hăn chẳng tài chẳng giỏi gì. Báo chí toàn khen của thối, lão nói. Thật không thể tin được những ai đang được tâng bốc làm bậc anh tài, mà nói chung, khó mà tin được hiện nay người ta đánh giá nghệ thuật sân khấu ra sao. Những gì lão nói, nghe mà phát tởm. Các vị có biết, lão nói tiếp, không, các vị không thể tưởng tượng nổi, khi các vị phải tập dượt với bọn người thiếu năng khiếu, rồi vật lộn khổ sở hàng tuần, thậm chí hàng tháng liền với chúng nó, thì mọi sự sẽ như thế nào đâu. Tụi trẻ ngày nay trên sân khấu đều hư đốn cả một lượt, lão nói, thế mà báo chí cứ suốt ngày một mực khen ngợi đám nhãi ranh ấy, bảo chúng nó nào giỏi giang, nào thiên tài, trong khi chúng chỉ rặt một lũ bất tài, thực sự không có chút năng khiếu gì, và thứ nổi bật nhất ở chúng chỉ là thói lười nhác mà thôi. Cũng giống như thanh thiếu niên thời nay nói chung, đứa nào đứa nấy được chiều chuộng một cách ngu xuẩn nên đâm ra hư thân mất nết, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Ngay từ lúc lao đầu vào vở Vịt trời, tôi đã thấy bọn trẻ ấy thiếu cái gì rồi. Vô kỷ luật hình như là phương châm sống tối thượng của chúng nó thì phải, gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Thế nhưng vai Gregers đã rất tuyệt đấy chứ, bây giờ à Jeannie Billroth mới lên tiếng, và gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cãi ngay, ai cũng bảo vai Gregers đạt, quả thực tôi không hiểu mọi người thấy vai Gregers ấy hay ở chỗ nào, tôi thì thấy rất thường, vai Gregers thuộc hạng xoàng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, một Gregers xoàng

xinh, thậm chí nhằm vai. Bởi vì chỉ có mỗi một mình nữ văn sĩ Jeannie là người đã xem vở Vịt trời ở Nhà hát Viện Hàn lâm thôi, còn những người khác - lúc đầu không hề biết Vịt trời thực ra nghĩa là cái quái gì, dần dần về sau mới vỡ lẽ câu chuyện họ đang nghe là xoay quanh vở kịch - chỉ biết ngồi im lặng, thỉnh thoảng gật gật đầu, nhìn thẳng gương mặt lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater hay nhìn xuống mặt bàn, hoặc cực chẳng đã, đành nhìn người ngồi đối diện với mình; vì tất nhiên, chẳng ai có thể tham dự vào câu chuyện mà lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater tỏ tường nhất ấy, và cũng chẳng ai cản trở, nên lão cứ thế mà thao thao bất tuyệt, đúng vậy, đã chẳng ai ngắt lời lão thì chớ, mục Auersberger chốc chốc lại còn mớm cho lão luôn mồm nói mãi, và bởi lão vừa từ buổi diễn Vịt trời đến đây, cho nên cũng là lẽ tự nhiên thôi, khi lão cứ đọc chuyện vở diễn cùng các chuyện râu ria mà phán. Nói cho đúng, thì cho công diễn Vịt trời ở Vienna là chuyện thần kỳ, lão nói đi nói lại nhiều lần cho công diễn, bởi theo lão, cho công diễn Vịt trời ở Vienna là hết sức táo bạo. Nói gì thì nói, Vịt trời là một vở hiện đại, lão nói không chút ngượng mồm như thế, về một vở kịch vừa tròn một trăm tuổi, vâng, tuy sau cả một trăm năm nó vẫn tuyệt vời như lúc mới ra đời, nhưng bảo nó là vở kịch hiện đại thì đúng là vớ vẩn. Công diễn Vịt trời cho công chúng thành Vienna không những là việc táo bạo, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, mà còn là việc rất liều lĩnh. Dân thành Vienna khá thờ ơ với sân khấu đương đại, nghĩa là không hưởng ứng nó, diễn đạt theo kiểu của lão, họ chưa bao giờ tán thưởng cái gọi là nền sân khấu hiện đại cả, họ bao giờ cũng chỉ ưa các vở cổ điển, và vở Vịt trời không phải cổ điển, nó thuộc hàng hiện đại, vâng, tất nhiên, lão nói, rất có thể, đến lúc nào đó Vịt trời sẽ trở thành cổ điển, Ibsen sẽ trở thành tác

giả kinh điển, cũng như Strindberg vậy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Lão bảo, đôi lúc lão có cảm giác, Strindberg mới là nhà viết kịch lớn, chứ không phải Ibsen, cũng như đôi khi lão lại có cảm giác ngược lại, tức là Ibsen trên tài Strindberg, có nhiều triển vọng hơn cả Strindberg, để thành nhà viết kịch kinh điển. Lúc này, tôi đã nghĩ vợ Tiểu thư Julie có ngày sẽ thành cổ điển, lúc khác tôi lại nghĩ Vịt trời mới là vợ có tầm cỡ đó. Song, nếu ta coi trọng Strindberg quá, lão nói, thì ta lại có lỗi với Ibsen, cũng hết như ta sẽ có lỗi với Strindberg, nếu ta đề cao Ibsen quá. Về phần bản thân, lão bảo, lão yêu cách viết của phương Bắc, cách họ viết kịch. Lão cũng rất yêu Edvard Munch, bức Tiếng hét bao giờ tôi cũng thích, lão nói, bức Tiếng hét, các vị chắc ai cũng biết, lão nói, thật là một tác phẩm nghệ thuật phi thường. Tôi lần mò đến tận Oslo chỉ để ngắm bức Tiếng hét, lão nói, tức là dạo Tiếng hét còn ở Oslo. Nói thế không có nghĩa là tôi chuông các nước Scandinavi hơn những nơi khác đâu, lão nói. Lên trên đó, bao giờ tôi cũng nhớ phương Nam, ít ra thì cũng nhớ nước Đức, lão nói. Stockholm, một thành phố sao mà âm đạm, khỏi phải nói đến Oslo, bức bối, khó chịu kinh người. Còn Copenhagen, ôi giờ, thôi, tôi chẳng nói nữa. Cánh diễn viên trẻ suốt ngày chen nhau vào Nhà hát kịch Burgtheater, lão nói, và cũng sẽ được nhận vào thôi, dù họ chẳng có năng khiếu gì, bởi họ có các mối quen biết, bởi ông chú, ông bác nào đấy làm Giám đốc điều hành Nhà hát Opera Nhân dân, hoặc là viên chức thuộc Ban điều hành sân khấu liên bang, lão nói. Một bà cô nào đấy đã ngồi ở Bộ Giáo dục, thì thẳng cháu sau khi tốt nghiệp Reinhardt Seminar sẽ được nhận vào Nhà hát kịch Burgtheater ngay, lão nói, cho dù thẳng cháu chẳng tài chẳng cán gì. Thế rồi các cô, các cậu hai mươi tuổi đầu ấy sẽ ngồi đầy các phòng tập,

làm vương chân vương cả người ta, gây phiền, gây toái, chứ chẳng được tích sự gì. Giỏi lắm được vài đứa năng khiếu tầm tạm, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, nhưng rồi những năng khiếu ấy cũng tàn lụi dần trên sân khấu hạng nhất của chúng tôi, và chiếm chỗ của những người thật sự có tài. Tôi chỉ có thể khuyên một thanh niên trẻ thật sự có tài đừng bao giờ đến Nhà hát kịch Burgtheater, bởi nếu vậy, có nghĩa là khi chập chững vào đời, anh đã rơi vào nơi hủy hoại anh hoàn toàn rồi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi ngon lành làm một miếng bánh tráng miệng, thứ bánh gọi là *Mohr im Hemd* - bánh sô-cô-la phủ kem - mà tôi chỉ ăn mỗi một miếng, và nghĩ bụng thứ bánh sô-cô-la phủ kem đúng là món khó tiêu vào lúc nửa đêm thế này. Những người khác đều đánh chén gọn món bánh sô-cô-la phủ kem, còn lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater sau khi xơi một nửa, đã lại quay ngay về chuyện Vịt trời. Lẽ ra tôi phải thủ vai Wallenstein, thậm chí lúc đầu còn phải tham gia vở Calderón mới dựng lại, nhưng không thành, đúng là may mắn, giờ tôi phải thú thật thế. Tự bản thân, tôi không tính đến một thành công như thế đâu, không ngờ tới một thành công vang dội đến thế đâu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Vở Vịt trời trong Nhà hát Viện Hàn lâm mà lại thành công, tự lão, đã là người hoàn toàn bị bất ngờ. Tháng Tư này, tôi sẽ lên đường sang Tây Ban Nha, lão nói, tôi không thể bỏ qua chuyến đi đến Andalusia, Sevilla, Granada, Ronda, lão nói rồi làm một miếng bánh sô-cô-la phủ kem. Vâng, nỗi thương nhớ Tây Ban Nha của tôi, lão nói, mồm vẫn đầy bánh; và vì thế, lão nói gì cũng rất khó nghe, ngay cả khi lão giật mình sức nhận ra sự bất nhã của mình, vội nói: xin lỗi, trước khi nuốt nhanh miếng bánh sô-cô-la xuống, người ta cũng không hiểu ý lão là gì. Mấy năm gần đây, tôi quen sang Tây Ban Nha,

vâng, tức là bỏ rơi nước Ý đấy. Tây Ban Nha là đất nước còn nguyên sơ, phần lớn đất đai cằn cỗi, lão nói rồi dùng khăn lau, không những chỉ lau mồm, mà lau cả bộ râu lẫn vầng trán. Karl V., Viện Prado, lão nói rồi đảo mắt nhìn quanh. Tôi nào có phải người sành nghệ thuật đâu, lão nói, tôi chỉ là người yêu nghệ thuật; sành với yêu khác nhau lắm. Chỉ cần nghĩ đến nước Ý thôi, là tôi đã thấy khó thở, lão nói, trong khi các ý nghĩ về Tây Ban Nha lại làm tôi khoan khoái thật sự. Ở Ý, đúng là cái gì cũng ồn ào không chịu nổi, lão nói, ở Tây Ban Nha vẫn còn cái sơ sài, cái yên ắng về lịch sử. Diễn viên nào cũng thế, mỗi năm nên làm một chuyến đi dài và xa, nhưng không nhất thiết phải sang châu Phi, cũng không cần phải sang tận Caribbean làm gì, với tôi là Tây Ban Nha, nhất là vùng Mancha, vùng đất bao giờ cũng làm tôi như thế sống lại. Và chẳng biết quý vị có tin hay không, nhưng tôi rất mê xem đấu bò. Giống như Hemingway vậy, lão nói, quả thật tôi có sự tương đồng với Hemingway. Thế nhưng, tôi không phải người lãng mạn kiểu như Hemingway hồi xưa, mà là con người của lý trí nhiều hơn, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, tôi không có quan điểm lãng mạn kiểu Mỹ về đấu bò, mà tôi nhìn nhận một cách khoa học. Cái gì sâu sắc uyên thâm thì không lãng mạn, gã nói. Đúng thế ạ, tất cả những gì sâu sắc uyên thâm đều không lãng mạn. Vâng, lão bỗng nói, tự tử là căn bệnh thời thượng ở thời đại chúng ta. Tôi không phải hạng dễ tự tử. Joana, một cái tên thuần Tây Ban Nha, lão nhắc lại lần nữa, Joana, một cái tên thuần Tây Ban Nha, rồi lão ngả người ra sau, và hỏi tay Auersberger, xem bản cantata mới của tay này đã được xuất bản chưa, Nhà xuất bản Universal Edition vẫn cho ra các nhạc phẩm của Ông đấy chứ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater hỏi. Tay Auersberger đáp, vâng, nó cũng cho xuất

bản các bản cantat mới của tôi. *Các cantat của Ông sẽ được trình diễn ở Vienna chứ? Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater hỏi và Auersberger, kẻ kế thừa Webern, đáp: chắc không đâu ạ, bởi vì ở Vienna không có những nhạc công xuất sắc, đủ tài trình diễn các bản cantat phức tạp của tôi. Cả Nhà hát Giao hưởng lẫn Hội Âm nhạc đều không có ai, tay kế thừa Webern ngẩng cao đầu lên nói. Khắp cả nước Áo này bói không ra một nghệ sĩ thổi sáo nào chơi nổi, tay Auersberger nói. Nhưng tôi nghe nói ở London, buổi trình diễn đã rất thành công đấy chứ, gã diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói tiếp. Vâng, Auersberger - kẻ thừa kế Webern - đáp, chỉ ở London thôi, các bản cantat của y mới có thể được trình diễn một cách hoàn hảo như thế, hoàn hảo đúng như y, Auersberger, hình dung, và mẹ Auersberger cũng phụ họa, hoàn hảo, rồi hai vợ chồng lặp đi lặp lại nhiều lần cái từ hoàn hảo ấy, khiến tôi nghe cứ như thể mọi người có mặt đều đồng thanh nói cái từ hoàn hảo đó vậy, có mỗi một mình ả văn sĩ Jeannie Billroth là không nói gì. Suốt cả buổi, trong lúc lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater huyền thuyên, ả chỉ ngồi nguyên một chỗ và quan sát tôi, suốt cả quãng thời gian đó, chắc chắn thế, trong lòng ả không có thứ tình cảm nào khác ngoài lòng căm hận dành cho tôi. Bây giờ, ngồi nghĩ lại, thật không thể hình dung nổi, rằng ba mươi hay hai mươi lăm năm trước, tôi đã từng ngồi trên ghế sofa nhà ả, vừa đọc thơ Eluard cho ả nghe, vừa mơn trớn gan bàn chân ả, rằng tôi đã diễn nhiều màn kịch của Molière cho ả xem trong phòng ngủ của ả, trong khi ả ngồi gần như trần truồng trên giường, và năng nặc đòi diễn đi diễn lại các màn kịch của Molière, có lẽ sau khi tôi làm ả ngao ngán với các bài giảng của Joyce hay Valéry, sau khi tôi đã đọc cho ả nghe những bức thư mà tay bạn tên là Ernstl của ả viết và gửi từ Salzkammergut về; ả vẫn quá*

quyết đó là những bức thư riêng tư thầm kín nhất, và đương nhiên, chỉ muốn nghe tôi đọc mà thôi, vâng, bây giờ ngồi đây tôi nhớ lại, trong khi ả - như người ta vẫn nói - nhìn xoáy vào tôi như muốn soi thấu gan thấu ruột tôi vậy. Đúng thế, giờ đây thật không thể hình dung nổi, rằng tôi đã ngồi cao giọng đọc hàng giờ liền cho ả nghe nhiều đoạn trích từ một trong các tiểu thuyết của ả, cái việc làm ả được thỏa mãn đến tột đỉnh, còn tôi thì phát điên phát rồ hàng tiếng đồng hồ liền ấy, rằng chính tôi cũng là kẻ đã nghĩ ra tựa đề cho một cuốn tiểu thuyết của ả, gọi là cuốn Miền hoang dã của tuổi trẻ, mà về sau, thật đáng tiếc, cũng được xuất bản với tựa đề đó thật. Rằng tôi đã từng cùng với Jeannie đi dạo hàng giờ liền ở Prater, thậm chí cùng với ả leo lên Riesenrad, trong khi tôi thao thao với ả về Pavese, về Ungaretti hay Pirandello, rằng tôi nhiều lần đến Kagran và Kaisermühlen với ả, bởi vì tôi với ả bao giờ cũng thích vượt qua cái cầu gọi là Reichsbrücke sang bờ bắc sông Danube, tôi nhớ lại. Rằng ả chính là con người nghệ sĩ đầu tiên tôi quen ở Vienna sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Salzburg, tôi nghĩ bụng. Rằng ả chính là người đầu tiên ở Vienna nghe tôi đọc các bài thơ của tôi, và cũng là người không chê bai ngay các bài thơ đó, khác với ở nhà tôi, mọi người vẫn chê thẳng thừng ngay tại chỗ, vâng, có thể nói như vậy lắm, ả chính là người đầu tiên, bất kể với động cơ nào đi nữa, động viên tôi dũng cảm đi vào văn học, tôi nghĩ bụng. Rằng tôi đã từng yêu Jeannie Billroth, rồi sau đó, tính đến giờ, suốt hơn hai chục năm nay, quay ra căm ghét ả, cũng như ngược lại, ả căm ghét tôi. Con người ta gặp gỡ nhau, kết bạn kết bè với nhau, rồi hàng năm trời, thay vì gìn giữ cho tình bạn ấy bền lâu, lại đi xiết nó mỗi ngày mỗi chặt thêm, cho đến lúc nó đứt phụt, và từ đó căm giận nhau hàng chục năm trời, có khi suốt đời cũng

nên, tôi thăm nghĩ. Vâng, hàng năm trời liền tôi từng đến nhà ả Jeannie Billroth, tôi nghĩ bụng, trong khi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng dưng quay ra kể các giai thoại vui, gọi là các giai thoại sân khấu, vốn rất được ưa chuộng ở thành Vienna và tạo sức sống cho mọi buổi tiếp tân ở Vienna, những buổi tiếp tân - do các triệu chứng tê liệt cổ hữu của chúng - bao giờ cũng có nguy cơ chết yếu. Các buổi tiếp tân ở Vienna sở dĩ có thể bền lâu được vài tiếng đồng hồ, bởi những kiểu giai thoại sân khấu như thế này bao giờ cũng được lôi ra kể, như tại buổi tiếp tân được mỹ miều tôn lên thành dạ tiệc nghệ sĩ ở ngõ Gentz này, tôi nghĩ thăm. Gì thì gì, ả Jeannie Billroth cũng là người bắt mối cho tôi làm quen vợ chồng Auersberger, rồi qua hai vợ chồng này, tôi làm quen với Joana, tôi thăm nghĩ. Và tôi làm quen với ả Jeannie Billroth - vẫn được gọi là cô cháu gái triết gia này - thông qua một triết gia bạn bè với ông tôi, và tôi - ba chục năm trước, trong thế cùng đường khốn khổ, và tôi phải thú nhận, đôi lúc cả người - đã mò đến tìm ông ấy ở ngõ Maxing tại Quận Hietzing. Hồi đó, chính cái ngõ Maxing tại Quận Hietzing ấy đã cứu tôi, tôi tự nhủ, vâng, căn nhà gọi là Nhà Johann Strauss ấy, nơi ở của vị triết gia bạn với ông tôi, và là anh của một nghệ sĩ thổi kèn pha-gốt và kèn trum-pét nào đó tại Nhà hát Philharmoniker ở Vienna. Tôi còn nhớ, sau khi tôi đến Vienna - không một xu dính túi, bụng đói meo và trong đầu chỉ còn nghĩ đến cái chết - tôi vẫn dồn hết sức tàn mò đến ngõ Maxing, đến địa chỉ nhờ ông tôi mà có, và mong được cứu vớt; và ngõ Maxing quả đã cứu tôi thật, thoát tiên, bằng một ngụm sữa, rồi sau nữa, bằng một bữa ăn tối, và tiếp theo, giới thiệu tôi cho một nữ sĩ ở Linke Wienzeile, là người đã cho dọn tầng hầm ở gần cầu Kettenbrücke để tôi trú tạm, cũng như đưa đủ tiền cho tôi thôi thóp sống được thêm dăm ba ngày.

Qua nữ sĩ này, bây giờ tôi nhớ lại, vâng, chính qua nữ nhà thơ mất sớm này - một người mà tôi đã đọc đôi ba bài thơ và không phải là không chịu ảnh hưởng - tôi làm quen với ả Jeannie Billroth. Tôi cũng nhớ lại, tôi với Jeannie đã rất hay về Kilb thăm Joana; chính ở Kilb, cùng với Joana và Jeannie lẫn tay Fritz, chúng tôi rất hay kéo nhau đến quán Eiserne Hand, để ăn, để uống, chơi bài, vâng, để giải trí. Nói gì thì nói, chính Jeannie là người đã giúp tôi làm quen với tất cả các nhà văn lớn của thế kỷ hai mươi, tức là ả đã đưa sách của họ cho tôi đọc, vâng, Jeannie hồi ấy, tôi nghĩ bụng, chứ không phải ả Jeannie đang ngồi trước mặt tôi đây và ngấm ngấm căm giận tôi, vì lẽ, dạo xưa tôi đã bỏ ả mà đi, bỏ đi để khỏi bị ả ăn tươi nuốt sống, tôi thâm nghĩ. Hồi ấy, tôi mà không bỏ Jeannie ra đi đúng vào lúc mối quan hệ nồng thắm nhất, thì chắc chắc tôi đã bị ả nuốt chửng và hủy diệt từ lâu rồi, tôi nghĩ bụng. Bởi thế, hôm trước hôm sau, tôi không còn đến nhà ả nữa, mặc cho ả dài cổ ngồi chờ, chờ một cách uống công vô ích. Hàng trăm buổi chiều, những lúc gã Ernstl của ả đi làm tại nơi gọi là Viện Hóa học, thì tôi đến nhà ả, và kéo rèm, ngồi đọc cho ả nghe các tác phẩm lớn của các nhà văn vĩ đại thế kỷ hai mươi, hoặc ngược lại, tôi nghĩ bụng. Và sau đó, lúc gã Ernst của ả về nhà, tôi cùng ăn với họ cái gọi bữa ăn nguội về đêm, hoặc món gulasch nhờ hâm đi hâm lại nhiều lần mà ngon tuyệt. Rồi khi gã Ernstl buồn ngủ lên giường nằm rồi, thì ả lại đòi tôi đọc lại Joyce, Saint-John Perse hay Virginia Woolf cho ả nghe, đọc cho đến lúc tôi kiệt cả sức, tôi thâm nghĩ. Và tôi - trong đầu đầy ắp các áng văn của văn học thế giới - bao giờ cũng khoảng hai giờ đêm mới rời nhà Jeannie về nhà mình, qua phố Radetzky, dọc theo kênh đào Danube đến Währing. Chúng ta thường vẫn đánh đeo hàng năm trời lấy một ai đó, tôi vừa nhìn thẳng vào

mặt Jeannie vừa nghĩ bụng, ta trở nên hoàn toàn lệ thuộc vào con người làm ta khâm phục ấy, rồi rốt cuộc, không những chỉ rơi hẳn vào vòng cương tỏa, mà còn nằm gọn trong tay người đó, và ta đành nín, như hồi ấy tôi đã đành nín, đời ta sẽ tiêu vong nếu rời bỏ con người đó, thế mà vào một ngày nào đấy, ta không đến gặp người đó nữa, cũng chẳng nói tại sao, rồi từ đó trở đi, ta lánh mặt con người đó, ta quay ra coi thường, khinh rẻ, thậm chí căm ghét con người đó, và đơn giản không chạm trán họ nữa. Thế rồi, bỗng dưng ta gặp lại con người đó, và lập tức rơi vào trạng thái sôi sùng sục đến đáng sợ, giờ đây tôi nghĩ, và không làm sao chủ động kìm nén được cơn kích động. Tất cả những người tôi gặp tại đám ma ở Kilb tôi ít nhiều đều thấy dửng dưng, giờ tôi nghĩ bụng, đến như vợ chồng Auersberger cũng thế thôi, thế nhưng gặp Jeannie, thì ngay từ đầu, tôi đã sôi máu. Lúc lên xe về Kilb, tôi đã tính hết mọi chuyện, nhưng không tính đến Jeannie, và tất nhiên, không tính đến sự thực đáng sợ là sẽ phải gặp ả ở đó. Thế nhưng ả đã có mặt ở đó, thậm chí còn đưa tay cho tôi bắt tại nghĩa địa ở Kilb, lại còn mỉm cười với tôi, tôi nghĩ thầm, một nụ cười chết người. Song, rất có thể tôi cũng đã chào ả ở nghĩa địa Kilb với một nụ cười chết người như thế. Tôi ghét cái kiểu ả đứng bên miệng huyệt và đóng vai người bạn gái suốt đời trung thành, giờ đây tôi nghĩ bụng cái lối ả đến sát miệng huyệt hơn mọi người khác, và bằng động tác khéo léo vốc đất từ xéng của người canh nghĩa địa ném xuống huyệt. Hồi ấy, trước khi ả kịp giết chết tôi, cách đây gần ba chục năm tôi đã nghĩ, tôi phải trốn tránh ả, tôi không đến căn hộ ả ở nữa, và có thể nói, chuồn mất hút. Nhưng tôi đã không đề tiện, như thoát đầu người ta có thể nghĩ, tôi đã hành động để tự vệ, do sợ chết mà hành động, giờ đây tôi nghĩ bụng, nhằm tự bào chữa và tự tha thứ cho

mình, một sự tha thứ tôi không thể mong chờ, và cũng không đòi hỏi ở ai khác được cả. Ta gặp gỡ một con người nào đó thật đúng lúc, tiếp nhận từ con người đó tất tật những gì là quan trọng sống còn đối với ta, rồi lại từ bỏ con người đó đúng lúc, vào thời điểm thích hợp, tôi nghĩ bụng. Tôi đã gặp và quen biết Jeannie Billroth đúng lúc, và tôi bỏ rơi ả cũng đúng lúc như thế, tôi thầm nghĩ. Cũng như tôi luôn luôn từ bỏ mọi người khác đúng lúc vậy, bây giờ tôi chợt nhớ lại. Ta thích ứng với tâm tính một con người như Jeannie, suốt một thời gian dài ta tiếp nhận tính khí con người đó, và đến lúc ta nghĩ mình đã tiếp nhận đủ, tức là đã ngán đến tận cổ rồi, ta cắt đứt mọi quan hệ với con người đó, như tôi đã cứ thế dùng dùng cắt đứt quan hệ với Jeannie vậy. Hàng năm trời liền, ta mút hết tất tật các thứ từ con người đó sang mình, rồi đến một lúc nào đó, ta lại lu loa lên rằng chính con người đó - con người ta đã mút sạch sành sanh đi ấy - là kẻ bòn rút, hút mất ta. Và suốt đời ta, ta phải sống day dứt cùng sự đều cán của chính mình đó, giờ đây tôi thầm nghĩ. Và vừa cắt đứt với Jeannie, tôi đã trở cò, chạy sang phe vợ chồng Auersberger, đúng ra là sang với Joana, đúng thế, tôi đã cắt đứt với Jeannie, là người hồi đó tôi mang ơn gần như trong mọi chuyện, bỏ mặc ả lại một mình, để lúc đầu chạy sang với nhà Auersberger trong vòng hai, ba năm, những người đã làm tôi mê mẩn ngay ấy, sau đó chạy sang với Joana; bởi sự thật là đúng vào giây khắc tôi bỏ rơi vợ chồng Auersberger, tức là rời bỏ họ, thì tôi - phải nói thẳng ra thế - nhào sang với Joana; đúng vào giây khắc tôi rời bỏ ngõ Gentz và Maria Zaal - thoát tiên chỉ trong lòng thôi, sau đó là bằng hành động thật sự - thì tôi nhảy hẫng sang Quảng trường Sebastian. Sau khi Jeannie giúp tôi làm quen với văn học thế kỷ hai mươi, rồi sau đó nhờ vợ chồng Auersberger mà mở rộng vốn

kiến thức ấy tới mức khó tưởng tượng nổi, vâng, sau khi nhờ Jeannie và vợ chồng Auersberger mà cái gọi là nghệ thuật văn chương - mà trước hết là nghệ thuật văn chương thế kỷ hai mươi - bỗng dưng không còn gì bí mật đối với tôi nữa, thì tôi lại đâm bổ sang thứ gọi là nghệ thuật tạo hình, dồn toàn bộ mối quan tâm của mình vào cái gọi là nghệ thuật tạo hình ấy, cũng như vào cái trò diễn xuất, và đương nhiên, vào kỹ năng vận động, vào nghệ thuật múa, vào vũ đạo, là các lĩnh vực mà Joana thật sự thành thạo. Nhìn lại, quả thực tôi đã chọn cho mình một con đường trưởng thành hoàn hảo, giờ ngồi đối diện với Jeannie tôi thầm nghĩ, đúng thế, tôi đã chọn cho mình con đường trưởng thành đó, không phải tôi đã trưởng thành hoàn hảo, mà tôi đã chọn cho mình sự trưởng thành hoàn hảo, vâng, tôi đã chọn sự trưởng thành nghệ sĩ hoàn hảo ấy cho mình, tôi thầm nghĩ. Và tôi cảm thấy khoái trá với ý nghĩ đó, nhất là khái niệm con đường trưởng thành hoàn hảo bỗng nhiên trở nên thật rõ ràng với tôi. Bây giờ tôi nhớ lại, sự trưởng thành của tôi quả không thể hoàn hảo hơn, trước hết quen ả văn sĩ Jeannie Billroth, rồi vợ chồng Auersberger, và sau rốt là Joana - qua Jeannie tôi cũng quen gã Ernstl hóa học gia của ả, và qua Joana, tôi quen tay nghệ nhân dệt thảm; vâng, tôi không thể còn con đường trưởng thành nào may mắn hơn con đường hoàn hảo này, tôi nghĩ bụng. Thế mà giờ đây tôi căm ghét ả Jeannie - kẻ đang ngồi trước mặt tôi và cũng căm ghét tôi chẳng kém. Một lòng căm ghét đáng được xem xét, phân tích kỹ càng lắm, tôi nghĩ bụng, thế nhưng chẳng có chút hứng thú nào để xem xét, phân tích nó, tuy vậy chắc ả Jeannie Billroth đã tự phân tích nó từ lâu rồi. Rốt cuộc, một con người như thế chỉ cầm bút viết ra một thứ văn chương ủy mị vô giá trị cũng như một thứ thơ ủy mị vô giá trị như vậy, và rơi tõm xuống hố phân của thói

tiểu tư sản, tôi tự nhủ. Ta tôn thờ một con người nào đó hàng năm trời, cho đến lúc ta bỗng cảm ghét con người đó và thoát tiên không hề biết tại sao, tôi thầm nghĩ. Và ta không cảm thấy cái gì khác, ngoài nỗi khó chịu ghê người, vì chính con người đó, con người ta đã tôn sùng, nếu không nói là thực sự yêu thương bấy nhiêu lâu ấy, con người có thể nói đã mở mắt thông tai cho ta tiếp nhận tất cả, vâng, cho ta tiếp nhận cả thế giới ấy, rồi cuộc lại sản sinh ra một thứ nghệ thuật thảm hại đến thế, lại loay hoay cặm cụi với một thứ nghệ thuật nghiệp dư khủng khiếp đến thế, trong khi chính họ đã từng nhiều năm chỉ lải nhải về một thứ mục tiêu tối cao, tối thượng và đòi hỏi ta, dạy dỗ ta phải nhắm tới mục tiêu tối cao, tối thượng đó. Ta không thể hiểu được, làm sao một con người như thế rồi cuộc lại chỉ sản sinh ra những thứ vô bổ nhất, và do đó, cũng đáng tởm nhất, giờ đây tôi nghĩ bụng, ta không thể tha thứ cho con người đó, bởi như vậy, họ đã man trá, đã phản bội ta, và nói cho cùng, chỉ vẽ vờ dối trá cho ta về các gọi là mục tiêu tối cao nọ thôi. Thông qua sự nghiệp dư của chính ả, Jeannie đã lừa dối và phản bội người, tôi vừa tự nhủ, vừa nhìn sang ả. Tuy trong lòng lúc này hẳn cũng đang sục sôi nỗi căm giận và tức tối, ả vẫn phải chịu khó ngồi nghe lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater huyền thoại kể chuyện vui, trong lúc chính lão ngả ra lưng ghế và cũng như mọi người khác, tôi nghĩ bụng đang nóng lòng chờ mục Auersberger rồi cuộc sẽ mời mọi người, này giờ ngồi đã mỏi như bên bàn ăn, quay trở lại phòng hòa nhạc. Tôi không ghét tởm gì hơn là ngồi nghe dân Vienna kể các giai thoại của họ, vậy mà bây giờ tôi phải ngồi đây chịu đựng cái trò đáng tởm ấy mới khổ, tôi nghĩ bụng. Tôi chợt có cảm giác phòng ăn nhà Auersberger giống gian phòng quán xác chết, có lẽ là do lúc này mục Auersberger cho tắt hết đèn điện và chỉ còn

các ngọn đèn nến kiểu Empire trên bàn ăn là cháy sáng nữa thôi. Nhìn mọi thứ trong phòng ăn bây giờ, ta chỉ còn thấy các đường nét mờ mờ, chứ không còn thấy căn phòng này đẹp đẽ, phải nói là đẹp đến quái gở - như từ trước đến giờ tôi vẫn nghĩ - vâng, lúc này ta chỉ còn thấy cảnh tranh tối tranh sáng buồn rầu rất kịch cợt, một cảnh tượng hợp với đám người ngồi đây, những người đúng là chỉ còn nóng ruột chờ mụ Auersberger ra hiệu mời sang ngồi ghế bành êm ái ở phòng hòa nhạc, vâng, tôi nghĩ, những người này - trước hết là do cái chết của Joana, nhưng cũng là do giờ đã quá muộn - đều đang ít nhiều bị nỗi sầu đau đè nặng. Quả thật, đến cả lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cũng không còn gì để nói. Lão nói lỏng cravat, rồi cởi cúc áo ở cổ ra và lâu lâu cái gì đó về không khí trong lành, khiến mụ Auersberger nhảy phắt dậy để mở cửa sổ. Mụ mở cánh cửa sổ nhìn ra sân sau, vì mụ nghĩ từ phía đó, khí trời trong lành hơn không khí từ ngoài phố tràn vào, rồi mụ ra phòng hòa nhạc và lưu lại ngoài đó một lúc, trước khi quay trở lại phòng ăn và lại ngồi xuống bên bàn. Ngồi xuống bên bàn rồi, mụ Auersberger mới nói, mụ từng nghĩ, chuyện gì Joana cũng có thể làm được, riêng có tự tử thì mụ không bao giờ nghĩ tới. Thế là lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cũng lại quay về chuyện anh bạn đồng nghiệp đi Munich của lão, mà theo lời lão, đã là người bất hạnh ngay từ đầu, tất cả những con người tự tử ấy, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, bao giờ cũng là những con người bất hạnh ngay từ đầu rồi, bất hạnh ít, bất hạnh nhiều, nhưng nói chung đều bất hạnh, rồi rồi rồi cuộc, ai nấy đều tự tử, và nói cho cùng, không ai trong số họ gây bất ngờ cả, lão nói. Lão cho việc Ban điều hành sân khấu liên bang hồi ấy giao cho Joana dạy các diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cách đi đứng là một ý

tưởng điên rồ. Bọn viên chức ở Ban điều hành sân khấu liên bang bao giờ cũng có những ý tưởng điên rồ như thế, lão nói, bọn họ muốn giúp những người kiểu như Joana, thế nhưng bao giờ cũng nảy ra các ý tưởng điên rồ. Các diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đều biết đi, biết đứng, biết ngồi, biết nằm, lão nói; lão còn nhớ rất rõ lời bình của một tay chuyên phê bình ỉ eo nào đó, theo đúng lời lão, cho đăng trên tạp chí Presse, quả quyết rằng các diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater không biết cách đi đứng, nói năng, hoặc không biết cách làm sao để vừa đi, vừa nói đồng thời được. Chỉ cần một tay phê bình sân khấu nào đó viết đôi dòng vớ vẩn như thế, là thế nào Ban điều hành sân khấu liên bang cũng vớ ngay lấy, và tìm thuê người dạy các diễn viên cho bằng được, lão nói, vâng, hồi đó họ còn cho thuê một chuyên viên phát âm để dạy các diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater học nói, rõ thật vớ vẩn, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater ca cẩm. Thế nhưng, nếu việc này đã giúp được người bạn quá cố yêu quý của chúng ta, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thì nó cũng có ý nghĩa nào đó. Lúc lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bảo như vậy, thì tôi sức nhớ tới hành vi đê tiện của Jeannie sau buổi mai táng ở Kilb; vâng, lúc buổi mai táng đến hồi kết thúc, ả đã bước đến bên bà bán hàng tạp hóa và dúi vào tay bà này tờ một trăm schilling, gọi là để trả tiền cho cú điện thoại bà bán hàng tạp hóa gọi từ Kilb cho ả, tức Jeannie, để báo tin cho ả, tức cho Jeannie, về cái chết của Joana. Cách miệt huyệt còn để mở chưa đến mười bước chân, mà ả Jeannie đã dúi tờ một trăm schilling vào tay bà bán hàng tạp hóa, tôi nghĩ bụng, dúi một cách thô lỗ vào tay bà ta đến mức bà này chắc chắn phải phật ý; và quả nhiên bà ta đã rất phật ý về hành vi thật đáng ghét đó của Jeannie, bởi một người như bà sẽ không bao giờ nảy ra

cái ý phải đòi lại tiền cho cú điện thoại báo tin về cái chết của một người bạn gái cho một người bạn gái khác cả. Thế nhưng, ả Jeannie bao giờ cũng xử sự thô lỗ như thế, tôi nghĩ bụng, và xét về mặt này, thì đúng là ả vẫn y như xưa. Song, như thế còn chưa đủ; sau khi tôi cùng với bà bán hàng tạp hóa đã vào trong quán Eiserne Hand để nói chuyện lần nữa về Joana, thì ả Jeannie cũng ló mặt ra ở đấy, rồi trâng tráo xin tiền những người đến dự đám ma lúc đó đang có mặt trong quán Eiserne Hand, gọi là để giúp anh John tội nghiệp, người bây giờ chỉ còn trơ lại một mình, và tuy không một xu dính túi, nhưng lại phải trang trải tất cả các khoản phí tổn liên quan đến đám ma Joana; và tự tay ả, ả tuyên bố, sẽ bỏ ra năm trăm schilling trước tiên. Bao giờ ả Jeannie cũng ra bộ đóng vai người Samaria thiện lành, giờ đây tôi nhớ lại, và chính do đó mà tôi thấy tởm lợm, bởi không phải lòng nhân từ chân chính đã sai khiến ả phải hành động như thế, mà thực ra, chỉ là màn kịch đáng tởm do ả độc diễn mà thôi. Suốt đời ả, tính khí vốn xấu xa và thất thường, ả sẵn lòng tìm mọi cách làm người khác bẽ bàng, xấu mặt, như ở Kilb, sau lễ mai táng Joana vậy. Có thể nói, ả đã không chút ngưng ngừng, cầm một bao thuốc lá rỗng lên tay, tự bỏ tờ bạc năm trăm schilling của mình vào đấy, rồi cứ thế đi từ người khách dự đám ma này đến người khách dự đám ma khác, lèo nhèo xin tiền, với một vẻ mặt đáng được ăn một cái tát hơn là được nhận tiền, dù là tiền cho tay John - một con người lúc đó rất có thể là đáng tội nghiệp thật. Vâng, ả đi từ người khách dự đám ma này đến người khách khác, tay chìa bao thuốc lá rỗng ra trước mặt họ, và nhăm nhăm để ý xem số tiền mà nạn nhân của ả lôi ra là bao nhiêu và họ có thật sự bỏ số tiền đó vào hộp hay không. Ai cũng thấy màn kịch của ả thật thô bỉ, và điều đáng lạ là chính tay Auersberger chứ không phải ai

khác, lại nói to ý nghĩ chung đó ra, giờ đây tôi nhớ lại, khi gã bỗng dừng nói thẳng vào mặt ả Jeannie, sao mà cô trơ trên thế, trơ trên thế, trơ trên thế. Quả thật, gã Auersberger đã nhắc thêm hai lần sao mà trơ trên, tức là tổng cộng ba lần nói như thế vào mặt ả, trước khi ném một tờ một ngàn schilling vào hộp thuốc. Rốt cuộc, số tiền thu được vào hộp thuốc lá đầu khoảng vài ngàn schilling, cộng thêm một trăm hai mươi pfund của tôi, và ả Jeannie tiến đến bên cái bàn, nơi tay John đang ngồi cùng với tôi và bà bán hàng tạp hóa, rồi đổ số tiền trong hộp ra trước mặt tay John, với dáng điệu như thế đó là tiền của ả, tiền nhờ công lao của ả mới có được vậy; nói của đáng tội, công lao trơ trên của ả thì đúng thật, những chắc chắn không phải tiền của ả, đúng thế, sự trơ trên của ả, chứ không phải tiền của ả, lúc đó tôi đã nghĩ, nhưng kìm lại, không nói thẳng vào mặt ả cái từ rất đúng đã lấp ló ở đầu lưỡi tôi, là từ ghê tởm. Con mụ tự xưng là Virginia Woolf của thành Vienna, lúc ấy tôi đã nghĩ trong đầu, kẻ đã lợi dụng tay John để một lần nữa tự đặt mình vào trung tâm chú ý của thiên hạ, và do đó, đã làm tay John ngưng ngưng hơn bao giờ hết; tôi vẫn còn nhớ như in, lúc ấy tay John chỉ muốn chui xuống gầm bàn trong quán Eiserne Hand cho đỡ xấu mặt, mà nào đâu có được. Những kẻ như Jeannie Billroth - những kẻ chí ít cũng từng hiểu biết khá nhiều về nghệ thuật - trong đời thường cũng như trong cách cư xử với người đời, lại là những kẻ hết sức vô ý, vô tứ, tôi thầm nghĩ. Sự thật đó rất có thể là một trong những nguyên nhân khiến ả Jeannie trong khoảng hai chục năm trở lại đây, từ một nghệ sĩ vốn có năng khiếu, vâng, thậm chí rất có tài, dần dần trở thành một kẻ tiểu tư sản đối trá với đời, vô liêm sỉ ở mức tột cùng, tôi nghĩ bụng. Nhưng nói cho cùng, cái đối trá với đời đó đã luôn luôn có sẵn trong con người ả, tôi thầm nghĩ, chỉ có

điều ba chục năm trước, thậm chí hai chục năm trước, tôi chưa nhận ra toàn bộ cái ghê tởm của sự dối trá đó ở mức làm tôi phải ngao ngán như bây giờ thôi, tôi nghĩ bụng, vâng, quả thật hồi đó tôi không nhận ra các thói tật hèn yếu và bệnh hoạn đó trong con người ả. Suốt thời gian dài, ta chỉ thấy một mặt nào đó của một con người, bởi ta - do bản năng tự vệ - chẳng hề muốn nhìn thấy những mặt khác, tôi nghĩ bụng, cho đến một lúc ta chợt nhìn thấy hết các mặt của một con người như vậy, và đâm ra ghê tởm. Tôi ngồi hơn hai tiếng đồng hồ trong quán Eiserne Hand, sau đó xin cáo từ, và trước đó không lâu, ả Jeannie cũng như vợ chồng nhà Auersberger đã lên xe chạy về Vienna. Trước mắt tôi lại hiện ra vòng hoa viếng kết bằng lá thông, nổi bật lên khoe mẽ cùng dải băng lông lánh ánh bạc có in dòng chữ Jeannie kính viếng, và người giúp việc nghĩa địa đã khéo đặt vòng hoa này lên trên chồng hoa bên miệng huyệt, sao cho mọi người chỉ nhìn thấy dòng chữ mang tên Jeannie mà thôi; không tôi không nghĩ là Jeannie đã buộc người này phải đặt vòng hoa của ả lộ rõ như thế trước mặt thiên hạ, không tôi quả không nghĩ như thế thật, thế nhưng, sự việc vòng hoa của đúng Jeannie chứ không phải của ai khác, với dòng chữ Jeannie kính viếng nổi bật hơn vòng hoa của mọi người khác như thế ở Kilb, vẫn khiến tôi phải nghĩ bụng đó quả đúng là cung cách của Jeannie. ả cũng là người duy nhất đã cùng với dân địa phương to tiếng cầu nguyện, là điều tôi cảm thấy quá sức chịu đựng của mình, bởi vì tôi biết Jeannie không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo, và ít nhất là trước mặt tôi, bao giờ cũng tỏ ra coi thường Cơ đốc giáo nói chung. ả làm ra vẻ ngoan đạo, và đó chính là cái đáng ghét nhất trong buổi lễ, bởi vì không một ai khác tỏ ra ngoan đạo một cách đáng tởm như ả, tôi thầm nghĩ. Mà nói chung, ở Kilb, ả xử sự như thế ả là người

bạn gái thân nhất của Joana, trong khi ả, như tôi biết, thực ra đã bỏ rơi Joana cả chục năm trước khi nàng chết, đã xa lìa Joana đúng vào lúc tay Fritz, nghệ sĩ tân thời tại Quảng trường Sebastian, bỏ rơi nàng, tức là lúc mọi thứ tại Quảng trường Sebastian có thể nói là trở nên tối tăm, không còn hội hè gì ở đó nữa, là lúc tại Quảng trường Sebastian không còn gì để kiểm soát được nữa cả. Ắ ra bộ làm người bạn gái thân tín, gần gũi nhất, trong khi, nói cho cùng, cũng phải từ mười năm nay rồi, ả là kẻ phản bội Joana. Bây giờ ả gắn dải băng Jeannie kính viếng lên vòng hoa của mình, những mong sẽ dùng nó rửa sạch được vết nhơ phản bội cả chục năm qua, tôi nghĩ bụng, và ả căm ghét tôi, vì tôi - trái với ước muốn của ả - rốt cuộc lại trở thành nhà văn, bất kể là hạng nhà văn hay dở thế nào, nhưng vẫn cứ là nhà văn, tức là thành kẻ cạnh tranh với ả, chứ không thành diễn viên, đạo diễn hay nhà viết kịch, như ả từng mong ước và có lẽ cũng là nguyên do gốc gác, vì sao ngày xưa ả giới thiệu tôi với Joana, tôi thầm nghĩ; ả tìm mọi cách cản trở, không cho tôi trở thành nhà văn, tôi nghĩ bụng, và bây giờ, khi tôi đã trở thành nhà văn thì ả đâm ra căm ghét tôi. Trong mắt ả, tôi đã phạm trọng tội, vì tôi vẫn thành nhà văn, đúng thế, vẫn, vẫn, vẫn trở thành nhà văn, tôi phải nói đi nói lại mãi như thế, trong khi ả luôn luôn tìm cách ngăn cản tôi. Và tôi nghĩ đến việc ả, thông qua tạp chí Văn học thời đại chúng ta, đã dõi theo tôi suốt hai chục năm qua với lòng căm giận đến mức nào, tất cả những gì tôi cho xuất bản đều bị ả bôi nhọ, hay chí ít tìm cách bôi nhọ trong tạp chí Văn học thời đại chúng ta. Và nếu ả không tự tay bôi nhọ các tác phẩm của tôi trong tạp chí Văn học thời đại chúng ta bằng các bài viết ô nhục, các tiểu luận xuyên tạc, thì ả cũng chẳng ngại ngần gì sai khiến kẻ khác viết, những tên bồi bút phải bợ đỡ ả để kiếm miếng ăn,

thức uống hàng ngày ấy, giờ tôi nghĩ bụng. Song, cơn tức giận của tôi thật
lố bịch, việc tôi nổi cơn bực bội vì một chuyện vớ vẩn như thế, quả thật đã
biến tôi thành kẻ lố bịch, và tôi lẩm bẩm nói một mình, nói nhỏ thôi, để một
mình tôi nghe thôi, người tự làm bản thân lố bịch, người tự biến người
thành kẻ lố bịch ngay trước mắt người, người đã biến người thành kẻ lố
bịch chính ngay trước mặt người. Người quả là con người đáng ghê tởm, tôi
thăm nhủ với lòng mình, khiến không ai nghe thấy được, và nhắc đi nhắc lại
mãi, khiến trong lòng tôi mỗi lúc một nôn nao xúc động. Chính người đã
phản bội Jeannie, chứ không phải ả phản bội người, tôi cứ thế tự nhủ nhiều
lần, và tự nhủ như thế mãi, cho đến lúc hoàn toàn kiệt sức. Lúc này đã là
hai giờ rưỡi sáng mà mọi người vẫn ngồi cả trong phòng ăn. Lão diễn viên
Nhà hát kịch Burgtheater nói huyền thuyên, còn những người khác chỉ
nghe, mà thật ra, suốt cả buổi gọi là buổi dạ tiệc nghệ sĩ này, nói cho cùng,
chỉ độc lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, vì tất cả những người
khác đều đã buồn ngủ đến mức chẳng buồn nói gì nữa. Ngoại trừ ả Jeannie
Billroth, thỉnh thoảng mới chen cái gì đó vào, mà theo tôi, chẳng đúng chỗ,
bất lực, đều cáng, và hèn hạ, y như những gì gã Auersberger hay mẹ
Auersberger nói vậy, chứ những người khác - dẫu gì cũng bảy, tám, mười,
hay mười hai người gì đó đã đến dự buổi dạ tiệc nghệ sĩ thì suốt buổi,
chẳng ai nói gì, vâng, một lúc khá lâu tôi chẳng biết xem có bao nhiêu
người đã đến dự và tôi cũng chẳng rõ, liệu tôi có quen họ không, hay đúng
hơn là tất cả bọn họ tôi quen tuốt, có điều tôi không để ý đến họ, suốt buổi
họ chỉ là phong nền mà thôi. Đúng ra thì ta không bao giờ quan tâm đến
người khác, suốt buổi tôi cứ nghĩ vậy, gần như tất cả những người ta gặp
đều không làm ta quan tâm, họ chẳng cho ta thấy cái gì hơn ngoài cái

nhàm chán của đám đông, và chính cái ngu xuẩn của đám đông bao giờ cũng làm ta ngao ngán ở mọi nơi mọi chốn, và do đó, bất kể ở đâu hay bất kỳ lúc nào cũng vậy, đám đông không mấy may làm ta quan tâm. Ta cứ nhìn lại lịch sử loài người mà xem, tôi nghĩ bụng, họ, đám đông hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu, tự làm chính họ trở nên vô nghĩa, vô vị đối với ta. Thế mà, một nhân vật nổi tiếng hoàn toàn vô nghĩa, và chỉ làm ta khó chịu như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đây, lại làm ta để ý, tôi nghĩ bụng, khi tôi chợt nhìn thấy lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng nhiên há mồm ra ngáp, rồi tiếp theo đó, tôi thấy cả mẹ vợ Auersberger cũng ngáp nốt, rồi tiếp theo nữa, là tay Auersberger chồng, và có lẽ, tất cả bọn họ đều ngáp cả một lượt, chỉ có ả Jeannie và tôi là không, vì cả hai chúng tôi không rời mắt khỏi nhau. ả Virginia Woolf của thành Vienna đây - một ả đàn bà rất cuộc cũng chỉ là vợ lão Ernstl, và như thế, mãi mãi chỉ là vợ một nhà hóa học mà thôi ấy - mới sáu chục tuổi, nhưng trông đã già như bảy mươi, tám mươi rồi, tôi thầm nghĩ. Tôi chợt nhớ đến Miền hoang dã của tuổi trẻ và những cái vô nghĩa mà ả đã viết trong cuốn sách ấy, với niềm tin, đó sẽ là tác phẩm văn học tầm cỡ thế giới, trong khi thực ra, nó chỉ là một tác phẩm kịch cớm tiểu tư sản không hơn không kém. ả căm ghét người, tôi tự nhủ, còn người thì coi khinh ả; đó là sự thật. ả căm ghét người không phải chỉ vì hồi ấy, cách đây hơn hai chục năm, đúng ra là hai mươi lăm năm, người đã bỏ rơi ả, hay vì nay người là nhà văn, mà còn là vì người trẻ hơn ả mười tuổi, loại đàn bà như ả không bao giờ tha thứ cho việc họ già hơn người khác cả chục tuổi, tôi thầm nghĩ. ả không tha thứ cho tôi vì tôi bỏ ả lại cùng tay Ernstl trong căn hộ ở Quận Hai của họ, để chuyển sang chỗ Joana, tức là từ một nữ văn sĩ già hơn mười tuổi, sang với một nữ nghệ

sĩ vận động già hơn sáu tuổi, người thay vì có tay Ernstl, lại có tay Fritz làm bạn. Nhưng dù sao, ả Jeannie cho đến tận giờ vẫn còn tay Ernstl của ả, trong khi Joana mười năm trước khi chết, không còn tay Fritz bên mình nữa, tôi nghĩ bụng. Hiện giờ ả căm ghét tôi còn nhiều hơn cách đây hai mươi lăm hay hai mươi năm, tôi thậm nghĩ. ả căm ghét người theo một lối chưa từng có, tôi tự nhủ. Không, không! Giá vợ chồng nhà Auersberger mà nói rõ ngay từ đầu, rằng chúng mời cả ả Jeannie đến dự dạ tiệc nghệ sĩ, thì chắc chắn tôi đã chẳng mò đến ngõ Gentz này, tôi thậm nghĩ. Lúc nào tôi cũng mắc phải cái sai lầm là không hỏi lại người mời tôi, xem ngoài tôi ra, họ còn mời những khách nào nữa, tôi nghĩ bụng. Họ mà nói ngay, chúng tôi còn mời cả Jeannie Billroth, thì tôi đã không đời nào vác mặt đến ngõ Gentz này, bởi như thế có nghĩa là tôi đã rơi vào cái bẫy kép ở ngõ Gentz, tôi nghĩ bụng, không khéo là ba lần, bốn lần, ngàn lần bẫy cũng nên, tôi tự nhủ. Lẽ ra tôi phải biết điều đó mới đúng, rằng đến dự một buổi dạ tiệc nghệ sĩ kiểu như thế này ở ngõ Gentz, lại đúng vào ngày đưa đám Joana, thì tất nhiên cả ả Jeannie cũng có mặt, tôi nghĩ bụng, và tất nhiên, ả sẽ đến mà không có tay Ernstl đi kèm, bởi vì ả không bao giờ đưa gã đến gặp giới nghệ sĩ cả. Mà tay đó nào có hứng thú gì với đám nghệ sĩ cùng mấy thứ râu ria đâu; gã chẳng bao giờ tỏ ra, dù chỉ là một chút ít, quan tâm đến những gì Jeannie quan tâm, vâng, phải nói thẳng ra như thế, gã Ernstl của ả không màng gì đến những gì Jeannie quan tâm, gã chỉ chăm chăm vào môn hóa học của gã và vào thân xác Jeannie thôi, hay nói cho đúng hơn nữa, thì gã chỉ quan tâm đến môn hóa học của gã và cái giường gã chung đụng với Jeannie mà thôi. Tôi nghĩ bụng, vào một ngày như ngày hôm nay, lẽ ra tôi không được để ả Jeannie chiếu tướng thế này, bởi lúc này ả đã tác động

một cách không những nguy hại, mà thậm chí còn chết người lên tôi, và ả cũng nhận ra ngay điều đó, không để cho tôi yên nữa; tôi không còn lối nào thoát khỏi ả nữa, phải, lẽ ra tôi có thể đứng dậy bỏ đi, nhưng đêm nay tôi quá đã mệt mỏi quá rồi, vả lại, tôi nghĩ, rồi tôi cũng sẽ sống sót sau đêm nay tại ngõ Gentz, như tôi đã sống sót sau hàng trăm đêm như thế này, tức là những đêm tiếp tân như thế này, những đêm tiếp tân có thể nói là không thể chịu nổi ở ngõ Gentz ấy. Nói cho cùng, thì từ xưa đến giờ, tôi vẫn vượt qua và sống sót sau mọi cuộc tụ họp đàn đúm, tôi tự nhủ. Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater rời sang phòng hòa nhạc và ngồi xuống một chiếc ghế bành, vâng, tất nhiên lão là người đầu tiên buông người ngồi xuống một chiếc ghế bành, rồi tiếp theo lão, những người khác mới lại kéo ra, ngồi xuống mọi góc ngách trong phòng hòa nhạc. À phải rồi, tôi nghĩ bụng - khi tôi vẫn lại là người cuối cùng ra khỏi phòng ăn để vào phòng hòa nhạc, hay đúng ra, thì tôi đã ít nhiều khó nhọc lết từ phòng ăn ra phòng hòa nhạc - bây giờ thế nào con mẹ Auersberger cũng sẽ hát một, hai bản aria cho mà xem, dù trong lòng tôi vẫn thầm mong, bây giờ đã ba giờ sáng, chắc mẹ sẽ thôi, không thi thố tài năng hát hồng của mẹ, vâng, dù trước đó, tay Auersberger chồng đã mở sẵn quyển sổ thanh nhạc Purcell ra rồi. Quả nhiên, mẹ Auersberger đã tha cho tôi khỏi các bài hát, mặc dù, tôi phải nói thật, đó là các bài hát bao giờ cũng rất hấp dẫn, và phải thừa nhận rằng mẹ Auersberger thực ra có giọng hát tuyệt hay, một giọng hát mà thậm chí tôi có thể không ngại ngần liệt vào một trong những giọng hát hay nhất, tôi tự nhủ, lúc tôi là người sau cùng buông người ngồi xuống một chiếc ghế bành trong phòng hòa nhạc; vâng, gian phòng hòa nhạc này cũng được thiết trí theo phong cách Empire, được bày biện - có thể nói như thế - y hệt

như ba mươi năm trước, với đầy ắp những đồ đạc quý giá mà thời nay không tiền nào mua nổi, cùng vô số vật dụng thừa kế, mà ông bố mẹ, hoặc cho khuân từ Steiermark, hay từ dinh cơ ở Maria Zaal về Vienna, hoặc sắm được ở Vienna trong những cuộc mua bán cực hời, do ông ta quen biết với một lão buôn đồ cổ ở Quận Ba, một lão nhà buôn mà theo tôi biết, bởi nhiều lý do, chỉ tự xưng là nhà buôn đồ cũ, trong khi sự thực, lão ta bao giờ cũng chỉ buôn bán đồ đạc quý giá, và từ nhiều năm, vốn có quan hệ trao đổi đối lại với ông bố mẹ Auersberger. Chẳng là ông bố mẹ chữa chạy bệnh tật cho cái lão tự xưng là nhà buôn đồ cũ nọ, còn lão này - gọi là để trả công - tìm sắm cho ông già Auersberger đủ thứ đồ đạc, theo phong cách Josephine nói riêng, cũng như phong cách Empire nói chung, lẫn các đồ đạc phong cách Biedermeier tuyệt vời, mà ông già Auersberger không phải trả lấy một xu. Dạo ba mươi năm trước đây, tôi nghĩ bụng, tôi đã mê mẩn gian phòng hòa nhạc này, bao giờ cũng coi nó là gian phòng phong cách Josephine đẹp nhất tôi từng thấy trong đời. Song, như tôi đã nói, nó quả là như sau này tôi bỗng nhận thấy - quá đẹp, nó được thiết trí quá hoàn hảo, bởi thế nó làm tôi chịu không nổi. Bây giờ ngồi trong phòng này nhìn quanh, tôi lại càng thấy nó vì thế mà đáng ghê tởm, song, cũng có thể là do tôi, trong khoảng thời gian hàng chục năm qua, không còn coi trọng các căn phòng mà người ta vẫn gọi là được thiết trí theo kiểu cổ điển ấy nữa, do lòng cuồng nhiệt xưa kia tôi dành cho các loại đồ gỗ cổ không những đã nguội bớt đi từ lâu, mà còn gần như chuyển thành mối ác cảm, thậm chí lòng căm ghét nữa là khác. Người ta thiết trí nơi ở của mình theo kiểu cổ, bày biện quanh mình các loại đồ gỗ của một thời đã trôi qua từ hàng trăm năm, một thời chẳng còn dính dáng gì đến họ nữa ấy, và chỉ riêng cái đó thôi, đã khiến mọi sự

trở nên giả dối, tôi nghĩ bụng. Thực ra là, khi phải đối mặt với thời đại của chính họ, người ta cảm thấy yếu đuối đến mức, họ phải lấy đồ gỗ của một thời đã qua từ lâu, một thời đã tiêu vong từ bao giờ rồi, để bao quanh lấy mình, hòng - như thiên hạ vẫn nói - sống sót qua ngày, tôi tự nhủ, vâng, đúng vậy, khi con người ta đã phải thiết trí nơi ở của mình với đồ gỗ của những thời đã qua, chứ không phải với đồ gỗ thời đại họ, thời đại mà sự hà khắc và phũ phàng của nó làm họ không chịu nổi ấy, thì xét cho cùng, đó chính là biểu hiện của một trạng thái yếu hèn hết sức xấu xa. Có nghĩa là, tôi thầm nghĩ, họ cố thủ, bao bọc lấy mình bằng sự nhu nhược của một quá khứ đã chết, khiến mọi sự phản bác đều trở nên vô ích. Vợ chồng nhà Auersberger, những người mà thiên hạ luôn đồn đại là có thị hiếu ấy, thật ra, chẳng bao giờ có thị hiếu thực sự cả, mà đó chỉ là một thứ thị hiếu bắt chước mà thôi, cũng như chúng đã chẳng bao giờ có cái gì của riêng, mà chỉ là những cái nhại lại của người ta, chúng cũng chẳng có cuộc sống riêng, chẳng có sự tồn tại riêng, mà xét cho cùng, chỉ là cuộc sống theo đuôi kẻ khác. Đó chính là cái đáng tởm lợm ở vợ chồng nhà Auersberger, tôi thầm nghĩ. Đúng ra thì không phải chúng nằm ở tâm điểm mọi cuộc tiếp tân, mà là đồ gỗ cùng các báu vật khác của các thế kỷ trước trong căn nhà chúng ở, không phải chúng đang cất tiếng nói năng, mà là các loại đồ gỗ, các di vật nghệ thuật và tiền bạc của chúng, tôi nghĩ thầm, cũng như tối và đêm nay đây, không phải chúng đang lên tiếng, mà là đồ đạc và tiền bạc của chúng lên tiếng. Với ý nghĩ ấy, tôi nhận ra cái nghèo nàn đến là tội nghiệp của hai vợ chồng chúng. Vợ chồng nhà Auersberger, vợ chồng chúng nó bao giờ cũng tưởng được thiên hạ ngưỡng mộ, trong khi những người kéo đến với chúng, thật ra chỉ ngưỡng mộ các loại đồ gỗ cùng các

hiện vật nghệ thuật khác của vợ chồng nhà chúng, cũng như trầm trồ chiêm ngưỡng cung cách bày biện, sắp xếp các loại đồ gỗ cùng các báu vật nghệ thuật tinh xảo tại nơi chúng ở mà thôi. Chúng tưởng người ta ngưỡng mộ chúng, trong khi thực ra người ta chỉ trầm trồ ngưỡng mộ nào những rương, những tủ, bàn ghế bóng lộn cũng như vô số tranh sơn dầu treo trên các tường nhà, và tiền bạc của vợ chồng chúng mà thôi, tôi nghĩ bụng. Nói cho cùng, thì cũng chẳng có gì là sai, nếu nghĩ rằng sự giàu có của chúng, cũng như lối sống ít nhiều trơ tráo thông qua của cải mà có của chúng, mới là nguyên nhân chính khiến người ta ngưỡng mộ và bị cuốn hút. Không phải cứ lụa là mới làm người ta đẹp, mà cả đồ gỗ xưa, cùng các báu vật cổ hàng trăm năm tuổi cũng làm người ta sang, tôi nghĩ thầm. Thế nhưng, trong cảnh tối tăm đang trùm lên gian phòng hòa nhạc này, thì chẳng làm sao mà thấy được một báu vật như thế ở đây, tôi nghĩ bụng, cho dù tôi chẳng muốn nhìn thấy chúng chút nào, bởi chắc chắn là chúng sẽ làm tôi ghê tởm. Cũng như toàn bộ căn hộ quái gở tại ngõ Gentz này, suốt buổi tối và cả đêm nay làm tôi ghê tởm. Tất cả cái vẻ hoàn thiện nhẩy xổ ra đâm chọc vào mắt người ta này thật đáng ghê tởm, tôi nghĩ thầm, cũng như mọi căn hộ trên đời này - nơi mọi thứ, như thiên hạ vẫn nói, đều đâu ra đấy, không có bất cứ thứ gì, dù chỉ là nhỏ nhất nhất, trệch ra khỏi khuôn khổ và không bao giờ được phép lệch khỏi khuôn khổ - đều là các căn hộ đáng ghê tởm hết. Ta thấy ghê tởm các căn hộ như thế, và chẳng bao giờ cảm thấy khoan khoái như ở nhà mình, tôi nghĩ, trừ phi họ là những kẻ như tôi, cách đây ba chục năm, ít nhiều vô tâm vô tính, lần đầu tiên bước vào căn hộ như thế này. Thế quái nào mà từ phòng ăn bước ra phòng hòa nhạc, tôi lại ngồi đúng vào một chỗ ở giữa tay diễn viên với gã Auersberger. Tay diễn viên

Nhà hát kịch Burgtheater lúc này trông giống như một viên tướng bộ binh về hưu, và tôi nghĩ, có lẽ cái bụng ăn no kênh no càng kia đủ để hãm được cả thối ba hoa của lão, bởi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng đứng chẳng nói chẳng rằng, cung cách lão đột nhiên còn có vẻ nhà binh là đằng khác, tôi nghĩ bụng, khi thấy lão đuổi chân ra phía trước. Những nếp là sắc thể kia trên ống quần, là những nếp là ta chỉ thấy trên ống quần các sĩ quan nhà binh, trên ống quần các vị tướng quân, hay nguyên soái mà thôi, tôi thầm nghĩ. Con mẹ Auersberger xách bình rượu vang trắng đầy đi lảng xảng từ chỗ người này đến chỗ người khác, thế nhưng, mọi người ai nấy đều đã buồn ngủ rũ rượi, đến mức chẳng ai buồn để ý đến rượu vang, hay thức uống gì khác nữa, còn mình gã Auersberger, cho đến giờ, như người ta thường nói, vẫn không ngừng nốc hết ly này đến ly khác. Liếc nhìn y từ phía bên hông, tôi thấy thái dương y lõm sâu, má y xệ búng xuống, tôi đã phải nghĩ thầm, chắc y lại sắp phải nhập viện, vào cái gọi là trung tâm cai nghiện ở Kalksburg rồi đây; nếu bộ dạng y lúc này không đáng tởm như thế, thì có lẽ tôi cũng chỉ thấy y lối bịch là cùng, nhưng không phải vậy, bởi vì thật lòng mà nói, tôi hết sức thương hại tay Auersberger này. Chính con người này ta đã từng ít nhiều yêu quý - từ một bên trông sang y, tôi nghĩ bụng - ta đã từng, có thể nói như thế lắm, si mê, mê mẩn con người này như điên đảo. Vậy mà, chính con người ấy, lúc này đang ngồi đổ đốn, ục ịch, húp húp, ở bên tôi và chỉ còn mỗi một cách để lôi kéo sự chú ý là chốc chốc lại nói đôi lời gì đó bằng một thứ giọng đã say mèm. Y lại mang đôi tất đàn quái gở, tôi thầm nghĩ, khoác trên người chiếc áo vô duyên và nhàu nát mà cánh nông dân thường mặc, và dưới áo khoác lại là chiếc áo sơ mi vải lanh cổ cao, thêu dệt màu mè, mà trên người y, trông thật lối bịch đến khác

người. Con mẹ Auersberger tất nhiên rất khổ sở trước cảnh chồng mình trông như kẻ mắc chứng tâm thần quái gở như thế, nhưng mẹ không biết làm sao được, mặc dù khoảng một tiếng đồng hồ trước, mẹ đã toan lôi thằng cha Auersberger ra khỏi buổi tiếp tân và đưa y về phòng ngủ, nhưng không xong, và bây giờ, một lần nữa, cố lôi chồng mẹ, tức tay Auersberger - do nghiện rượu mà đâm ra rất con nít này - ra khỏi ghế bành để dìu vào phòng ngủ, mà cũng không thành nốt; gã Auersberger không những chỉ gạt mẹ vợ y - lúc đó đang giữ trên tay một ly rượu vang đầy - sang một bên, mà còn làm xước một bên mắt mẹ, đã thế, lại làm đổ hết ly rượu vang xuống nền nhà, và không ngớt chửi mẹ vợ là đồ ngu, một tiếng y dùng để chửi vợ suốt buổi tối nay, y hết như ba chục năm về trước. Những cảnh tượng như thế ở nhà vợ chồng Auersberger thật quá quen thuộc đối với tôi, bởi tôi đã từng chứng kiến nhiều lần; so với mọi lần khác, cảnh tượng lần này chưa có gì ghê gớm. Hầu hết các buổi tối như thế, bao giờ cũng kết thúc bằng cảnh gã Auersberger ném ly rượu vang của y vào tường, rồi làm gãy chân một trong những cái ghế xinh xắn và vô giá kiểu dáng Empire dựng bên các bức tường đó, và chiếc ghế sẽ phải nhanh chóng đưa đến một trong những tay thợ phục chế đồ cổ có cửa hiệu trong trung tâm - những tay thợ nhờ vào thói quen phá phách của vợ chồng nhà Auersberger mà luôn luôn có việc để làm ấy. Thình thoảng tay Auersberger vẫn còn đủ tỉnh táo để nói điều gì đó, thậm chí nói được trọn vẹn cả câu, như câu Nhân loại phải bị triệt hạ, một câu nói mà lúc này y lặp đi lặp lại nhằm lôi kéo sự chú ý của đám người ngồi trong phòng hòa nhạc đây, như một nhạc sĩ đang bắt nhịp với độ chính xác toán học vậy. Hoặc là câu Xã hội này phải bị thủ tiêu, hay Chúng ta phải ra tay giết hại lẫn nhau. Những câu như thế tôi nghe đã nhàm

quá rồi, không còn thấy chúng độc đáo ở chỗ nào nữa, và buổi tối hôm nay, những câu như thế cũng không còn làm tôi bối rối, ngỡ ngàng nữa, không giống nhiều người khác, do chưa nghe bao giờ nên chưa quen, như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chẳng hạn, là người có lẽ trước đây chưa nghe gã Auersberger nói những câu như thế bao giờ, cho nên như tôi nhận thấy, cảm thấy bối rối. Kìa, ông bạn Auersberger thân mến của tôi, ông làm sao thế? Tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng hỏi, điều gì khiến ông nổi cáu lên như thế? Thế giới chúng ta là một thế giới đẹp đẽ, và con người chúng ta thật là những con người tuyệt vời đấy chứ. Cái gì khiến ông nổi giận và muốn đập đổ tất cả như thế, trong khi xét cho cùng, mọi sự vẫn đầu vào đấy và vẫn hết sức hấp dẫn mà? Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi dừng một lát trước khi nói tiếp: cái gì khiến ông uống gần đến mức bất tỉnh thế kia, rồi lão lắc đầu, và lại làm một hơi từ điều xì gà mụ Auersberger vừa châm lửa cho lão. Trong phòng hòa nhạc, ở Jeannie Billroth cũng ngồi đối diện với tôi, và không nói lấy nửa lời, chỉ để mắt quan sát cảnh tượng diễn ra giữa tay Auersberger - là kẻ mà hồi xưa, cách đây ba chục, hay hai mươi lăm năm gì đó, ở phải lòng còn hơn cả phải lòng tôi - và lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, con người mà khi này tại phòng ăn, ở mong được đối đáp trong một cuộc chuyện trò trí tuệ - theo cách ở vẫn ưa nói - nhưng không thành, vì lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater quả thực đã không bị lôi cuốn vào các câu hỏi ở nêu ra, hoàn toàn cố ý không tham gia vào câu chuyện nào với ở, không để hở cơ hội nào cho ở mở đầu cuộc chuyện trò trí tuệ của ở; lão chỉ ưu tiên chú ý đến món cá vược chính hiệu, và rút lui vào thế thủ bằng các câu chuyện vui và đủ loại giai thoại của lão. Ở Jeannie bao giờ cũng muốn có một cuộc

chuyện trò mà ả gọi là chuyện trò trí tuệ, và trong mọi tình huống, bao giờ ả cũng nhấn mạnh cho bằng được, rằng trong mối quan hệ với người đời, ả chỉ quan tâm đến những cuộc chuyện trò trí tuệ như thế mà thôi, và cũng xuất phát từ lý do duy nhất đó mà ả tìm cách giao lưu tiếp xúc với thiên hạ; thế nhưng chính ả, lại chưa bao giờ có khái niệm chính xác, thậm chí hình dung sơ sơ thôi, cái ả mệnh danh là chuyện trò trí tuệ ấy là gì. Hẳn ả đã nghĩ rằng diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chắc chắn phải hợp cho một cuộc chuyện trò trí tuệ như thế, song ả đã phải thất vọng, bởi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater trong buổi tối hôm ấy đã muốn làm đủ thứ, chỉ riêng tham dự vào cái gọi là chuyện trò trí tuệ là không, thậm chí tất tật những thứ thường ngày có thể gọi là trí tuệ lão còn chẳng muốn mở lời, nói gì sa vào những thứ có thể gọi là thuộc vào phạm vi nghề nghiệp của lão. Ả Jeannie loay hoay tìm cách nhử lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mở nguồn dự trữ kiến thức và kinh nghiệm của lão ra, do ả không biết rằng lão chẳng có nguồn dự trữ nào hết, rằng lão không thể có nguồn dự trữ nào như thế cả, tôi thậm nghĩ, mà xét cho đến cùng, thì tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater này cũng chỉ là một trong số tất cả những kẻ đầu óc ngu si được vung chân múa tay, hay được thuê vung chân múa tay trên sân khấu Burgtheater mà thôi, những kẻ lớn lên và già đi theo năm tháng tại Nhà hát kịch Burgtheater trong khuôn khổ chật hẹp về tinh thần, và quả thật, chìm đắm trong sự ngu độn triền miên tại Nhà hát ấy. Ngay trên nét mặt của chính lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater này thôi, cũng không hề có lấy điểm nào có thể gọi là nét trí tuệ, tôi tự nhủ, nhưng ả Jeannie lại không nhận ra điều đó. Và ả quả là thiếu khôn ngoan tể nhị khi đòi hỏi một diễn viên sân khấu phải nói về sân khấu, nói về nghề diễn viên, vâng, tức là về

nội dung cuộc sống người ta, một việc mà thật ra chẳng ma nào muốn làm, xét cho cùng, chẳng ma nào muốn tự mình phải bình luận về cái mình lẩn lừng ra làm để tồn tại, về cái có thể gọi là nghề nghiệp, hay - như người ta vẫn nói - về cái gọi là sứ mệnh của anh ta ấy. Chính ả, bao giờ ả cũng từ chối nói về nghề viết văn đấy thôi, cũng như tôi vậy, bởi đó cũng là lẽ tất nhiên, khi tôi với tư cách nhà văn - không cảm ghét gì hơn việc phải nói về nghề văn cả, bao giờ tôi cũng từ chối nói về nó, và do đó, tôi luôn luôn làm nhiều người mất lòng phật ý, thế nhưng sự mất lòng, phật ý đó là do họ tự chuốc vào mình, khi họ hỏi han vô ý vô tứ như thế chứ, tôi nghĩ bụng, quả thực tôi không ghê tởm cái gì hơn việc phải nói về nghề viết lách, và đáng ghê tởm nhất là nói về trò viết lách của chính mình, thế mà, tôi nghĩ bụng, Jeannie lại tưởng ả có thể trò chuyện với tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater về trò diễn xuất và múa may tại Nhà hát kịch Burgtheater mới khở. Ngồi cạnh ả Jeannie là mục giáo viên trung học Anna Schreker, một người tôi quen biết cũng đã lâu như quen biết vợ chồng nhà Auersberger, một người tôi luôn gặp ở nhà vợ chồng Auersberger - tại căn hộ ở ngõ Gentz này thôi, chứ không bao giờ ở Maria Zaal cả - và lúc nào cũng có tay bạn đời của mục đi kèm, tôi nghĩ thầm, đồng thời, cũng là người đàn bà nói giọng rin rít nghe đến khó chịu, chẳng khác gì ba chục năm về trước. Người ta cứ đồn đại, thậm chí có người còn quả quyết, rằng mục giáo viên trung học Anna Schreker này là Gertrude Stein hoặc Marianne Moore của nước Áo nữa kia, trong khi sự thực mục bao giờ cũng chỉ là mục Schreker nước Áo, một nữ văn sĩ hạng quèn và đầu óc hoang tưởng của thành Vienna mà thôi, giờ đây tôi nghĩ rằng cô giáo trẻ tuổi Schreker ở trường trung học đạo nào cũng bắt đầu viết văn từ những năm năm mươi, rồi cũng ít nhiều đi đúng

con đường mà ả Jeannie Billroth đã đi, tức là từ một tài năng trẻ đến một nữ nghệ sĩ ăn lương nhà nước, từ một thiếu nữ trẻ chuyên bắt chước trở thành một mụ đàn bà béo ú vẫn tiếp tục bắt chước, có nghĩa là cũng bước trên con đường trưởng thành tầm tầm hạng trung, không phải con đường của một thiên tài, tôi thầm nghĩ; nếu ả Jeannie đi từ chỗ mê Virginia Woolf đến chỗ bắt chước Virginia Woolf, thì mụ Schreker đi từ chỗ mê Marianne Moore và Gertrude Stein đến chỗ sao y của Marianne Moore và Gertrude Stein. Cả ả Jeannie lẫn mụ Schreker, lại thêm tay bạn đời của mụ nữa, đã nhanh chóng - và thật đáng tiếc - rất triệt để, từ bỏ các giấc mơ hay các dự định cũng như niềm say mê ban đầu chúng dành cho văn học để đi vào thứ nghệ thuật tầm thường và đáng ghét, chuyên nịnh bợ nhà nước cầm quyền, thứ xảo thuật mà chúng gọi là văn chương ấy; và cả ba, cũng bằng những phương thức đáng tởm lợm như thế, chung tay bợ đỡ và hợp tác với đủ loại Hội đồng thành phố, lẫn Bộ này Ban nọ, cũng như với hàng loạt các cơ quan gọi là cơ quan văn hóa cộng đồng đại chúng; và vào đầu những năm sáu mươi, tôi nghĩ bụng, đối với tôi bọn chúng - xuất phát từ bản chất hèn kém bẩm sinh - đã chết goá, và nhanh chóng hồi sinh thành đúng những mẫu người đáng ghét và đáng phỉ nhổ, kiểu người mà chính chúng cũng suốt ngày lên án với đầy vẻ khinh bỉ ấy. Cả mụ Schreker lẫn ả Jeannie, tôi nghĩ vậy, thông qua sự xu nịnh, bợ đỡ dễ thấy họ dành cho bộ máy nhà nước, chẳng những đã tự phản bội mình, mà còn phản bội toàn bộ nền văn chương, đúng như hồi đấy tôi đã nghĩ và hiện giờ vẫn nghĩ như thế; tôi không tha thứ và sẽ không bao giờ tha thứ cho họ về sự phản bội đó, mà quả thật, tôi cũng không rõ, ai trong số họ đáng giận hơn nữa. Chính cái nơi bẩn thỉu tanh hôi ấy, cái nơi mà hai người, vào những năm năm mươi,

vẫn luôn mồm giảng giải cho tôi là nơi bán thử, tanh hôi nhất đời ấy, lại là nơi mà cả ả Jeannie Billroth lẫn mẹ Anna Schreker, vào đầu những năm sáu mươi, bỗng dựng lờm còm chống chân chống tay chui vào, theo một lối trực lợi cơ hội chủ nghĩa đáng ghét nhất. Vâng, tôi phải nói như thế, ngay từ đầu những năm sáu mươi họ đã bị khuất phục một cách vô liêm sỉ nhất, đã đầu hàng theo một lối phản phúc đê tiện nhất, cái nhà nước ấy, chính cái nhà nước mà vào các năm năm mươi, tức là khi tôi mới ngót nghét hai chục tuổi đầu, họ vẫn dựng ra trước mặt tôi như nỗi bất hạnh sâu xa trùm lên tầng tầng lớp lớp nhân dân ngây dại, nỗi bất hạnh cho đến tận ngày nay vẫn thật sự tiếp tục tồn tại ấy. Cả mẹ Schreker lẫn ả Billroth, tôi nghĩ bụng - và phải nói thẳng ra - ngay từ đầu những năm sáu mươi đã bán mình cho cái nhà nước lố bịch và đáng ghét này, cũng chính vì lý do ấy, mà từ đó trở đi tôi không còn muốn dính líu gì với chúng nữa cả, nhất là với ả Jeannie. Dưới mắt tôi, tuy mẹ Schreker bao giờ cũng chỉ là một nhân vật phụ, nhưng tôi vẫn luôn luôn coi mẹ như chị em thân thiết với Jeannie cả về tinh thần lẫn tính cách. Nếu ả Jeannie suốt đời mắc chứng cuồng Virginia Woolf, tức là, dù ít dù nhiều cũng mang trong người căn bệnh sùng Virginia Woolf từng phổ biến ở Vienna, thì mẹ Schreker cũng mắc chứng cuồng Marianne Moore và Gertrude Stein, và như thế, cũng mang trong người căn bệnh sùng Marianne Moore và Gertrude Stein. Và cả hai người, Jeannie Billroth lẫn Anna Schreker, vào đầu những năm sáu mươi bỗng dựng biển chứng cuồng văn chương và căn bệnh sùng văn chương của họ - mà hồi đó rất có thể đã từng là chứng cuồng si chân thành và căn bệnh sùng bá chân thành - trở nên một thứ trò giả tạo, thành thứ văn chương giả tạo, thứ văn chương giả mạo và đa năng, đa dụng, nhằm làm vừa lòng các chính khách phóng

tay chi tiền, và như thế, trong chốc lát đã giết chết mầm văn chương trong lòng họ một cách vô liêm sỉ, để ít nhiều đổi lấy sự tồn tại cực kỳ hèn hạ được nhà nước bao dung và nuôi dưỡng. Thì tôi phải gọi hai con mẹ này là hai kẻ thụ hưởng ân huệ của nhà nước một cách xảo quyết chứ biết gọi chúng thế nào hơn, một là vì trong mấy chục năm gần đây, chúng không bỏ lỡ cơ hội nào để luồn cúi và lợi dụng sự hào phóng quái đản của chính cái nhà nước mà trước đây nhiều năm chúng từng phỉ báng, và lê lét đến khắp nơi khắp chốn - như người ta thường nói - mà chúng có thể kiểm soát, xin xỏ được chút ít; hai là, vì trong suốt mười lăm năm qua chúng không bao giờ vắng mặt tại bất kỳ lễ hội nào do nhà nước trung ương hay các hội đồng thành phố tổ chức; vâng, tức là chúng xuất hiện, chúng ngồi chực sẵn tại tất cả các sự kiện có sự tham gia của các chính khách - mang theo những túi đầy ắp tiền của nhà nước - vốn vẫn can thiệp vào nền văn hóa đất nước một cách vô cùng đê tiện và cực kỳ thô bạo. Đó chính là thời kỳ khiến tôi đâm ra căm ghét cả ả Jeannie Billroth lẫn mẹ Anna Schreker - hai người đàn bà vốn là tấm gương văn chương và nghệ thuật, vâng, vốn là tấm gương văn hóa nói chung cho tôi thời trai trẻ, hai người mà tôi đã hiến dâng tất cả hàng chục năm trời, tôi nghĩ bụng. Thế nhưng, đương nhiên tôi căm ghét ả Jeannie nhiều hơn căm ghét mẹ Schreker, bởi vì tôi chưa bao giờ có quan hệ (và xung đột!) sâu sắc với mẹ Schreker như với ả Jeannie. Ngay từ đầu những năm sáu mươi, tôi đã nhận ra là hai nữ nhà thơ lớn của mình, hai người mà tôi ít nhiều nâng lên tận trời cao vào đầu những năm năm mươi ấy, thật ra chẳng là gì khác, ngoài tiểu tư sản ít nhiều chỉ biết chép dăm ba ý nghĩ nghèo nàn và giả dối của mình ra giấy mà thôi; vâng, vậy mà giờ đây, hai con mẹ mà đối với tôi chỉ là hai con quỉ cái xuất thân từ

thành Vienna của nền văn chương Áo, đang ngồi trước mặt tôi, sát bên nhau một cách đáng tởm trong tư thế vênh vang, ngạo mạn. Mụ Marianne Moore kiêm Gertrude Stein cùng ả Virginia Woolf thành Vienna ngồi vênh vênh ở đó, tôi nghĩ thầm, nhưng thực ra chỉ là hai con mẹ nhỏ mọn, qui quýt, háo danh, hưởng ân huệ của nhà nước, hai kẻ đã bán rẻ văn chương và nghệ thuật để đổi lấy đôi giải thưởng lơ bịch và khoản lương hưu chắc chắn, hai kẻ đã bán mình cho nhà nước và bè lũ công chức văn hóa của nhà nước ấy, hai kẻ theo thời gian đã kịp biến việc nặn các tác phẩm kệch cỡm và nhái lại của người khác thành thói quen đê tiện, giống như thói quen lên lên xuống xuống các cầu thang tại Bộ này Ban nọ có tiền bao cấp cho chúng. Mụ Schreker vẫn thường chửi bới, vâng, xỉ vả đến mức xùi bọt mép ra ấy chứ, cái gọi là Hội đồng nghệ thuật, thế mà mới năm ngoái đây thôi, mụ đã lại nhận từ đúng cái Hội đồng nghệ thuật ấy một giải thưởng gọi là Đại giải thưởng quốc gia Áo về văn học. Quả là đáng tởm, tôi nghĩ bụng, khi phải đứng nhìn những người như mụ Schreker và ả Billroth giờ đây nhẩy cõn lên ôm choàng lấy cổ vị cựu Chủ tịch - hiện giờ là Chủ tịch danh dự - của cái gọi là Hội đồng nghệ thuật ấy, vâng, đúng cái vị mà các mẹ từng không ngớt chửi bới nguyên rủa là đáng ghét và ăn hại suốt cả chục năm trời ấy; chẳng qua các ả thèm muốn được vị cựu Chủ tịch hay Chủ tịch danh dự của cái gọi là Hội đồng nghệ thuật trao tặng cái gọi là Đại giải thưởng quốc gia Áo mà thôi. Các ả bỗng nhiên bán mình một cách trơ trẽn cho hăn ta cũng như cho những đám lâu nhâu thân cận của hăn, những kẻ, như thiên hạ vẫn nói, sẽ nhả cái giải ấy cùng số tiền gắn liền cái giải ấy ra cho các ả. Chính vị Chủ tịch này, đối với các ả, hàng chục năm trời đã từng là một nhân vật bẩn thỉu đáng ghét, thế mà bây giờ mụ Schreker, trên tay

cầm chắc tờ ngân phiếu, lại ôm cổ hân ta ngay trong hội trường lớn của Bộ Văn hóa, rồi đọc lời cảm tạ đến là vô duyên tởm lợm. Vị cựu Chủ tịch và Chủ tịch danh dự này của Hội đồng nghệ thuật Áo đã già đến chín mươi tuổi, thế mà cho đến tận giờ, ai được và ai không được tặng thưởng phần thưởng cao quý nhất ấy, vẫn chỉ phụ thuộc vào một mình hân ta, vào kẻ lạm dụng nghệ thuật dân dòn, thô tục và Thiên Chúa giáo cực đoan này, là kẻ vốn từ nhiều chục năm nay, đã luôn luôn là một trong những thủ phạm to đầu nhất làm nhơ bẩn môi trường nghệ thuật của đất nước này, tôi nghĩ bụng, và cứ hình dung đến cảnh mục Schreker, sau khi rớt cuộc đã cầm được giải thưởng trên tay, lại còn nhảy cõn lên hôn vào má lão già, là tôi lại thấy buồn nôn. Và cũng chẳng còn lâu nữa đâu, sẽ đến lượt ả Billroth, tiếp sau ả là tay bạn đời của mục Schreker, hiên ngang bước vào cái nơi gọi là đại sảnh của Bộ Văn hóa và nhận Đại giải thưởng quốc gia Áo từ tay lão già đáng tởm này, và cũng sẽ không ngượng ngùng hôn lên má lão, trước khi đọc diễn từ cảm tạ bằng những lời lẽ vô duyên tởm lợm nhất. Song, không phải chỉ có mục Schreker (lẫn tay bạn đời của mục) và ả Billroth, mới bán mình một cách cực kỳ hèn hạ từ hàng chục năm nay cho đám người cai quản và điều hành tất tậ các thứ tiền và giải thưởng nhà nước này như thế đâu, mà hầu hết các nghệ sĩ người Áo - khi họ, như thiên hạ vẫn nói, tuổi đời xế bóng - ít nhiều đều đi con đường đó, tức là họ phủ nhận tất cả những gì mà ở tuổi đời hai mươi lăm hay ba mươi họ đã hăng hái nêu cao và ra rả tuyên truyền ở mọi nơi mọi chốn về cái gọi là đạo đức nghệ sĩ tối thiểu, để chuyển sang kết thân đánh bạn với bè lũ nắm quyền chi tiền, trao giải thưởng Nhà nước và phân phát lương hưu. Tất cả các nghệ sĩ Áo, chẳng chóng thì chầy, rớt cuộc đều để cho Nhà nước và các ý đồ chính trị hèn hạ

của nó mua chuộc, chịu bán mình cho cái Nhà nước xảo quyệt, đều cáng và hèn hạ ấy; mà thậm chí phần lớn trong số ấy ngay từ đầu đã lộ bản chất rồi kia. Chất nghệ sĩ của họ không bao hàm cái gì khác ngoài sự hạ mình phục họa với Nhà nước; đó là sự thật. Mụ Schreker cùng tay bạn đời của mụ và ả Billroth thật ra chỉ là ba thí dụ cho cái gọi là giới nghệ sĩ Áo nói chung mà thôi. Chất nghệ sĩ Áo, phần lớn cũng có nghĩa là ngoan ngoãn phục tùng Nhà nước, bất kể chính thể nào, và suốt đời để nó nuôi mình. Cuộc đời nghệ sĩ Áo là một con đường xấu xa và giả tạo của chủ nghĩa cơ hội dựa vào Nhà nước, con đường được lát bởi đủ loại trợ cấp và giải thưởng, và hai bên đường treo đầy những huân chương và huy hiệu danh dự, và kết thúc bằng ngôi mộ danh dự trong nghĩa địa trung ương. Schreker, một mụ đàn bà đến nghĩ ngợi còn chẳng ra hồn, và suốt hàng chục năm nay chỉ viết được độc những thứ vớ vẩn - giống như ả Billroth, một ả còn dần dộn hơn nhiều - thế mà vẫn được xem là nữ văn sĩ trí thức, tôi nghĩ bụng; sự thật đó không những chỉ đặc trưng cho đời sống tinh thần đồi bại hiện hay ở Áo, mà cho cả đời sống tinh thần nói chung. Thế nhưng, thực trạng thảm khốc ấy tại Áo, khi ta quan sát nó từ trên cao, bởi vừa bay từ Anh quốc về, lại càng thảm khốc đau thương hơn. Cũng như cái đáng ghét ở đây bao giờ cũng đáng ghét hơn, cái vô vị nhạt nhẽo ở đây bao giờ cũng nhạt nhẽo vô vị hơn, cái lối bịch ở đây bao giờ cũng lối bịch hơn. Thế nhưng ta sẽ là gì, sẽ ở đâu, tôi nghĩ bụng, nếu mọi sự sẽ khác đi? Mụ Schreker và tay bạn đời của mụ, cũng như ả Jeannie - những kẻ suốt hai chục năm qua chỉ giả bộ làm gương cho giới trẻ về sự chống đối, về tính cách cách mạng và tiến bộ - thật ra, hai chục năm qua chúng không năng nổ làm điều gì khác hơn là chạy lên chạy xuống các cầu thang ở sân sau những Bộ này Ban nọ để xin

chi tiền - bọn chúng đúng là những kẻ họ hàng với nhau về mặt tinh thần; cùng với những ngón trò chúng đem ra thi thố nhằm đánh lừa giới trẻ và moi tiền của các Bộ, các Ban đần độn, đối với tôi, bọn chúng vốn bao giờ cũng đáng nôn đáng mửa lắm rồi. Bây giờ cụ Anna Schreker ngồi cạnh ả Jeannie Billroth, tôi nghĩ bụng, và quan sát chúng như quan sát hai chị em sinh đôi về tính cách đã thật sự suy đồi trí óc. Cả cụ Schreker lẫn ả Billroth, cũng như tay bạn đời của cụ Schreker, bây giờ chính là hiện thân cho loại văn chương tào lao nhằm nhí, ngụy trí thức và nhai nhại lẫn nhau, thứ văn chương lúc nào tôi cũng căm ghét, nhưng cũng lại là thứ văn chương được đám biên tập viên xu thời cuồng tín, luôn luôn muốn nổi bật hơn người, nhưng vẫn còn mắc kẹt trong thời kỳ dậy thì về lý luận văn học, yêu chuộng và hết lời ca ngợi, cũng như được đám công chức già nua lắm cẩm tại Bộ Văn hóa ở Quảng trường Minoriten chăm chỉ đưa tiền trợ cấp. Tối hôm nay, tại buổi dạ tiệc nghệ sĩ này, cụ Schreker đóng bộ đồ đen tuyền, như xưa nay vẫn vậy, tôi tự nhủ. Bây giờ cụ đột nhiên chuyển chỗ, ngồi lùi ra sau, bên cạnh họa sĩ cụt tay Rehmden, một người đàn ông thuộc cái gọi là trường phái siêu thực Vienna thứ hai và tất nhiên, là Giáo sư giảng dạy tại Viện Hàn lâm Mỹ thuật trên Quảng trường Schiller, người khắc họa thiên nhiên bằng những nét khắc tinh tế. Tay Auersberger, con người tôi đã có thời hết sức nghiêm túc mệnh danh là Novalis của âm thanh ấy - một điều khiến tôi mỗi khi nhớ lại vẫn tự thấy ghê tởm chính mình - lúc này đã rơi vào trạng thái không còn tự làm chủ được bản thân nữa, thỉnh thoảng phát ra những tiếng gì không ai hiểu trong họng, sau khi y - có lẽ cũng là để một lần cuối thu hút sự chú ý của mọi người trong phòng hòa nhạc - lôi bộ răng giả ở hàm dưới ra khỏi miệng và đưa ra trước mặt lão

diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater như khoe một chiến lợi phẩm, và buông lời bình luận, rằng cuộc đời thật ngắn ngủi, con người già nua yếu đuối và cái chết đã đến gần, khiến lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater phải thốt lên nhiều lần cái từ trơ trên, rồi thằng cha Auersberger lại loay hoay tìm cách nhét hàm răng giả vào miệng y như cũ. Mụ vợ Auersberger, tất nhiên, lại buộc lòng phải bật dậy khỏi ghế bành, định kéo lão chồng từ gian hòa nhạc vào phòng ngủ cho bằng được, nhưng rồi cũng lại không thành nốt; thằng cha Auersberger bây giờ quay ra dọa vợ là y sẽ giết mụ, rồi đẩy mụ ra, khiến mụ chới với vấp vào người lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, nhưng tay này đã kịp dang tay đỡ lấy mụ. Chà, đến là trơ trên! Tự thằng cha Auersberger cũng thốt lên đôi lần như thế, trước khi ngoẹo đầu ngủ thiếp đi, vẫn nguyên bộ cánh nông dân trên người. Đến dự buổi dạ tiệc nghệ sĩ này còn có hai người đàn ông trẻ tuổi, nói giọng vùng Steiermark, có vẻ là bà con phía bên gã Auersberger, và có thể nói, hai người thuộc loại trai tráng đồng quê, vâng, những chàng lực điền vùng Steiermark mà vợ chồng nhà Auersberger đúng là lôi kéo đến buổi dạ tiệc nghệ sĩ này cho bằng được, như chúng vẫn nói, nhằm thêm màu thêm sắc cho buổi dạ tiệc nghệ sĩ của vợ chồng nhà chúng, tôi nghĩ bụng; và hai người này, như tôi quan sát này giờ, họa hoằn lắm mới nói với nhau dăm ba câu, còn thì họ chẳng chuyện trò với ai, cũng giống như tôi vậy, nếu có nói thì cũng chỉ tự nhủ với mình mà thôi; tuy tôi vác mặt đến buổi dạ tiệc nghệ sĩ này thật nhưng suốt buổi dạ tiệc nghệ sĩ tôi đã hoàn toàn hờ hững và bàng quan, giờ đây tôi thầm nghĩ; xét cho cùng thì tại buổi dạ tiệc nghệ sĩ này, tôi cũng xử sự y hệt như hai chàng trai trẻ xứ Steiermark vậy, hai chàng nghe đâu là kỹ sư tương lai thì phải, hai người dù sao, bất kể vì lý do gì, cũng thỉnh thoảng

còn đứng lên rồi lại ngồi xuống, trong khi tôi mới đầu chỉ ngồi lì ở ghế bành phòng ngoài, sau vào phòng ăn, và quả thật, suốt buổi không nói lấy một lời, nếu không kể một lần tôi hỏi tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, liệu lão - như người ta nói - có ngán đến tận cổ không, khi sau bốn hay năm chục năm gì đó, chỉ độc các vai cổ điển mà diễn tại Nhà hát kịch Burgtheater, hết Goethe hoặc Shakespeare rồi Grillparzer, vâng, tức là hai lần trong năm đóng Goethe hoặc Shakespeare, cứ ba năm một lần thủ vai của Grillparzer và chỉ năm hoặc sáu năm mới được một vai như Ekdal trong Vịt trời, hoặc một vai trong những vở hài kịch Anh ngớ ngẩn mà hiện giờ lão đang phải luyện ấy, nhưng tôi không nhận được câu trả lời của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, cũng như nếu không kể cả lần - dù lại một lần nữa tôi mất công nói rất thừa - tôi cất tiếng bảo thẳng cha Auersberger, rằng y đã làm tan hoang đời y, và chỉ vì nhằm lấy cho được một con vợ giàu có để được sống trong phú quý mà y đã tự bôi nhọ tài năng và tự hủy hoại đời mình, rồi còn biến rượu thành nội dung sống thật sự của mình nữa, vâng, tức là y đã đánh đổi nỗi bất hạnh thời trai trẻ lấy nỗi bất hạnh mới, nỗi bất hạnh ở tuổi già, đã đánh đổi sự bất lực thời trẻ lấy thói nghiện rượu ở tuổi già, đổi năng khiếu âm nhạc lấy cái thối tha đáng tởm của cuộc sống thượng lưu, đổi tự do tinh thần lấy ngục tù của sự giàu có, và nếu không kể tôi nhiều lần nói với y rằng, cả áo khoác kiểu nhà nông, lẫn sơ mi nông dân may bằng vải lanh của y, cũng như tất tạt mọi thứ trên người y đều làm tôi chỉ muốn nôn muốn mửa. Thế đấy, tuy tôi có đến buổi dạ tiệc nghệ sĩ ở ngõ Gentz này thật, nhưng suốt cả buổi, tôi cũng như hai chàng lực điền xứ Steiermark nọ, đã hoàn toàn hờ hững tuy tôi đã quan sát các buổi dạ tiệc nghệ sĩ ấy, nhưng sự thật, tôi nghĩ bụng, tôi đã chẳng tham

gia vào đấy. Ở phía sau còn đôi người nữa đang ngồi, những người mà ngay cả lúc ở phòng ăn sáng sửa hơn nhiều phòng hòa nhạc lúc này, tôi đã không nhận ra là ai; và hai văn sĩ trẻ tuổi, hai người chốc chốc lại cười oang oang khiến mọi người phải để ý, nhưng tôi lại chẳng thấy tiếng cười ấy có ý nghĩa gì. Tiếng cười oang oang ấy, ngay cả trước khi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chưa xuất hiện ở ngõ Gentz, suốt buổi đã làm tôi khó chịu, nhưng suy cho cùng, chỉ là thứ tiếng cười hoàn toàn trống rỗng và cũng hết sức dần dộn thôi, tiếng cười ta vẫn thường nghe thấy mỗi khi ngồi cùng đám thanh niên thời nay: tiếng cười trống rỗng, ngu ngốc và dần dộn. Hai nhà văn trẻ cũng chẳng biết nói gì, giờ tôi nghĩ bụng, ngay từ đầu họ đã uống cạn, đã ăn sạch những gì người ta dọn ra trước mặt, và suốt buổi, họ cũng hoàn toàn thờ ơ - mặc dù rõ ràng họ được tay Auersberger, tôi đoán thế, mời đến buổi dạ tiệc nghệ sĩ này cốt để đại diện cho giới nghệ sĩ trí thức trẻ bên bàn tiệc, giống như hai chàng lực điền xứ Steiermark kia đại diện cho giới kỹ thuật vậy. Có điều, hai nhà văn trẻ ấy biết nói gì được, tôi nghĩ bụng; họ tưởng mình đã biết hết mọi chuyện ở đời và khi họ định ninh là đủ khả năng để thấy mọi sự đều lỗi bịch, thì họ lại không lý giải được vì sao nó lỗi bịch. Tôi nghĩ, mãi về sau này, họ mới lý giải được điều đó; trước hết, họ thấy mọi sự lỗi bịch cái đã, mà không biết là tại sao mọi sự lại lỗi bịch, mãi sau này họ mới biết tại sao, nhưng lại không nói ra nữa, vì họ không có cơ gì để nói ra cả. Tiếng cười mà hai văn sĩ trẻ cất lên đó, tôi nghĩ thầm chính là tiếng cười ngu xuẩn, rỗng tuếch và dần dộn của tuổi trẻ hiện nay, vào những năm tám mươi quái đản, ngu ngốc và nguy hiểm này của chúng ta. Họ cười oang oang họ thấy mọi thứ đều lỗi bịch, nhưng chính họ, tôi nghĩ bụng, đến một tác phẩm của riêng mình còn chưa xuất bản nổi,

hết như người ba chục năm về trước vậy thôi. Hai người chỉ có tiếng cười của họ, ngoài ra chẳng còn gì nữa cả, thế nhưng, họ lại lấy làm hài lòng với tiếng cười của mình lắm. Họ chỉ có tiếng cười oang oang ấy, còn các tài họa rồi sẽ ập đến trong đời họ, tôi thầm nghĩ. Họ chỉ có tiếng cười oang oang ấy, nhưng đến một lời lý giải cho tiếng cười đó, họ cũng chẳng có nốt. Và tôi nhớ lại, rằng cũng hết như hai nhà văn trẻ này - trong vai một văn sĩ trẻ - tôi cũng đã ngồi tại các cuộc tiếp tân được mệnh danh là dạ tiệc nghệ sĩ như thế này, luôn mồm cười oang oang, cũng thấy mọi thứ đều lố bịch. Và cũng không hề có lời lý giải nào cho tiếng cười của tôi. Cũng không tham dự vào bất cứ cuộc chuyện trò nào tại các buổi tiếp tân đó, chỉ uống, chỉ ăn, và như đã nói, chỉ cười oang oang. Hai văn sĩ này chẳng có gì thú vị đối với tôi, cũng giống như tôi hồi đó chẳng có gì thú vị đối với người khác, cho nên tôi chẳng tiếp xúc gì với họ, cũng giống như hồi xưa chẳng ai buồn tiếp xúc với tôi vậy, tôi tự nhủ. Ta sẽ chẳng học được bất cứ điều gì đáng quan tâm thích thú, khi ta trò chuyện với giới trẻ vào những năm tám mươi này, ta nói, ta giải bày, ta diễn giải, nhưng họ sẽ không hiểu ta nói gì, và khi họ nói, họ giải bày, họ diễn giải, thì ta cũng chẳng hiểu gì nốt, hay đúng ra là ta không muốn hiểu gì, tôi tự nhủ. Nói chuyện với đám trẻ chẳng dẫn đến đâu hết cả, tôi nghĩ bụng, nếu có ai quả quyết điều ngược lại, thì người đó là kẻ nói phét, bởi giới trẻ không có gì để nói cho người già, người lớn tuổi nghe cả, đó là sự thật; những gì giới trẻ nói với cánh già đều tuyệt đối không hay ho gì, vâng, tuyệt đối không hay ho gì hết; ai quả quyết ngược lại là bố láo. Bao giờ nghe cũng có vẻ hiện đại, có vẻ tiến bộ, khi bảo rằng cánh già nên trò chuyện với cánh trẻ, bởi tại trẻ có rất nhiều chuyện để kể cho đám già nghe, nhưng sự thật lại là điều ngược lại, cánh trẻ tuyệt nhiên

chẳng có gì để nói với bọn già cả. Tất nhiên, bọn già bao giờ cũng có chuyện gì đó mà nói với tụi trẻ, nhưng tụi trẻ không hiểu bọn già nói gì với chúng, bởi chúng không thể hiểu những chuyện đó, và bởi thế, chúng cũng chẳng muốn hiểu làm quái gì. Thăng cha Auersberger bao giờ cũng lôi kéo cánh nam văn sĩ vây quanh mình, và lôi lên giường hăn, tôi nghĩ thầm, chính tôi đã từng là một trong những người đầu tiên hăn mời đến Maria Zaal như vậy. Một trong những kẻ đầu tiên sa bẫy của hăn, tôi tự nhủ. Một trong những kẻ đầu tiên làm trò cười cho hăn. Tôi vừa lăm bắm kẻ hàn gấn vết rạn nứt vợ chồng, vừa quan sát hai nam văn sĩ trẻ cùng hai chàng kỹ sư tương lai, vâng, hai đôi hàn gấn vết rạn nứt vợ chồng. Những người thăng cha Auersberger rủ rê đến bên mình rồi kéo lên giường, tôi nghĩ bụng, không những phải là các chàng trai trẻ mà thôi, họ bao giờ cũng phải là các nam văn sĩ trẻ; thăng cha Auersberger không bao giờ mời một họa sĩ trẻ, hay một nhà điêu khắc trẻ về Maria Zaal lên giường với hăn cả, bao giờ cũng phải là nhà văn trẻ mới được. Hăn mời anh ta về Maria Zaal, rồi kéo lên giường, ăn tươi nuốt sống anh ta, giờ đây tôi nghĩ, trả tiền tàu xe cho anh ta, bất kể anh ta đến từ đâu, đón anh ta từ nhà ga về nhà, đưa anh ta vào phòng ngoài của hăn, và tìm cách ăn tươi nuốt sống anh ta ngay từ ngày đầu tiên. Ý nghĩ ấy, một ý nghĩ tởm lợm từng dày vò hành hạ tôi hàng năm trời, thậm chí hàng chục năm trời, bỗng dưng tiêu tan. Tên Auersberger dâm dăng chuyên ăn sống các nhà văn, tôi nghĩ bụng, nếu tôi không mệt mỏi và buồn ngủ quá, thì hăn tôi đã bật cười ngay về trò bịa từ ghép chữ đó của tôi rồi. Auersberger và các chàng văn sĩ trẻ, tôi thầm nghĩ, lẽ ra tôi có thể lấy đó làm đề tài cho một bài viết, hoặc ngắn hoặc dài, một bài viết, như thiên hạ nói, chắc chắn sẽ gây ồn ào cho mà xem. Tôi còn thu

vai Ekdal cũng phải đến năm chục lần nữa, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chột nói; ngồi trên ghế bành, lão ngả hẳn lưng ra sau, mắt nhắm lại. Giá có ai đó khá hơn thủ vai Gregers. Nhẽ ra tôi phải đóng vai Gregers mới đúng, thế nhưng nghĩ như thế thật vớ vẩn, thủ cả vai Ekdal lẫn Gregers cùng một lúc! Như thế thật vớ vẩn! Rõ vớ vẩn! Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Trong lúc đó mẹ Auersberger đã kịp đặt đĩa nhạc Bolero lên máy hát, đúng bản nhạc Joana từng yêu thích nhất. Phải, mẹ Auersberger toan dùng bản nhạc Bolero để tưởng nhớ Joana, nên bây giờ cố tình đặt đĩa Bolero lên máy hát, tôi tự nhủ. Và được những nhịp đầu tiên của bản Bolero khơi gợi, quả nhiên, ý nghĩ của tôi lại quay lại với Joana, trước hết là quay lại với đám tang nàng. Thoạt đầu, tôi thấy mẹ Auersberger đúng lúc này mà lại đặt bản Bolero lên máy thì thật trớ trêu, song cũng có thể không phải thế, mà đó là ý tưởng hay của mẹ, cho dù có ít nhiều xảo trá đi nữa, một ý tưởng dù sao cũng biến bữa ăn đêm mang danh dạ tiệc nghệ sĩ ít nhiều đáng ghét này, về cuối, cũng thành một buổi tưởng nhớ Joana. Lúc này, trước khi mẹ Auersberger đặt đĩa Bolero lên máy, tôi đã nhồm dầy toan bỏ đi, bây giờ tôi ngồi lại, thậm chí còn thích thú, thả mình vào trạng thái bất cần dừng đứng dễ chịu, để các hình ảnh buổi mai táng ở Kilb diễn lại trước mắt mình, để cho cảnh ngồi trong quán Eiserne Hand, gương mặt bà bán hàng tạp hóa, gương mặt tay John, cũng như khung cảnh thị trấn Kilb, một thị trấn bình yên và tuyệt đẹp, chuyên về buôn bán nằm ở miền Hạ Áo ấy, lần nữa lần lượt hiện rõ ra trước mắt. Lòng tôi, vốn tràn ngập cơn bức bối dai dẳng suốt từ buổi tối khủng khiếp sang buổi đêm đáng sợ tại ngõ Gentz này, bỗng nhiên lắng dịu và thanh thản. Tự tôi, bao giờ cũng ưa nghe bản Bolero, còn Joana bao giờ cũng cho chơi bản

nhạc này trong cái gọi là phòng tập vận động, mỗi khi nàng luyện tập cùng các học trò đầy năng khiếu của mình; mà xét cho cùng, thì Bolero chính là bản nhạc làm nền tảng cho toàn bộ nghệ thuật vận động cũng như lý thuyết vận động của nàng, tôi nghĩ bụng, trong khi mắt vẫn nhắm và lắng tai nghe tiếng nhạc Bolero. Kể ra thì cũng thật dễ chịu, khi thỉnh thoảng có thể thả mình chìm vào tâm trạng đa tình, đa cảm, tôi thầm nghĩ, và tuyệt nhiên không phải khó nhọc gì, để lúc này hình dung được Joana trước mắt mình, người nữ nghệ sĩ môn vận động, con người đã có mọi cơ hội để hưởng hạnh phúc, nhưng rốt cuộc chỉ gặp bất hạnh mà thôi. Tôi nghe thấy giọng nàng và lấy làm sung sướng về những câu nàng nói, với tiếng nàng cười, cũng như trước sự nhạy cảm của nàng đối với tất cả những gì đẹp đẽ, bởi vì Joana có cái năng khiếu đó nhiều hơn bất kỳ ai khác tôi quen biết trong đời, năng khiếu luôn luôn nhìn thấy cái đẹp, thậm chí cả cái đẹp nằm ngay bên trong những thứ xấu xa tàn bạo vốn chỉ hủy hoại và triệt hạ mọi thứ ở đời, một năng khiếu thật hiếm người có. Song, ngay cả năng khiếu đó cũng chẳng giúp được gì cho nàng. Nàng lao đến thành Vienna, để thành Vienna xoay vần, dẫn vạt mình, nàng bỏ chạy về nhà để tự treo cổ mà chết, tôi thầm nghĩ, và hình dung ra cảnh tượng bà hàng xóm của nàng - người đàn bà vẫn trông nom ngôi nhà nàng mỗi khi nàng đi xa - chưa đến sáu giờ sáng đã nhìn thấy Joana lủng lẳng trên dây thòng lọng do tự tay nàng thắt và treo lên ấy; lúc ngồi trong quán Eiserne Hand, bà bán hàng tạp hóa đã không kìm lòng được để kể thêm, rằng bà hàng xóm nọ mới đầu chỉ nhìn thấy đôi bàn chân treo phía trên cầu thang ở phòng ngoài, rồi mãi đến khi bước tới gần hơn, mới nhìn thấy cặp đùi, và tiếp theo, toàn tấm thân nặng nề - tấm thân đã phát phì phát nộn do nhiều năm tháng nghiện ngập rượu

chè - lũng lảng và đung đưa, lúc bà hàng xóm mở cửa phòng ngoài bước vào, một cảnh tượng, nói theo lời bà bán hàng tạp hóa, đến là quái đản và khủng khiếp. Không, bà hàng xóm đã không kêu thét lên, ngược lại, bà ta đã rất bình tĩnh tìm đến bà bán hàng tạp hóa, là người mà bà hàng xóm định ninh là bạn gái gần gũi thân thiết nhất của Joana, để báo tin dữ. Lúc ấy, trời chưa sáng hẳn. Ngay lúc bảy giờ, bà bán hàng tạp hóa đã gọi điện báo tin cho tôi ở Vienna, không phải người đầu tiên được báo tin, nhưng đầu gì cũng trong vòng một tiếng đầu, sau khi phát hiện ra người đàn bà tự tử. Bản nhạc Bolero từ từ tái hiện các chặng đường đời của Joana trước mắt, tôi cứ nhìn thấy mãi cảnh Joana lúc ở Quảng trường Sebastian, lúc ở Kilb, khi ở Maria Zaal, là nơi nàng cũng rất hay được mời đến thăm. Nàng rất chuộng mặc loại váy do tự tay nàng vẽ kiểu, tôi thêm nghĩ, rất ưa đeo các loại vòng tay và khuyên tai cổ xưa của Ai Cập và Ba Tư, cũng như nàng vốn mang trong mình mối quan hệ chặt chẽ và giàu nữ tính đối với các nền văn hóa châu Phi, châu Á cổ đại vậy, và nàng đã đọc cơ man nào là sách vở và tài liệu về các nền văn hóa đó; nàng cũng rất thích quàng các loại khăn lụa của Ấn Độ, các sợi dây chuyền nàng đeo trên cổ, nếu không phải nguồn gốc Afghanistan, thì gốc Tàu, hay Thổ. Không một ai, ngoài nàng, lại nói nhiều về các giấc mộng của mình như vậy, đã thế nàng lại còn tìm cách giải mộng, luôn tìm cách lý giải, khám phá gốc gác sâu xa của các giấc mộng đó, vâng, chính tôi chứ ai, đã từng thức hàng đêm dài với nàng để giải mộng; nàng cũng quan tâm đến cả giấc mộng của người khác và loay hoay muốn khảo sát các giấc mơ đó, tôi nghĩ bụng, thậm chí nàng còn biến trò giải mộng thành ngón nghề thứ hai của mình. Tự nói về mình, nàng vẫn bảo, nàng chỉ là một kẻ mộng du, cuộc đời nàng chỉ là cuộc đời một kẻ

mộng du triền miên mà thôi. Tôi nghĩ lại, quả thật, nàng dường như bao giờ cũng chỉ đánh bạn kéo bè với cánh trẻ, nhất là với những người rất trẻ, những người còn mộng du, như chính nàng vẫn tự xưng, tức là những người chưa bị nền văn hóa - giáo dục làm cho hư hỏng và hủy hoại. Bởi vậy, nàng dường như mang trong mình mối liên hệ tuyệt vời với các chuyện cổ tích thần tiên, và chính nàng bao giờ cũng thích đọc chuyện thần tiên, thậm chí đọc to, đọc to cho công chúng nghe mỗi khi có dịp. Các giấc mơ cùng chuyện cổ tích, thần tiên ấy, vốn là nội dung cuộc đời nàng, giờ tôi nghĩ lại. Cũng chính vì thế mà nàng quỳn sinh, tôi thầm nghĩ, bởi một con người chỉ lấy các giấc mộng và chuyện thần tiên làm nội dung thật sự cho cuộc đời mình sẽ không thể sống sót nổi trên thế gian này, hay đúng hơn là không được phép sống sót trên đời. Chính nàng vốn là một nhân vật trong chuyện thần tiên, tôi thầm nghĩ, và có lẽ tự nàng, suốt đời nàng cũng định ninh mình là nhân vật trong chuyện thần tiên thật, đúng thế, cô gái Elfriede Slukal, tôi thầm nghĩ, mang tên Joana trong câu chuyện thần tiên ấy. Thỉnh thoảng, chúng ta cũng không nên e ngại, hãy để mặc cho nỗi đa sầu đa cảm chinh phục lòng ta, tôi thầm nghĩ và thả hồn theo tiếng nhạc Bolero; tôi để mặc hồn tôi và tình cảm dành cho Joana hoàn toàn bị lôi cuốn cùng bản nhạc Bolero cho đến giây phút ả Jeannie Billroth hỏi độc lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, ngồi cạnh tôi, nhưng đối diện với ả, xem lão ta nghĩ thế nào về việc một viên Giám đốc mới sắp về làm chủ Ngôi nhà bên Ring ấy, vâng, về việc sắp tới, một làn gió mới và trong lành, như thiên hạ hiện giờ đang khao nhau, sẽ thốc thẳng vào Nhà hát kịch Burgtheater và thổi bay tất cả những gì đáng kinh tởm, cổ lỗ sĩ, chết thối chết rũ từ lâu ở trong ấy, nói đơn giản là tất tậ những gì đã trở nên đáng ghê tởm theo năm

tháng, ra khỏi Nhà hát kịch Burgtheater. Vâng, về việc một trong những nhân vật tuyệt vời nhất của nghệ thuật sân khấu sắp đến làm chủ Nhà hát kịch Burgtheater, một thiên tài người Đức, một thiên tài sân khấu Đức hàng đầu, vâng, bậc nhất, một người cuồng mê sân khấu tốt độ, như ả Jeannie nói, hay đúng hơn, như ả lặp lại, bởi bao giờ ả cũng chỉ biết dẫn lại lời người khác, chứ ả có tự nói được xem người đàn ông từ Đức sang ấy là ai đâu, ả chỉ nhắc lại những gì đã đọc được trên báo, hay nghe được về con người này, một người ả nói mình chưa quen, mà đã chưa quen thì cũng chưa thể thuyết phục được ả, một người, nói theo lời ả, mới chỉ là tờ giấy trắng trước mặt ả; nhưng theo như lời báo chí người ta viết, vâng nếu ả được phép dẫn lại những gì báo chí đồn thổi, thì người sắp dọn đến Nhà hát kịch Burgtheater là kẻ cuồng si mê muội của sân khấu, một con người nguyên bản của sân khấu mà từ trăm năm nay Nhà hát kịch Burgtheater chưa hề gặp. Bằng câu hỏi đột ngột này, ả Billroth làm lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater lúc ấy đang ngủ gà ngủ gật, giật mình thức dậy. Vâng, Ông nói thế nào về vị Giám đốc mới sắp về Nhà hát của Ông ạ, ả Jeannie Billroth tiếp tục hỏi xoáy, như thế chợt phát hiện ở lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater một nạn nhân cho tâm địa độc ác ả âm ỉ suốt cả buổi tối nay, và bây giờ, khi đã tìm được nạn nhân rồi, ả biết ngay phải làm gì để vỗ lấy và giương móng vuốt xé xác. ả cứ nói đi nói lại nhiều lần với lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, thì chắc Ông cũng phải ý kiến thế nào về vị tân Giám đốc ấy chứ, khiến lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater quá nhiên nổi cáu. Lão ngồi thẳng dậy, thu hai chân về, vươn cổ lên và nói, vâng, được thôi, có người mới về Nhà hát, song điều đó không hề làm lão quan tâm, không hề khiến lão phải để ý làm gì nữa. Lão đã chứng kiến biết

bao nhiêu là Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater nhậm chức rồi mất chức, cho nên cả ông Giám đốc mới này cũng chẳng làm lão bận lòng. Họ đến, rồi họ đi, người ta đang rộng tay đón họ đến, rồi lại đuổi họ ra khỏi Nhà hát cùng tiếng chửi bới và nguyên rửa; xưa nay vẫn vậy, lão nói, rồi cả ông Giám đốc mới lần này cũng sẽ không phải là ngoại lệ cho mà xem. Vâng, vị Giám đốc mới, lão nói tiếp, rất có thể là một thiên tài, như Quý Bà vừa nói, nhưng ả Jeannie vội đáp lại ngay, rằng ả không hề bảo ông Giám đốc là thiên tài, báo chí họ viết ông Giám đốc mới là thiên tài, chứ ả không hề nói vậy, báo chí viết như thế, hiện giờ báo chí ngày nào cũng đua nhau viết về bậc thiên tài từ bên Đức sang, chứ chính ả không nói vậy, và lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đáp, báo chí người ta viết hay Quý Bà nói như thế, thưa Quý Bà, thì đối với tôi, cái ông mới đến Nhà hát ấy là ai cũng thế thôi ạ; lão bảo, lão đã sống sót sau mười, hay mười một đời Giám đốc gì đó, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, tất cả các vị ấy đến rồi biến mất, hiện giờ chẳng ma nào còn nhớ đến tên tuổi các vị nữa; họ được một vị Bộ trưởng nào đó, một vị Bộ trưởng chẳng biết mô tê gì về nghệ thuật sân khấu, chỉ biết hành động theo linh tính chính trị của mình thôi ấy, cử về giữ ghế ở đây độ một năm, trước khi chân ghế lại bị cưa đi, lão diễn viên Burgtheater nói, bỗng mỗi lúc một hăng máu. Ngài Bộ trưởng cắt đặt một ai đó mà Ngài cho là có lợi hơn cả, tất nhiên, có lợi vì lý do chính trị chứ không bao giờ vì lý do nghệ thuật hết, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi vị tân Giám đốc chỉ vừa kịp ký hợp đồng xong, là ông ta đã bị ghét bỏ, người ta sẽ tìm mọi cách làm sao cho ông ta phải cuốn gói càng nhanh càng tốt. Giới báo chí sẽ khen ngợi hai hay ba lần dàn dựng nào đó của ông này, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, sau đó họ

bắt đầu nguyên rửa và miệt thị vị tân Giám đốc mà suốt cả năm qua, trước khi ông này kịp ký hợp đồng, chính họ còn tâng bốc lên tận mây xanh ấy, tức là họ bắt đầu cưa chân ghế vị tân Giám đốc đang ngồi. Và ông này, trước khi ký hợp đồng, không hề có cảm giác ghế ông ngồi đang bị cưa, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Ông ta muốn làm gì thì làm, nhưng ngay lúc ông ta hạ bút ký hợp đồng và từ đó trở thành Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater, thì ông ta đã lặn ra chết rồi. Nếu như báo chí, lúc đầu, tức là trước khi ông ta ký hợp đồng và nhậm chức, từng viết ông ta là thiên tài, thì sau khi ông ta ký hợp đồng và nhậm chức, sẽ viết ông ta là thằng ngu thẳng ngốc. Bất kể ông ta cho diễn cái gì, càng ngày ông ta sẽ càng ít giá trị, sau hai, hay ba năm gì đó, thì con người ấy tuyệt nhiên chẳng còn giá trị gì nữa, bất kể ông ta có muốn làm gì cũng thế thôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói; nếu ông ta cho diễn một vở cổ điển, thì đó sẽ là sự ngu ngốc, ông ta có cho diễn một vở gọi là hiện đại, thì cũng sẽ là một sự ngu xuẩn nốt, ông ta cho diễn tác giả trong nước, thì đó sẽ là việc làm sai trái và vô giá trị, cho diễn vở ngoại quốc, thì đấy là sẽ là việc làm ngớ ngẩn và vô bổ, nếu ông ta, trước khi về Vienna và đến Nhà hát kịch Burgtheater, từng nghe người ta đồn đại, vở Shakespeare của ông dàn dựng thật tuyệt vời và đáng gọi là vở Shakespeare thành công nhất trong số những vở mà họ, các nhà phê bình, từng xem, vâng, ông ta nghe người ta tung hô như thế, song, một khi ông đã là Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater rồi, thì vở Shakespeare của ông sẽ biến thành một thảm họa. Một khi đã đạt được mục tiêu, và vị tân Giám đốc đã ký hợp đồng xong xuôi rồi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thì những kẻ phò dựng Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater sẽ trong chớp mắt biến thành những kẻ triệt hạ Giám đốc Nhà

hát kịch Burgtheater. Vâng, thưa Quý Bà, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói với ả Jeannie Billroth, đã là một diễn viên giỏi, thì với anh ta, ai giữ chân Giám đốc trong Nhà hát của anh ta cũng vậy thôi mà. Một vị tân Giám đốc chỉ có sức hấp dẫn trong một thời gian ngắn. Người ta chỉ cần bắt gặp ông ta dăm lần trên phố Kärntner, và ông ta chỉ vừa ghé ăn đôi lần ở Sacher, hay ở Imperial, thì ông ta coi như đã tận số. Ở đời bao giờ cũng chỉ có diễn viên được công chúng ưa chuộng thôi, thưa Quý Bà, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, chứ chưa bao giờ có Giám đốc Nhà hát được thiên hạ ưa chuộng đâu ạ. Vâng, Quý Bà đã hỏi, thì tôi xin thưa với Quý Bà, rằng tôi thật sự không quan tâm ai sẽ thế chân vị Giám đốc hiện nay của chúng tôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói; mọi người lúc này chợt quay ra chăm chú nghe xem lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater sẽ còn nói gì nữa - lão đang đột nhiên không những chỉ hút thuốc, mà lại còn quay ra uống cả rượu vang trắng. Đám diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cắm rễ ở thành phố này, lão nói, mua nhà mua đất ở Grinzing, ở Hietzing, ở Sievering, hoặc ở Neustift bên bờ rừng, rồi sống mòn sống mỏi trong các căn biệt thự nhàm chán của họ cho hết cuộc đời nhàm chán của họ, chứ các vị Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater không ai có lấy một cơ hội nhỏ nhoi để cắm rễ tại thành phố đẹp đẽ này cả. Ông Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater nào dám mua lấy một căn nhà ở thành phố này, thì cứ biết điều mà liệu trước, ông ta chưa kịp dọn vào ở, thì đã bị người ta tìm mọi cách chèn ép, đẩy bật đi cho bằng được rồi. Câu chuyện về các Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater là câu chuyện còn tệ hơn cả ô nhục, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, thậm chí nó còn có thể là câu chuyện đáng buồn nhất của thành Vienna này cũng nên, lão diễn viên

Nhà hát kịch Burgtheater nói tiếp. Cái thành phố Vienna này, nói đúng nghĩa đen, quả là cái cối xay nghệ thuật, nó thật sự là cái cối xay nghệ thuật lớn nhất thế giới vậy, trong đó các bộ môn nghệ thuật cùng các nghệ sĩ sẽ bị xay nhuyễn, bị nghiền nát, hết năm này sang năm khác; bất kể đó là loại hình nghệ thuật gì, là nghệ sĩ cỡ nào, bao giờ cũng vẫn bị cái cối xay nghệ thuật thành Vienna này xay vụn thành cám. Mọi thứ đều bị cối xay nghệ thuật thành Vienna này xay nát, tất tần tật, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, không đường thoát. Và điều kỳ quái nhất là ở chỗ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, tất cả bọn người này lại còn hoàn toàn tự nguyện đâm đầu nhảy vào cối xay ấy nữa chứ, vào cái cối xay mà họ sẽ bị nghiền nát vụn ra ấy. Cả các vị Giám đốc Nhà hát kịch Burgtheater cũng hoàn toàn tự nguyện nhảy vào cái cối xay nghệ thuật đó của thành Vienna. Có người suốt đời không theo đuổi mục tiêu nào mãnh liệt hơn là được nhảy vào cối xay nghệ thuật đó, chen lấn xô đẩy, tranh nhau nhảy vào cối xay nghệ thuật sẽ xay nghiền họ thành cám ấy. Xay hết, nghiền nát hết, nghiền nát hết! Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói tướng lên. Đoạn, lão nói tiếp: Mọi chuyện huyền ảo, ồn ào, mọi vụ bê bối xung quanh một vị cựu hay tân Giám đốc đều chẳng mấy may làm tôi xúc động. Bà xem, thưa Quý Bà, lão nói với ả Jeannie Billroth, dưới trướng bất kỳ Giám đốc nào tôi cũng vẫn thủ vai Ekdal ấy như thường, xin Quý Bà cứ tin lời tôi nói. Và tôi cũng xin nói thêm thế này, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói với giọng như thế lão muốn kết thúc đề tài này ở đây, thưa Quý Bà, tôi sẽ nghỉ hưu, trước khi vị tân Giám đốc nhậm chức. Vâng, lúc ông ấy nhậm chức, thì tôi sẽ không còn ở Nhà hát ấy nữa rồi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi quay người nói với tay Auersberger, vốn

từ này đến giờ đang ngồi ngủ ngon lành, và chẳng hề nghe những gì lão diễn viên đáp lại câu hỏi của ả Billroth: Ông biết không, bao giờ nghỉ hưu, tôi sẽ cứ một năm hai, ba lần đến đọc Rilke ở Nhà hát Giao hưởng, hoặc đọc ông già Goethe, là đủ rồi. Xét cho cùng, thì nền sân khấu hiện nay chẳng còn làm tôi quan tâm nữa. Giá bây giờ tôi được nghỉ hưu luôn thì tuyệt quá, bởi tất tột những gì ngày nay dính dáng đến sân khấu đều là những thứ không chịu nổi nữa. Ngày xưa, diễn kịch còn là niềm ham muốn, vâng, còn thật sự là bốn phần ở đời, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, giờ đây cái trò ấy chẳng còn gì hay ho đối với tôi nữa hết. Bản thân tôi cũng phải lấy làm ngạc nhiên, lão nói, tại sao tôi vẫn còn được đóng vai Ekdal, và tôi lại thành công đến thế trong vai Ekdal ấy. Nhưng thực ra, tôi chẳng còn thích thú gì với sân khấu nữa đâu, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Bà xem, lão nói với ả Jeannie, tôi đã trải qua bấy nhiêu thập niên sung sướng trên sân khấu, và tôi không hề hối hận tiếc rẻ bất kỳ ngày nào của thời kỳ sân khấu sung sướng ấy, hay đúng ra, tôi không tiếc bất kỳ giờ phút nào trên sân khấu Nhà hát kịch Burgtheater. Thế nhưng, hiện giờ không còn bất kỳ thứ gì khiến tôi ham hố nữa cả, từ lâu đã chẳng còn gì nữa hết, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, còn ả Jeannie lại nói, theo ý ả, sở dĩ lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater từ lâu không còn thấy gì hay ho ở sân khấu nữa, là bởi vì lão đã không bao giờ rời khỏi Nhà hát kịch Burgtheater đi chỗ khác, vâng, bởi Ông đã mua nhà ở Grinzing, ả Jeannie nói, cho nên từ lâu sân khấu không còn hay họ gì với Ông nữa, ả Jeannie nói vào mặt lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, bởi hàng ngày Ông đến ăn ở Sacher, hàng ngày Ông cũng uống cà phê ở hiệu Mozart. Giá Ông rời khỏi Nhà hát kịch Burgtheater, và bỏ Vienna mà đi,

hắn bây giờ chắc Ông sẽ chẳng nói, từ lâu sân khấu chẳng còn thú vị với Ông, à Jeannie nói. Rất có thể, chính vì Ông mua nhà ở Grinzing, nên Ông mất hết hứng thú với sân khấu, với diễn kịch nói chung, à Jeannie vẫn tiếp tục hỏi xoáy. Vâng, thưa Bà, rất có thể Quý Bà nói đúng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đáp, nhưng cũng có thể Bà nói không đúng đâu thưa Bà. Nền nghệ thuật sân khấu nói chung đã sa sút thậm tệ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, dù Bà ở Vienna hay không, Bà vẫn chẳng tìm thấy nhà hát nào ra hồn nữa cả, sân khấu không còn hấp dẫn nữa rồi. Tôi không nghĩ thế, thằng cha Auersberger, thằng cha ai nấy đều tưởng đang ngon giấc, bỗng cất tiếng nói to, theo hắn thì nền sân khấu đang sống động hơn bao giờ hết, chỉ có sân khấu ở Vienna là lặng yên thôi, và sân khấu ở Vienna không phải chỉ bị tuyên án tử hình từ lâu, mà từ lâu đã chết thật rồi, chết thật rồi, chết thật rồi, tay Auersberger lè nhè nói đi nói lại. Hai chàng văn sĩ trẻ phá lên cười, bởi cái tiếng lè nhè ấy nghe quả cũng buồn cười thật. Mặc dù từ nãy đến giờ họ không làm ai để ý, thế nhưng nghe tay Auersberger nhiều lần lè nhè nói chết thật rồi như thế thì họ phá lên cười. Lạy Chúa, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chột nói to, thế nào mà bảo là thiên tài sân khấu được! Đã Giám đốc mà lại là thiên tài sân khấu, đúng là lỗ bịch! Lão nói to. Bà biết không, lão nói với a Jeannie Billroth, báo chí tuyền dùng một thứ chữ nghĩa bí ối, bẩn thỉu, và tất tậ những gì đăng trên báo chí đều xấu xa bẩn thỉu hết, thưa Bà. Mở bất kỳ một tờ báo nào ra, là Bà đã lập tức phải đối diện với sự bí ối nằm trong đó rồi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Không, không ta sẽ bảo, báo chí viết gì cũng mặc, mọi sự đều chẳng liên can đến ta, nhưng thật ra, ta đã bị tử thương ngay vì những gì họ viết trong đó rồi, lão nói. Báo chí Áo quả

thật là thứ báo chí tồi tệ nhất trần gian, và trong đó, cái đều giả, thấp hèn nhất quả thật đã được nâng lên đến tột đỉnh rồi, lão nói, chẳng còn thứ báo chí nào ở đâu trên đời này hèn hạ hơn được nữa. Sở dĩ lịch sử nước Áo, vâng, có khi toàn bộ lịch sử thế giới chứ chẳng phải chơi, phải chịu đau đớn, mất mát nhiều như thế, chính là vì cái bản thiêu ở những tờ báo như thế, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Dù họ có luôn luôn hết lời khen ngợi tôi, lão nói, thì đó vẫn là những tờ báo bản thiêu nhất thế gian, mang nội dung hèn hạ nhất, và cũng ngu xuẩn nhất. Thế mà ngày nào cũng như ngày nào, ta đều đọc chúng, nuốt ngấu nuốt nghiến vào lòng mình tất tột những gì có ở trong đó; sự thật chẳng phải thế là gì, lão nói. Từ thời thơ ấu, tôi ngốn vào bụng rất những thứ bản thiêu của báo chí Áo, nhưng tôi vẫn còn sống đây. Dạ dày dân Áo là thứ dạ dày tốt, vâng, tôi cứ nghĩ đến việc họ tháng này năm khác phải ngốn vào mình không biết bao nhiêu là chuyện trơ trẽn và đáng sợ, thì phải thừa nhận là nói chung, dân Áo ai nấy đều có dạ dày rất tốt. Báo chí nước Áo, nếu quả thực đó được gọi là báo chí thật, thì đó là thứ báo chí tồi tệ nhất thế gian, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, song, chính vì thế mà chúng lại thuộc loại thượng hạng. Chính vì chúng là thứ tồi tệ nhất, nên có lẽ chúng cũng lại là loại báo chí hảo hạng, lão diễn viên Nhà hát nói, còn thằng cha Auersberger lại lè nhè, trong chuyện này, thế mà ông lại đúng, chuyện này ông nói đúng, ông nói đúng quá đi mất, khiến hai tay văn sĩ trẻ lại phá lên cười. Ta chẳng sống trong sự ngu xuẩn triền miên, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bỗng nói, mà chỉ chìm đắm trong ngu xuẩn thôi. Xin các vị nhớ cho, mọi sự đều ngu xuẩn. Ý nghĩ ngu xuẩn chính là ý nghĩ duy nhất thật, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, xin các vị nhớ cho, chính thế giới ngu xuẩn là thế

giới duy nhất thật. Tất tât những gì đang tồn tại đều ngu xuẩn, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chột nói một cách sôi nổi và ngả người ra sau. Ngu xuẩn và xấu xa, lão lại nói tiếp, đoạn lão quay sang nói với mụ Auersberger, thế mà tôi cứ ngóng mãi để được nghe tài nghệ của Bà. Thôi, nhưng không sao. Lần sau vậy. Lẽ ra Bà sẽ ca chúng tôi nghe bài gì đấy ạ? Lão hỏi, còn mụ Auersberger chỉ đáp, gọn lỏn Purcell. A, Purcell, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater khẽ kêu lên, Purcell đang rất thời thượng. Mà nhạc xưa nói chung. Cả thế gian này suốt ngày nghe nhạc xưa, tôi nói đúng không ạ? Tay Auersberger lè nhè đáp: Ông nói quá đúng, ông nói quá đúng, ông nói quá đúng. Vâng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, Purcell quả là đỉnh cao của nhạc khúc và aria Anh. Đúng thế, lão nói, mắt nhìn thẳng vào tôi, một ca khúc Purcell được hát cho thật hay quả là hiếm hoi, Ông nhỉ? Bản Bolero, lạ Chúa, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chột nói, ông biết không, trước đây bản Bolero bao giờ cũng làm tôi khó chịu. Thế mà bây giờ tôi mê nó. Một môn nghệ thuật nào đó, rất có thể, đã làm ta khó chịu suốt một thời gian dài, lão nói, nhưng rồi bỗng nhiên ta lại mê nó. Quí Bà đã bao giờ gặp chuyện như thế chưa ạ, lão hỏi ả Jeannie, nhưng ả không đáp, mà lại nói - chẳng ăn nhập gì - hướng về phía lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, rằng một thời đại mới đang ập đến Nhà hát kịch Burgtheater, quả thật ả đã nói cái từ ập đến như thế, một thời đại mới đang ập đến, đánh dạt thời đại cũ, cuốn băng thời đại cũ, ả Jeannie nói với giọng châm chọc. Những tên tuổi mới sẽ xuất hiện, ả nói, những vở hoàn toàn mới sẽ được trình diễn. Phải, thì đó sẽ là điều tốt lành chứ sao, nếu nhiều tên tuổi mới sẽ xuất hiện cùng nhiều vở mới sẽ được diễn, thẳng cha Auersberger lại ê a lè nhè. Từ giã các thói quen cũ, hăc ê a, vứt bỏ các thứ

hàng sân khấu tồn kho, hàng sân khấu tồn kho, hẳn nói đi nói lại đến vài ba lần, bởi vì, tôi nghĩ bụng, cái gọi là sân khấu tồn kho ấy có vẻ làm hẳn khoái chí. Mụ Auersberger chắc hẳn cảm thấy ngượng ngùng khi nghe ông chồng say rượu của mình nói vậy, nên mụ lại lần nữa cố nâng thẳng cha Auersberger - lúc này đầu đã thụt hẳn vào chiếc áo khoác bằng dạ kiểu nhà nông - khỏi ghế bành, nhưng không nổi; tay Auersberger vẫn đủ khỏe để đập một cái vào ống chân mụ, như muốn nhắc mụ nên nhớ ai là ông chủ tại căn hộ ở ngõ Gentz này. Tôi vừa đọc quyển sách về Palladio, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chợt nói, lại chiêm ngưỡng các biệt thự Brenta. Bị bỏ quên hàng thế kỷ, lão nói, tự dừng lại thành thời thượng, thành tâm điểm chú ý của thế giới. Vâng, cái đất Tây Ban Nha ấy, lão nói, nghỉ hưu tôi sẽ đến đấy, không phải chỉ đến vài ngày như mấy năm vừa rồi, mà đến hẳn vài tháng. Với một người đã phục vụ trên sân khấu lâu như tôi, lão nói, nào nghệ sĩ hài, nào nghệ sĩ mô phỏng, nào vai chính, vai phụ, thì may mắn lớn nhất của đời tôi, là không bao giờ lấy vợ cả, may mắn lớn của một diễn viên là không lập gia đình, là được một thân một mình hiến dâng hết cho nghệ thuật, cho nghề diễn viên của mình. Tôi bao giờ cũng dư sức vươn lên trước, chưa bao giờ ốm đau mới lạ, vâng, không ốm lần nào, trừ đôi lần mệt mỏi vớ vẩn, nhờ thế tôi không bao giờ phải hủy bất kỳ buổi diễn nào, không một lần nào, trong khi các đồng nghiệp của tôi cứ hờ ra là hủy, cứ hờ ra là hủy vở diễn, dần dà thậm chí thành chứng hủy diễn hẳn hoi. Tôi chưa bao giờ thuộc loại diễn viên đồng bóng, lão nói, có lẽ tỏ ra mô phạm thì đúng hơn, nhưng không bao giờ thất thường, đồng bóng, tôi cũng không cho phép mình mệt mỏi về nghiệp vụ nghệ sĩ bao giờ. Tính ham hiểu biết có lẽ là đặc điểm đúng nhất cho con người tôi. Bao giờ tôi cũng nghiên cứu

các vai tôi đóng một cách khoa học, thế nhưng, tôi luôn luôn là người duy nhất có nhu cầu đó. Tôi không phải người ưa xa xỉ, không, hoàn toàn ngược lại. Thế nhưng cũng không phải người đơn giản, bởi bao giờ tôi cũng căm ghét sự xuề xòa. Song, xét cho cùng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, các yêu cầu, các đòi hỏi được đặt ra tại Vienna đây cho nền nghệ thuật, nhất là cho âm nhạc và sân khấu, là các yêu cầu cao nhất, cao tột đỉnh ở châu Âu, và những người đi đến các Nhà hát giao hưởng hay Nhà hát kịch ở đây, trước hết là đến Nhà hát kịch Burgtheater, lão nói, là những khán giả khó tính nhất, và nói cho cùng, cũng mang nhiều đòi hỏi nhất, nghiêm khắc nhất, hơn bất kỳ nơi nào khác trên đất châu Âu này, vâng, tôi có thể nói thẳng trên khắp thế gian này. Không ở đâu có được một diễn viên tài giỏi hơn hay một nhạc sĩ tài ba hơn ở thành phố Vienna này, đó là sự thật. Các vị cứ việc đánh xe đến đâu thì đánh, lão nói, các vị cứ ghé thăm La Scala ở Milan hay Metropolitan ở New York, hay các vị cứ đến Nhà hát Hoàng gia ở London, hoặc Comédie Française, tất cả chẳng là gì so với Vienna, tất cả, xét cho cùng, đều là hạng tài tử, hạng nghiệp dư mà thôi; đó là sự thật. Khán giả thành Vienna khó tính bậc nhất và cũng là khán giả có sở thích tinh tế nhất hạng, đối cả với sân khấu cũng như đối với âm nhạc, song, đó cũng là khán giả đáng ghét nhất, tàn nhẫn nhất đời. Tất cả những gì nền sân khấu Đức cho chúng ta xem thật đã lỗi bịch lắm rồi, thế mà nền sân khấu Anh còn ngớ ngẩn hơn nữa, nền sân khấu Pháp còn nực cười hơn bao nhiêu so với nó. Có điều, hãy liệu hồn, ai nói thẳng sự thật ấy ra ở thành Vienna này, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, người ấy coi như đã tiêu đời. Nhà hát kịch Burgtheater muốn diễn vở thế nào thì diễn, lão nói, nó vẫn không thể dở hơn những gì diễn ra trên sân khấu Đức, bất kể đó

là sân khấu nào. Không, không, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói to, ở Đức người ta cho diễn một thứ sân khấu ấu trĩ, vô duyên, và nói cho cùng, thứ sân khấu ngu ngốc mà dân Đức vẫn bị mê hoặc từ đời nào đến giờ. Sân khấu Đức bao giờ cũng yếu ớt và nghiệp dư, sự thực là như thế. Bao giờ nó cũng chỉ xu thời, luôn luôn vô hồn, đó là sự thật. Vâng, đúng thế, không chút hóm hỉnh nào. Thiếu hẳn trí tưởng tượng, đúng thế. Không chút cảm hứng, đúng thế đấy. Trên các sân khấu Đức, ta thấy diễn viên giống như các ông giáo, diễn viên hành động như các ông giáo trung học, đúng như thế. Đến một nghệ sĩ tạp kỹ hạng bét ở Vienna này vẫn còn tài giỏi hơn một diễn viên Đức nổi tiếng nhất, lão nói, đó là sự thật mười mươi. Thế nhưng các vị mà nói thẳng sự thật đó ra ở Vienna, các vị sẽ bị ném đá cho đến chết. Mọi buổi diễn vào thứ Hai hàng tuần ở Nhà hát kịch Burgtheater, hay Nhà hát Opera, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater quả quyết, đều hay hơn, tốt hơn mọi thứ trên thế giới này. Thế nhưng các vị đừng có mà nói như thế ở Vienna đây, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói. Thật là tuyệt được đóng vai Ekdal, và thành công với vai đó, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, rồi dừng nghỉ ở vai Ekdal cũng như ở thành công đó. Bởi vai kịch Anh hiện giờ tôi đang tập, tôi không còn xem là bước tiến bộ của mình nữa rồi, nó hoàn toàn chỉ là thứ không đáng kể, không phải bàn cãi nhiều, lão nói, không như vai Vua Lear. Đoạn, lão nói tiếp, âu cũng là một sự ngược đời kéo dài ra vậy. Ở mức độ nhất định, tuổi tác và sự dừng dưng đồng hành với nhau, lão nói. Song, nói gì thì nói, tôi không muốn trẻ một ngày nào nữa cả, cái đáng tởm nằm ở tuổi trẻ, chứ không nằm ở tuổi già. Quả thật tôi không muốn sống lại bất kỳ một ngày nào đã qua trong đời tôi, và tôi lấy làm mừng là chuyện đó không thể xảy ra được.

Vâng, các vị biết không, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, hướng trước hết về phía mẹ Auersberger, rồi sang ả Jeannie, người già rồi sẽ phải lòng cuộc sống hưu trí của họ, các vị cứ tin tôi đi. Dân tình tán hết chuyện này đến chuyện nọ, cười hết chuyện này đến chuyện khác, bức bối, khó chịu hết chuyện này đến chuyện kia, nhưng đều chẳng làm tôi quan tâm nữa. Ở mức độ nào đó, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, sau bấy nhiêu năm làm nghệ thuật sâu khấu, có lẽ niềm sung sướng lớn nhất bây giờ là tiếp thu nghệ thuật hưu trí. Đến đây, lúc bản Bolero vừa dứt, thì mẹ Auersberger đứng dậy, đi xuyên phòng ăn vào gian bếp để gọi đem cà phê ra cho khách. Nhân lúc mẹ Auersberger vắng mặt, ả Jeannie lại lần nữa cố làm mình nổi bật lên giữa đám đông khách khứa; ả quay sang lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater - lúc này trông đã mệt mỏi lắm rồi, đang ngồi bất động mắt nhìn dán xuống đất, ở tư thế, nói như người ta nói, một người mất hồn - và hỏi bằng cái giọng vốn thật trơ trẽn của ả, xem lão - bây giờ dù ít dù nhiều cũng sắp bước đến quãng cuối của cuộc đời - có thể khẳng định được, rằng về cuối đời, lão đã tìm thấy sự toại nguyện trong bộ môn nghệ thuật của lão hay không; vâng, ả ném đúng những lời lẽ trơ trẽn như thế cho người đàn ông già cả và mệt mỏi, một người mà suốt tối qua và đêm nay, tuy tôi chẳng có chút thiện cảm nào, nhưng chỉ xét riêng việc vừa mấy giờ trước đó thôi, ông ta còn phải đứng diễn vai Ekdal trên Nhà hát Viên Hàn lâm, thì cũng là người đáng được nương nhẹ lắm. Ông có nghĩ là về cuối đời, Ông đã thấy mãn nguyện với mình trong bộ môn nghệ thuật của Ông không ạ? - ả Jeannie hỏi lại lần nữa, như thế ả tưởng lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater lúc đầu không nghe ra ả hỏi gì vậy, mặc dù lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đương nhiên đã nghe rõ ả Jeannie hỏi

gì, và tất nhiên lão không để ngoài tai sự trơ tráo, trắng trợn của ả; rốt cuộc ả đã hỏi những ba lần Liệu Ông có nói được rằng, về cuối đời, Ông thấy mãn nguyện với bộ môn nghệ thuật của Ông không? Và rõ ràng, tôi nhận thấy ngay, rằng cả ba lần, lão không bỏ ngoài tai sự trơ tráo đó của ả; hình như mới đầu, lão diễn viên tưởng Jeannie, một người lão chỉ quen sơ sơ thôi, sẽ chẳng dám ăn nói suồng sã và bồ bã như thế với lão, và do đó sẽ để lão yên thì phải; nhưng lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đã nhầm; ả Jeannie Billroth, ngược lại, đã chẳng để lão yên, mà còn tiếp tục hỏi nhiều lần nữa, liệu lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater về cuối đời có thể nói rằng lão bằng lòng với môn nghệ thuật của mình không, rồi nài ép không chút nhượng ngùng, và hẳn sẽ chưa thôi hỏi một cách trắng trợn như thế mãi, nếu lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater rốt cuộc không lên tiếng đáp lại, hay đúng hơn là phải lên tiếng đáp lại - và kể cũng lạ, cái con người mà xét cho cùng, tôi chỉ thấy khó chịu, đáng ghét này, con người suốt buổi tôi vẫn chỉ quan sát và xem xét với sự ghê tởm trong lòng, chứ không còn tình cảm nào khác ấy - quả thực đã lên tiếng, đáp lại đích đáng bằng cách nói thẳng với ả rằng, ả đặt cho lão những câu hỏi ngu xuẩn như thế thật hết sức xác xược, bởi câu hỏi của Bà không chứa cái gì khác ngoài sự ngu xuẩn, và ả, tức là Jeannie Billroth, khó lòng có thể chờ đợi một lời đáp khôn ngoan cho câu hỏi ngu xuẩn của mình, cho câu hỏi xác xược của ả, nói theo lời lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, tôi nghĩ, Bà đã nói sai giọng rồi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói và đã toan đứng dậy, như thế lão chợt muốn cứ thế rời căn hộ tại ngõ Gentz của vợ chồng Auersberger ra về vậy, bởi cái lối căn vặn xác xược và trắng trợn của Jeannie dường như đã làm lão ngán đến tận cổ; thế nhưng, vừa lúc đó lão

nhìn thấy mẹ Auersberger cho đưa cà phê vào, nên lão lại ngồi xuống ghế bành và nói, lão thấy mình chẳng cần đáp lại loại câu hỏi như thế, loại câu hỏi trơ trẽn như thế, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đáp nguyên văn với ả Jeannie lúc này quả đang ngớ ra, và tất nhiên, đành chịu, không được nghe lão trả lời nữa. Bà lại nhả buông ra những lời hỗn xược như thế về cái gọi là đoạn cuối đời của tôi, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, cách đặt câu hỏi của Bà thật là xác xược, lão nói tiếp, Bà phơi bày cái ngu xuẩn của Bà ra trước mặt tôi như thế thật là độc địa, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, trong khi ả Jeannie đưa tay đón tách cà phê từ tay mẹ Auersberger, mà vẫn bình tĩnh, không nổi khùng lên như tôi tưởng; vào các dịp tương tự, mỗi khi ả bị lật mặt dần dần ra như thế, tôi nghĩ bụng, và như tôi vẫn nhớ, bao giờ ả cũng bật dậy, bỏ đi chỗ khác ngay, song bây giờ thì không, ả vẫn ngồi nguyên, gần như bất động, trơ bộ mặt mà ngay dưới lớp phấn dày cũng thấy đỏ ửng lên, trong khi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater - đột nhiên khỏe hẳn ra - sang sảng nói những lời đáng ngạc nhiên như sau, những lời tôi không thể ngờ lão có thể nói lên được: thật là ghê tởm khi phải chung đụng với những kẻ chỉ biết rình nghe người khác, để sau đó tìm cách hạ nhục người ta một cách đều giả, những kẻ tồn tại ở đời này, nói như lão nói, chỉ cốt để phanh phui người khác, vâng, xé người ta ra thành từng khúc, mà lại phanh phui đúng lúc nửa đêm như thế này thì lại càng đều cáng, lão nói thẳng thừng cái từ đều cáng đó ra, trong khi lão vẫn cầm tách cà phê trên tay mà không hề run - như tôi nhìn thấy và lấy làm ngạc nhiên - rồi chốc chốc lại điềm tĩnh tợp một hớp. Ta đến nhà một ai đó, trong lòng đinh ninh đây là một căn nhà thân thiện, lão nói, và trong lúc nói, lão mỗi lúc một hăng, khiến cả thẳng cha Auersberger cũng phải tỉnh

dậy, dỏng tai lắng nghe xem lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói gì, đến cả mụ Anna Schreker, lẫn hai tay nhà văn trẻ, cùng mọi người khác đều quay ra chăm chú nghe, sự chú ý của mọi người lại dồn hết vào lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater khi nghe lão dùng toàn những từ ngữ mạnh mẽ kiểu như hèn hạ, đều cáng, hỗn láo, dối trá, đê tiện, hoang tưởng, ngu ngốc, bây giờ đột nhiên sa sả dội xuống đầu đám khách dự tiếp tân ở ngõ Gentz, và nhiều nhất là lên đầu ả Jeannie; lão nói đi nói lại, rằng đặt cho lão những câu hỏi ngu xuẩn như nhân vật này vừa đặt ra, không những chỉ là vô học, mà thực sự là đều giả, vâng, nhân vật này, bỗng nhiên lão chuyển sang gọi Jeannie như thế, chính nhân vật này tôi chẳng muốn gặp tí nào, nhân vật này là nhân vật tôi đã không ưa ngay từ đầu, bởi nhân vật này là một nhân vật hết sức ngu xuẩn, tôi mà biết trước nhân vật này hôm nay cũng đến đây, thì tôi đã chẳng bao giờ nhận lời mời của của các vị, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói với vợ chồng Auersberger bằng giọng đến là hùng hổ, tôi thật sự căm ghét những kẻ như nhân vật này, những kẻ có mặt ở khắp nơi chỉ cốt để hạ nhục mọi thứ, chỉ có mặt để luôn mồm tán về nghệ thuật, nhưng lại chẳng hiểu biết mô tê gì về nghệ thuật, những kẻ tán đủ thứ chuyện, nhưng lại không biết gì về những chuyện đó, chính đây là những kẻ có lời lẽ tào lao, ăn nói dài dòng làm hỏng hết các buổi tiếp tân như thế này, sự nhạt nhẽo và vô nghĩa ấy của chúng đúng là thối ỉnh đến tận trời xanh, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói trong cơn hăng máu đã lên cao đến tột đỉnh. Vừa nhìn thấy nhân vật này ngồi ở đây, tôi đã tính, phải quay người đi khỏi nơi này ngay lập tức, song phép lịch sự không cho phép tôi hành động như thế, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, phép lịch sự, phải, phép lịch sự, lão nhắc đi nhắc lại nhiều lần, rồi ngả

người ra sau, làm tôi đã tưởng, lão muốn xả hơi, nhưng hóa ra tôi nhầm, bởi vì lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater ngồi thẳng ngay lại và đột nhiên - trong cơn ngạt thở chợt ập đến - lão nói thẳng vào mặt ả Jeannie: Bà thuộc vào số những người vì không hiểu biết gì, và cũng không có giá trị gì, cho nên đâm ra căm ghét người khác, nguyên nhân đơn giản chỉ có thế, Bà căm ghét tất cả, bởi Bà căm ghét chính cả Bà lẫn sự khốn khổ của Bà. Bà nói luôn mồm về nghệ thuật, nhưng Bà chẳng hề biết nó là gì, lão đã toan hét to lên như thế vào mặt Jeannie, nhưng do cơn ngạt thở, nên không hét lên được nữa, mà chỉ thều thào gần như không thành tiếng, trước khi lão nói tiếp Bà là một con người ngu xuẩn chuyên phá hoại mà không hề biết ngượng, rồi lão thôi, im không nói nữa. Phải thú thật, tôi lấy làm khoái trá được chứng kiến cơn thịnh nộ này của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nhằm vào ả Jeannie, bởi thật hiếm khi tôi được chứng kiến cảnh tượng một ai đó đổ vỡ, lại đổ vỡ vào một trong những thói trâng tráo của ả đầy gay gắt và sắc sảo đến nhường ấy, như phản ứng của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đây, khiến tôi - mặc dù trước sau vẫn thấy lão thật đáng thương - lúc này cũng phải nể lão. Chưa ai nói thẳng với Jeannie Billroth, rằng nói cho cùng, ả xưa nay luôn luôn là kẻ bất tài, tôi nghĩ bụng, chưa bao giờ có ai nói với ả, rằng từ lâu, ả bao giờ cũng là kẻ dần dộn nhất đời, tôi thầm nghĩ. Chưa bao giờ ả bị người khác, như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đây, nói thẳng vào mặt như thế, rằng ả đã độc địa, lại thô lỗ. Ta cảm thấy khoái trá, một khi ta tin rằng sẽ cho ai đó một bài học đích đáng, khi ta có thể bêu riếu, chê trách hẳn ta về sự hèn hạ, sự trâng tráo cũng như sự ngu xuẩn và bất tài của chính hẳn, tôi nghĩ bụng, nhất là khi ta phải chờ hàng chục năm mới được dịp làm như thế.

Chưa bao giờ có ai nói thẳng cho ả Jeannie biết, rằng ả, xét cho cùng, chỉ là một kẻ nhỏ mọn, độc địa, vâng, một kẻ mang bản tính thấp hèn mà thôi, nhưng lão diễn viên Nhà hát đã nói thẳng ra. Và tôi có cảm giác, rằng tất cả những ai được chứng kiến cơn giận của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bùng ra như thế sẽ không những chỉ lấy làm khoái trá trong chốc lát, mà còn hả lòng hả dạ khá lâu là đằng khác. Cố nhiên, họ đã không nói lộ cái cảm giác đó ra, bởi họ không có cơ gì để nói, vả lại, họ cũng không thể cho phép mình làm như vậy. Nhưng lão diễn viên có thể cho phép lão nói ra, cũng giống như tôi có thể cho phép mình, dù chỉ bằng sự im lặng thôi, bày tỏ sự tán thành với lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater về mọi điểm lão lôi ra mắng vào mặt Jeannie. Vâng, sau bấy nhiêu năm tháng, bấy nhiêu thập niên, rốt cuộc mới có một người nói thẳng sự thật vào mặt một kẻ mà hàng chục năm qua ta từng mong được nghe sự thật đó, một sự thật trước đây hẳn chưa từng nghe, chỉ vì cho đến lúc đó chưa một ai dám nói thẳng vào mặt hẳn cả, và tôi tự nhủ, chỉ riêng được nghe cái sự thật mà lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater ném thẳng vào mặt ả Jeannie ấy, bất kể sự thật đó như thế nào đi nữa, thì xét cho cùng, cũng là đáng để tôi nhận lời mời đến dự buổi dạ tiệc nghệ sĩ này lắm rồi. Cần nói thêm là lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater ngoài ra còn nói với Jeannie: Bà là một con người giả dối từ đầu đến chân, Bà rình hàng tiếng đồng hồ, chỉ chờ dịp là hạ nhục người ta, rồi lão bồi thêm Những người như Bà, đúng là những con người nguy hiểm, và tốt nhất là không nên giao lưu với hạng người như Bà. Nếu những câu nói như thế của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater không vang vang rành rọt mãi bên tai tôi, thì cho đến giờ, tôi đã chẳng dám tin vào tai mình, thế nhưng nguyên văn những lời lão

diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói ra tối hôm ấy quả là đúng y như tôi viết ra ở đây. Tôi nghĩ bụng, rất có thể là suốt cả quãng thời gian tôi chưa có mặt ở phòng hòa nhạc mà đang nấn ná trong phòng ăn, thì ả Jeannie đã buông nhiều lời trơ trẽn công kích lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, tức là đã kịp phô ra trước mặt lão cái đáng ghét của con người ả rồi, con người mà tôi từng biết rất rõ, từ cái thời mà nói cho gọn là tôi còn có quan hệ với ả. ả đã chẳng thay đổi gì. Nếu tại buổi tiếp tân nào đó mà ả không nằm ở trung tâm của sự chú ý, thì ả sẽ cố biến mình trở thành trung tâm đó, bằng cách - nếu có thể nói như thế - xúc phạm trực diện con người vốn được chọn làm trung tâm, như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đêm nay được chọn làm trung tâm cho buổi dạ tiệc nghệ sĩ vậy. Và ngay từ trước lúc tôi sang phòng ăn khá lâu, hẳn ả đã phải nhiều lần chọc giận và xúc phạm lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater lắm rồi, nếu không sẽ khó lòng hiểu được nguyên do cơn giận sôi sùng sục của lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater. Bây giờ thì tôi đã rõ nguyên nhân của các tiếng thốt lên lạ lùng, mà lúc còn ngồi ở phòng ngoài, tôi nghe lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater bật lên, nhưng chưa hiểu đầu đuôi, như ôi giờ Ekdal, hay ôi giờ Gregers, hay ôi giờ Vịt trời, tức là những tiếng kêu - như bây giờ tôi hiểu - nhằm vào ả Jeannie lúc đó đang buông lời công kích lão. Vâng ạ, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, nhóm người đứng dậy, đã toan bỏ đi, nhưng rồi lại dừng lại, dúm tách cà phê đã uống cạn vào tay mụ Auersberger lúc đó cũng vừa nhóm dậy, rồi nói tiếp: nói thật ra, thì tôi rất ghét các buổi tiếp tân kiểu như này, các buổi tụ tập mà người ta chỉ nhằm nhằm hạ thấp tất tạt những gì có ý nghĩa đối với tôi, vâng, nhấn xuống bùn đen tất tạt những gì có chút ít giá trị đối với tôi, những nơi tên tuổi tôi cũng

như danh hiệu diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater của tôi bị lợi dụng, trong khi tôi thật ra chỉ khao khát, chưa hẳn là được yên thân không thôi, mà là được người khác để cho yên thân. Vâng, tôi cứ nghĩ, giá tôi được sinh ra dưới lốt một người, khác với con người mà tôi rốt cuộc được sinh ra để đội lốt đây, và trở thành người khác hẳn với người mà rốt cuộc tôi đã thành đây, vâng, giá tôi trở thành người được thiên hạ để cho yên thân. Song, muốn được như thế, thì lẽ ra tôi không phải do bố mẹ tôi, mà phải do người khác sinh ra, và lẽ ra tôi cũng phải lớn lên trong môi trường khác, lớn lên trong môi trường thiên nhiên, như tôi vẫn mong ước, chứ không phải trong môi trường bị giam hãm, vâng, tức là lớn lên trong môi trường thiên nhiên, chứ không phải trong môi trường nhân tạo giả dối. Bởi tất cả chúng ta đều lớn lên trong môi trường nhân tạo, cùng cái điên rồ không gì chữa chạy nổi của môi trường nhân tạo đó, vâng, đúng thế, chẳng phải riêng gì tôi mới suốt đời khổ sở vì thế, *lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater thủng thảng*, mà tất cả chúng ta ở đây, *đoạn lão quay sang phía ả Jeannie, nói tiếp*, cả Bà nữa, thưa Quý Bà, con người luôn căm ghét và khinh thường tôi như Bà cũng thế thôi. *Đoạn, lão xoay người về phía tôi, nhưng không nói gì; rồi lão quay sang nói về phía thằng cha Auersberger lúc này đã say mềm và ngủ yên trên ghế bành, rằng chỉ bị sinh ra ở đời này, nói chung, đã là nỗi bất hạnh rồi, nhưng sinh ra làm một người như ông Auersberger đây, thì quả là đại bất hạnh. Đi vào thiên nhiên, đứng trong thiên nhiên đó mà hít thở, rồi mãi mãi lấy thiên nhiên làm nhà mình, lão coi những điều đó mới là niềm hạnh phúc tối thượng. Đi vào rừng, vào thật sâu trong rừng, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói, trao trọn mình cho rừng, đó vốn là niềm mơ ước từ lâu và duy nhất của lão, muốn biến chính mình thành thiên nhiên.*

Rừng, rừng đại ngàn, đồn hạ cây rừng, đó chính là mơ ước từ lâu, lão bỗng nói với vẻ bức bối, rồi muốn dứt ra về. Mặc dù mọi người ai nấy đều uống nhiều, nhưng rốt cuộc, hết như ba chục hay hai mươi lăm năm trước đây, chỉ một mình tay Auersberger là say khướt; ngồi lọt thỏm trong ghế bành, hẳn không còn hay biết rằng khách khứa đều đứng cả dậy, lục tục ra về. Trong lúc tôi cũng nhồm dậy, tôi chợt nhớ, lúc ăn cá vược, và cả sau đó, trong phòng hòa nhạc, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater cứ nói đi nói lại mãi mấy tiếng ấy: Rừng, rừng đại ngàn, đồn hạ cây rừng, những tiếng mà thoát đầu, tôi không biết lão nói với ngụ ý gì. Suốt bữa ăn, và sau đó nữa, toàn bộ sự chú ý của tôi đương nhiên không nhằm vào lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, mà dồn cả vào ả Jeannie Billroth; trong lúc ăn, tôi đã gần như không rời mắt khỏi ả Jeannie, và phần lớn thời gian hoàn toàn không để ý nghe xem lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói những gì, chỉ thỉnh thoảng mới nghe được nửa câu, chứ - nói cho đúng ra - có bao giờ nghe trọn một câu lão nói đâu; vả lại, tôi cũng chẳng hề để tâm đến những gì lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói trong bữa ăn, mãi lúc sau, trong phòng hòa nhạc, tức là sau khi lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đã uống quá lượng rượu có thể nói là có lợi cho lão, thì lão ta mới trở nên thú vị đối với tôi, bởi vì trong quãng thời gian đó, bây giờ tôi nghĩ lại, lão hoàn toàn thay đổi; tất tật những gì lão nói lúc còn ở phòng ăn đều là chuyện vớ vẩn, nhảm nhí, ba hoa chích chòe ta vẫn quen nghe từ miệng các diễn viên đã luống tuổi, đã về vườn, những người tôi bao giờ cũng tránh mặt, bởi không thể nào nghe lọt tai những gì họ nói, bởi cái gọi là trí tuệ của tuổi già - mà nói đúng ra, chỉ là tính khí nhỏ nhen đáng ghét của tuổi già, cũng tức là sự ngu xuẩn của tuổi già ấy - bao giờ cũng làm tôi

khó chịu. Tội diễn viên già chỉ tuyên làm mình khó chịu, tôi vẫn thường nghĩ như thế, và bao giờ tôi cũng tự ngăn mình không hề đàn đúm với họ; thế nhưng, lúc lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đã quá chén, thì lão ta bỗng trở nên thú vị, nhờ sự thay đổi diễn ra ở con người lão, và cái triết lý tuổi già đáng để ý bỗng lộ ra từ bên trong con người lão khi lão bắt đầu bắt đầu nói đi nói lại như một điệp khúc: Rừng, rừng đại ngàn, đốn hạ cây rừng, những tiếng mà như bây giờ tôi hiểu, đã trở thành phương châm sống, không những của một mình lão, mà của vô số những người khác nữa; vâng, đến cuối buổi dạ tiệc nghệ sĩ này, tôi sức hiểu lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater muốn nói gì qua các phương châm sống đó của lão, các phương châm lão tự nhắc đi nhắc lại với chính mình, với người khác, vâng, với tất cả mọi người, nên tôi bắt đầu lắng nghe lão; đúng thế, tôi nghĩ bụng, con người mới đầu tôi chẳng thêm để ý, con người, như tôi đã nói, chỉ làm tôi khó chịu ấy, đột nhiên trở nên thật thú vị, và dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn về cuối này thôi, lão thu hút toàn bộ sự chú ý của tôi, vâng, đúng vậy, tôi đột nhiên chẳng còn muốn nghe xem ả Jeannie Billroth hay mẹ Anna Schreker nói gì, mà chỉ còn chăm chú nghe những lời lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói ra nữa mà thôi, bởi thế, tôi cũng quay lưng lại với ả Jeannie lẫn mẹ Schreker, để quay hẳn mặt về phía lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, ấy là chưa kể quay lưng lại với những người khác trong dạ tiệc nghệ sĩ này, những người ngay từ đầu tôi đã chẳng thêm để tâm, những người tôi không lắng nghe lấy một lần, đến một phần nhỏ những gì họ nói với nhau, tôi thậm chí nghĩ. Lão già ba hoa lúc đầu, một người thoát tiên có vẻ chỉ muốn gây ấn tượng bằng dăm ba chuyện cười thoải mái cùng đôi ba giai thoại cũ rích, trong buổi dạ tiệc nghệ sĩ này dần dần

biến thành một nhân vật thú vị, vâng, thậm chí thành nhân vật triết lý của dạ tiệc nghệ sĩ này, tôi nghĩ bụng và tự nhủ, một hiện tượng như thế ít khi ta thấy ở số đông người, mà chỉ thỉnh thoảng mới thấy ở đôi người lớn tuổi, những người lúc đầu có vẻ chỉ là kẻ ba hoa đáng ghét, hoặc kẻ chuyên kể chuyện tiểu lâm và giai thoại làm quà cho thiên hạ mà thôi - giống như thói quen của đám dân diễn hình gọi là dân nghệ sĩ và trí thức thành Vienna - song, dần dà, qua một buổi tối, qua một buổi dạ tiệc như buổi dạ tiệc nghệ sĩ tại nhà vợ chồng Auersberger ở ngõ Gentz này, họ ít nhiều chuyển thành các triết gia, vâng, những người thoát đầu tưởng như chỉ khiến người khác chú ý nhờ cái lỗ lã, cái ngu xuẩn và cung cách khoa trương khệnh khạng của họ, dần dần, sau khi họ đã nốc quá chén, đột nhiên biến sự ghê tởm ta vốn dành cho họ thành một thứ cảm tình mến mộ, bởi vì họ bỗng dưng đưa một yếu tố đáng gọi là yếu tố trí tuệ, nếu không nói là yếu tố triết lý nào đó, vào cuộc chơi. Thì lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đây thôi, tôi nghĩ, thoát đầu lão xuất hiện trong tư cách một diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater chứ chẳng phải dưới tư cách nào khác cả, và cũng trong tư cách diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đó - nghĩa là trong tư cách một hình nhân đến là gớm guốc đối với tôi - lão lại còn xơi món cá gọi là món cá vượt đích thực của lão nữa chứ, vâng, suốt quãng thời gian xơi xá vượt, lão chỉ nổi lên ở vai một kẻ đáng ghê tởm trước mắt tôi thôi, thế mà sau khi lão xơi xong món cá vượt, hút vài ba điếu xì gà và uống cạn đôi ly vang trắng, đột nhiên lão biến thành một con người của trí tuệ, vâng, thậm chí, con người của triết lý, vâng, tức là, từ một hình nhân đáng tởm thành một con người triết lý, từ một hình nhân thành một con người, nghĩa là đúng theo chiều ngược lại với chiều hướng thông thường. Theo chiều hướng

thông thường, lúc đầu họ còn tự thể hiện mình là con người, nhưng về sau, không làm sao khác được cả - đúng thế, sau khi đã ăn no, uống say, thì họ tự biến mình thành các hình nhân đáng tởm; đây là quá trình ta quan sát thấy hàng ngày, khi ta gặp ai đó tại một buổi tiếp tân và những người này dần dần tự biến thành những hình nhân góm guốc và đáng tởm; họ cũng như toàn bộ đám khách khứa buổi tiếp tân, khi càng tọng nhiều vào bụng, càng nốc nhiều vào dạ, thì như ta đã biết, họ càng tự làm mình trở nên góm guốc, đáng tởm. Đêm hôm nay, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater lại hóa thân đúng theo hướng ngược lại; tuy không hẳn đã thật sự từ kẻ ba hoa thành nhà triết học, nhưng rõ ràng, lão đã từ một hình nhân đáng tởm biến thành con người triết lý. Rốt cục, con người ấy, con người suốt buổi đã làm tôi ghê tởm, căm ghét, con người mà chỉ riêng những lời ba hoa khoác lác của hắn thôi đã đủ làm tôi cău tiết, thậm chí nổi xung lên ấy, đã thu phục tôi, vâng, nói như người ta vẫn nói, không bị con người đó làm cho ghê tởm và nổi cáu nữa, mà thu phục, trái ngược hẳn với ả Jeannie Billroth, là người như tôi có thể cầm chắc, mới đầu đã bị lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater thu phục, rồi sau đó, từng bước từng bước, trong lúc ăn cá vược, mới nổi xung lên và quay ra căm giận lão. Rốt cuộc là tôi bị lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater thu phục, còn ả Jeannie Billroth lại quay ra căm ghét lão, riêng điều đó thôi, đã đủ nói lên tất cả. Cái cách lão nói mấy tiếng Rừng, rừng đại ngàn, đốn hạ cây rừng ấy không phải là những lời đa cảm của tuổi già, mà là những lời sáng suốt, tôi thầm nghĩ. Cái cách lão đáp trả ả Jeannie có thể mang nhiều ý nghĩa, nhưng nhất thiết không có nghĩa già nua, càng không có nghĩa xu thời, tôi nghĩ bụng. Suốt cả một bữa ăn đêm dài, ta ngồi chung bàn với một kẻ thuộc loại bù nhìn nghệ thuật của

thành Vienna, một trong số những nghệ sĩ giả hiệu đòi bại ta có thể gặp, có thể quen biết hàng trăm tại thành phố này, cũng như những nhà họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà văn, nhạc sĩ hay diễn viên đáng ghét của thành Vienna, tức là, các nghệ sĩ tinh lẻ ở thành Vienna; đã thế, ta lại còn ngồi đối diện với đúng một tay diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, tức là đối diện với nguyên mẫu của tất cả các loại bù nhìn nghệ thuật lẫn nghệ sĩ giả hiệu thành Vienna đó, xét cho cùng, đúng là một bữa ăn xui xẻo và vô nghĩa của vợ chồng nhà Auersberger; thế mà bỗng dưng ta phát hiện ra rằng con người ngay từ đầu chỉ làm ta hãi hùng và rối cuộc chỉ làm ta ghê tởm, đột nhiên trở thành một người triết lý khiến ta phải để tâm, vâng - có thể nói như thế được - trở thành một triết gia tức thời khiến ta phải tò mò hứng thú. Tất nhiên, sẽ là không đúng, nếu bảo rằng người già nào cũng là nhà triết học, thế nhưng bảo họ là những con người triết lý thì đúng; tôi không biết lời khẳng định nào ngu xuẩn hơn lời khẳng định, cho rằng mọi người già đều là các triết gia, nhưng họ, theo lẽ tự nhiên, ai nấy đều mang thiên hướng triết lý, và nói chung, người già thỉnh thoảng vẫn triết lý, ít nhất là trong vài giây khắc, hoặc ít nhất cũng biến mình thành một người triết lý tức thời, như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater này cũng vậy, trong buổi dạ tiệc nghệ sĩ lão được thôi thúc hay bị lôi kéo - bởi lý do nào cũng vậy thôi - phải tức thời triết lý, vâng, phải trở thành triết gia tức thời. Chỉ sáng ra thôi, là lão sẽ tỉnh rượu, và lão sẽ trở lại thành kẻ dằn độn đốn mạt, trở lại thành kẻ không ai chịu nổi mà ta đã quen, tôi nghĩ bụng. Chính một trong những buổi tiếp tân, như buổi tiếp tân diễn ra đêm nay tại ngõ Gentz này, đã có tác động lên lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, biến lão thành vị triết gia tức thời, chứ tất nhiên, tôi thầm nghĩ, không tác động lên những người

khác, những người chẳng bao giờ chịu tác động mang tính triết lý nào. Không tác động lên vợ chồng Auersberger, cũng không tác động lên mẹ Anna Schreker, lên những người khác lại càng không - nhất là lên hai chàng văn sĩ trẻ tuổi, những người chỉ xét riêng về tuổi tác của họ thôi, đã chưa thể có khả năng triết lý rồi. Để có được khả năng triết lý, có thể nói vậy, con người ta phải mang theo mình một thứ kinh nghiệm sống lùì khá sâu vào lịch sử và luôn luôn được bồi đắp bởi chính lịch sử đó, tôi thầm nghĩ, đó là khả năng lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater mang trong người, bởi đó là khả năng của người già, nhất là của những ai đã rất già, và tôi nghĩ, suốt đời tôi, tôi dành nhiều sự quan tâm người già và người rất già, tôi luôn tìm các mối giao lưu với giới già và rất già nhiều hơn là với giới trẻ, thường chung đụng với đám lão niên nhiều hơn với đám trẻ; đạo đó, lúc tôi còn trẻ, chính tôi đã thuộc vào giới trẻ, chứ chưa thuộc giới già, tôi nghĩ bụng, cho nên tôi quan tâm đến giới già, chứ không màng đến giới trẻ. Mọi cho hết mọi thứ của tuổi già, bao giờ tôi cũng chỉ nhắm nhắm như thế, cốt kiếm được từ họ những điều bổ ích nhất, và tôi chẳng ngại ngừng gì để nói trắng ra là nhờ thế mà tôi kiếm được nhiều lợi lộc nhất. Tuổi già đã luôn luôn thu hút sự tò mò của tôi, chứ không phải tuổi trẻ, là lứa tuổi tôi tưởng tượng, tôi nghĩ bụng. Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, tôi cảm thấy như thế, là một người luôn luôn tự mình vùi dập, kìm nén cái thiên hướng triết học, vốn hình thành và nảy nở trong con người lão, nảy nở dần dần và từng bước theo thời gian, cũng như cùng các sự kiện xảy ra trong suốt cuộc đời lão. Chính thế, chúng ta hầu như chỉ động chạm, tiếp xúc với rất những người kìm nén, vùi dập thiên hướng hay năng lực triết học của họ, đè nén, vùi dập mãi cho đến khi thiên hướng hay năng lực đó thui chột,

rồi chết hẳn. Chỉ thỉnh thoảng lắm, ta mới có cơ hội nhận ra thiên hướng triết học đó, trong lòng, hay trên con người họ, như trong buổi ăn đêm nay, tôi nhận thấy ở lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, chứ chính lão chưa chắc đã nhận thấy đâu, tôi nghĩ bụng, bởi tự lão cũng chẳng hay biết tí ti gì về thiên hướng đó của mình. Lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, tôi nghĩ bụng, chỉ riêng cái lối lão lên giọng, rồi sau đó cứ nhắc đi nhắc lại mãi mấy tiếng: Rừng, rừng đại ngàn, đốn hạ cây rừng ấy thôi, đã bất ngờ làm tôi say mê lão. Song, điều đó không có nghĩa là bây giờ tôi đâm ra có thiện cảm với lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đâu. Đối với tôi, xét cho cùng, lão vẫn chỉ là con người mang cái vỏ hời hợt của sân khấu không hơn không kém mà ngay từ đầu tôi đã không hề có chút thiện cảm nào. Chỉ riêng cái lối lão tạm biệt và hôn tay mẹ Auersberger theo cung cách Nhà hát kịch rất Áo thôi, đã làm tôi thấy tởm lợm rồi. Lại thêm cái lối lão buông lời khen ả Jeannie Billroth nữa chứ, một lời khen đến là thừa thãi và vớ vẩn, lại trâng tráo, vâng, khi lão hôn tay ả rồi mở mồm nói: lão rất thích sự cả gan mang tính trí thức của ả, đúng như thế đấy, nguyên văn lời lão nói: tôi rất ưa sự cả gan mang tính trí thức của Bà, thì đối với tôi, lão đã biến trở lại thành một con người đáng ghét và một diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đáng tởm, như ngay từ đầu tôi đã thấy ghét thấy tởm. Tôi cũng đã uống nhiều, vượt ngưỡng của bản thân, tôi thăm nghĩ, nhưng dù sao cũng chưa nhiều như lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater đã uống, chứ nói gì đến thằng cha Auersberger tận lúc này còn chẳng tỉnh được giấc, lúc cả bọn rời ngõ Gentz ra về; kể cả hai chàng văn sĩ trẻ tuổi - hai người vốn chỉ luôn mồm làm nhảm về sự ngang ngạnh ở đời của họ, nhưng lại không nói được họ ngang ngạnh chống lại cái gì - cũng đã say mèm và khó nhọc

lắm mới nhắc nỗi người khỏi ghế. Cuối cùng chỉ còn mình lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater là đủ sức rút lui một cách không những dàng hoàng - vâng, có thể nói như thế - mà còn lịch sự khỏi ngõ Gentz, chứ mọi người khác đều không đủ sức như thế nữa rồi. Món cá vược quả là rất tuyệt, lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater nói với mẹ Auersberger ở phút chót, rồi tự mình theo các bậc thang ở gian nhà ngoài xuống đường, trong khi mẹ Auersberger đứng trở mắt nhìn theo. Đứng ở trên, tức là ở cửa ra vào căn hộ, nhìn lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater theo cầu thang đi xuống, tôi nghĩ, đến loạng choạng lão cũng không nữa là. Bởi vì bao giờ tôi cũng muốn một mình rời khỏi các buổi tiếp tân, cho nên tôi cứ đứng ở cửa, tức là đứng bên mẹ Auersberger, chờ cho mọi người theo nhau xuống cầu thang hết. Họ đi hết rồi, tôi mới nói với mẹ Auersberger - âu cũng là để một lần nhắc đến Joana - vâng, quả là một ngày đáng buồn, phải không ạ? Có lẽ tự tử lại là điều tốt nhất cho cô ấy, tôi nói, có lẽ đây cũng là thời điểm tốt nhất cho cô ấy ra đi như thế, tôi nói với mẹ Auersberger, và tôi biết rất rõ câu mình vừa tuôn ra đó đáng hổ thẹn biết chừng nào, tôi hiểu rất tường tận cái đáng ghê đáng tởm trong câu thường vẫn được nói ra mỗi khi có ai tự tử đó. Ta thường vẫn muốn nói điều gì đó thỏa đáng, tôi thoáng nghĩ, nhưng rồi cuộc, bao giờ cũng thốt ra rất những lời tuyệt nhiên không thỏa đáng, thậm chí còn đáng hổ thẹn, đáng ghét, và ngu xuẩn. Liệu cô ấy còn nhận được gì nữa, nếu tiếp tục sống mới được chứ, tôi lại còn nói như thế nữa, tức là thêm một lần đáng hổ thẹn, thêm một lời đáng tởm. Ai cũng được phép làm cái gì mình thích, tôi nói tiếp, và như thế, lại buột thêm ra một điều đáng hổ thẹn và đáng tởm lợm. Thôi, tốt nhất là không nói gì nữa hết. Tôi theo cầu thang đi xuống, đi theo lối như thế tôi chỉ mới hai mươi, nghĩa

là bước hai, ba bậc liền. Xuống đến đường rồi, tôi tự nhủ, thật là vớ vẩn khi tôi hôn lên trán mẹ Auersberger để chia tay mẹ, cũng vớ vẩn y như ba chục năm trước, vào những năm năm mươi, dạo tôi vẫn thường hôn lên trán mẹ; sự thật đó làm tôi bức bối suốt cả đoạn từ ngõ Gentz vào trung tâm thành phố. Suốt hai chục năm qua, tôi không gặp lại mẹ Auersberger lấy một lần, và xét cho cùng, thì tôi căm ghét mẹ, tôi phải nói vậy, thế mà tôi lại đi hôn lên trán mẹ lúc chia tay. Người hôn lên trán mẹ, cũng may là chỉ hôn trán, tôi tự nhủ suốt cả thời gian đi xuyên qua phố xá còn tối om, và trong bụng cứ tức anh ách. Rồi tôi nghĩ bụng, giá lúc này, tôi cùng mọi người khác đi khỏi đây, thì có phải mình đã tránh được hành động đáng hổ thẹn này không. Thế nhưng tôi đã không muốn đi cùng với mọi người, trước hết là vì tôi đã không muốn một lần nữa phải chạm trán với ả Jeannie Billroth, chạm trán đối mặt ngay ngoài phố, lại đúng vào thời khắc này; bởi vì đã cùng đi với ả trên phố thì chắc chắn sẽ xảy ra một trận cãi nhau to, hẳn tôi sẽ phải nói với ả quá nhiều, sẽ phải chỉ trích ả quá nhiều, sẽ phải xúc phạm ả quá nhiều, tôi nghĩ bụng, cũng như ngược lại, cho nên, âu cũng là may mắn cho tôi, là đã dừng lại ở bên trên, trong gian tiền sảnh, để mọi người khác đi xuống trước; đúng rồi, đứng lại với mẹ Auersberger chắc chắn còn dễ chịu hơn là đi cùng ả Jeannie, tôi nghĩ bụng, đi một mình với Jeannie ngoài phố chắc chắn, đối với tôi, sẽ là một tai họa, tôi tự nhủ, còn đứng với mẹ Auersberger ở gian tiền sảnh, chắc chắn, sẽ dễ chịu hơn; thế nhưng, bây giờ tôi lại tự xỉ vả mình, vì đã hôn lên trán mẹ Auersberger, sau hai chục năm, thậm chí hai mươi hai, hay hai mươi ba năm, tôi chỉ một lòng căm ghét mẹ, căm ghét ngang với lòng căm ghét mà bấy nhiêu năm qua tôi dành cho chồng mẹ, vâng, tôi tự nguyện rửa mình, vì đã thế, tôi lại còn nói dối

mụ, bảo với mụ, rằng cái buổi dạ tiệc nghệ sĩ này đã làm tôi rất khoan khoái, trong khi thực ra, nó chỉ làm tôi ghê tởm mà thôi. Để thoát khỏi một tình huống khó khăn nào đấy, tôi thầm nghĩ, đôi khi ta cũng dối trá, y như những kẻ ta vẫn luôn muốn lên án, và không ngớt bêu xấu, khinh thường họ vâng, sự thật là như thế; chúng ta chẳng hề tốt đẹp hơn những người như thế, những người ta lúc nào cũng cảm thấy ghê tởm và đáng ghét, coi họ là những kẻ gớm guốc đó, và ta muốn càng ít dính dáng đến họ càng hay, trong khi đúng ra, nếu trung thực mà thừa nhận, thì ta giống y hệt họ, và bao giờ cũng dây mơ rễ má với họ. Ta lên án họ bằng đủ lời ghê tởm và đáng ghét, nhưng chính bản thân, ta không những cũng đáng ghê tởm và đáng ghét không kém, mà thậm chí, tôi nghĩ bụng, còn đáng ghê tởm và đáng ghét hơn họ nhiều. Tôi nói với mụ Auersberger, rằng tôi thật vui mừng được nối lại liên lạc với họ, với vợ chồng Auersberger, sau hai chục năm lại được sum họp ở ngõ Gentz, và trong lúc nói như thế, tôi đã nghĩ mình là kẻ đều cáng và dối trá biết chừng nào, một kẻ không biết sợ, không biết chùn bước trước bất cứ hành động tồi tệ nào, kể cả hành động buông lời nói dối một cách hèn hạ như thế. Lúc đứng phía trên, trước cửa ra vào, miệng tôi nói với mụ Auersberger là tôi rất hâm mộ lão diễn viên Nhà hát kịch Burgtheater, là tôi rất quý mụ Anna Schreker, đến như hai văn sĩ trẻ và hai cậu kỹ sư tương lai tôi cũng rất mến, vâng, tôi nói như thế - mắt không rời đám khách khứa đang theo nhau xuống cầu thang - nhưng trong lòng chỉ thấy căm ghét tất cả bọn họ, và cũng trong lúc nhìn bọn họ đi xuống như thế, tôi còn mở miệng nói với mụ Auersberger, tôi thấy tất cả bọn họ đều thật đáng mến. Trong lúc đứng chuyện trò với mụ Auersberger, tôi đã nghĩ, làm sao mà tôi lại có thể trí trá đến mức hèn hạ như thế, làm sao tôi có thể

nhơn nhơn dối trá ngay trước mặt mẹ ta như thế, chỉ vì tôi muốn dễ chịu hơn cho mình, làm sao tôi lại có thể nói thẳng vào mặt mẹ ta những điều hoàn toàn trái ngược với những gì tôi đang nghĩ trong lòng, không những thế, tôi lại còn nói thẳng vào mặt mẹ, rằng tôi lấy làm tiếc tối hôm nay không được nghe mẹ hát, không được nghe những ca khúc Purcell mà bao giờ mẹ cũng hát rất hay, rất tuyệt vời và độc đáo nhất ấy, rằng tôi cũng rất lấy làm tiếc vì suốt hai chục năm qua tôi đã để cho mối liên lạc với mẹ cùng chồng mẹ, với anh Auersberger, bị gián đoạn - một điều dối trá không hơn không kém, và thật sự, đó là một trong những lời nói dối đều cáng và hèn hạ nhất của tôi. Rồi tôi còn nói thêm, rằng tôi rất lấy làm tiếc vì Joana tối qua đã không thể có mặt, và rất có thể, đó sẽ là điều rất hợp ý Joana, nếu chúng ta, tức là tôi và vợ chồng Auersberger, từ nay - do tôi từ London trở về, tuy không về hẳn, nhưng dù sao cũng về một thời gian dài - sẽ nối lại liên lạc với nhau và gìn giữ mối liên lạc đó về sau, phải, tôi đã ném thẳng những lời dối trá như thế vào mặt mẹ Auersberger - như tôi đã kể ở trên - khi tôi đứng với mẹ Auersberger ở cửa ra vào, và khi mọi người khi ra về đều có thể nghe rõ. Joana rốt cuộc phải qua đời, phải tự tử để chúng ta mới lại đoàn tụ, tôi còn nói như thế với mẹ Auersberger, trước khi ôm lấy mẹ và như đã nói, hôn lên trán mẹ, rồi theo các bậc thang đi xuống phố, và từ đó, hành hạ dẫn dắt mình với ý nghĩ, rằng mọi lời mình nói ra với mẹ Auersberger chỉ là những lời dối trá mà thôi, rằng tôi đã cố tình nói ra tất cả những lời dối trá đó. Bởi vì thật ra sau buổi dạ tiệc nghệ sĩ này, tôi vẫn căm ghét mẹ Auersberger hệt như trước đây đã từng căm ghét cả mẹ lẫn thẳng cha Auersberger chồng mẹ - tay Novalis của âm thanh, và suốt từ những năm năm mươi đến giờ, vẫn chỉ dừng ở mức kẻ kế thừa Webern mà

thôi ấy - dù lòng căm ghét dành cho mẹ có sâu sắc hơn lòng căm ghét dành cho tay chồng, nhưng gộp chung lại vẫn là lòng căm ghét vợ chồng Auersberger, mà tính đến giờ, tôi đã căm ghét vợ chồng Auersberger trọn hai chục năm, tôi nghĩ bụng; hồi đó, hai chục năm về trước, chúng đã lừa dối tôi, đã nói xấu tôi một cách hèn hạ, đã hạ nhục tôi trước mặt bàn dân thiên hạ, đã bôi xấu tôi trong mọi tình huống, sau khi tôi rời bỏ chúng, cốt chỉ để thoát thân, cốt chỉ để không bị chúng ăn tươi nuốt sống, sau khi tôi quay lưng với chúng, chứ không phải chúng quay lưng với tôi, như chúng đã từng và đến giờ vẫn rêu rao suốt hai chục năm qua và cho đến tận giờ vẫn khẳng khẳng quả quyết tôi đã lợi dụng chúng, còn chúng hàng năm trời liền đã phải cưu mang tôi, rằng chúng đã nuôi sống tôi hàng bao nhiêu năm, trong khi sự thật là tôi đã nuôi sống chúng, tôi đã cứu vớt chúng, là tôi đã cưu mang chúng, tuy không phải bằng tiền bạc thật, mà bằng các năng lực của tôi; và tôi cứ đi mãi qua các góc ngách phố phường, như thể đang trốn chạy một cơn ác mộng, mỗi lúc một nhanh, mỗi lúc một gấp vào trung tâm, và trong lúc đi như thế, tôi không biết tại sao tôi lại đi vào trung tâm, bởi đúng ra, nếu muốn về nhà, tôi đã phải đi ngược hướng vào trung tâm mới đúng, song, có lẽ lúc này tôi cũng chẳng muốn về nhà, tôi tự nhủ, giá nốt cả mùa đông này tôi ở lại London có hơn không, vâng, bây giờ đã là bốn giờ sáng và tôi đi vào trung tâm, mặc dù nhẽ ra tôi phải về nhà, và tôi, trong khi bụng bảo dạ, nhẽ ra mình nên ở lại London mới đúng, thì lại đâm đầu đi vào trung tâm, mà chẳng rõ tại sao vào trung tâm chứ không về nhà, rồi tôi lại tự nhủ, London bao giờ cũng mang may mắn đến cho tôi, còn Vienna thì chỉ mang đến niềm bất hạnh, và tôi cứ tiếp tục đi, đi mãi, đi mãi, như thế lúc này, vào những năm tám mươi đây, tôi đang một lần nữa chạy

trốn khỏi các năm năm mươi để bước vào các năm tám mươi vậy, bước vào những năm tám mươi nguy hiểm, nhu nhược và điên rồ, và tôi lại nghĩ, thay vì vác mặt đến buổi dạ tiệc nghệ sĩ vô duyên đó, nhẽ ra tôi ở nhà ngồi đọc Gogol, hay Pascal, hoặc Montaigne của tôi thì hơn, rồi trong lúc bước đi, trong đầu tôi lại nghĩ, tôi đang trốn chạy cơn ác mộng mang tên Auersberger, và quả thực, tôi bước đi mỗi lúc một hăng hái rời xa cơn ác mộng đó vào trung tâm, đồng thời thầm nghĩ trong lúc bước đi, rằng cái thành phố tôi đang đi qua đây, cho dù nó có tồi tệ như tôi nghĩ hay như tôi vẫn từng nghĩ đi nữa, nó vẫn là thành phố tốt đẹp nhất của tôi, phải, cái thành Vienna đáng ghét, luôn luôn đáng ghét đối với tôi này, bỗng dưng trở lại là thành phố tốt đẹp nhất, thành Vienna tốt đẹp nhất của đời tôi, rằng những con người này, những con người tôi đã và sẽ luôn luôn căm ghét, hóa ra lại là những con người tốt nhất trên đời, rằng tôi căm ghét những con người này, nhưng cũng lại thấy họ thật đáng mến, rằng tôi căm ghét thành Vienna, nhưng lại thấy nó hóa ra rất đáng yêu, rằng tôi nguyên rủa những con người này, nhưng lại vẫn yêu mến họ, rằng tôi căm ghét thành Vienna, nhưng vẫn phải yêu quý nó, và đến khi tôi đã vào đến trung tâm, tôi lại nghĩ, cái thành phố này hóa ra lại là thành phố của tôi, và sẽ mãi mãi là thành phố của tôi, cũng như những con người này là những con người của tôi, mãi mãi sẽ là của tôi, và tôi cứ đi, đi mãi, với ý nghĩ trong đầu, rằng tôi đã thoát khỏi buổi dạ tiệc nghệ sĩ kinh khủng tại ngõ Gentz, cũng như tôi đã từng thoát khỏi bao nhiêu thứ kinh khủng khác ở đời, và tôi sẽ viết về cái gọi là buổi dạ tiệc nghệ sĩ ở ngõ Gentz này, tuy chưa biết sẽ viết về cái gì, chỉ biết tôi sẽ viết một cái gì đó về nó, thế rồi tôi vẫn bước đi, đi mãi, và lại chợt nghĩ bụng, không, tôi sẽ viết ngay về cái gọi là buổi dạ tiệc nghệ sĩ

này, bất kể là viết về cái gì, miễn là phải viết ngay, viết ngay lập tức, về cái buổi dạ tiệc nghệ sĩ ở ngõ Gentz này, và trong lúc tôi đi qua trung tâm, ý nghĩ đó cứ quanh đi quẩn lại mãi, viết ngay, viết lập tức, kéo muộn.*